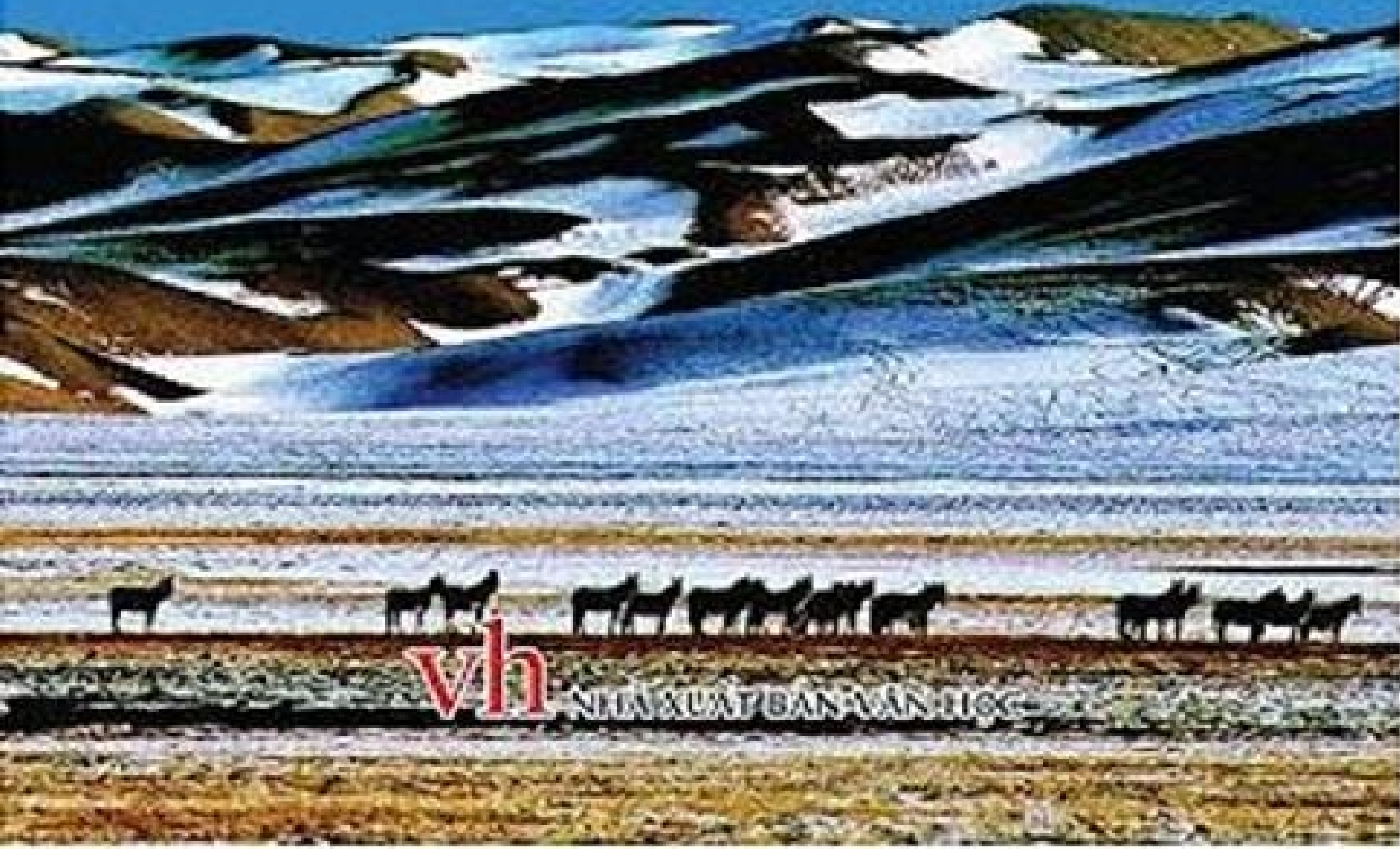
James Hilton

Đường chân trời đã mất



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

LỜI GIỚI THIỆU

Một câu chuyện đọc xong người đọc phải phân vân suy nghĩ.

Một câu chuyện về một chiếc máy bay di tản bị cướp đi đưa bốn người về một tu viện Lama ở vùng núi cao Tây Tạng.

Hay đúng hơn câu chuyện về một con người Conway, ba mươi tư tuổi, công tác tại lãnh sự quán Anh ở Baskul (Ấn Độ), một người có sức hấp dẫn kỳ lạ. Ai đã gặp anh một lần cũng phải nhớ mãi.

Anh có một thời sinh viên sôi động, đại diện thể thao của Trường Đại học Oxford, đã giành hầu hết các giải của Nhà trường, khiến một giáo sư giàu tình cảm đã tặng anh danh hiệu Vinh quang: *Conway Vinh quang*.

Cuộc chiến tranh 1914-1918 đã chen ngang vào cuộc đời anh. Cũng như hàng triệu người khác, anh bị nó lôi cuốn vào cuộc bắn giết, sợ hãi, điên dại phóng đãng... Anh ra khỏi cuộc chiến tranh không thương tật, nhưng thực tế thương tật ở bên trong.

Sau chiến tranh anh trở về giảng dạy ở Trường Đại học Oxford hai năm, rồi đi làm công tác ở Bộ Ngoại giao vì anh biết nhiều ngôn ngữ Đông Phương.

Anh là một con người thấy việc cần làm thì đem hết sức mình ra làm, chứ không vì cái tiếng anh hùng. Một con người không chuộng hình thức, người ta thường nghĩ anh biếng nhác, thực ra chỉ vì anh không muốn ganh đua, không muốn xô đẩy người khác để mình tiến lên. Do vậy, trên đường đời không bao giờ anh được món bở mà thường chỉ bị đẩy đi đến những nơi

xa xôi hẻo lánh. Tuy nhiên, anh vẫn không thấy buồn, trái lại còn có phần vui vì như vậy đã tránh được cuộc sống đầy cạnh tranh, chen lấn của xã hội đương thời.

Chính với tâm trạng trên, khi bị bắt cóc đưa lên một tu viện Lama xây dựng ở lưng chừng trời, bên mép một dãy núi hoang vu ở Tây Tạng, anh đã gặp Lama tu viện trưởng và đã bị ông thuyết phục đến mức muốn ở lại đây để làm tu sĩ. Và chỉ ít lâu sau anh được tu viện trưởng trước khi chết đã cho anh kế vị.

Nhưng vì bổn phận đối với Mallinson, viên phó lãnh sự cùng đi, một thanh niên có gia đình thân thuộc, có người yêu ở London, nên anh này nhất thiết đòi về. Và có lẽ còn vì Lo-Tsen, một nữ tu sĩ đã nhiều tuổi lắm rồi, song trông cô vẫn còn trẻ, coi như mới chỉ mười bảy, mười tám tuổi, như lúc cô mới đến tu viện Lama. Conway đã yêu cô, một tình yêu không đòi hỏi được đáp lại, yêu cái thanh tú mảnh mai, và anh không ngờ Mallinson đã thuyết phục được Lo-Tsen thu xếp cùng trở về.

Hai người cần có Conway là người có thể giúp đỡ họ vượt qua những khó khăn đầy rẫy trên đường.

Vì bổn phận và vì yêu hai người, nên anh đã nhận lời đưa họ trở về…

Conway không hề kể lại cho bạn bè nghe về câu chuyện trở về này, nên chỉ biết do ngẫu nhiên mà một người bạn anh đã gặp được anh đang nằm tại một bệnh viện của Hội truyền giáo ở Trùng Khánh: Lúc này anh đã mất hết trí nhớ. Bạn anh đã ở lại chăm sóc cho anh hồi phục được trí nhớ rồi đưa anh về London. Nhưng giữa đường, anh đã lẩn đi, dường như để tìm đường trở lại tu viện Lama, khiến bạn anh đã mất bao công sức đi hàng ngàn dặm đường, đi khắp nơi để tìm anh. Liệu anh có tìm được đường trở về tu viện Shangri-La ở Tây Tạng không? Đó là điều khó hiểu.

Mở đầu

Mấy điếu xì gà cháy đã gần tàn, chúng tôi bắt đầu phần nào cảm thấy nỗi thất vọng, cái cảm giác vẫn thường đến với những người trước kia đều là bạn học, giờ đây đã lớn tuổi gặp lại nhau, và thấy giữa họ không còn nhiều điều chung như họ vẫn tưởng. Rutherford đã trở thành nhà văn chuyên viết tiểu thuyết. Wyland là một Bí thư Sứ quán, anh ta vừa thết đãi chúng tôi một bữa tối tại Tempelhof, bữa ăn chẳng có gì là vui vẻ lắm, tôi nghĩ vậy, nhưng có cái không khí trầm tĩnh vẫn thường thấy ở một nhà ngoại giao vào những dịp như vậy. Dường như chỉ vì chúng tôi là ba chàng trai chưa vợ của nước Anh, lại đang cùng ở tại thủ đô một nước ngoài, nên đã khiến chúng tôi quây lại với nhau mà thôi. Và tôi đã đi đến kết luận rằng, cái vẻ hơi hợm mình ở Wyland Tertius trước kia không hề bớt đi theo năm tháng và với cái chân trong Hội Hoàng gia Victoria; với Rutherford tôi thích hơn. Anh chàng đã trưởng thành từ một chú bé gầy gò, thông minh, chú bé trước kia tôi đã từng trêu chọc, vừa che chở. Có thể vì anh giờ đây kiếm được nhiều tiền hơn và có một cuộc sống thú vị hơn cả hai chúng tôi nên đã khiến Wyland và tôi có một cảm giác chung - cảm giác phần nào ghen tị.

Tuy nhiên, buổi tối hôm ấy không hề buồn tẻ. Chúng tôi đã được nhìn thấy quang cảnh nhộn nhịp sôi động của những chiếc máy bay khổng lồ Lufthansa từ khắp các vùng Trung Âu bay tới và đến khoảng nhá nhem tối, những cây đèn cao áp bật sáng, thì quang cảnh trở nên rực sáng, đầy màu sắc của một sân khấu.

Một trong số những máy bay ấy là của nước Anh, anh phi công vận trang phục đầy đủ đi sát qua bàn chúng tôi; anh ta chào Wyland, nhưng Wyland thoạt đầu không nhận ra nên đã không chào lại. Khi nhận ra, Wyland liền giới thiệu anh chàng phi công với tất cả chúng tôi, và mời anh cùng ngồi vào bàn. Anh phi công còn trẻ, tính tình vui vẻ hòa nhã, tên anh là Sanders. Wyland xin lỗi anh vì một người khi ăn mặc quần áo đội mũ phi công kín mít thì thực khó nhận ra người đó là ai. Sanders cười rồi đáp lại:

"Ồ, tôi biết rõ điều đó. Xin anh nhớ cho là tôi đã từng phục vụ tại

Baskul."

Wyland cũng cười, nhưng có phần thiếu tự nhiên và câu chuyện chuyển sang hướng khác.

Có thêm Sanders, bàn chúng tôi vui hẳn lên và chúng tôi cùng nhau uống rất nhiều bia. Khoảng mười giờ, Wyland rời sang nói chuyện với một người ở bàn bên, Rutherford nhân đó hỏi Sanders:

" Ồ này, nhân tiện tôi muốn hỏi anh bạn, vừa nãy anh bạn có nói mình đã phục vụ tại Baskul. Nơi đó tôi cũng biết chút ít. Anh vừa nói về việc gì đã xảy ra ở đó nhỉ?".

Sanders mỉm cười, vẻ lúng túng:

"Ồ, đây chỉ là một câu chuyện lộn xộn nhỏ tôi đã chúng kiến hồi tôi đang phục vụ ở đó."

Nhưng rồi anh chàng thanh niên không giữ được nổi điều anh muốn giấu kín:

"Sự thực là, đã có một anh chàng người Afghanistan hay người Châu Phi hay người nước nào đây đã cuỗm mất một chiếc máy bay của chúng tôi và hậu quả sự việc thực tệ hại, hẳn các ông cũng dễ thấy. Một sự kiện trắng trợn tôi chưa từng nghe thấy bao giờ. Tên không tặc đã rình anh phi công, đánh anh gục xuống, lột lấy quần áo, mặc vào rồi trèo lên buồng lái mà không một ai nhìn thấy. Nó cũng biết cách ra đúng hiệu cho thợ máy và thế rồi cho máy bay đi rất nhẹ nhàng. Điều rắc rối là hắn đã không hề trở lại."

Rutherford tỏ vẻ quan tâm, sốt sắng hỏi:

"Thế việc ấy xảy ra hồi nào?"

"Ồ, cách đây có đến đã một năm. Tháng năm, năm ba mươi mốt. Chúng tôi đang làm công việc di tản những dân thường từ Baskul đi Peshawar, do có cuộc Cách mạng nổi lên ở Baskul, có lẽ các ông vẫn còn nhớ sự kiện này. Baskul bị rối loạn chút ít, nếu không thì sự việc đã chẳng có thể xảy ra được. Tuy vậy, sự việc đã xảy ra, điều này phần nào cho thấy quần áo có thể biến đổi con người thành thầy tu được đây, phải không các ông?"

Rutherford lại hỏi:

" Tôi nghĩ ở hoàn cảnh như vậy hẳn mỗi máy bay không phải chỉ có một người phụ trách lái?"

"Đúng vậy, với tất cả các máy bay thường chở quân lính đều có rất đông người phụ trách. Nhưng chiếc máy bay này là một loại đặc biệt. Được chế tạo riêng cho một tiểu vương Ấn Độ - một loại phi cơ đặc biệt. Nhân viên Cục Đo đạc của Ấn Độ đã có lần dùng nó để bay đi làm việc ở vùng cao xứ Kashmir."

"Và anh nói chiếc phi cơ đó đã không hề tới Peshawar?"

"Không hề tới Peshawar và cho đến nay chúng tôi vẫn chưa khám phá ra nó. Điều kỳ quặc của câu chuyện là ở đây. Tất nhiên, nếu không tặc là một người thuộc một bộ lạc nào đó, anh ta hẳn có thể đã bay về một vùng đồi núi với ý nghĩ bắt giữ những người trên máy bay để đòi tiền chuộc, không hiểu sao tôi nghĩ là tất cả họ đều đã chết rồi. Ở vùng biên giới có biết bao nhiêu là những nơi hiểm trở máy bay có thể va vào tan vỡ để rồi không còn tin tức gì về nó nữa."

"Đúng vậy, vùng ấy thì tôi có biết. Thế trên máy bay lúc ấy có mấy người?"

"Tôi nghĩ là có bốn. Ba nam giới và một cô truyền giáo."

"Liệu có phải trong số mấy người đàn ông có thể có một người tên là Conway không?"

Sanders tỏ vẻ ngạc nhiên: "Ồ, vâng, quả có anh Conway Vinh quang, thế ông biết anh ta à?"

"Anh ta và tôi trước đây đã cùng học một trường", Rutherford nói, hơi lúng túng vì đó là sự thực, nhưng đây là điều mà anh thấy rõ nó không hợp với anh.

"Cứ theo như những sự việc anh ta đã làm ở Baskul thì Conway quả là một anh chàng tính tình vui vẻ, tế nhị", Sanders nói tiếp.

Rutherford gật đầu: "Đúng vậy, nhưng rất kỳ quặc... kỳ quặc lắm...".

Anh như tỉnh lại sau một lúc đầu óc lan man lơ đễnh. Rồi anh nói tiếp: "Câu chuyện không hề thấy đăng trên báo, song tôi nghĩ hình như tôi đã đọc được tin này ở đâu đó. Câu chuyện về sau ra sao nhỉ?".

Đột nhiên, Sanders có vẻ lúng túng, thậm chí tôi còn nghĩ anh chàng gần như đỏ mặt lên. "Thú thực với ông", anh ta đáp lại, "Hình như tôi đã nói xa quá những gì tôi được phép nói. Nhưng có thể giờ đây câu chuyện không có gì là quan trọng nữa, một tin cũ rích, đáng xếp xó, ông thấy đây, tôi muốn nói, câu chuyện xảy ra thế nào, người ta ỉm đi. Câu chuyện có thể chẳng hay ho gì lắm. Quan chức chính phủ chỉ cho biết là họ đã bị một phi cơ và nêu tên những người bị mất tích. Lối công bố không khiến nhiều người ngoài cuộc quan tâm đến."

Vừa lúc đó thì Wyland quay lại ngồi vào bàn với chúng tôi, Sanders quay lại phía anh nửa như xin lỗi:

"Này ông Wyland, mấy ông bạn đây vừa nói về anh Conway Vinh quang. Tôi e rằng tôi đã hơi huyên thuyên về câu chuyện Baskul - tôi mong rằng ông bỏ qua vấn đề này cho!."

Wyland nghiêm nét mặt nín lặng một lúc. Rõ ràng anh đang tính cách làm sao cho vừa tỏ ra lịch sự đối với mấy anh bạn đồng hương vừa giữ được nghiêm kỷ luật công tác. Một lát sau, anh nói:

"Tôi thật đáng tiếc là đã nghĩ dân hàng không các anh vẫn coi trọng danh dự không bao giờ nói những chuyện huyên thuyên ngoài đường như vậy."

Sau khi chỉnh anh thanh niên, Wyland vui vẻ quay lại nói với Rutherford:

"Tất nhiên, với anh, thích nghe những chuyện như thế là đúng, nhưng tôi tin chắc là anh cũng hiểu rằng, ở nơi biên giới đôi khi cũng cần thiết phải ỉm đi những câu chuyện phải giữ bí mật một chút."

"Mặt khác" Rutherford lạnh lùng đáp, " Người ta vẫn hay tò mò muốn được biết sự thực."

"Với người có lý do chính đáng để muốn biết sự thực thì không có gì phải giấu giếm. Hồi đó tôi đang làm việc tại Peshawar và tôi có thể đoán

chắc với anh về điều đó. Anh biết rõ Conway phải không, tôi muốn nói anh biết anh ta từ ngày còn đi học?"

" Biết qua một chút ở Oxford và mấy lần ngẫu nhiên gặp nhau sau đấy. Còn anh, anh có gặp anh ta nhiều không?"

"Hồi ở Angora, khi tôi công tác ở đây, hai chúng tôi có gặp nhau một hai lần."

"Thế anh có thích Conway không?"

"Tôi nghĩ anh ta là một con người tài ba, có điều hơi phất phơ một chút."

Rutherford mỉm cười. "Con người tài ba thì hẳn đi rồi. Quãng đời sinh viên của anh ta thực hết sức sôi nổi - cho đến lúc chiến tranh bùng nổ. Đại diện của trường Oxford về môn bơi thuyền và là người dẫn đầu hội, anh ta giành được giải thưởng về đủ thứ - và tôi còn cho anh ta là một nghệ sĩ dương cầm nghiệp dư vào bậc nhất mà tôi được biết. Một con người tài ba kỳ lạ về nhiều mặt, một loại người mà dễ được Jowett phong làm thủ tướng. Nhưng thực sự là từ sau những ngày ở Oxford, người ta chưa hề được nghe thấy nói nhiều về anh ta. Tất nhiên chiến tranh đã cắt ngang sự nghiệp của anh ta. Anh ta rất trẻ và theo tôi hiểu, anh ta đã chịu đựng qua nhiều thử thách."

"Anh chàng đâu đã bị khiển trách hoặc gì đó", Wyland đáp lại, "nhưng không có gì là nghiêm trọng lắm. Sự nghiệp không hề kém, anh ta đã được tặng Huân chương Phục vụ ưu tú của Pháp (D.S.O.)[1][1]. Sau đó, tôi tin là anh ta có quay về giảng dạy ở Oxford một thời gian ngắn. Tôi biết là anh ta có đi về Phương Đông năm hai mốt. Nhờ biết nhiều tiếng Phương Đông nên anh ta đã kiếm được việc làm mà không cần qua những thủ tục thông thường. Anh ta đã giữ nhiều chức vụ."

Rutherford mỉm cười vui vẻ hơn.

"Tất nhiên, cái đó giải thích tất cả. Lịch sử sẽ chẳng bao giờ nêu ra hết con số những tài năng bị mai một trong cái công việc hàng ngày đọc chép giấy tờ của Bộ Ngoại giao cùng mời các vị cãi vã nhau trong Tòa Công sứ uống trà."

"Conway công tác tại Lãnh sự quán chứ không phải trong Bộ Ngoại giao", Wyland cao giọng nói. Rõ ràng anh ta không thèm quan tâm đến thứ chuyện vặt ấy, và sau một lát chuyện trò ba láp như vậy, khi Rutherford đứng dậy cáo từ, anh ta cũng không giữ lại. Dù sao thì đã khuya, nên tôi cũng nói xin rút lui. Thái độ của Wyland khi chúng tôi chào từ biệt ra về vẫn có tính chất lặng lẽ chịu đựng của một quan chức, Còn Sanders thì tỏ ra rất thân tình, anh nói anh mong lúc nào đó sẽ được gặp lại chúng tôi.

Tôi định đi chuyến xe lửa xuyên lục địa vào cái giờ buồn bã của buổi sáng sớm. Trong lúc cùng nhau đợi tắc xi, Rutherford có mời tôi trong thời gian đợi xe lửa, tạt vào chỗ khách sạn anh đang ở. Anh nói ở đây anh có một phòng khách để hai người có thể ngồi nói chuyện được. Tôi trả lời được như vậy là rất hay. Và anh nói: "Vậy hay nếu anh ưng thì chúng ta sẽ nói chuyện về Conway, còn nếu anh không thích thì thôi."

Tôi nói, mặc dù tôi biết Conway rất ít, tôi vẫn thích được nghe nói về anh.

"Anh ta rời khỏi trường vào cuối học kỳ đầu tiên của tôi và sau đó tôi không hề gặp lại anh. Nhưng có một lần anh ta tỏ ra rất tốt đối với tôi. Hồi ấy, tôi chỉ là một học sinh nhỏ mới vào trường, thực không có lý do gì để anh ta tốt với tôi như vậy. Sự việc cũng thường thôi, song tôi cứ nhớ mãi."

Rutherford gật đầu. "Chúng tôi cũng rất thích anh ta mặc dầu tôi cũng chỉ tiếp xúc với anh ta rất ít, nếu tính đo bằng thời gian."

Rồi im lặng, cái im lặng có phần kỳ cục, trong khi đó rõ ràng cả hai chúng tôi đều nghĩ về một người đã tỏ ra quan trọng đối với chúng tôi, điều vượt xa nếu xét đoán dựa trên những lần tình cờ được tiếp xúc với anh ta. Từ đó tôi vẫn thường thấy những ai đã gặp Conway, dù chỉ là hình thức và trong chốc lát, vậy mà họ vẫn cứ nhớ anh ta một cách hết sức sâu sắc. Anh ta đúng là một thanh niên cừ khôi, còn với tôi, người đã biết anh ở tuổi hay sùng bái các vị anh hùng, hình ảnh anh trong đầu óc tôi thực đặc biệt lãng mạn. Anh cao lớn, gương mặt khôi ngô, không những xuất sắc trong các môn thể thao mà còn giành được các thứ giải khác của nhà trường. Vị hiệu trưởng giàu tình cảm có lần nói về những thành tích của Conway đã khen là "vinh quang" và cũng từ đó anh ta có biệt hiệu "Conway Vinh quang". Có thể chỉ có anh ta là xứng đáng với cái tên đó. Tôi còn nhớ lần anh ta đọc diễn văn

bằng tiếng Hy Lạp vào ngày phát phần thưởng của nhà trường; và thường được liệt vào hạng nhất trong các buổi biểu diễn sân khấu của trường. Ở anh ấy có một cái gì đó mang tính cách của con người thuộc triều đại Nữ hoàng Elizabeth, tài linh hoạt rất tự nhiên, vẻ mặt khôi ngô, con người sôi nổi kết hợp cả hoạt động tinh thần lẫn thể chất. Có một chút gì của dân Philip-Sidney. Ngày nay nền văn minh của chúng ta không làm nảy sinh được những con người như vậy. Tôi nói ý kiến đó với Rutherford và anh đáp lại:

"Vâng, đúng vậy, và chúng ta có một từ đặc biệt để dè bỉu những con người đó - ta gọi họ là những nhà tài tử. Tôi cho rằng hẳn cũng có những kẻ gọi Conway với cái từ ấy, những người như Wyland chẳng hạn. Tôi không thèm đếm xỉa đến Wyland. Tôi không thể chịu được cái loại người đầy vẻ nghiêm trang và ta đây quan trọng. Và anh có nhận thấy cái đầu óc quan đầu tỉnh của anh ta không? Những câu dạy đời về những con người cần trọng danh dự và nói huyên thuyên chuyện ngoài đường - như thể Cái Đế quốc chết tiệt nọ là lớp Năm ở trường dòng St. Dominic! Song, vậy mà, tôi cứ phải luôn đụng đầu với các vị quan lớn ngoại giao ấy."

Chúng tôi lặng lẽ đi qua mấy khu nhà. Rutherford nói tiếp:

"Tuy vậy, tôi cũng không tiếc là đã mất toi buổi chiều hôm nay. Nghe anh chàng Sanders nói về câu chuyện ở Baskul, tôi thấy rất thú vị, một điều đặc biệt. Chuyện này, trước đây tôi đã có nghe nói và không tin lắm. Đây chỉ là một phần của câu chuyện còn ly kỳ hơn nhiều mà tôi thấy chả có lý do gì để tin, hoặc giả nếu có thì cũng là một lý do rất mong manh. Giờ đây thì có hai lý do rất mong manh. Tôi dám nói, hẳn anh cũng thấy đấy, tôi không phải là một người cả tin. Tôi đã từng đi đây đi đó nhiều nơi và biết trên đời có những sự việc rất kỳ quặc - nghĩa là những điều chính mắt được nhìn thấy, còn nếu anh chỉ nghe qua người khác thì thường là không kỳ quặc lắm đâu. Vậy mà…"

Thốt nhiên, Rutherford như chợt thấy rõ những điều anh vừa nói chẳng có ý nghĩa gì lắm đối với tôi, nên phá ra cười. "Ồ, có một điều chắc chắn là tôi không thích tâm sự với Wyland. Tâm sự với anh ta chẳng khác nào tìm cách đổi một bản anh hùng ca lấy mấy mẩu thức ăn. Tôi muốn làm điều đó với anh."

"Có lẽ anh làm cho tôi hãnh diện quá đấy!" Tôi nói.

"Không phải cuốn sách anh viết đã khiến tôi có ý nghĩ ấy."

Tôi chưa hề nói ra tôi đã viết một cuốn sách có phần về chuyên môn, (nói cho cùng, sách của một nhà thần kinh học không phải được ai cũng đọc đến), nên tôi rất ngạc nhiên khi thấy Rutherford đã nghe nói đến nó. Tôi bày tỏ ý này với anh và anh trả lời: "Ồ, anh thấy đây, tôi quan tâm đến nó vì Conway đã một thời bị mắc chứng quên đi mọi sự việc."

Tới khách sạn, Rutherford đến phòng khách lấy chìa khóa. Lúc hai chúng tôi lên tầng năm, anh nói: "Tất cả những cái đó chỉ là nói quanh mà thôi. Sự thật là Conway chưa chết, ít nhất cách đây mấy tháng anh ta còn sống."

Trong thang máy chật hẹp, thời gian cũng chóng nên không ai nói được câu gì. Lát sau khi đi trong hành lang, tôi hỏi anh: "Thế anh có chắc chắn về điều ấy không? Làm sao anh lại biết?"

Vừa mở khóa cửa, anh vừa đáp: "Vì tôi đã đi cùng Conway từ Thượng Hải đến Honolulu trên một chuyến máy bay phản lực của hãng hàng không Nhật Bản hồi tháng mười một năm ngoái?"

Rồi anh không nói nữa cho đến lúc cả hai chúng tôi đã yên vị ngồi trong chiếc ghế bành uống nước, hút thuốc:

"Anh thấy đây, tôi đã đến Trung Quốc trong một dịp nghỉ vào dạo mùa thu. Tôi chả vẫn thường đi đó đi đây luôn. Đã nhiều năm tôi không gặp Conway. Chúng tôi không hề thư từ cho nhau, và cũng không thể nói tôi thường xuyên nghĩ đến anh ấy, mặc dầu hình ảnh của anh vẫn là một trong số ít những hình ảnh mà tôi dễ dàng nhớ lại. Hồi đó tôi có việc đến thăm một người bạn ở Hán Khẩu và đáp xe lửa tốc hành về Bắc Kinh. Trên xe lửa tôi đã có dịp được trò chuyện với một bà xơ Nhất, một bà xơ rất đỗi hấp dẫn trong số mấy bà xơ từ thiện người Pháp. Bà đi Trùng Khánh nơi có tu viện của bà. Vì tôi biết nói một ít tiếng Pháp nên bà xơ xem ra thích thú nói chuyện với tôi về công việc của bà và về các vấn đề nói chung. Thực ra, tôi vốn không có cảm tình lắm đối với các tổ chức truyền giáo thường, nhưng cũng như mọi người ngày nay, tôi sẵn sàng thừa nhận là người La Mã đứng tách ra một tầng lớp riêng, vì họ hoạt động rất tích cực và không hề làm bộ như mấy ngài sĩ quan trong một xã hội đầy rẫy lính thường. Nhưng đó chỉ là nhân tiện mà nói thôi. Vấn đề chính là bà xơ này, khi nói chuyện với tôi về

cái bệnh viện của Hội truyền giáo ở Trùng Khánh, có nêu ra một trường hợp đầy xúc động vừa mới đưa đến bệnh viện bà mấy tuần gần đây, bệnh nhân mà người ta nghĩ hẳn là một người châu Âu, tuy anh ta chẳng nói được điều gì về bản thân mà cũng không đem theo một giấy tờ gì hết. Quần áo anh ta mặc là quần áo của người thổ dân, vào loại nghèo khổ nhất; lúc các bà xơ nhận anh vào viện thì anh yếu lắm. Anh ta nói tiếng Trung Quốc rất thạo, nói tiếng Pháp cũng giỏi và bà bạn đồng hành với tôi còn đoán chắc là trước khi chưa được biết các bà xơ là người nước nào, anh ta đã nói với họ bằng tiếng Anh, giọng nói rất thanh nhã. Tôi nói tôi không thể tưởng tượng được trên đời lại có một hiện tượng lạ như vậy và nhẹ nhàng giễu bà là đã phân biệt được giọng nói thanh nhã của một thứ ngôn ngữ mà bà không hề biết. Rồi chúng tôi nói đùa về nhiều vấn đề linh tinh khác. Cuối cùng, bà mời tôi nếu có dịp tới Trùng Khánh, xin đến thăm hội truyền giáo của bà. Điều này, tất nhiên lúc đó, xem ra khó thực hiện, như bảo tôi leo núi Everest, vậy nên khi xe lửa tới Trùng Khánh, tôi bắt tay bà, lòng thực sự luyến tiếc cuộc gặp gỡ may mắn giữa tôi và bà đã kết thúc. Tuy vậy, chỉ sau đây mấy tiếng đồng hồ tôi trở lại Trùng Khánh. Chả là xe lửa đi khỏi đây được một vài dặm thì hỏng máy và thực rất khó khăn người ta mới đẩy được xe chúng tôi quay trở về nhà ga. Đến đây, chúng tôi được biết là mười hai tiếng đồng hồ nữa mới có thể có đầu máy thay thế. Điều này vẫn thường xảy ra với đường sắt của Trung Quốc. Vậy là tôi còn phải ở lại Trùng Khánh một nửa ngày nữa - điều ấy khiến tôi nhớ đến lời mời của bà xơ và tôi đã đến thăm hội truyền giáo của bà."

Đến đây, tôi được tiếp đón thân mật và tất nhiên chủ nhà cũng có phần ngạc nhiên. Tôi cho rằng, điều khó hiểu nhất đối với một người không phải là giáo dân là làm sao mà một giáo dân Thiên Chúa giáo lại có thể phối hợp được một cách dễ dàng cái cứng nhắc của chính quyền với cái rộng lượng hào phóng của dân sự. Cái đó có quá phức tạp không? Nhưng không sao, dù sao thì những người Hội truyền giáo ở đây đã tiếp đón tôi rất vui vẻ. Đến đây chưa được một tiếng đồng hồ, tôi đã có bữa ăn sửa soạn chu đáo, một bác sĩ trẻ người Trung Quốc ngồi tiếp tôi và nói chuyện với tôi nửa bằng tiếng Pháp, nửa tiếng Anh, rất vui. Sau bữa ăn, anh bác sĩ và bà xơ Nhất dẫn tôi đi tham quan bệnh viện mà họ tỏ ra rất lấy làm hãnh diện. Tôi nói với họ tôi làm nghề viết văn, thế là những con người rất chất phác ấy cứ xốn xang với ý nghĩ tôi có thể nêu cả họ trong một cuốn sách. Anh bác sĩ giới thiệu mỗi khi chúng tôi đi qua một giường bệnh. Các phòng được quét dọn hết sức

sạch sẽ, tỏ ra việc quản lý ở đây rất thành thạo, chu đáo. Tôi đã quên hẳn cái người bệnh nhân bí ẩn có giọng nói tiếng Anh rất thanh nhã, cho đến lúc bà xơ Nhất nhắc cho tôi biết là đã sắp đến giường con người đó. Tôi chỉ nhìn thấy sau gáy, anh ta hình như đang ngủ. Người ta khuyên tôi nên nói với anh ta bằng tiếng Anh, do vậy tôi cất tiếng chào "Good afternoon". Đúng thực, giọng anh ta nói là giọng nói của một người có học thức. Nhưng tôi không có thì giờ để tỏ ra ngạc nhiên, vì tôi đã nhận ngay ra anh, mặc dầu bộ râu và dáng vẻ con người anh đã hoàn toàn thay đổi, mặc dầu đã lâu lắm tôi không gặp anh. Anh ấy chính là Conway. Chắc chắn đúng là anh rồi, nhưng nếu tôi mà ngừng để nghĩ lại điều này thì rất có thể sẽ đi đến kết luận đây không thể là Conway được. Cũng may, nhìn anh, tôi nhận ra ngay. Tôi gọi tên anh và nói tên tôi; tuy anh ta cứ nhìn tôi trừng trừng, không tỏ dấu hiệu gì là nhận ra, nhưng tôi vẫn quả quyết là mình đã không lầm. Cái chút tật co giật nhẹ trên gương mặt anh mà tôi đã để ý thấy từ trước kia vẫn còn đây, và vẫn cặp mắt mà hồi ở Balliol chúng tôi thường nói rằng nó có màu xanh Cambridge hơn là màu xanh Oxford. Ngoài tất cả những cái đó ra, anh ta còn là một người mà người ta không thể lầm được - nhìn thấy anh một lần là nhớ mãi. Tất nhiên, anh bác sĩ và bà xơ Nhất tỏ ra hết sức xúc động. Tôi nói với họ là tôi quen biết người này, anh là người Anh và là bạn của tôi; việc anh không nhận ra tôi chỉ có thể là do anh đã hoàn toàn mất đi trí nhớ. Hai người gật đầu và tỏ ra rất lạ, và chúng tôi đã thảo luận rất lâu về trường hợp này. Họ cũng không cho biết được điều gì bằng cách nào mà anh ta trong hoàn cảnh thế này đã đến được Trùng Khánh.

"Nói tóm tắt, tôi đã ở lại đây hơn nửa tháng, hy vọng bằng cách nào đó sẽ giúp được Conway nhớ lại mọi sự việc. Điều này tôi không làm được, nhưng sức khỏe anh đã hồi phục và hai chúng tôi nói chuyện với nhau rất nhiều. Khi tôi thẳng thắn nói anh là ai và tôi là ai, thì anh tỏ ra nín nhịn, không tranh cãi gì. Thậm chí, anh còn tỏ ra hết sức vui vẻ, hơi lơ đãng một chút, và dường như có tôi làm bạn anh rất mừng. Khi nghe tôi ngỏ ý muốn mang anh về thì anh chỉ lặng lẽ nói anh không nghĩ đến chuyện đó. Thực hơi bực mình với cái thái độ không thiết tha gì đến một mơ ước cho bản thân. Tôi thu xếp để hai chúng tôi trở về càng sớm càng tốt. Tôi có một người quen vốn là bạn thân làm việc tại cơ quan lãnh sự quán ở Hán Khẩu, do đó hộ chiếu và giấy tờ cần thiết đã được giải quyết nhanh chóng không khó khăn. Thực vậy, tôi thấy vì lợi ích của Conway, công việc cần được giữ kín không cho báo chí biết để đăng tin rộng rãi, và tôi cũng rất vui mừng vì mình

đã giữ được kín. Tất nhiên, nếu không, báo chí họ đã xô đến chen lấn để lấy tin."

"Vâng, chúng tôi đi khỏi Trung Quốc một cách bình thường. Chúng tôi đi thuyền xuôi dòng sông Dương Tử đến Nam Kinh, sau đó đáp xe lửa đi Thượng Hải. Ngay đêm hôm ấy có chuyến máy bay Nhật Bản đi Frisco, nên chúng tôi phải hết sức gấp rút và đi được chuyến đó."

"Anh thực đã giúp rất nhiều cho Conway."

Tôi nói Rutherford không phản đối, anh nói:

"Tôi nghĩ với người khác có thể tôi đã không giúp đỡ nhiều như với Conway. Nhưng ở Conway có một cái gì đó, và luôn như vậy - thực khó mà giải thích được, chỉ biết cái đây đã khiến người ta cảm thấy vui vẻ khi đem hết sức mình ra giúp anh ta."

"Đúng vậy", tôi gật đầu. "Anh ấy hấp dẫn một cách đặc biệt, có một sức quyến rũ khiến ngay giờ đây hình dung lại, tôi vẫn thấy vui thích và tất nhiên, tôi vẫn nghĩ anh ta như hồi anh ta còn là một cậu học sinh trong bộ flanels khi chơi cricket."

"Thực đáng tiếc anh không biết Conway hồi anh ta học ở Oxford. Anh ta đúng là xuất sắc, không còn từ nào khác hơn để diễn tả. Người ta nói, sau chiến tranh anh ấy khác đi. Bản thân tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng tôi vẫn không thể không cảm thấy với tất cả những tài năng của mình, Conway hẳn đã làm được những công việc lớn lao hơn. Ý nghĩ của tôi về sự nghiệp của một vĩ nhân không hề vươn tới tất cả cái đám quan chức của Vương Quốc Anh này. Còn Conway thì đúng là hoặc phải là một vĩ nhân. Anh và tôi, chúng ta đều biết Conway, và tôi nghĩ mình đã không phóng đại khi tôi nói đây là một sự kiện mà chúng ta sẽ không bao giờ quên. Ngay khi tôi và anh ta gặp nhau tại giữa đất nước Trung Quốc, lúc ấy đầu óc anh ta rỗng không, cái quá khứ của anh còn là một điều bí ẩn, vậy mà tôi vẫn thấy sức hấp dẫn ở Conway."

Rutherford ngừng lại hồi tưởng rồi nói tiếp: "Như anh có thể hình dung thấy, trên tàu chúng tôi nối lại tình thân bạn bè trước kia. Tôi nói cho Conway rất nhiều những điều tôi biết về anh và Conway lắng nghe với thái độ chăm chú dường như hơi vô lý. Anh nhớ lại rất rõ những gì đã xảy ra với

anh từ ngày anh đến Trùng Khánh và có điều này hẳn cũng có thể khiến anh quan tâm là Conway không hề quên ngoại ngữ anh biết. Chẳng hạn, anh bảo tôi rằng, anh biết hẳn anh phải đã có làm một cái gì đó ở Ấn Độ, vì anh có thể nói tiếng Hindu."

"Tại Yokohama, tàu thủy lấy thêm đầy khách; trong số hành khách mới lên có nghệ sĩ dương cầm Sieveking, trên đường đi biểu diễn hòa nhạc tại Hoa Kỳ. Anh ta ngồi chung bàn ăn với chúng tôi và thỉnh thoảng nói chuyện với Conway bằng tiếng Đức. Điều này chứng tỏ bề ngoài Conway rất bình thường. Ngoài cái chứng bệnh quên mà trong lúc trò chuyện thường không thấy, thì anh không có chứng bệnh gì khác."

"Rời Nhật Bản được mấy đêm, người ta mời nghệ sĩ Sieveking biểu diễn độc tấu một buổi trên tàu. Conway cùng tôi đã đi dự nghe. Tất nhiên, Sieveking đã biểu diễn khá giỏi mấy tác phẩm của Brahms mà Scarlatli cùng rất nhiều bản nhạc của Chopin. Một hai lần tôi đưa mắt nhìn Conway và thấy anh nghe rất thích thú, điều này cũng rất tự nhiên vì trước kia anh vốn là người sành âm nhạc. Vào cuối chương trình, buổi biểu diễn kéo dài vì khán giả yêu cầu diễn lại nhiều lần. Sieveking, theo tôi nghĩ, đã nhã nhặn vui vẻ chiều lòng đám người hâm mộ lúc ấy đang quây quanh cấy đàn dương cầm. Anh ta chơi lại hầu hết là những tác phẩm của Chopin, như anh biết đây, Sieveking vốn có phần chuyên về Chopin. Cuối cùng, nghệ sĩ rời cây đàn đi về phía cửa ra vào, một số người hâm mộ vẫn bám theo, nhưng rõ ràng họ cũng cảm thấy nghệ sĩ đã chiều họ đủ lắm rồi. Giữa lúc ấy, một sự việc khá kỳ lạ đã xảy ra. Conway đến ngồi vào trước bàn phím và chơi nhanh mấy bản nhạc rất sôi động mà tôi không nhận ra, còn Sieveking thì rất ngạc nhiên quay lại hỏi Conway đã chơi những bản nhạc gì. Sau một lát yên lặng có phần lạ lùng hơi lâu, Conway chỉ đáp lại được rằng anh cũng không biết nữa. Sieveking la to lên rằng không thể tin được và anh còn bị kích thích hơn. Lúc ấy Conway như hết sức cố gắng cả về thể xác lẫn tinh thần để nhớ lại, và cuối cùng anh nói đây là bản Étude của Chopin. Tôi nghĩ chả chắc đã phải nên tôi cũng không lấy làm ngạc nhiên khi Sieveking kiên quyết nói đây không phải là của Chopin. Tuy nhiên, Conway đột ngột tỏ ra rất phẫn nộ về điều đó, khiến tôi ngạc nhiên vì cho đến lúc này chưa bao giờ tôi thấy Conway tỏ ra một chút xúc động nào trước bất kỳ một sự việc gì. "Ông bạn thân của tôi ơi," Sieveking nói, "Tôi thuộc lòng các bản nhạc hiện có của Chopin, nên tôi có thể đoán chắc với anh rằng, Chopin không hề sáng tác ra

bản nhạc mà anh vừa chơi. Rất có thể nếu Chopin viết thì là như vậy, vì nó đúng phong cách của ông nhưng tôi biết ông không hề sáng tác bản nhạc này. Tôi đố anh chỉ được cho tôi biết tổng phổ của nó ở cuốn sách in nào." Một lát sau, Conway đáp: "Ồ, vâng, giờ đây tôi nhớ ra rồi, bản nhạc này chưa hề được in ra. Tôi chỉ được biết nó qua lần gặp một người trước kia là học trò của Chopin... Và đây là một bản nhạc khác chưa in ra mà tôi học được ở người đó."

Rutherford đưa mắt để tôi vững tin hơn và nói: "Tôi chả biết anh có phải là nhạc sĩ không, nhưng dù anh không phải đi nữa thì tôi cũng xin nói là hẳn anh hình dung ra được sự ngạc nhiên và xúc động của Sieveking và cả của tôi nữa trong lúc Conway tiếp tục chơi. Với tôi, tất nhiên đây là một thoáng nhìn đột nhiên và thực bí ẩn vào quá khứ của Conway, cái đầu mối đầu tiên thuộc loại nào đó đã thoát mất. Sieveking tất nhiên tỏ ra mải mê với vấn đề âm nhạc, một vấn đề thực phức tạp, như anh thấy đây nếu tôi nhắc để anh biết rằng Chopin mất năm 1849."

"Trên một ý nghĩa nào đó, toàn bộ sự việc thực hết sức khó hiểu và có lẽ tôi cần nói thêm là, lúc ấy có đến ít nhất mười hai người chứng kiến, trong số này có một giáo sư có danh tiếng của trường Đại học California. Tất nhiên, nói lời giải thích của Conway, tính về thời gian thì hoàn toàn không chấp nhận được, hoặc gần như vậy, nhưng còn chính bản nhạc thì giải thích sao đây. Nêu nó không phải như Conway nói thì là thế nào? Sieveking đoán chắc với tôi rằng, nếu hai bản nhạc đó được công bố thì chỉ trong vòng sáu tháng chúng sẽ có mặt trong bảng các tác phẩm để biểu diễn của các nhà nghệ sĩ dương cầm lỗi lạc. Dù cho đây là nói quá phóng đại, thì đó là ý kiến nhận xét của Sieveking. Hồi ấy, sau nhiều lần bàn cãi chúng tôi chẳng khẳng định được điều gì, bởi Conway chi khăng khăng giữ ý kiến của mình, và vì anh đã bắt đầu tỏ vẻ mỏi mệt, nên tôi lo lắng muốn đưa anh về nghỉ. Giai đoạn cuối cùng là bàn về chuyện thu đĩa hát. Sieveking nói anh sẽ thu xếp ngay việc này khi anh tới Mỹ và Conway thì hứa sẽ chơi trước micro. Tôi thường vẫn cảm thấy rất đáng tiếc về mọi phương diện, vì anh đã không thể giữ được lòi hứa."

Rutherford đưa mắt nhìn đồng hồ đeo tay và cho tôi biết tôi còn khối thời gian để đáp xe lửa, bởi câu chuyện anh kể gần như đã xong: "Vì đêm hôm đó - cái đêm sau buổi biểu diễn độc tấu đàn dương cầm ấy - Conway lấy lại được trí nhớ. Chúng tôi đã lên giường để nghỉ, tôi đang nằm và còn

thức thì thấy Conway bước vào buồng tôi và nói chuyện với tôi. Gương mặt anh đanh lại với dáng điệu mà tôi chỉ có thể nói đây là vẻ buồn tràn ngập - nỗi buồn chung của mọi người, nếu anh hiểu ý tôi muốn nói, nó có một cái gì xa xăm hoặc thăm thẳm, như người Đức vẫn gọi là *Wehmut* hoặc *Weltschmerz*. Anh nói anh đã nhớ lại được mọi thứ, rằng trí nhớ đã trở lại với anh trong lúc Sieveking chơi đàn, thoạt đầu chỉ từng mảng một. Anh ngồi một lúc lâu trên thành giường; tôi cứ để tùy anh muốn lúc nào nói thì nói và nói theo cách gì cũng được. Tôi nói rằng tôi rất mừng vì thấy trí nhớ anh trở lại, nhưng lấy làm buồn nếu anh đã muốn nó không trở lại nữa. Anh ngước mắt lên nhìn và nói mấy lời mà tôi luôn coi đây là một lời khen ngợi cực kỳ quý báu. "Lạy Chúa, anh Rutherford...", Conway nói, "anh có khả năng hình dung được sự việc". Sau đó một lát, tôi mặc quần áo, thuyết phục anh cũng làm như vậy, rồi chúng tôi đi đi lại lại trên boong tàu. Đêm hôm ấy yên tĩnh, trời đầy sao, tiết trời ấm, mặt biển nom tái nhợt, sanh sánh như sữa đông đặc. Nếu không có tiếng động cơ máy kêu vo vo thì có thể nói hai chúng tôi đang dạo chơi hóng mát. Tôi cứ để Conway tùy ý nói theo cách của anh, lúc đầu tôi không hỏi gì hết. Đâu vào khoảng rạng sáng thì anh bắt đầu nói chuyện có mạch lạc, và khi anh nói xong thì trời đã nắng nóng, đến giờ bữa điểm tâm. Khi tôi nói "xong", tôi không có ý nói rằng anh không còn gì để nói với tôi sau lần tâm sự đầu tiên. Trong hai mươi tư tiếng đồng hồ sau anh đã bổ sung nhiều đoạn hổng quan trọng. Anh tỏ ra rất đau khổ và đã không sao chợp được mắt, vì thế hầu như chúng tôi nói chuyện liên tục. Đến khoảng nửa đêm đêm hôm sau là tàu cập bến Honolulu. Chiều tối hôm trước chúng tôi cùng uống bia trong buồng tôi, khoảng mười giờ đêm, anh cáo từ đi về, và từ đây tôi không còn được gặp lại anh nữa."

"Anh không muốn nói..." Tôi đã hình dung ra một vụ tự tử rất bình tĩnh, có suy nghĩ mà trước đây có lần tôi đã được chứng kiến trên chuyến tàu chở thư từ Holyhead đến Kingstown.

Rutherford cười: "Ồ, lạy Chúa, không - Conway không phải loại người như vậy. Anh ta chỉ lẩn tránh tôi mà thôi. Đáp lên bờ thì dễ nhưng hẳn anh ấy thấy khó mà tránh được không bị tôi tìm ra khi tôi cho người đi tìm, và tất nhiên tôi đã làm việc đó. Về sau, tôi được tin anh ấy đã tìm được cách theo đoàn thủy thủ của một tàu chở chuối đi về phía Nam đến Fiji."

"Làm sao anh biết được như vậy?"

"Cũng dễ thôi. Ba tháng sau, Conway gửi thư cho tôi từ Bangkok, kèm theo một ngân phiếu trả lại số tiền tôi đã chi phí cho anh. Anh cũng cám ơn tôi và nói anh rất khỏe mạnh. Anh còn nói anh sắp thực hiện một chuyên đi thực xa - về phía Tây Bắc. Có thế thôi."

"Anh ấy định đi đâu?"

"Vâng, thật là mơ hồ, phải không anh? Có rất nhiều nơi ở về phía Tây Bắc Bangkok. Ngay kể cả Berlin cũng được."

Rutherford ngừng nói, rót đầy cốc của hai chúng tôi. Một câu chuyện thực ly kỳ - hoặc nếu không thì cũng là do anh kể khiến nó có vẻ như vậy, tôi cũng không rõ nữa. Phần âm nhạc của câu chuyện tuy cũng rắc rối, nhưng không làm tôi quan tâm nhiều bằng cái bí mật về sự kiện Conway tới được bệnh viện của Hội Truyền giáo; và tôi đưa ra ý kiến này. Rutherford đáp sự thực thì hai vấn đề ấy chi là hai mảng của cùng một vấn đề.

"Ồ, vậy làm thế nào mà Conway tới được Trùng Khánh?" Tôi hỏi. "Tôi nghĩ hẳn anh ta đã nói hết điều ấy với anh trong đêm hôm ở trên tàu?"

"Conway đã nói cho chúng tôi biết một chút về việc ấy, và thực là vô lý nêu đã kể cho anh biết nhiều như vậy, tôi lại giữ kín phần còn lại. Có điều, đây là một câu chuyện khá dài, dù chỉ nói sơ qua thì thời gian từ đây cho đến lúc anh lên xe lửa cũng không đủ. Vả lại, có một cách khác thích hợp hơn. Tôi vốn có phần dè dặt trong việc bộc lộ những mánh khóe nghề nghiệp của mình, nhưng sự thực câu chuyện của Conway, sau khi suy nghĩ kỹ, tôi thấy nó hấp dẫn tôi quá thể. Tôi bắt đầu bằng cách: Sau những lúc trò chuyện với Conway trên tàu, tôi đều ghi chép lại để khỏi quên đi những chi tiết; về sau, vì một số mặt của sự việc bắt đầu cuốn hút tôi, thôi thúc tôi phải làm nhiều hơn nữa, phải đem những điều đã ghi chép được cùng những mẩu nhớ lại đúc thành một câu chuyện mạch lạc. Làm như vậy, tôi không muốn nói là tôi bịa đặt hoặc thay đổi một chút gì. Đã có rất nhiều tư liệu qua những điều Conway kể cho tôi nghe: Anh ta vốn là một người ăn nói lưu loát, có tài truyền cảm khẩu khí của câu chuyện. Và tôi nghĩ tôi cũng bắt đầu cảm thấy mình đã hiểu con người anh ta."

Nói rồi, anh đi lại phía chiếc cặp da, lấy ra một tập bản thảo đã đánh máy. "Này đây, những tài liệu mà anh vừa nói, anh mang về có thể sử dụng theo ý muốn của anh."

"Như vậy, tôi nghĩ là anh cho tôi không tin vào câu chuyện anh đã kể?"

"Ồ, không hẳn như vậy, nếu anh tin, thì xin nhớ cho đây sẽ là lý do tuyệt hảo cho Tertullian[2][1], anh nhớ nhé? (*Bởi vì nó là không thể có được*). Một lý lẽ không tồi, có thể như vậy. Hãy cho tôi biết ý nghĩ của anh nhé!"

Tôi cầm tập bản thảo mang về và đọc gần hết nó trên xe lửa. Tôi đã có ý định khi về tới Anh, tôi sẽ gửi trả lại Rutherford, kèm theo một bức thư dài, nhưng chưa kịp gửi nó qua bưu điện thì tôi đã nhận được mấy chữ của anh nói rằng anh đã lại lên đường đi lang thang và trong mấy tháng tới anh sẽ không có địa chỉ nhất định. Anh viết anh sẽ đi Kashmir và từ đây đi về "phía Đông". Tôi không lấy làm ngạc nhiên.

CHƯƠNG MỘT

Tuần lễ thứ ba của tháng Năm, tình hình ở Baskul trở nên tồi tệ hơn nhiều và ngày 20, máy bay không lực, qua sự thỏa thuận, đã từ Peshawar đến đây để di tản những kiều dân da trắng. Con số này khoảng tám mươi người và hầu hết đã được chuyên chở yên lành qua vùng núi non hiểm trở bằng những máy bay quân sự thông thường. Một số ít những máy bay khác cũng được sử dụng, trong số đó có một chiếc phi cơ đặc biệt của Tiểu vương Chandapore cho mượn. Trên chiếc phi cơ này, vào khoảng mười giờ sáng hôm ấy có bốn hành khách đáp là: Cô Roberta Brinklow của Hội Truyền giáo Phương Đông; Henry D. Barnard, một người Mỹ, Hugh Conway, Lãnh sự của Nữ hoàng Anh, và đại úy Charles Mallinson, Lãnh sự phó.

Những tên người kể trên sau này được đăng trên báo chí ở Ấn Độ và ở Anh.

Conway ba mươi bảy tuổi. Anh đã công tác ở Baskul hai năm, làm một công việc mà giờ đây qua những sự kiện vừa rồi, có thể coi là bắc yên cho một con ngựa tồi. Một giai đoạn trong cuộc đời anh thế là đã chấm dứt, trong vòng hai tuần lễ nữa, hoặc có thể là sau vài tháng, về phép ở Anh quốc, anh sẽ được cử đến một nơi khác: Tokyo hoặc Tehran, Manila hoặc Muscat; những người làm nghề ngoại giao như anh chẳng bao giờ biết trước cái gì sẽ đến với mình. Anh đã công tác tại Lãnh sự quán suốt mười năm, thời gian khá dài để đánh giá anh sắc sảo, có khả năng hoàn thành những công việc của nhiều người khác. Anh biết rằng, những món bở không bao giờ đến phần mình; nhưng thực cũng có điều để an ủi anh một cách chân thành là không phải chỉ toàn những món cay chua và nghĩ cho cùng, anh cũng không phải con người ham thích những món bở. Anh thích chọn một công việc ít hình thức và khá sinh động, mà thường thì những công việc như vậy không được bở; với con mắt người khác, chắc hẳn họ cho là anh chơi bài quá kém. Sự thực, anh cảm thấy mình đã chơi khá tốt; mười năm qua anh đã làm một công việc đầy những đổi thay và có phần thú vị.

Anh vóc người cao to, nước da bánh mật, mái tóc cắt ngắn màu nâu và

cặp mắt xanh đen. Trông anh nghiêm khắc, suy tư trừ lúc anh cười (những lúc như thế không có nhiều lắm và những khi ấy, nom anh như đứa trẻ). Ở gần mắt trái anh thường thấy giật giật nhẹ, nhất là khi anh làm việc quá căng hoặc uống rượu nhiều thì càng thấy rõ. Suốt ngày đêm hôm trước ngày di tản, anh đã luôn tay đóng gói và phá hủy các tài liệu, nên chứng giật giật ấy càng thấy rõ khi anh bước lên máy bay. Anh mệt lử nhưng cũng hết sức vui mừng vì đã xoay sở để được đáp chiếc phi cơ sang trọng của tiểu vương chứ không phải đi những máy bay thường. Anh cho phép mình ngả người thoải mái trên chiếc ghế mấy lúc máy bay cất cánh vút lên cao. Anh là con người đã quen chịu đựng gian khổ và ít mong có được những tiện nghi để bù lại. Anh có thể sẽ vui vẻ chịu đựng gian khổ trên đường đi tới Samarkand, nhưng còn từ London đi Paris anh sẽ tiêu món tiền mười bảng cuối cùng để đáp máy bay Mũi Tên Vàng.

Máy bay bay được hơn một tiếng đồng hồ thì Mallinson nói anh ta nghĩ anh phi công đã đi chệch đường. Mallinson ngồi ngay phía trước. Anh là một thanh niên khoảng hai mươi lăm tuổi, đôi má đỏ hồng, thông minh, nhưng chưa phải là trí thức, còn nặng những hạn chế cũng như những tốt đẹp của nhà trường. Trượt thi là nguyên nhân chính đã khiến anh bị điều đến Baskul và anh đã cùng làm với Conway được sáu tháng, và Conway đã bắt đầu mến anh.

Nhưng Conway ngại mệt vì phải nói chuyện trên máy bay, nên anh chi uể oải mở mắt đáp lại mặc cho máy bay muốn bay theo đường nào thì bay, anh phi công hẳn phải biết rõ việc mình làm hơn ai hết.

Nửa giờ sau, khi Conway đã gần thiếp ngủ vì mệt và vì tiếng động cơ máy bay kêu rì rì, Mallinson lại đánh thức anh dậy nói: "Này anh Conway, trước đây tôi cứ nghĩ Fenner lái chuyên bay này?"

"Ồ, thế không phải anh ta ư?"

"Người lái vừa quay đầu lại thì tôi thấy đúng là không phải Fenner."

"Nhìn qua tấm kính thì khó mà biết rõ được."

"Ồ, vậy thì phải là người khác. Tôi thấy điều đó chẳng có gì quan trọng."

"Nhưng Fenner trước đây có nói chắc chắn với tôi rằng anh ta sẽ lái chuyến này cơ mà?"

"Hẳn người ta đã thay đổi ý kiến và thay anh ta bằng một người khác."

"Vậy, người ấy là ai mới được chứ?"

"Chú em ơi! Làm sao tôi biết được? Chú nghĩ là tôi nhớ tên tất cả các sĩ quan phi công trong không lực ư?"

"Tôi quen rất nhiều người trong bọn họ, mà tôi cũng không nhận ra người này là ai."

"Hẳn người này nằm trong số ít người mà chú không biết đây thôi." Conway mỉm cười và nói thêm: "Để khi tới Peshawar, chú có thể làm quen với anh ta rồi hỏi anh ta là ai?"

"Cứ kiểu này thì chúng ta sẽ không tới được Peshawar. Đích xác là anh này đã đi chệch đường bay. Mà tôi cũng không lấy làm lạ - bay trên độ cao khủng khiếp này thì anh ta nhận sao ra được mình đang ở đâu."

Conway nín thinh. Anh đã quen đi lại bằng đường hàng không nên cho đó là điều tất nhiên. Vả lại, anh cũng chẳng có điều gì riêng mà hăm hở vội vã đến Peshawar; chuyến bay hết bốn giờ hay sáu giờ đối với anh cũng chẳng đáng quan tâm. Anh chưa lập gia đình. Đến Peshawar anh cũng sẽ chẳng có ai thân thiết ra đón chào. Anh có bạn bè ở đây, đến Peshawar, một số họ có thể sẽ kéo anh đến câu lạc bộ để uống bia, cũng vui đây, nhưng không phải vì thế mà anh phải thở dài trước vì chuyên bay chậm trễ.

Mà anh cũng không thở dài khi nhìn lại quá khứ; mười năm vừa qua, nhìn lại, anh cũng thấy nó thú vị đây, tuy không phải là một cảnh tượng hoàn toàn thích thú. Thay đổi luôn, có những quãng thời gian khá thú vị, trở nên có phần không ổn định; đây là bản tóm tắt thời tiết của chính anh trong thời gian ấy cũng như của thế giới. Anh nghĩ đến Baskul, đến Bắc Kinh, Macao và nhiều nơi khác - anh thường di chuyển luôn. Xa xôi nhất là Oxford, nơi anh đã làm công tác giảng dạy trong vài năm sau Chiến tranh, giảng dạy về lịch sử Phương Đông, nơi anh đã từng hít bụi trong những thư viện đầy ánh nắng, đã từng tòng teng chiếc xe đạp dạo xuống vùng xuôi. Cái hình ảnh gợi lại đã hấp dẫn anh, nhưng không làm được anh xao động; với một ý nghĩa

nào đó, anh cảm thấy mình vẫn là một phần của tất cả những gì anh đã có thể trở thành.

Một cảm giác lộn ruột quen thuộc cho anh biết máy bay bắt đầu hạ thấp. Anh định mắng cho Mallinson mấy câu về sự bồn chồn lúc nãy, và có lẽ anh đã mắng rồi nêu anh thanh niên không đột nhiên đứng ngay dậy, đầu chạm vào trần buồng máy bay, lay lay đánh thức anh Barnard, người Mỹ, đang gà gật ngủ ở ghế hàng bên kia lối đi.

"Trời ơi!." Mallinson kêu lên, mắt nhìn qua cửa sổ. "Mọi người hãy nhìn xuống bên dưới xem kìa!"

Conway đưa mắt nhìn. Quang cảnh bên dưới không phải là quang cảnh mà anh chờ đợi, nếu như thực sự anh có chờ đợi. Không phải là những doanh trại gọn ghẽ, bố trí vuông vắn với những khu nhà để máy bay hình thuôn; không nhìn thấy gì ngoài một làn sương mù mờ đục che phủ, một vùng hoang vu mênh mông mang màu nâu sẫm. Máy bay tuy đang lao xuống thực nhanh, nhưng vẫn còn ở một độ cao khác với những chuyến bay thường. Nhìn thấy những dãy núi lớp lớp chạy dài, có lẽ gần hơn đường mờ đầy mấy của các khu thung lũng khoảng đến một dặm. Đây là quang cảnh điển hình của một vùng biên giới, tuy Conway chưa hề nhìn thấy bao giờ từ trên một độ cao như vậy. Anh cũng lấy làm lạ nhìn mãi vẫn không thể nhận ra đây là một vùng nào gần Peshawar.

"Tôi không nhận ra đây thuộc vùng nào trên thế giới," anh nói. Rồi kín đáo, vì sợ sẽ làm những người khác hoảng sợ, anh ghé tai Mallinson nói: "Hình như chú nghĩ đúng đây. Anh lái này đã bay lạc đường thì phải."

Chiếc phi cơ lao xuống cực nhanh khiến không khí bốc nóng hơn, vùng đất cháy xém ở dưới như một cái lò khói. Bỗng nhiên cửa mở bật ra. Những đỉnh núi, đỉnh nọ tiếp đỉnh kia nhô lên trên đường chân trời với những hình bóng lởm chởm. Giờ đây máy bay bay dọc theo một thung lũng cong cong, dưới đáy lởm chởm những tảng đá và những mảnh vụn của các con suối đã khô cạn. Nom chẳng khác gì một nền nhà rải rác những vỏ quả hạnh nhân. Máy bay xóc nảy lên trong những túi không khí khiến thấy khó chịu chẳng khác gì con thuyền gặp vùng nước xoáy. Cả bốn người đều phải bám ghì lấy ghế ngồi.

"Như họ muốn hạ cánh thì phải!" Anh chàng người Mỹ hét lên giọng

khàn khàn.

"Không thể được!" Mallinson đáp lại. "Có điên mới tính chuyện hạ cánh. Sẽ va vào núi mà tan xác.

Nhưng anh chàng phi công đã hạ cánh thực. Một khoảnh đất nhỏ quang đãng bên cạnh một rãnh sâu, thực khéo léo tuyệt vời mới làm được chiếc phi cơ nảy xóc rồi đứng dừng bặt lại. Nhưng cái gì xảy ra sau đó lại còn rắc rối và đáng lo sợ hơn. Từ bốn phía, một bầy những thổ dân, người nào cũng rậm râu và đội khăn xông ra, vây quanh chiếc máy bay và ngăn không cho một người nào bước chân xuống trừ người lái. Anh phi công nhảy xuống đất và nói chuyện rất sôi nổi với đám người kia. Lúc này mới thấy rõ anh ta không phải là Fenner, càng không phải là một người Anh, thậm chí không phải là một người châu Âu nữa. Rồi những can xăng được lấy từ một nơi nào gần đó đem đến đổ vào những cái két rất to.

Bốn người bị cầm tù trên máy bay tha hồ mà la hét, đáp lại chỉ có những cái cười nhe răng ngạo mạn và sự yên lặng không đếm xỉa đến họ. Còn nếu ai hơi có ý định nhảy xuống liền thấy hàng chục họng súng chĩa vào đe dọa. Conway vốn biết một ít tiếng thổ dân Pushtu, cố gắng tìm lời lẽ nói với đám người nọ, nhưng cũng vô hiệu; còn câu trả lời duy nhất của viên phi công với những ý kiến của bất kỳ ai nói bằng bất kỳ ngôn ngữ nào cũng chỉ là mũi súng ngắn hoa lên đầy ý nghĩa. Nắng giữa trưa hun nóc buồng khách chiếc phi cơ, nung đốt không khí bên trong buồng máy bay khiến mấy người khách trong đó muốn xỉu đi vì nóng và vì la hét đã mệt người. Họ đành bất lực bởi điều kiện bắt buộc người di tản không được mang theo vũ khí.

Khi cuối cùng, các két xăng đã được vít chặt, một can nước ấm được đưa qua một cửa sổ cabin. Không câu hỏi nào được trả lời, tuy xem ra đám người bên ngoài không có vẻ tỏ ra thù địch đối với mấy người trên máy bay. Sau một hồi thảo luận nữa, viên phi công leo lại lên buồng lái, một người Pathan (Dân tộc Afghanistan ở vùng gần Pakistan) lóng ngóng quay cánh quạt và chuyến bay lại tiếp tục. Việc cất cánh máy bay ở một khu đất hẹp, lại thêm một khối xăng, còn tài tình hơn việc hạ cánh. Máy bay bay vút lên cao và trong một vùng hơi nước mờ mịt quay hướng về phía Đông như đã định được hướng đi. Lúc ấy vào giữa buổi chiều.

Một việc làm hết sức lạ lùng và khó hiểu!

Tỉnh lại vì không khí mát hơn tất cả bốn người không thể tin được sự việc vừa xảy ra là có thực; đây là một sự vi phạm, một sự xúc phạm trắng trợn mà không một ai thấy xảy ra tương tự từ trước đến nay trong tất cả những sự kiện hỗn loạn ghi được ở vùng biên giới. Thực thế, sự việc vừa xảy ra không thể tin được nêu chính bản thân họ không phải là nạn nhân. Tất nhiên, sau những phút ngỡ ngàng khó tin là sự phẫn nộ cao độ và chỉ khi sự phẫn nộ nguôi đi mới đến chuyện suy đoán trong lo âu. Mallinson đưa ra thuyết cũng dễ chấp nhận nêu không có ai có ý kiến khác: Đây là một vụ bắt cóc để tống tiền. Thủ thuật này không có gì là mới, tuy cách làm phải coi là độc đáo. Phần nào được an ủi khi cảm thấy đây là một câu chuyện không hoàn toàn mới tinh; dù sao thì trước đây cũng đã từng xảy ra nhiều vụ bắt cóc và hầu như đều kết thúc yên lành. Đám thổ dân giữ nhốt anh trong một hang núi nào đó cho đến lúc Chính phủ trả tiền và thế là anh được thả. Anh sẽ được đối xử rất lịch sự vì tiền để trả không phải tiền túi của anh, toàn bộ sự việc chỉ khó chịu trong suốt thời gian nó xảy ra mà thôi. Sau đó, tất nhiên, không quân sẽ cử một phi đội đến thả bom, còn anh có được câu chuyện khá hấp dẫn để kể lại suốt đời. Mallinson đưa ra thuyết của mình với thái độ bực dọc; còn Barnard, anh chàng người Mỹ lại tỏ ra hết sức hài hước. Anh ta nói: "Vâng, thưa các ngài, tôi dám nói đây là một ý kiến ngộ nghĩnh của một kẻ nào đó, nhưng tôi không thể nhận thấy không lực của các ngài đã yểm hộ mình một cách đầy vinh quang. Người Anh các ngài vẫn thường chế giễu các vụ cướp đường ở Chicago cùng nhiều nơi khác bên Mỹ, song tôi không hề thấy có, một tên cướp đường nào đã nẵng đi mất một chiếc máy bay của Chú Sam. Và tôi muốn biết, tên không tặc này đã thực sự làm gì anh phi công. Tôi đoán chắc nó đã đập chết anh ta." Nói xong, anh chàng ngáp dài. Barnard, vóc người to béo, gương mặt đầy nếp nhăn, mà những nếp vui hài hước không bù đắp lại được những nét bi quan. Không một ai ở Baskul biết rõ anh ta ngoài việc anh ta đã từ Ba Tư tới và đâu như ở đây, anh chàng có dính dáng gì đến công việc dầu khí.

Trong lúc ấy, Conway bận bịu với một công việc rất thực tế. Anh đã thu góp tất cả những mẩu giấy mà mấy người có được để viết ra những lời kêu gọi bằng nhiều thứ tiếng thổ dân để quãng quãng lại ném xuống. Cơ may thực cũng mỏng manh vì đây là một vùng rất thưa thớt dân cư, nhưng đó vẫn là một việc đáng làm.

Người thứ tư, cô Brinklow, chỉ ngồi mím môi, lưng ưỡn thẳng, rất ít

nói và cũng rất ít than phiền. Cô ta người nhỏ nhắn, một phụ nữ khá cứng cỏi, với một vẻ như bị bắt buộc phải tham dự vào một hội nghị mà có những ý kiến cô không thể hoàn toàn tán đồng.

Conway nói ít hơn hai người đàn ông kia vì dịch những thông điệp SOS ra tiếng thổ dân là một công việc tinh thần đòi hỏi phải tập trung tư tưởng. Tuy nhiên, khi được hỏi, anh cũng đáp lại và có khuynh hướng đồng ý với Mallinson về thuyết họ bị bắt cóc. Anh phần nào tán đồng những lời chỉ trích của Barnard đối với Không lực Anh quốc. "Mặc dù vậy, sự việc vẫn rất có thể xảy ra. Ở một nơi đang xáo động như thể, người ăn vận quần áo phi công lái máy nom rất giống những người khác. Không ai lại nảy ra ý ngờ vực cái ý tốt của một người ăn vận đúng quần áo phi công, tỏ ra thạo công việc. Và anh chàng này hẳn phải thạo: Biết ra hiệu lệnh,... Và rõ ràng hắn còn biết lái. Tuy nhiên, tôi cũng đồng ý với các bạn đây là một sự việc khiến một anh chàng nào đó sẽ bị phiền nhiễu đây. Và chắc chắn có một anh chàng sẽ phải chịu vạ, dù tôi cho rằng anh ta không đáng tội."

"Vâng, thưa ông," Barnard đáp, "Tôi rất khâm phục cách nhìn cả hai mặt của vấn đề. Đây đúng là tinh thần người ta cần có ngay cả khi anh bị chế giễu."

Conway nghĩ bụng: Người Mỹ họ có tài khéo nói với vẻ bề trên mà vẫn không làm người nghe phật ý. Anh mỉm cười độ lượng, nhưng không nói tiếp. Cái mệt mỏi nơi anh là thứ mệt mỏi mà không có nguy nan nào làm dẹp đi được. Vào khoảng chiều muộn, khi Barnard và Mallinson vừa đã tranh cãi với nhau, nay định hỏi Conway về một điểm nào đó thì thấy anh đã ngủ thiếp đi rồi.

"Anh ấy bị mệt quá đây!" Mallinson nói, "Tôi không lạ gì vì mấy tuần nay anh ấy đã phải làm việc quần quật."

"Anh là bạn của ông ta à!" Barnard hỏi.

"Tôi cũng làm việc với anh ấy ở Tòa lãnh sự. Tôi biết suốt bốn đêm cuối cùng vừa qua, anh ấy đã không chợp mắt. Tất nhiên, chúng ta thực may mắn hết sức vì có anh ấy trong lúc khó khăn như hiện nay. Ngoài việc biết nhiều ngoại ngữ, anh ấy còn có tài đối xử với mọi người. Người có thể sẽ gỡ cho chúng ta khỏi khó khăn này hẳn phải là anh ấy. Trong mọi trường hợp, anh ấy đều rất bình tĩnh."

"Ồ, vậy thì cứ để anh ấy ngủ." Barnard nói.

Cô Brinklow lúc này cũng đưa ra một lời nhận xét hiếm hoi: "Tôi thấy trông anh ấy đúng là một con người dũng cảm."

Conway không chắc chắn lắm về điều trước đây mình là một con người rất dũng cảm. Anh nhắm mắt chỉ vì người anh mệt mỏi chứ không thật sự ngủ. Anh vẫn nghe và cảm thấy mọi động tác của chiếc máy bay và anh cũng đã nghe thấy với những cảm xúc lẫn lộn, những điều Mallinson ca ngợi anh. Vừa lúc đó, anh thấy bản thân mình có điều nghi ngờ qua cái cảm giác căng thẳng nơi dạ dày, cái cảm giác phản ứng của cơ thể mỗi khi anh có điều gì không được ổn trong suy nghĩ. Qua kinh nghiệm, anh thấy rõ mình không phải là một con người thích mạo hiểm chỉ vì mạo hiểm. Trong nguy hiểm, có một khía cạnh mà đôi khi anh thích thú đó là sự kích thích, cái cảm giác có tác dụng tẩy rửa đi những xúc cảm ủy mị, yếu ớt, nhưng anh không hề thích thú sự liều lĩnh sinh mạng của mình. Mười hai năm trước đây anh đã lớn lên, biết căm thù những hiểm họa của cuộc chiến tranh trong hào lũy ở Pháp; nhiều lần anh đã tránh được cái chết vì không dại đột làm những việc không thể làm được để tỏ ra dũng cảm. Ngay cái huân chương D.S.O[3][1] anh giành được cũng không phải do can đảm về cơ thể nhiều lắm mà bằng một thứ kỹ thuật mới phát triển là sự chịu đựng. Và từ thời chiến tranh mỗi khi gặp một nguy nan, anh thường đương đầu với nó mỗi ngày một kém thích thú, trừ trường hợp nó hứa hẹn những sự rung động kỳ lạ.

Anh vẫn nhắm mắt. Anh cảm động và có phần hơi buồn về những điều anh vừa nghe Mallinson nói. Số phận cuộc đời anh là người ta thường lầm coi thái độ trầm tĩnh của anh là lòng dũng cảm, trong khi thực ra đây chỉ là một cái gì đó thiếu thiết tha nhiều hơn là cương cường gan dạ. Tất cả những khi ấy theo anh, dường như đều là những lúc anh lâm vào một hoàn cảnh khó xử, và không hề có gì là dũng cảm lắm, anh chỉ cảm thấy chủ yếu là ghê tởm những gì có thể còn gây ra phiền nhiễu. Chẳng hạn, có cô Brinklow. Anh nhìn thấy trước trong một số hoàn cảnh nhất định anh sẽ phải hành động với giả thiết cho rằng cô ta là một phụ nữ, nên cô ta còn quan trọng hơn mấy người kia cộng lại, và anh chùn lại trước một hoàn cảnh mà cách xử sự không cân xứng như vậy có thể là không thể tránh được.

Tuy nhiên, khi tỏ ra dấu hiệu anh đã thức dậy thì người đầu tiên anh nói chuyện với lại chính là cô Brinklow. Anh biết rằng cô ta không còn trẻ

và cũng không xinh đẹp - hai đức tính tiêu cực nhưng cực kỳ hữu ích trong những bước gặp khó khăn như sắp tới đây họ sẽ gặp phải. Anh có phần lấy làm buồn cho cô, vì anh nghĩ cả Mallinson cùng anh chàng người Mỹ nọ đều không ưa thích những nhà truyền giáo, nhất là khi những người ấy lại là phụ nữ. Bản thân anh, anh không có thành kiến, nhưng anh e rằng, cô ta sẽ nhận thấy cái tính tình cởi mở kém thân thiện của anh và thậm chí vì thế coi đây là một hiện tượng khó xử.

"Chúng ta dường như đang gặp phải một hoàn cảnh khó khăn kỳ lạ", anh rướn người về phía trước, ghé vào tai cô Brinklow nói: "Nhưng tôi rất vui mừng vì thấy cô tỏ ra rất bình tĩnh. Tôi thực sự không nghĩ có điều gì đó dễ sợ sắp xảy ra cho chúng ta."

"Tôi tin chắc nó sẽ không xảy ra nếu anh có thể ngăn trước được nó", cô ta đáp lại, và câu trả lời ấy đã không khiến được anh an tâm.

"Cô phải nói cho tôi biết xem chúng tôi có thể làm được điều gì để cô yên tâm hơn."

Barnard nghe được từ "yên tâm" liền lặp lại giọng khàn khàn: "Ồ, tất nhiên, chúng ta đều rất yên tâm. Chúng ta đang tiến hành một cuộc hành trình thú vị. Tiếc là không có một cỗ bài ở đây để chúng ta có thể chơi một ván."

Conway hoan nghênh tinh thần của câu nói, mặc dầu anh không thích chơi bài. "Tôi nghĩ cô Brinklow đây không chơi bài" anh vừa nói vừa mỉm cười.

Nhưng nhà truyền giáo nhanh nhẹn quay lại đáp: "Quả thực, tôi vẫn hay chơi bài và tôi không hề thấy có gì hại trong việc làm đó. Trong Kinh Thánh không có ngăn cấm chơi bài."

Tất cả mọi người phá lên cười, dường như để cám ơn cô đã tạo ra cho họ một cái cớ. Conway nghĩ, dù sao thì cô ta cũng không quá cuồng tín.

Suốt buổi chiều máy bay đã bay xuyên qua lớp sương mù mỏng của tầng cao khí quyển, ở độ quá cao, khiến không nhìn thấy rõ những gì ở bên dưới. Đôi khi, lâu lâu, lại thấy bức màn sương bị rách một mảng để lộ ra

đường nét lởm chởm của một đỉnh núi, hoặc ánh lấp lánh của một dòng nước không quen biết. Chỉ có thể xác định đại khái hướng bay bằng cách nhìn hướng mặt trời; máy bay vẫn bay về hướng Đông, đôi khi quay một chút về hướng Bắc, nhưng còn đi đến đâu thì tùy thuộc vào tốc độ chuyến bay, mà Conway không thể ước tính được chính xác. Tuy nhiên, dường như bay lâu như thế này đã tốn khá nhiều xăng, tuy tốn bao nhiêu lại còn tùy vào nhiều yếu tố không chắc chắn. Conway không biết mấy về kỹ thuật hàng không, nhưng có điều anh biết chắc anh phi công này bất kể là ai, cũng là một tay lái cừ khôi. Cứ xem việc đỗ xuống nghỉ ở chỗ thung lũng lởm chởm đầy đá vừa qua là đủ rõ, và còn mấy sự việc khác xảy ra sau đó. Và Conway không thể xua đi được cái cảm giác, ở anh bao giờ cũng vậy, khi anh được chứng kiến một tài năng tuyệt vời không phải bàn cãi. Anh vốn quen ưa thích giúp đỡ người khác nên chỉ biết được một ai đó không hỏi và không cần sự giúp đỡ là anh thấy yên tâm, ngay dù sắp tới có đầy rẫy những tình huống phức tạp. Nhưng anh không nghĩ rằng các bạn cùng đi với anh cũng có cái cảm xúc tế nhị như vậy. Anh thừa nhận họ hẳn có những lý do riêng để lo lắng hơn anh. Mallinson, chẳng hạn, anh ta đã đính hôn với một cô gái tại Anh; Barnard có thể đã có gia đình; cô Brinklow có công việc hoặc thiên hướng của cô. Ngẫu nhiên, Mallinson lại là người ít bình tĩnh nhất; mỗi lúc anh một trở nên bực bội hơn - thậm chí còn bực tức với ngay cả cái vẻ bình tĩnh trên gương mặt Conway, điều mà anh vẫn ca ngợi lúc vắng Conway. Có lần, những lời lẽ tranh cãi nổ ra to đến át cả tiếng động cơ. Mallinson giận dữ hét lên: "Đây, thế chúng ta đành cứ phải khoanh tay trong lúc cái thằng điên kia muốn làm gì thì làm ư? Cái gì đã ngăn chúng ta không đập vỡ kính để quẳng cả cái thằng điên kia đi nhân thế?"

"Chẳng có gì ngăn hết," Conway đáp lại "trừ việc hắn có súng mà chúng ta lại tay không, vả lại, quẳng hắn đi thì sau đó không một ai trong chúng ta biết lái đưa máy bay hạ cánh xuống đất."

"Chắc chắn cũng chẳng khó lắm. Tôi dám nói là anh có thể làm được việc đó."

"Mallinson thân yêu của tôi ơi, tại sao lúc nào chú cũng nghĩ rằng tôi có thể làm được những phép lạ ấy?"

"Ồ, dù sao thì việc này cũng khiến tôi bực mình vô cùng. Liệu chúng ta có hạ thủ được hắn không?"

"Thế chú bày cho tôi nên làm cách gì bây giờ?"

Mỗi lúc Mallinson lại bị kích động hơn. "Này nhé, hắn đang ngồi kia phải không? Cách chúng ta chỉ hơn một mét, mà chúng ta lại có ba người chọi một! Chẳng lẽ cứ chịu giương mắt nhìn thằng điên ấy ư? ít nhất thì cũng bắt được nó khai ra cái trò này là trò gì?"

"Được, hãy thử xem." Conway nói rồi bước mấy bước lại gần tấm chắn giữa buồng khách và buồng lái, buồng lái ở phía trước cao hơn một chút. Tấm kính chắn khoảng sáu inch, vuông và có rãnh để gạt mở, qua đó người lái khi quay đầu và hơi cúi xuống một chút có thể nói chuyện được với hành khách ở buồng dưới. Conway lấy khớp đốt ngón tay gõ vào tấm chắn. Câu trả lời thực nực cười như anh đã nghĩ trước. Tầm kính được gạt sang một bên và một họng súng nhô ra. Không một lời nói, có vậy thôi. Conway lui lại không bàn cãi gì hết và tấm kính lại được gạt trở lại.

Mallinson đứng nhìn chỉ phần nào dịu đi. Anh nói: "Tôi cho là nó không dám bắn đâu. Đây có thể chỉ là một mánh khóe lừa bịp."

"Đúng vậy", Conway nói nhưng mình muốn để chú thử xem cho chắc chắn.

"Ồ, tôi nghĩ chúng ta dù sao cũng phải bằng cách nào đó chiến đấu chứ không chịu bó tay ngoan ngoãn như thế này."

Conway thông cảm với anh. Anh biết rõ cái quy ước nọ cùng tất cả những liên quan của nó với anh lính áo đỏ và những cuốn sách lịch sử nhà trường, là người Anh không sợ gì hết, không bao giờ đầu hàng và không bao giờ chịu bị đánh bại. Anh nói: "Xông vào đánh nhau mà không có một chút cơ may nào để thắng thì quả là một trò chơi tồi, tôi không phải là thứ anh hùng như vậy."

"Ngài nói hay lắm!" Barnard vui vẻ nói xen vào. "Khi anh bị một kẻ tóm được gáy thì anh có thể vui vẻ và chịu thua cũng được. Về phần tôi, tôi sẽ cứ vui vẻ với cuộc sống chừng nào nó còn tồn tại và hút xì gà. Tôi hy vọng ông không thấy một sự nguy hiểm thêm nào khiến chúng ta phải quan tâm."

"Với tôi thì không, nhưng nó có thể làm phiền cô Brinklow."

Barnard mau mồm sửa lại, anh nói: "Xin lỗi bà, nhưng bà có lấy làm phiền không nếu tôi hút thuốc ở đây?"

"Không hề sao," cô Brinklow dịu dàng đáp, "Bản thân tôi không hút, nhưng tôi lại ưa ngửi mùi thơm của xì gà."

Conway thấy trong số tất cả những người phụ nữ có thể nói lên được một câu như vậy thì cô Brinklow là người tiêu biểu nhất. Dù sao thì lúc này cơn kích động của Mallinson cũng đã dịu đi một chút, và để tỏ tình thân thiện, anh đưa mời Conway một điếu thuốc lá, tuy anh không châm lửa để mình hút. Conway dịu dàng nói: "Anh biết rõ tình cảm của chú. Chúng ta đang ở vào một hoàn cảnh xấu, và theo một ý nghĩa nào đó, thì hoàn cảnh này thực hết sức tồi tệ, vì chúng ta không còn cách gì có thể làm để tự giải thoát."

"Theo cách khác thì cũng càng tốt," anh không thể không nói thêm với chính mình, vì anh vẫn còn cực kỳ mệt. Trong bản chất anh cũng có một nét mà một số người có thể gọi đây là lười nhác, tuy không hẳn là như vậy. Không ai có thể làm việc tích cực hơn anh, khi có công việc phải làm và cũng không ai có tính thần trách nhiệm hơn anh; nhưng sự thể vẫn là anh không thiết tha hoạt động cho lắm và cũng không thích thú gánh vác trách nhiệm chút nào. Cả hai thứ ấy đều thể hiện trong việc làm của anh và anh đã hoàn thành tốt nhất cả hai, song anh luôn sẵn sàng nhường chỗ cho ai đó, nếu họ có thể làm được như anh hoặc tốt hơn. Chắc phần nào vì thế mà thành tựu của anh trong những năm làm việc tại Vụ không được nổi bật đáng như nó phải đạt. Anh không phải là con người nhiều tham vọng để xô đẩy vượt người khác, và cũng không phải là con người làm ra vẻ quan trọng, phô trương ta đây không làm gì khi thực sự không có gì để làm. Những công văn giấy tờ anh thảo đôi khi ngắn gọn đến mức cộc lốc, và thái độ bình tĩnh của anh trong những trường hợp khẩn cấp, tuy được nhiều người khen ngợi, nhưng nhiều khi vẫn bị nghi là không thành thực. Quyền lực muốn cảm thấy con người phải tự căng mình ra, và vẻ bề ngoài thờ ơ lạnh nhạt của anh chỉ là một cái áo choàng che kín những xúc cảm bên trong của con người có giáo dục. Với Conway, thường có những kẻ đen tối nghi kỵ cho là anh thực sự thờ ơ với công việc như vẻ bề ngoài, anh vẫn tỏ ra là bất kỳ sự việc gì xảy đến anh cũng kệ thấy. Nhưng những nhận xét này cũng như ý nghĩ cho là anh lười nhác, đều không thật sự đúng. Điều mà hầu hết những người quan sát bề ngoài không nhận thấy ở anh là một cái gì hoàn toàn đơn giản: Đó là

anh thích sự yên tĩnh, suy tư và được ở một mình.

Giờ đây, vì tính nết anh như vậy và lúc này lại không có việc gì làm, nên anh tựa lưng vào chiếc ghế mây thiêm thiếp ngủ. Khi thức giấc, anh thấy mấy người kia, mặc dầu mỗi người đều có những băn khoăn lo lắng riêng, nhưng vẫn ai nấy đều đã ngủ cả. Cô Brinklow ngồi thẳng người, mắt nhắm lại như một thần tượng lỗi thời và xám xịt; Mallinson thì cúi người về phía trước, một bàn tay chống cằm. Anh chàng người Mỹ thậm chí còn ngáy to. Họ cũng rất biết điều đây, Conway nghĩ bụng, việc gì mà cứ la hét lên để cho mệt người. Nhưng lập tức, trong cơ thể anh, anh cảm thấy hơi chóng mặt, tim đập hơi mạnh và anh như gắng sức hít vào thực mạnh. Anh nhớ lại đã có lần trước kia anh cũng có những triệu chứng này – hồi ở trên núi Alps bên Thụy Sĩ.

Rồi anh quay về phía cửa sổ nhìn ra ngoài. Bầu trời xung quanh hoàn toàn quang đãng và trong ánh sáng buổi chiều tà, trước mắt anh hiện ra một cảnh tượng mà lúc này đã cuốn cạn đi chút hơi thở còn lại trong phổi anh. Xa từ đằng kia, tại nơi giới hạn của tầm xa, là trùng điệp những dãy núi phủ tuyết với những con sông đóng băng cuốn kết như những tràng hoa, những con sông đóng băng trông như đang bập bềnh nổi trên lớp lớp mây mông mênh. Những lớp mây phủ kín toàn bộ vòng cung của đường tròn hòa lẫn vào nhau về phía Tây nơi đường chân ười là những màu sắc lòe loẹt, chói lọi, chẳng khác gì một tấm phông phong cách ấn tượng, tác phẩm của một thiên tài nửa điên dại. Và trong lúc đó, trên tầng cao kỳ lạ, tiếng động cơ kêu vo vo, chiếc máy bay bay trên một vực thẳm, trước mặt là một bức tường trắng toát, tưởng như một mảng của chính bầu trời cho đến lúc ánh nắng rọi tới. Và khi ấy, giống như hàng chục khu nghỉ Jungfraus[4][1] chồng chất lên nhau nhìn từ Mürren[5][2], bức tường bốc cháy thành một vùng sáng chói hừng vĩ lóa mắt.

Conway không phải là con người dễ bị gây ấn tượng và như một thông lệ, anh không quan tâm đến những "cảnh", đặc biệt những cảnh nổi tiếng hơn mà nhiều thành phố quan tâm đã tạo ra địa điểm công viên. Đã có một lần anh được người ta đưa lên ngọn đồi Con Hổ, gần Darjeeling[6][3], để ngắm cảnh mặt trời mọc trên ngọn Everest[7][4] và anh đã thất vọng với ngọn núi cao nhất thế giới. Nhưng cái cảnh tượng dễ sợ ở bên kia tấm kính cửa sổ lúc này lại ở cỡ khác; nó không có vẻ được bày đặt ra để chiêm ngưỡng. Những vách

băng quyết liệt nọ có một cái gì thô và ghê tởm, và khi tiến lại gần chúng là cả một sự liều lĩnh siêu phàm. Anh ngẫm nghĩ, mường tượng lại những tấm bản đồ, tính khoảng cách, ước lượng thời gian và tốc độ. Rồi anh thấy Mallinson cũng thức giấc. Anh chạm vào tay chàng thanh niên.

CHƯƠNG HAI

Một nét đặc biệt của Conway là cứ để mọi người tự thức dậy và không nói năng gì khi họ thốt lên những lời tỏ vẻ ngạc nhiên, nhưng về sau, khi Barnard hỏi ý kiến anh, thì anh nói với vẻ lưu loát tự nhiên của một giáo sư đại học đang giải thích một vấn đề. Anh nói theo anh nghĩ, có thể vẫn còn ở trong địa phận Ấn Độ; máy bay bay về hướng Đông đã nhiều giờ, bay ở độ quá cao nên không thể nhìn thấy gì mấy, song chắc có thể đường bay là theo một thung lũng có sông, chạy dài từ Đông sang Tây.

"Tôi muốn tôi không phải dựa vào trí nhớ, mà tôi có cảm giác đây là khu thung lũng ở mạn thượng lưu sông Indus. Nếu vậy thì chúng ta đã được đưa đến một vùng rất ngoạn mục của thế giới và như các bạn thấy đây, thực là ngoạn mục."

"Vậy, thế anh có biết đây là nơi nào không?" Barnard ngắt lời Conway và hỏi.

"Ồ, không - trước đây, tôi chưa hề đến gần vùng này bao giờ nhưng tôi cũng sẽ không lấy làm lạ nếu đây là dãy núi Nanga Parbat, nơi anh chàng Mummery đã bỏ mạng. Về câu trúc và hình dáng chung thì dường như cũng ăn khớp với tất cả những gì tôi đã được nghe nói về dãy núi này."

"Thế anh cũng là một nhà leo núi ư?"

"Hồi ít tuổi hơn, tôi từng thích môn thể thao này. Có điều, tất nhiên, tôi chỉ thường leo ở Thụy Sĩ mà thôi."

Mallinson cáu kỉnh nói xen vào: "Xin bàn luận về việc rồi đây chúng ta sẽ đi đến đâu, tôi thấy nó còn thiết thực hơn. Cầu Chúa truyền cho người nào có thể nói cho chúng ta biết điều đó."

"Ồ, này, tôi thấy hình như chúng ta đang đi về phía rặng núi đằng xa kia phải không, anh Conway?" Barnard nói: "Tôi xin lỗi anh vì tôi đã gọi anh

như vậy, nhưng nêu chúng ta sắp cùng mắc vào một chuyên phiêu lưu thì tôi chẳng cần câu nệ cho lắm."

Conway cho việc ai gọi tên mình ra cũng là điều tự nhiên, nên việc Barnard xin lỗi, anh thấy chỉ là một điều vặt không cần thiết.

"Ồ, đúng thế!"

Anh nói và tiếp thêm:

"Tôi nghĩ dãy núi ấy phải là dãy Karakorams. Ở đây có rất nhiều hõm, đèo, nếu anh chàng của chúng ta có ý định vượt qua nó."

"Anh chàng của chúng ta?" Mallinson la lên. "Anh muốn nói thằng điên của chúng ta phải không? Tôi thừa nhận là cái thuyết bắt cóc bấy giờ bị bỏ qua rồi. Chúng ta giờ đây đã đi qua vùng biên giới, quanh đây không còn có bộ lạc nào cư ngụ. Lời giải thích duy nhất mà tôi có thể nghĩ được là anh chàng này đích là một thằng đang lên cơn điên. Thử hỏi nếu không điên thì ai lại bay vào vừng này?"

"Tôi biết không có ai, ngoài một phi công tuyệt vời mới có thể làm được việc này." Barnard đáp lại. "Tôi không phải là người thông thạo về khoa địa lý, nhưng tôi cũng biết được những dãy núi này nổi tiếng là cao nhất thế giới, và nêu đúng vậy, thì vượt qua được chúng quả là một thành tích giỏi bậc nhất."

"Và đây cũng là ý muốn của Thượng đế," cô Brinklow bất ngờ nói xen vào.

Conway không nói ra ý kiến của mình. Ý của Thượng đế hay sự điên rồ của con người - anh thấy dường như nếu muốn có đủ lý lẽ xác đáng để giải thích hầu hết mọi sự việc, người ta có thể tùy ý chọn. Hoặc (anh nghĩ đến điều này khi anh ngắm nhìn cái cabin ngăn nắp nhỏ bé in lên trên nền cửa sổ của cảnh tượng thiên nhiên dữ dội ngoài kia) lần lượt là ý muốn của con người và sự điên rồ của Thượng đế. Hẳn được thỏa mãn khi biết chắc phải nhìn sự vật theo cách nào. Và, trong lúc anh còn vừa ngắm vừa suy nghĩ, cân nhắc, thì xảy ra một sự biến đổi kỳ lạ.

Anh sáng trở nên xanh xanh trên toàn bộ triền núi, những khu sườn dưới thấp sẫm lại thành màu tím. Có một cái gì sâu hơn tính bàng quang

quen thuộc nổi lên trong anh - không hẳn là sự kích động, càng không phải sợ hãi, mà một sự chờ đợi cực căng thẳng. Anh nói: "Barnard, anh nói đúng đây, sự kiện này mỗi lúc một trở nên đáng chú ý hơn."

"Đáng chú ý hay không, tôi cũng không đưa ra đề nghị ta phải cảm ơn về sự việc này." Mallinson khăng khăng giữ ý kiến của mình. "Chúng ta không yêu cầu họ đưa chúng ta đến đây, và có trời biết chúng ta sẽ phải làm gì khi chúng ta đến nơi ấy, bất kỳ nơi ấy là nơi nào. Và tôi thấy dù cho tên lái này ngẫu nhiên chỉ là một tên lái để phô trương thì sự việc này cũng không vì thế mà thoát khỏi tội vi phạm xấc xược. Ngay cả trường hợp nếu hắn chỉ lái để phô trương, thì hắn vẫn thực sự là một thằng điên. Tôi đã có lần nghe nói về một phi công hóa điên ở trên không trung. Còn thằng cha này hẳn đã điên ngay từ phút đầu. Thuyết của tôi là như vậy, anh Conway ạ."

Conway nín lặng. Anh thấy bực mình với cái lối cứ liên tục la hét át cả tiếng động cơ máy, và nói cho cùng, cứ tranh cãi về những khả năng thì có ích gì. Nhưng khi Mallinson ép anh cho ý kiến, anh nói:

"Chú biết đây, đây là một sự điên loạn được tổ chức rất giỏi. Chú hẳn còn nhớ việc hạ cánh xuống lấy xăng và cả việc đây là chiếc máy bay duy nhất có thể bay lên tới một độ cao như vậy.

"Cái đó không hề chứng minh rằng hắn ta không điên. Hắn có thể điên rồ để tính toán mọi chuyện."

"Phải, tất nhiên, có thể là như thể."

"Ồ, vậy thì chúng ta phải quyết định một phương án hành động chứ. Chúng ta sẽ làm gì đây khi máy bay hạ cánh? Nghĩa là, nếu nó không va vào đâu và giết chết hết chúng ta. Chúng ta sẽ làm gì? Chạy lại ngợi khen hắn về chuyến bay kỳ diệu chăng!"

"Không đời nào, chừng nào anh còn sống," Barnard đáp lại, "Tôi sẽ nhường để anh làm công việc chạy về phía hắn."

Conway lại tỏ ra không thích kéo dài cuộc tranh cãi, nhất là từ khi anh chàng người Mỹ, một tay khôi hài điềm tĩnh, xem ra rất có thể tự mình xử trí được. Conway đã có ý nghĩ rằng, nhóm người này đã không phải kém phần may mắn được tập hợp. Chi có Mallinson hay gây gổ, mà cái đó một phần

cũng do đang ở trên độ cao. Không khí loãng có những tác động khác nhau đến con người; Conway chẳng hạn, ở trên độ cao, anh thấy đầu óc minh mẫn và cơ thể lâng lâng, cảm giác này không có gì là khó chịu. Thực tế, anh hít thở một cách thích thú từng đợt ngắn cái không khí mát lạnh. Đành rằng toàn bộ hoàn cảnh là đáng kinh sợ, song lúc này, anh không thể bực bội về một cái gì đã tiến hành một cách có chủ tâm rõ rệt và với một sức quyến rũ như vậy.

Và trong lúc ngắm nhìn ngọn núi tráng lệ trước mắt trong lòng anh bỗng trào lên một niềm thích thú, vi trên trái đất vẫn còn những nơi như thế này, xa xôi, cao vời vợi mà chưa có dâu chân người. Bức thành băng giá của dãy Karakorams giờ đây in nổi bật hơn bao giờ hết trên nền trời phương Bắc lúc này đã trở nên xám xịt và thê thảm; những ngọn núi lập lòe lạnh buốt, cực kỳ hùng vĩ và xa xôi, ngay cả cái không có tên gọi của chúng cũng mang tính cách oai nghiêm. Mấy nghìn độ cao đã làm thất bại những vị khổng lồ nổi tiếng, thực đã cứu thoát những ngọn núi này khỏi những đoàn người leo núi; chúng không mấy hấp dẫn với những ai muốn đạt kỷ lục. Conway là con người đối lập với những người kiểu ấy; anh vốn coi lý tưởng về những cái gì tuyệt đối, tột bậc của người phương Tây là thô tục và với anh dường như "Cái tối đa cho cái cao nhất" là một ý kiến kém hữu lý hơn và có thể còn tầm thường hơn là câu "cái nhiều cho cái cao". Thực tế anh không quan tâm đến sự cố gắng quá sức và lấy làm chán ngán những thành tích chói lọi.

Trong lúc anh còn đang ngắm quang cảnh trước mắt thì hoàng hôn buông xuống, dìm những vùng sâu vào trong bóng tối om đang dâng lên như một thùng thuốc nhuộm. Rồi toàn bộ dãy núi giờ đây gần hơn, nhợt nhạt đi, tiến vào một vùng lộng lẫy tươi mát hơn; mặt trăng tròn trặn nhô lên, lần lượt chạm vào mỗi ngọn núi chẳng khác nào vị thiên thần thắp sáng đèn cho đến lúc đường chân trời dài dặc lấp lánh in trên nền bầu trời lam sẫm. Không khí trở lạnh, gió nổi lên làm máy bay tròng trành. Những hiểm nguy mới này khiến cho mấy người trên máy bay lo lắng; người ta đã không tính đến chuyện máy bay có thể bay tiếp sau lúc nhá nhem tối, và giờ đây chỉ còn hy vọng vào chuyện cạn hết xăng. Tuy nhiên, cái đó phải đến nhanh. Mallinson bắt đầu bàn cãi về việc này, còn Conway phần nào miễn cưỡng bàn, vì anh thực sự không biết, anh chỉ đưa ra ước tính máy bay chỉ có thể bay xa nhất được chừng một ngàn dặm, mà giờ thì đã gần tới con số đó rồi.

"Vậy, chúng ta sẽ bị đưa đến đâu?" Mallinson hỏi vẻ thiểu não.

"Cũng khó nói đích xác, nhưng có lẽ đến một vùng nào đó ở Tây Tạng. Nếu đây là dãy núi Karakorams thì Tây Tạng ở phía bên kia. Một ngọn núi trên dọc đường hẳn là ngọn K2, thường được coi là ngọn núi cao thứ nhì trên thế giới."

"Xếp sau ngọn Everest," Barnard nói, "Kìa, đây là một phong cảnh khá đẹp."

"Và theo quan điểm của nhà leo núi thì nó còn khó leo hơn ngọn Everest. Công tước Abruzzi đã chịu bỏ cuộc và coi đây là một ngọn núi tuyệt đối không thể leo lên được."

"Ối trời!" Mallinson lầm bầm, vẻ bực dọc còn Barnard phá lên cười. "Anh Conway, tôi đoán hẳn anh là hướng dẫn viên chính thức của chuyến đi này, và xin thú thực nếu chỉ được một ly cà phê cô nhắc là tôi xin bất cần đây sẽ là Tây Tạng hay Tennessee.

"Nhưng, rồi đây, chúng ta sẽ làm gì với chuyện này?" Mallinson lại nêu vấn đề ra. "Tại sao chúng ta lại đến đây? Vấn đề là thế nào? Tôi không hiểu tại sao các anh lại có thể đùa cợt về chuyện này được."

"Ồ, thì cũng tốt như gây gổ về nó, anh bạn trẻ ạ. Vả lại, nếu anh chàng nọ đúng là mất trí như anh nghĩ thì có lẽ cũng chẳng có vấn đề gì."

"Hắn phải là thằng điên. Tôi không thấy còn cách giải thích nào khác. Anh Conway, anh nghĩ thế nào?"

Conway lắc đầu.

Cô Brinklow quay ngoắt lại, như cô có thể làm trong lúc giữa giờ giải lao của một vở kịch. "Vì các anh không ai hỏi ý kiến tôi, có lẽ tôi không nên đưa ra nhận xét gì." Cô bắt đầu với giọng khiêm tốn sâu sắc. "Nhưng tôi cần nói rằng tôi cũng có ý kiến như ông Mallinson. Tôi tin chắc anh chàng tội nghiệp này không thể không mất trí. Tất nhiên, tôi nói tới anh chàng phi công. Nếu hắn ta không điên, thực không có gì tha thứ cho hắn được." Cô nói thêm, tiếng nói tự tin, hét to, át cả tiếng máy nổ ầm ầm. "Các ông có biết không, đây là lần đầu tiên tôi đi máy bay! Chuyến đầu tiên của tôi đây! Trước kia không có gì có thể quyến rũ tôi đi máy bay, mặc dù một người bạn của tôi đã hết sức thuyết phục tôi đi một chuyên bay từ London tới Paris."

"Và giờ đây cô lại đang bay từ Ấn Độ sang Tây Tạng," Barnard nói, "Ấy chuyện đời cứ thường xảy ra như vậy đó."

Cô Brinklow nói:

"Ngày trước tôi có quen một nhà truyền giáo đã từng ở Tây Tạng. Ông ta nói người Tây Tạng rất kỳ lạ. Họ tin rằng loài người xuất phát từ loài khỉ mà ra."

"Thế thì họ thực giỏi."

"Ồ, không, không. Tôi không nói với ý nghĩa của khoa học hiện đại. Họ đã tin như vậy từ mấy trăm năm nay rồi và đây chỉ là một trong những thói mê tín của họ mà thôi. Tất nhiên, bản thân tôi phản đối tất cả những chuyện ấy và theo tôi, Darwin còn tồi tệ hơn người Tây Tạng nhiều. Tôi đứng về phía Kinh thánh."

"Chắc dòng Chính thống phải không cô?"

Nhưng cô Brinklow dường như không hiểu ý này.

"Tôi vẫn thuộc về tổ chức LMS," cô rít lên, "Song tôi không đồng ý với họ về vấn đề làm lễ rửa tội cho trẻ sơ sinh."

Conway tiếp tục cảm thấy đây là một nhận xét khá hài hước, mãi lâu sau, khi anh đã nhận ra LMS là những chữ cái đầu của mấy từ: London Missionary Society (Hội các nhà truyền giáo London). Tuy nhiên, khi hình dung ra những phiền phức trong việc kéo dài sự bàn cãi về thần học ở trạm Euston, anh bắt đầu nghĩ rằng ở cô Brinklow này có một cài gì đó hơi hấp dẫn. Anh ngẫm nghĩ liệu anh có thể đưa cho cô mượn cái áo khoác để cô đỡ lạnh lúc đêm này không, nhưng rồi cuối cùng anh nghĩ vóc người cô có lẽ còn khỏe mạnh cứng cáp hơn anh. Do đó, anh cuộn mình, nhắm mắt lại, rồi nhẹ nhàng, yên tĩnh ngủ thiếp đi.

Chuyến bay vẫn tiếp tục.

Đột nhiên máy bay tròng trành khiến tất cả bốn người giật mình thức giấc.

Conway bị đập đầu vào cửa sổ khiến anh choáng váng một lúc; lần

tròng trành nữa khiến anh loạng choạng giữa hai hàng ghế. Lúc này trở lạnh hơn. Việc đầu tiên anh làm là như cái máy anh nhìn vào đồng hồ đeo tay. Đồng hồ chỉ một rưỡi, hẳn anh đã ngủ chợp đi được một chút. Hai tai anh nghe vang vang những tiếng đen đét thực to. Thoạt đầu anh cho là tưởng tượng, sau mãi anh nhận ra động cơ máy đã tắt, máy bay đang lao húc vào giữa cơn gió mạnh. Rồi anh nhìn qua cửa sổ thấy mặt đất đã sát gần, mơ hồ xám xịt, và đang vun vút chạy ở phía dưới. "Nó sắp hạ cánh rồi!" Mallinson hét lên.

Barnard cũng bị tung ra khỏi ghế lầm lì đáp lại: "Nếu số nó đỏ."

Cô Brinklow, người bị đảo lộn ít nhất trong suốt lúc chấn động, đang sửa lại chiếc mũ đội đầu cho ngay ngắn một cách hết sức bình tĩnh, như thể tàu sắp cập bến Dover[8][1].

Liền ngay đó, máy bay chạm đất. Nhưng lần hạ cánh này thực kém.

"Trời ơi, kém quá, kém quá!" Mallinson rên rỉ, tay bíu vào ghế, trong suốt mười giây va đập và lắc lư. Nghe có tiếng cái gì đó căng ra và nổ bục, một bánh xe nổ tung. "Thế là hết", anh nói thêm, giọng bi quan đau khổ. "Cái chống hậu gãy rồi, chúng ta sẽ phải đỗ nằm ở đây thôi, chắc chắn là như vậy!"

Conway vốn không hay nói nhiều vào những khi gay cấn; lúc này anh duỗi đôi chân đã tê cứng và sờ sờ chỗ đầu bị va vào cửa sổ. Một vết thâm tím, thế thôi. Anh phải làm một cái gì để giúp đỡ những người này. Nhưng khi chiếc máy bay ngừng hẳn thì anh là người đứng dậy sau cùng. "Hãy bình tĩnh," anh kêu to khi thấy Mallinson giật mạnh mở tung cái cửa buồng khách, chuẩn bị nhảy xuống đất và trong sự yên lặng tương đối lúc bấy giờ, tiếng Mallinson đáp lại nghe kỳ quái:

"Không cần phải bình tĩnh - đây nom như nơi cùng trời cuối đất rồi - ít nhất thì cũng chẳng có một bóng người quanh đây."

Một lát sau, mọi người đều thấy lạnh run. Bên tai không nghe thấy một tiếng gì ngoài tiếng gió thổi ào ào và tiếng chân họ bước lạo xạo, họ cảm thấy mình bị đưa đến vùng ác nghiệt và buồn rầu man rợ - cái buồn rầu man rợ bao trùm cả mặt đất lẫn bầu không khí ở đây. Mặt trăng như đã biến mất sau những đám mây; ánh sao soi sáng một vùng trống không khủng khiếp,

phần phật gió. Chẳng cần nghĩ ngợi hay quen biết, người ta cũng đoán được vùng lạnh giá này nằm trên núi cao, và những ngọn núi ở đây là những ngọn núi nằm trên những đỉnh núi. Một trong những ngọn núi này lập lòe ở trên đường chân trời xa như một hàm răng chó sói.

Mallinson bồn chồn nhanh nhẹn đã trèo ngay vào buồng lái: "Dưới đất thì tôi bất chấp tên lái này, không kể hắn là ai," anh kêu lên. "Tôi sẽ xử trí ngay với hắn..."

Mấy người kia nhìn thấy anh cương quyết như vậy đều tỏ vẻ sợ hãi và như bị thôi miên, cứ đứng ngẩy người ra. Conway nhoài người chạy theo anh, nhưng đã quá muộn không ngăn được Mallinson vào buồng lái. Tuy vậy, chỉ một thoáng sau đã thấy anh thanh niên lại nhảy xuống, bíu chặt lấy cánh tay Conway, giọng lắp bắp khàn khàn khẽ nói: "Này, anh Conway, thực lạ quá... Hình như thằng cha ấy nó bị ốm hoặc chết gì đó... Tôi gặng hỏi mấy hắn cũng không nói một lời. Anh hãy trèo lên xem... Dù sao thì tôi đã lấy được khẩu súng của hắn."

"Tốt nhất, chú hãy đưa nó cho tôi," Conway nói, và tuy vẫn còn choáng váng do vừa bị va đập vào đầu, anh vẫn quyết tâm hành động. Từ trước đến nay, ở khắp nơi, trong mọi hoàn cảnh trên đời này, anh thấy dường như đây là lần kết hợp cả sự khó chịu lẫn ghê tởm. Anh kiễng chân rướn người lên để có thể nhìn vào trong buồng lái đóng kín, tuy nhìn không rõ lắm. Mùi xăng bốc ra nồng nặc, do vậy anh không dám đánh diêm để soi. Anh chỉ lờ mờ nhìn thấy người lái nhô về phía trước, đầu gục lên trên những cần máy kiểm tra. Anh lắc lắc thân mình người lái, tháo chiếc mũ hắn đội trên đầu và nới dây thắt nút áo vòng quanh cổ. Một lát sau, anh quay lại nói với mọi người: "Đúng là đã có chuyện gì xảy ra với hắn ta. Chúng ta phải lôi hắn ra." Nhưng người quan sát đứng ngoài có thể nói thêm rằng có một cái gì đó đã xảy ra với Conway. Tiếng anh nói chắc nịch hơn, sắc bén hơn; như không còn lập lờ bên bờ sự nghi ngờ sâu sắc nữa. Giờ đây, thời gian, địa điểm, không khí lạnh, sự mệt mỏi không còn đáng quan tâm lắm nữa; có một việc nhất thiết phải làm, và thế là cái thói quen ở anh, cái tập quán lớn hơn ở anh đã vượt lên trên tất cả và đang chuẩn bị làm công việc ấy.

Với sự giúp đỡ của Barnard và Mallinson, người phi công được kéo ra khỏi chiếc ghế ngồi lái và nhấc lên đưa xuống đất. Anh ta chỉ ngất lịm mà chưa chết. Conway không biết nhiều về y học, nhưng cũng như hầu hết

những người đã từng sinh sống ở nơi đất lạ, hiện tượng đau yếu là hết sức quen thuộc.

"Đây có thể là do độ cao đã gây nên cơn đau tim," anh phán đoán, vừa cúi người xuống xem xét con người mà anh không quen biết. "Đặt anh ta ở đây thì chúng ta không giúp được gì cho anh ta vì chẳng có gì che chắn được những luồng gió khủng khiếp này. Tốt hơn hết là ta hãy đưa anh ta vào buồng khách và cả chúng ta nữa. Đây là đâu, chúng ta hoàn toàn không biết, vậy chẳng có hy vọng gì tính chuyện đi đâu trước trời sáng".

Lời nhận định cũng như ý kiến gợi ra đều được mọi người chấp nhận ngay. Ngay cả Mallinson cũng tán thành. Họ khiêng người lái vào buồng khách và đặt anh ta nằm dài dọc theo lối đi giữa hai hàng ghế. Bên trong buồng khách cũng không ấm gì hơn ở ngoài nhưng nó còn che được cơn gió mạnh. Trong một thời gian dài, gió đã khiến mọi người phải quan tâm lo lắng - cái duyên cớ, có thể gọi là như vậy, của cả một đêm lo âu buồn rầu. Đây không phải là gió thường. Cũng không phải chỉ là gió mạnh và lạnh. Mà như thể một kẻ điên cuồng đang sống vây quanh họ, một chủ nhân đang giẫm đạp lên cơ ngơi của chính mình. Nó làm nghiêng ngả rung lắc dữ dội cái máy bay cùng đám người bên trong và khi Conway nhìn qua cửa sổ, anh thấy như gió đang cuốn bớt đi những mẩu ánh sáng từ những ngôi sao.

Người lái nằm đó bất động, còn Conway trong buồng chật hẹp và tối om khó khăn cố gắng xem xét dưới ánh sáng diêm lập lòe. Nhưng anh cũng chẳng phát hiện được gì nhiều.

"Hắn ta bị suy tim." Cuối cùng anh nói.

Liền lúc đó, cô Brinklow lục trong túi xách của mình, và khiến mọi người xúc động khi cô nói: "Thứ này tôi chưa hề nhấp một giọt, nhưng tôi luôn mang nó bên mình, đề phòng trường hợp xảy ra tai nạn. Và đây cũng là một thứ tai nạn phải không?"

"Tôi phải nói là đúng vậy," Conway đáp, giọng đanh lại. Anh mở nút lọ, ngửi mùi và rót một ít thứ rượu mạnh ấy vào mồm người lái máy bay. "Đúng thứ này là cần thiết cho hắn ta. Cám ơn cô".

Sau một lát, thấy mi mắt hắn hơi cử động, Mallinson bỗng nhiên như phát điên. "Tôi không thể nhịn được," anh hét lên và cười sằng sặc. "Chúng

ta có khác gì một đám người dở hơi đi đánh diêm soi một xác chết không... Mà hắn đâu có phải là một người đẹp đẽ gì. Một thằng Tầu, tôi dám nói đúng vậy."

"Có thể thế." Conway nói, giọng bình tĩnh nhưng có phần nghiêm khắc. "Nhưng đây chưa phải là một xác chết. May ra chúng ta còn có thể cứu được hắn."

"May ra? Đây là cái may của hắn chứ không phải của chúng ta."

"Đừng có quá chắc chắn thế. Lúc này anh cứ im mồm đi."

Trong người Mallinson còn có khá nhiều tính cách của một anh học trò, nên anh đã không cãi lại câu ra lệnh cộc lốc của người lớn tuổi hơn, mặc dầu lúc này rõ ràng anh khó tự nén nổi mình. Conway tuy thương hại Mallinson, nhưng giờ đây anh còn lo cấp thiết giải quyết ngay vấn đề anh phi công, vì trong tất cả đám người ở đây, anh ta là người duy nhất có thể giải thích phần nào cái số phận của họ lúc này. Conway không muốn bàn cãi thêm nữa một cách chỉ là ước đoán; suốt trong chuyến bay, đã bàn cãi đủ rồi. Vốn luôn tò mò về mặt tinh thần, nhưng giờ đây anh đã thấy khó chịu, vì anh biết rằng toàn bộ hoàn cảnh lúc này không còn tính chất hấp dẫn của một sự kiện nguy hiểm, mà nó đang đe dọa họ sẽ phải chịu đựng nhiều thử thách để rồi kết thúc bằng một tai họa. Thức để anh canh gác suốt cả một đêm đầy gió gào thét; anh đương đầu với sự việc một cách thẳng thắn, vì anh đã không ngại gì nói ngay ra cho mọi người biết sự thể sẽ là như vậy. Anh đoán họ đã bay qua khá xa dãy núi phía Tây của ngọn Himalaya và đã đi về phía những ngọn núi ít ai biết đến ở vùng Kuen-Lun. Nếu vậy, thì giờ đây họ đang ở một vùng cao nhất và ít mến khách nhất trên trái đất này, vùng cao nguyên Tây Tạng, mà ngay chỗ thung lũng thấp nhất cũng cao hơn mặt nước biển hai dặm, một vùng rộng mênh mông, không có người ở, một vùng suốt ngày chỉ có gió gào và trên quy mô lớn, chưa được khám phá. Ở một vùng khỉ ho cò gáy, bị bỏ quên này, nơi họ đang đứng đây, họ sẽ thiếu thốn hơn bất kỳ ở một hòn đảo hoang vắng nào. Rồi, đột nhiên, như thể để đáp lại trí tò mò của anh bằng cách làm tăng thêm, một sự thay đổi gây sợ hãi đã diễn ra. Mặt trăng mà lúc nãy anh cho là lấp sau mây, giờ đây ngoi lên miệng của một ngọn núi cao đầy bóng tối và trong lúc chưa lộ hẳn ra, ánh trăng đã xua tan bóng tối ở phía trước. Conway nhìn thấy hình dáng một khu thung lũng chạy dài với những ngọn đồi thấp, tròn trĩnh, trông buồn rầu, nằm hai bên, màu đen huyền in trên màu xanh sẫm tia điện của bầu trời ban đêm. Nhưng mặt anh cứ dán vào phía đầu khu thung lũng, vì ở đấy, anh thấy dường như có một ngọn núi đẹp nhất trên đời, vút cao lên vào khoảng trống, nom thực nguy nga tráng lệ dưới ánh trăng lung linh mờ ảo. Ngọn núi đúng là một hình chóp tuyết tuyệt hảo, đường nét giản dị như được vẽ lên bởi bàn tay một em bé, và thực không thể xếp nó vào loại nào về mặt kích thước, chiều cao hoặc độ gần. Nom nó rất lộng lẫy, đứng ở một tư thế rất thanh bình khiến trong một lát, anh đã ngạc nhiên, không biết nó là thực hay chỉ là ảo ảnh. Rồi, trong lúc anh đang ngắm nhìn, một dải mây nhỏ che phủ phần đáy của hình chóp khiến cảnh tượng sinh động hẳn lên trước khi có tiếng tuyết lở ầm ầm khẳng định đây là cảnh có thực.

Anh cũng muốn gọi mọi người cùng ra nhìn, nhưng sau nghĩ lại, anh thấy nhìn quang cảnh ấy có thể mọi người lại hóa ra lo lắng. Mà ngay cả với cách nhìn thông thường thì cũng đúng vậy, cảnh tráng lệ hoang dã như thế chi làm tăng thêm sự thật về cô lập và nguy hiểm. Rất có thể nơi có người ở gần nhất đây cũng xa hàng mấy trăm dặm. Ở đây họ không có thức gì để ăn; vũ khí không có gì ngoài một khẩu súng lục; chiếc máy bay thì đã bị hư hại và hầu như đã cạn xăng, dù cho một ai trong bọn họ có biết lái cũng đành chịu. Họ không có quần áo đủ để chống lại cái gió và cái rét khủng khiếp ở đây. Chiếc áo đi môtô và chiếc áo choàng ulster[9][1] của Mallinson cũng không đủ và ngay cả cô Brinklow vốn đã đắp vào người đầy len dạ và khăn quàng như chuẩn bị lên Bắc cực (Lúc đầu nhìn cô ta ăn mặc như vậy, anh thấy buồn cười) vậy mà vẫn thấy co ro. Tất cả mọi người, chi trừ có bản thân anh là không bị tác động của độ cao. Ngay Barnard lúc này cũng trở nên trầm ngâm. Mallinson thì cứ lầm bầm một mình; rõ ràng nếu những thử thách gay go này tiếp diễn lâu thì không hiểu cái gì sẽ xảy ra với anh. Trước những viễn cảnh đầy lo âu đấy, Conway thấy mình không thể không đưa mắt đầy thán phục nhìn cô Brinklow. Anh nghĩ cô ta không phải một con người bình thường, không một người phụ nữ nào vẫn dạy người Afghanistan hát tụng Thánh ca lại có thể được quý trọng như vậy. Nhưng sau mỗi tai họa, cô ta lại vẫn thường tỏ ra khác thường, và anh cảm thấy biết ơn sâu sắc cô về điều đó. "Tôi mong rằng cô không cảm thấy khó chịu quá?" Anh hỏi cô, giọng thân tình, khi anh thấy cô ngước mắt nhìn anh.

"Binh lính trong Chiến tranh còn phải chịu đựng gian khổ hơn thế này nhiều.' Cô đáp lại.

Conway thấy sự so sánh không đúng lắm. Sự thực, bản thân anh chưa bao giờ phải trải qua một đêm trong chiến hào quá khó chịu như thế này, tuy chắc chắn với nhiều người khác điều ấy là có thể có. Anh đã tập trung tư tưởng vào người phi công nọ, anh ta giờ đây cứ thở nấc từng cơn và đôi lúc khẽ cựa quậy. Có lẽ Mallinson đã đúng khi đoán người này là người Trung Quốc. Anh ta có cái mũi và đôi gò má đặc biệt Mông Cổ, mặc dầu anh ta đã thủ vai một trung úy - phi công người Anh rất thành thạo. Mallinson bảo anh ta xấu xí, nhưng với Conway, vốn đã từng sống ở Trung Quốc, lại thấy anh ta thuộc loại người khá dễ coi, tuy giờ đây, dưới ánh sáng lập lòe của mấy que diêm, nước da xanh xao và cái mồm há hốc của anh ta nom không có gì là đẹp.

Đêm tối kéo dài, như thể mỗi phút là một cái gì nặng trĩu và sờ thấy được, và cần phải đẩy đi để nhường chỗ cho phút sau. Sau một lúc, ánh trăng nhạt dần và cũng mờ theo cái ngọn núi ma quái ở phía xa, rồi những trò độc ác của bộ ba: Đêm tối, lạnh giá và gió gào, cứ tăng dần lên cho đến tận tảng sáng. Như thấy dấu hiệu của bình minh, gió ngừng thổi để lại cảnh vật trong yên tĩnh đầy trắc ẩn. Đóng khung trong hình tam giác mờ nhạt ở phía trước, quả núi lại hiện ra, thoạt đầu màu xám, sau trắng toát, rồi nhuốm màu hồng khi ánh nắng sớm mai rọi vào đỉnh. Trong bóng tối, giờ đây mỗi lúc một nhạt dần, khu thung lũng thành hình rõ, để lộ ra cái nền đá tảng và đá cuội thoai thoải dốc ngược lên. Một bức tranh không có gì ấm cúng lắm, nhưng với Conway, quan sát nó anh thấy có một nhận thức kỳ lạ về vẻ đẹp của nó, về một cái gì không chút gợi cảm lãng mạn, mà nghiêm khắc. Gần như một tính chất trí thức. Cái hình chóp trắng ở phía xa buộc đầu óc người ta phải chấp nhận không bàn cãi, như chấp nhận định đề Euclide vậy, và cuối cùng, khi mặt trời đã lên cao trên nền trời màu xanh cá heo thẫm, thì anh cảm thấy chỉ hơi khó chịu một chút thôi.

Không khí trở nên ấm hơn, mấy người kia cũng thức giấc; anh bàn với họ nên đưa người phi công ra chỗ quang đãng để không khí khô ráo và ánh nắng có thể khiến anh ta hồi tỉnh lại. Mọi người nghe theo, họ lại bắt đầu một cuộc canh gác thứ hai và vui vẻ hơn. Cuối cùng, anh phi công đã mở mắt và bắt đầu nói lắp bắp. Bốn người cúi xuống sát người anh ta, lắng nghe nói những tiếng vô nghĩa trừ có Conway là hiểu được và chốc chốc anh lại đáp lời. Sau một lúc, anh phi công trở nên mỗi lúc một yếu hơn, nói mỗi lúc một khó khăn và cuối cùng tắt thở. Lúc ấy vào lúc nửa buổi.

Conway liền quay lại nói với mấy người bạn: "Tôi rất buồn phải nói rằng anh ta đã nói với tôi rất ít - tôi muốn nói ít là so với những điều chúng ta muốn biết. Anh ta chỉ nói rằng giờ đây chúng ta ở đất Tây Tạng, điều này thì đã rõ. Anh ta không nói mạch lạc về nguyên do anh ta đã đưa chúng ta đến đây, nhưng hình như anh ta biết nơi này. Anh ta nói một thứ tiếng Trung Quốc mà tôi nghe không hiểu lắm, song tôi nghĩ anh ta có nói gì đó về một tu viện Lama ở gần đây, dọc theo thưng lũng, và tôi hiểu được, là đến đây, chúng ta sẽ có thức ăn và nhà ở. Anh ta gọi nơi đó là Shangri-La. La, tiếng Mông Cổ nghĩa là đèo. Anh ta hết sức nhấn mạnh rằng chúng ta cần phải đến đó."

"Thế thì tôi lại thấy hình như chẳng có lý do nào để chúng ta cần phải

đến đây." Mallinson nói. "Suy cho cùng, có thể thằng cha ấy nó loạn óc. Có đúng không?"

"Về điều ấy hẳn chú biết cũng rõ như tôi. Nhưng nếu không đến đây thì chúng ta đi đâu bây giờ?"

"Tùy anh, tôi không quan tâm. Tất cả những gì tôi biết chắc là cái Shangri-La này nêu ở phía kia, thì hẳn phải cách biệt văn minh thêm mấy dặm nữa. Tôi sẽ lấy làm sung sướng nếu chúng ta thu ngắn quãng đường lại, chứ đừng kéo dài ra. Mẹ kiếp! Anh không mang chúng tôi trở về chăng?"

Conway nhẫn nại đáp: "Mallinson, tôi thấy chú không hiểu rõ hoàn cảnh chúng ta hiện nay. Chúng ta đang ở một vùng mà không ai biết đến lắm, trừ có điều đi đến đây là một việc làm rất khó khăn và nguy hiểm, thậm chí cả đối với một đoàn thám hiểm có trang bị đầy đủ. Với lại hàng mấy trăm dặm của cái xứ sở này đang bao quanh chúng ta thì cái khái niệm đi bộ trở về Peshawar, tôi thấy không có chút hy vọng nào."

"Tôi không nghĩ là tôi có thể làm được chuyện ấy." Cô Brinklow nói, giọng nghiêm chỉnh.

Barnard gật đầu. "Dường như chúng ta rất may, nếu cái tu viện Lama ấy lại ở gần quanh đây."

"Có thể là tương đối may." Conway nói. "Nghĩ cho cùng thì hiện thời chúng ta không có một chút lương thực, và như các anh đều có thể tự thấy được, vùng đất này không phải là nơi dễ dàng sống. Chỉ ít tiếng đồng hồ nữa là chúng ta sẽ đói lả. Và rồi còn đêm nay, nếu cứ ở lại đây, chúng ta sẽ phải đương đầu với gió rét và giá lạnh. Đây không phải là một viễn cảnh dễ chịu gì. Tôi thấy, chúng ta chỉ còn có cơ may là tìm đến với một số người khác, và như vậy giờ đây chúng ta còn đi tìm họ ở đâu ngoài cái nơi mà anh phi công nọ đã bảo chúng ta?"

"Và nếu đây là một cái bẫy thì sao?" Mallinson hỏi, nhưng Barnard đáp lại thay Conway: "Một cái bẫy khá ấm áp đấy. Với một mẩu phó mát trong đó thì tôi xin chui xuống tận đáy bẫy."

Mọi người phá ra cười, trừ Mallinson, coi bộ như muốn phát điên và loạn thần kinh. Cuối cùng, Conway nói tiếp:

"Tôi quyết định cứ đi, vậy tất cả chúng ta có ưng thuận không? Rõ ràng có một lối đi dọc khu thung lũng; coi bộ nó cũng không dốc lắm, tuy nhiên, chúng ta sẽ phải đi chầm chậm. Dù sao thì ở đây chúng ta cũng chẳng làm được việc gì. Ngay cả đem chôn người này chúng ta cũng không làm được nếu không có thuốc nổ. Vả lại, người của tu viện rất có thể sẽ giúp chúng ta thuê được phu khuân vác để trở về. Chúng ta sẽ cần đến họ. Tôi xin gợi ý, chúng ta phải bắt đầu đi ngay, để trường hợp đến chiều mà muộn không tìm thấy nơi đó, chúng ta có thì giờ quay lại đây ngụ thêm một đêm trong buồng khách của máy bay."

"Và giả dụ chúng ta tìm thấy được tu viện ấy?" Mallinson hỏi, vẫn giọng gay gắt. "Liệu có gì bảo đảm chúng ta sẽ không bị giết không?"

"Không, làm gì có chuyện ấy. Mà tôi nghĩ đi đến đây là một sự đánh liều ít nguy hiểm hơn và có thể còn đáng lựa chọn hơn là liều ở đây mà chịu chết đói hoặc chết lạnh." Rồi cảm thấy cái lý lẽ lạnh lùng ấy không hoàn toàn thích hợp vào lúc này, nên anh nói thêm: "Thực tế giết người là chuyện hầu như không hề xảy ra ở một tu viện phật giáo. Còn ít hơn cả chuyện bị giết ở trong một nhà thờ nước Anh."

"Như Thánh Thomas ở Canterbury vậy," cô Brinklow nói, vừa gật đầu nhấn mạnh sự tán đồng, nhưng lại phá hỏng hoàn toàn vấn đề anh đưa ra.

Mallinson nhún vai đáp lại giọng bực bội buồn rầu. "Thôi được, vậy chúng ta đi Shangri-La. Bất kỳ ở đâu và không kể rồi sẽ ra sao, chúng ta cũng cứ thử xem. Nhưng mong sao tu viện đó không ở trên lưng chừng ngọn núi kia."

Nghe anh nói, mọi người đều đưa mắt chú ý nhìn về phía chóp núi đang lấp lánh, nơi thung lũng chạy tới. Dưới ánh sáng ban ngày ngọn núi nom tuyệt đẹp và đột nhiên mọi người trố mắt ra nhìn, vì họ thấy từ đằng xa có hình dáng một đám người đang đi xuống dốc, lại gần phía họ.

"Đúng là ý Trời!" Cô Brinklow thầm thốt lên.

CHƯƠNG BA

Ở con người Conway bao giờ cũng có một phần bàng quan đứng nhìn, mặc dầu phần còn lại có thể hoạt động sôi nổi. Ngay giờ đây, trong lúc chờ đợi đám người lạ kia tới gần, anh cũng không tỏ ra xốn xang quyết định xem có thể hoặc không thể làm gì khi những trường hợp bất ngờ có thể xảy ra. Cái đó không phải là dũng cảm, hoặc điềm tĩnh hoặc một sự tự tin cao cả vào quyền lực của mình để tùy cơ quyết định. Nói một cách tệ nhất thì đây là một hình thức lười nhác, không muốn gạt đi cái thái độ chỉ đứng nhìn xem sự việc xảy ra.

Khi đám người leo xuống thung lũng thì thấy rõ đây là một đám khoảng hơn mười hai người đang khiêng theo một cái ghế có mui che như một cái kiệu. Một lát sau, có thể nhìn rõ trên ghế có một người, mình khoác áo choàng màu xanh lam. Conway không hiểu tất cả đoàn người ấy đi đâu, nhưng đúng như cô Brinklow vừa nói lúc nãy: Đây là trời phù hộ nên mới khiến đám người nọ ngẫu nhiên tới đây vào đúng lúc này. Khi đám người chi còn cách một quãng có thể nghe thấy tiếng hô gọi, thì Conway rời mấy người của mình tiến lên phía trước; anh đi thong thả vì vốn biết người phương Đông trọng nghi lễ chào hỏi lúc gặp nhau và thích giành thời gian làm việc đó. Khi còn cách họ mấy thước, anh dừng lại, cúi đầu chào rất lịch sự. Anh rất ngạc nhiên thấy người khoác áo choàng xanh từ trên ghế bước xuống, tiến lại phía anh với dáng điệu ung dung và trang nghiêm, rồi giơ tay ra. Conway đáp lại và nhận thấy người ấy là một ông già hoặc một người nhiều tuổi Trung Quốc, tóc đã hoa râm, mày râu nhẵn nhụi, có phần xanh xao trong chiếc áo khoác ngoài bằng lụa thêu hoa. Người Trung Quốc đó hẳn cũng ngắm nhìn nhận xét Conway như vậy. Rồi, bằng một thứ tiếng Anh chính xác và có lẽ quá chính xác, người ấy nói: "Tôi từ Tu viện Lama Shangri-La tới".

Conway lại cúi đầu chào và sau một lúc lặng yên, anh bắt đầu nói ngắn gọn về trường hợp đã dẫn anh cùng ba người bạn đây lâm vào một vùng rất ít người lui tới này. Nghe anh thuật lại xong, người Trung Quốc ra hiệu là mình đã hiểu.

"Câu chuyện thật đặc biệt", người ấy nói và đưa mắt nhìn chiếc máy bay bị hư hại, với vẻ trầm ngâm nghĩ ngợi. Sau đó, người ấy nói tiếp: "Tôi tên là Tưởng, mong ông làm ơn giới thiệu tôi với các bạn của ông."

Conway cố mỉm cười lịch sự. Anh có phần ngạc nhiên vì cái hiện tượng mới lạ giữa vùng Tây Tạng hoang vu lại có một người Trung Quốc nói tiếng Anh rất thành thạo, có cách xử thế của một con người phố Bond. Anh quay lại phía mấy người của anh lúc ấy cũng đã theo kịp đến và đang nhìn cuộc gặp gỡ, với mỗi người một mức độ ngạc nhiên khác nhau. Anh giới thiệu: "Đây là cô Brinklow... Ông Barnard đây là một người Mỹ... Đây là ông Mallinson... Còn tôi là Conway. Chúng tôi rất vui mừng được gặp ông, tuy cuộc gặp gỡ này cũng khó hiểu như việc chúng tôi bị đưa đến đây. Thực vậy, chúng tôi cũng đang định đi đến tu viện của ông, do đó là hai lần may. Nếu ông có thể chỉ cho tôi hướng đi.

"Không cần làm việc đó. Tôi xin rất vui lòng làm người dẫn đường cho các ông."

"Nhưng tôi đâu dám phiền ông đến như vậy. Ông thực quá tốt, song nếu đường từ đây đến tu viện không xa..."

"Nói không xa, song nó không dễ đi. Tôi lấy làm vinh dự được đi cùng ông và các bạn của ông."

"Nhưng thực là..."

"Tôi thiết tha mong ông chấp nhận."

Conway thấy bàn cãi lúc này, xét về địa điểm và hoàn cảnh thì có nguy cơ trở nên buồn cười, nên đáp lại: "Thế thì hay quá, chúng tôi rất đội ơn ông."

Mallinson vốn từ nãy vẫn nén chịu nghe những lời như đùa cợt ấy, giờ đây nói xen vào, giọng chua cay đốp chát: "Chúng tôi sẽ không ở lại lâu," anh nói cộc lốc. "Chúng tôi sẽ trả tiền sòng phẳng và chúng tôi muốn thuê một số người của các ông để giúp chúng tôi trở về. Chúng tôi muốn quay lại cuộc sống văn minh càng sớm càng tốt."

"Thế ông tin chắc chắn rằng đến đó là các ông phải sống xa nền văn minh ư?"

Câu hỏi với giọng nói hết sức ngọt ngào chỉ khiến cho anh thanh niên càng thêm gay gắt. "Tôi tin chắc là lúc này tôi đang ở xa nơi tôi muốn được sống, và cả bọn chúng tôi cũng vậy. Chúng tôi sẽ xin cám ơn việc các ông cho chúng tôi trú tạm một thời gian, nhưng chúng tôi sẽ cám ơn các ông rất nhiều nếu ông giúp chúng tôi phương tiện để trở về. Ông nghĩ đi từ đây về Ấn Độ sẽ mất bao lâu?"

"Tôi thực sự không thể nói được điều gì về việc ấy."

"Ồ, tôi mong rằng chúng tôi sẽ không gặp trở ngại gì về việc này. Tôi đã có một số kinh nghiệm thuê mướn người dân địa phương làm công việc khuân vác; chúng tôi mong ông sẽ dùng thế lực của mình để chúng tôi được đối xử thẳng thắn."

Conway thấy hầu hết những lời lẽ của Mallinson có phần hung hăng một cách không cần thiết và anh vừa sắp xen vào thì người Trung Hoa nọ đáp lại, vẫn với vẻ hết sức đàng hoàng trang nghiêm: "Thưa ông Mallinson, tôi chỉ có thể đoán chắc với ông rằng, các ông sẽ được đối xử rất tử tế và cuối cùng các ông sẽ không phải nuối tiếc một chút gì."

"Cuối cùng?" Mallinson gào to, nhấn mạnh vào từ ấy, nhưng cuộc cãi vã được gạt đi dễ dàng vì người ta đã bày ra thết đãi rượu vang và hoa quả, những thứ này được đám người Tây Tạng to bé, chắc nịch, mình vận quần áo bằng da cừu, đầu đội mũ lông, chân đi giầy da bò, mang theo. Rượu vang có mùi thơm không khác gì thứ vang trắng của Đức, còn hoa quả gồm những quả xoài chín kỹ; sau một thời gian mấy tiếng đồng hồ nhịn đói, lúc này ăn vào bốn người thấy ngon tuyệt, tuy có chút khó nuốt đấy. Mallinson ăn uống ngon lành không chút nghĩ ngợi, nhưng Conway, giờ đây những lo lắng trước mắt đã được giải quyết, còn những lo lắng xa xôi anh không muốn nghĩ đến, anh lấy làm lạ không hiểu làm thế nào mà người ta lại trồng được xoài ở nơi núi cao như thế này. Anh cũng suy nghĩ về ngọn núi ở phía bên kia thung lũng; một ngọn núi gây xúc động mạnh khi được đánh giá theo một tiêu chuẩn nào đó, và anh ngạc nhiên là một số nhà du lịch đã không nói nhiều đến nó trong những cuốn sách mà một chuyên đi đến Tây Tạng thế nào cũng thôi thúc họ phải viết ra. Nhìn ngọn núi, đầu óc anh đang hình dung mình leo lên nó và đang tìm một con đường qua đèo hoặc qua một hành lang thì có tiếng Mallinson kêu lên kéo đầu óc anh quay về thực tại; anh liền nhìn xung quanh và thấy người Trung Hoa nọ đang chăm chú nhìn

anh và hỏi: "Ông Conway, ông vừa đang ngắm ngọn núi phải không?"

"Vâng. Một quang cảnh thực đẹp. Nó hẳn có tên gọi, phải không ông?"

"Nó có tên gọi là ngọn Karakal."

"Tôi chưa từng được nghe thấy cái tên ấy.Nó có cao lắm không ông?"

"Trên hai mươi tám nghìn bộ."

"Thật thế à? Tôi không nghĩ là lại có một ngọn núi nào cao như vậy ngoài ngọn Himalaya. Chẳng hay con số đó có chính xác không? Ai là người đã đo nó?"

"Thưa ngài, ngài còn nghĩ người đo nó là ai? Có gì là kỵ nhau giữa cuộc sống ở tu viện với khoa Tam giác lượng?"

Conway thích thú câu nói và anh đáp lại: "Ồ, không, không chút nào hết". Rồi anh cười lễ phép. Anh nghĩ đây là một câu nói đùa hơi thô thiển, nhưng có lẽ một câu nói đùa đáng tận dụng. Và ngay sau đó, cuộc hành trình đến Shangri-La bắt đầu.

Suốt sáng hôm đó họ phải trèo chậm chạp trên những con đường không dốc lắm, nhưng ở độ cao như vậy, đòi hỏi người leo phải gắng hết sức, nên không còn ai có dư sức để nói chuyện. Người Trung Hoa nọ ngồi sang trọng trên chiếc ghế của ông ta, việc làm này có thể coi như không hào hiệp nếu không thấy là vô lý khi hình dung cô Brinklow ngồi trên cái chỗ ngồi huy hoàng đó. Conway, người mà không khí loãng trên độ cao ít tác động đến hơn mọi người, cũng thấy khó nhọc, đôi lúc mới bắt chuyện với đám người khiêng ghế. Anh biết một ít tiếng Tây Tạng, chỉ vừa đủ để hiểu được rằng đám người này rất mừng khi được trở về tu viện. Dù có ý muốn tiếp tục nói chuyện với người cầm đầu của đoàn người này, anh cũng không thể làm được, vì người này, mắt nhắm lại, gương mặt lấp một nửa sau bức màn che và hình như ông ta có tài nhắm mắt là ngủ liền và ngủ đúng lúc.

Trong lúc đó, mặt trời đã sưởi ấm; cơn đói và khát đã dịu đi, nếu không phải là họ đã được ăn uống thoải mái; và không khí trong sạch như ở một hành tinh khác, cứ mỗi ngụm hít sâu lại trở nên quý giá hơn. Người ta phải hít thở thong thả, khoan thai; việc làm này lúc đầu nghe có vẻ làm cho mọi người bối rối, nhưng sau một thời gian, nó khiến mọi người an tâm, ngây

ngất, toàn thân chuyển dịch theo nhịp hít thở, bước đi và suy nghĩ; những lá phổi, không còn kín đáo và tự hoạt động mà hoạt động tuân theo sự hài hòa với đầu óc và cặp chân. Conway, vốn có chiều hướng thần bí phù hợp một cách kỳ lạ với cái chất hoài nghi, nên không thấy lúng túng khổ sở vì cái cảm giác ấy. Một hai lần anh nói mấy câu vui vẻ với Mallinson, nhưng anh thanh niên này còn đang vất vả, căng thẳng để trèo núi. Barnard cũng thở hổn hển như người lên cơn hen, còn cô Brinklow đang chiến đâu ác liệt với cái phổi mà vì một lý do nào đó cô cố gắng giấu giếm không cho ai biết.

"Chúng ta sắp lên tới đỉnh rồi," Conway nói để khuyến khích.

"Tôi đã có một lần chạy đuổi theo xe lửa và cũng cảm thấy đúng như bây giờ," cô đáp lại.

Conway nghĩ bụng: Vậy đấy, có những người coi rượu táo cũng như rượu sâm banh. Đấy là vấn đề khẩu vị.

Anh ngạc nhiên khi thấy ngoài những phút lúng túng khó xử, anh có rất ít hoài nghi, lo lắng, và cái đó về riêng bản thân thì anh không hề có chút nào. Trong cuộc đời, có những lúc người ta mở rộng tâm hồn mình đúng như có thể mở rộng miệng túi, nếu cuộc vui buổi tối tỏ ra đắt giá, nhưng cũng mới mẻ một cách không ngờ. Conway, vào buổi sáng mệt bở hơi tai ấy, đúng nhìn ngọn Karakal, anh cũng sẵn sàng mở rộng tâm hồn thấy mình được khuây khỏa nhưng chưa hẳn phân khích khi đón nhận những cái mới mẻ. Sau mười năm bôn ba qua nhiều vùng ở châu Á, anh đã có được cách đánh giá khe khắt về những nơi và những sự việc xảy ra; song, trước cảnh tượng này, anh phải thừa nhận là nó hứa hẹn, báo hiệu nhiều cái phi thường.

Đi được khoảng vài dặm, dọc khu thung lũng, thì đến quãng đường phải leo dốc cao hơn, nhưng lúc này mặt trời bị mấy phủ kín và một đám sương mù trắng xóa che kín trước mắt mọi người. Tiếng sấm và tiếng tuyết lở từ đồng tuyết ở phía trên vang dội lại; không khí trở lạnh, với khí hậu bất thường luôn thay đổi của vùng núi, không khí trở nên lạnh buốt. Một cơn gió mạnh và mưa tuyết kéo đến làm ướt hết cả đám người, khiến họ thêm hết sức khó chịu; ngay cả Conway, trong một lúc cũng cảm thấy không thể đi xa hơn được nữa. Song chỉ một lát sau đó, dường như đã lên đến đỉnh cao, vì thấy đám người khiêng dừng lại để điều chỉnh kiệu. Barnard và Mallinson cả hai đều bị mệt quá nên đoàn người cứ liên tiếp phải ngừng lại để đợi; nhưng đám

người Tây Tạng rõ ràng lo lắng muốn đi vội, họ ra hiệu cho mấy người của Conway biết đoạn đường còn lại sẽ đỡ khó đi hơn.

Nghe những lời đoán chắc như vậy, mấy người lại thấy lo âu khi thấy đám người Tây Tạng mở bọc lấy thừng ra.

"Họ chuẩn bị để treo cổ bọn ta chăng?" Barnard thốt kêu lên, vẻ hài hước, thất vọng; song đám người dẫn đường liền ra hiệu cho biết là họ chi có ý định buộc mọi người lại theo kiểu leo núi thông thường mà thôi. Khi họ thấy Conway cũng thạo việc dùng "thừng, họ tỏ ra kính họng anh hơn và để anh tùy ý buộc theo cách của anh. Anh sắp xếp buộc người anh ngay sau Mallinson với mấy người Tây Tạng ở phía trước và phía sau; rồi đến Barnard và cô Brinklow, rồi đến một số người Tây Tạng ở phía sau nữa. Conway chẳng mấy đã nhận thấy trong lúc người cầm đầu họ tiếp tục ngủ thì đám người Tây Tạng có ý muốn để anh thay thế lãnh đạo đoàn người. Anh cũng quen nhanh chóng và nếu có gì khó khăn anh sẽ đưa ra cái mà anh biết là của anh: Gây được lòng tin và tư cách chỉ huy. Trước kia, anh vốn là một nhà leo núi bậc nhất và chắc bây giờ anh vẫn còn rất khá. "Cô phải để ý đến ông Barnard," anh bảo cô Brinklow, nửa đùa nửa thật; và cô Brinklow đáp lại với vẻ bẽn lẽn của một con đại bàng: "Tôi sẽ cố gắng hết sức mình, nhưng như ông biết đây, từ trước đến nay tôi chưa hề bị lấy thừng buộc vào người bao giờ."

Đoạn đường sau, tuy đôi lúc có gây hứng thú, cũng đã bớt gay go hơn, không như anh đã nghĩ, và người ta cũng đỡ căng đến vỡ lồng ngực lúc leo lên. Con đường đi là một đoạn tắt cắt ngang dọc sườn một bức tường đá mà đỉnh cao ở trên bị mây mù che kín. Có lẽ cũng may vì mây mù phủ kín cả vực thẳm ở phía bên kia, tuy Conway vốn rất tinh mắt về nhìn đỉnh cao, muốn được nhìn rõ nơi mình đang đứng. Con đường mòn nhiều chỗ rộng không quá hai bộ, và cứ nhìn cách thức đám người Tây Tạng xoay sở để khiêng chiếc kiệu ở những điểm đó, anh thấy rất phục họ cũng như phục thần kinh của con người ngồi kiệu vẫn điềm nhiên ngủ được suốt dọc đường. Đám người Tây Tạng này chắc chắn tin cậy được, nhưng dường như đến những quãng đường mòn rộng hơn và hơi dốc xuống, họ vẫn tỏ ra vui mừng. Những lúc ấy họ bắt đầu cùng nhau cất tiếng du dương hát lên những giai điệu nhạc sĩ Massenet trước đây đã soạn cho một số vở ba lê Tây Tạng. Mưa tạnh, không khí ấm dần lên.

"Này, một mình chúng ta chắc chắn sẽ không thể nào tìm ra được con đường này," Conway nói, ý định để làm mọi người phấn chấn thêm, nhưng Mallinson không thích lắm. Thực vậy, anh có tâm trạng rất sợ và giờ đây khi đoạn xấu nhất đã qua, tâm trạng này lại có cơ lộ rõ hơn. "Chúng ta phải tiếc lắm chăng?" Anh đáp lại, giọng chua chát.

Con đường mòn tiếp tục dốc xuống thẳng đứng hơn, và đến một chỗ Conway thấy có mấy cây edelweiss[10][1], dấu hiệu chào mừng đầu tiên của tầng cao mến khách hơn.

"Trời ơi, anh Conway, dễ thường anh tưởng tượng mình đang dạo chơi vơ vẩn trên vùng núi Alps chăng? Chúng ta đang chuẩn bị cho mình sẽ cắm trại ra sao đây, đây là điều tôi muốn biết? Và chương trình hành động của chúng ta khi tới đó sẽ ra sao? Chúng ta sẽ làm gì?"

Conway điềm tĩnh đáp: "Nếu chú có tất cả những kinh nghiệm mà tôi có, chú sẽ biết rằng ở đời có những lúc thích thú nhất là lúc không làm gì hết. Sự việc xảy đến với anh và anh cứ mặc cho nó nảy sinh. Chiến tranh có phần giống như thế đấy. Người ta lấy làm hạnh phúc, như trường hợp chúng ta hiện nay, khi xúc cảm về cái mới làm dịu đi nỗi khó chịu."

"Anh triết lý quá đáng với tôi lắm đây. Hồi ở Baskul đầy bạo loạn tâm tính anh đâu có như vậy!"

"Tất nhiên là không, vì khi ấy tôi còn có cơ may để thay đổi sự việc bằng hành động của mình. Còn giờ đây, ít nhất vào lúc này, không có cái cơ may đó. Chúng ta có mặt ở đây vì chúng ta có mặt ở đây, nếu anh muốn tìm lý do thì nó đây. Tôi vẫn thường lấy nó để an ủi mình?"

"Hẳn anh cũng biết rồi đây con đường trở lại ngược con đường chúng ta vừa đến thực khủng khiếp. Chúng ta đã phải trườn bò trên mặt một ngọn núi dốc thẳng đứng suốt một tiếng đồng hồ, cuối cùng - tôi đã để ý thấy điều đó."

"Thì tôi cũng vậy."

"Anh cũng để ý thấy ư?" Mallinson phá ra cười, vẻ phấn khích. "Tôi dám nói tôi là một kẻ hay quấy rầy, nhưng tôi không thể khác được. Tôi nghi ngờ tất cả những cái này. Tôi có cảm tưởng chúng ta đang thực vượt qua cả

ý của bọn này muốn chúng ta phải làm. Bọn chúng đang đẩy chúng ta vào một nơi nguy hiểm."

"Dù cho có thế nữa thì chỉ còn cách là ở đây cho đến cùng và chết."

"Tôi biết đó là logic vấn đề, nhưng xem ra thái độ ấy chẳng giúp ích gì cho chúng ta. Tôi e rằng bản thân tôi không dễ dàng chấp nhận hoàn cảnh như anh. Tôi quên làm sao được mới cách đây có hai ngày, chúng ta còn đang ở lãnh sự quán Baskul. Nhớ lại tất cả những gì xảy đến với chúng ta từ ngày đó, tôi thấy phần nào khó chịu quá. Tôi rất buồn. Người tôi đã mệt rã rời. Nó khiến tôi thấy mình đã may mắn tránh được chiến tranh; tôi cho rằng tôi phải phát điên lên vì sự việc. Cả cái thế giới quanh tôi đây, tôi thấy dường như đã hoàn toàn phát điên. Bản thân tôi hẳn cũng đang điên dại khi ngồi nói với anh những điều này."

Conway lắc đầu "Chú em thân yêu ơi, không phải vậy. Chú hai mươi tư tuổi đầu lại đang ở trên độ cao khoảng hai dặm rưỡi; những cái đó cũng đủ làm nguyên nhân gây nên tâm trạng chú lúc này. Tôi nghĩ chú đã vượt qua được cuộc thử thách gay go một cách rất tài tình, hơn tôi nhiều vào lúc tôi ở tuổi chú."

"Thế anh có cảm thấy sự điên rồ của tất cả những cái ấy không? Cái cách chúng ta bị đưa đến vùng núi cao này và những lúc khủng khiếp chờ đợi trong gió gào, nào anh phi công hấp hối chết dần và rồi cuộc gặp gỡ những người này, anh có thấy tất cả như xảy ra trong con ác mộng và không thể tin được khi anh nhìn lại không?"

"Tất nhiên là như vậy."

"Vậy, tôi muốn biết anh làm thế nào mà vẫn giữ được sự bình tĩnh lạnh lùng trước mọi sự việc?"

"Chú thực sự muốn biết ư? Tôi sẽ nói nếu chú muốn biết, mặc dầu khi tôi nói ra có thể chú sẽ cho tôi là con người chai đá. Vì có quá nhiều những cái khác khi tôi có thể nhìn lại, cũng như đã xảy ra trong con ác mộng. Đây không phải là phần phát điên duy nhất của thế giới, chú Mallinson ạ. Xét cho cùng, nếu chú phải nghĩ về Baskul, thì chú có nhớ là ngay cái lúc trước khi chúng ta rời đây ra đi, những người cách mạng nổi dậy đã tra tấn những tù binh của họ như thế nào để moi tin tức không? Một chiếc máy giặt là[11][1]

bình thường tất nhiên là rất hữu hiệu, nhưng tôi không hề thấy một cái gì dễ sợ nực cười hơn. Và chú có nhớ cái thông điệp cuối cùng trước khi đường dây thông tin với chúng ta bị cắt đứt không? Một tờ thông báo của hãng dệt Manchester hỏi xem chúng ta có biết cửa hàng buôn nào ở Baskul nhận bán coocxê! Chú thấy thế có đủ điên không? Chú hãy tin rằng, khi tới đây cái xấu nhất có thể đến với chúng ta cũng chi là chúng ta đánh đổi một hình thức điên này lấy một hình thức điên khác. Còn về chiến tranh, nêu chú có bị vướng vào đây thì chú cũng nên làm như tôi, học co lại một cách lạnh lùng."

Hai người còn đang nói chuyện với nhau thì một đoạn leo dốc khó khăn nhưng chỉ ngắn thôi đã khiến họ phải nín thở, chỉ trong mấy bước mà phải căng thẳng như suốt từ trước cộng lại. Một lát sau đó, mặt đất trở nên bằng phẳng, đám người từ trong mây mù bước ra vùng quang đãng đầy ánh nắng. Phía trước, chỉ cách có một quãng ngắn là tu viện Lama Shangri-La.

Với Conway khi nhìn tu viện lần đầu tiên, đây có thể là một ảo ảnh vỗ cánh bay ra từ các nhịp điệu cô đơn, trong đó tình trạng thiếu dưỡng khí đã bao vây mọi giác quan của anh. Thực tế, đây là một cảnh tượng kỳ lạ và gần như khó tin. Một nhóm đình tạ nhiều màu sắc vắt vẻo bên sườn núi, chúng không mang nét trầm ngâm ảm đạm của một tòa lâu đài ở Rhineland[12][2], mà có cái tinh tế ngẫu nhiên của những đài hoa cắm xuyên vào một vách đá cheo leo. Một cảnh tượng nguy nga hùng vĩ mà thanh tú. Một cảm xúc khắc khổ đưa mắt ngước nhìn từ những mái nhà màu xanh sữa đến cái thành lũy đá xám ở bên trên coi cũng kỳ lạ như Wetterhorn trên Grindelwald[13][3]. Phía bên kia những sườn ngọn núi Karakal phủ đầy tuyết cao vút lên thành một hình chóp chói lòa. Conway nghĩ đây rất có thể là một phong cảnh vùng núi đáng kinh hoàng nhất trên thế giới và anh hình dung đến sức nén càng vô biên của tuyêt và băng đè lên đá mà đá lúc này làm nhiệm vụ của một bức tường khổng lồ ngăn giữ nó lại. Có lẽ một ngày nào đó, toàn bộ ngọn núi sẽ vỡ tung ra, và một nửa cái cảnh lộng lẫy băng giá của Karakal đổ nhào xuống thung lũng. Anh ngạc nhiên không hiểu sao cái rủi ro mỏng manh kết hợp với cái kinh hoàng của nó thậm chí còn có thể gây được phần khích dễ chịu.

Không kém phần quyến rũ là quang cảnh ở phía dưới vì bức tường núi tiếp tục đổ xuống, gần như thẳng đúng, thành một đường nứt, hiện tượng này có thể do một biên cố địa chất ở thời xa xưa tạo nên. Nền thung lũng ở nơi

mờ xa, nhìn dịu mắt một màu xanh lục; nơi đây kín gió, tu viện nhìn ra nó bao quát chứ không lấn át. Conway thấy đây là một địa điểm thiên nhiên ưu đãi đầy vẻ hấp dẫn, mặc dầu nếu nơi đây có người ở thì cộng đồng này hẳn hoàn toàn bị cô lập bởi những dãy núi cao vời vợi, không thể leo sang được phía xa bên kia. Nơi đây duy chỉ có khu tu viện là lộ ra một con đường trèo lên được mà thôi. Nhìn cảnh vật, Conway cảm thấy lòng hơi se lại vì sợ hãi, có lẽ những điều lo âu của Mallinson không hoàn toàn coi thường được. Nhưng cảm giác ấy chỉ thoáng qua để rồi hòa vào mối cảm xúc sâu xa hơn, nửa thần bí, nửa rõ ràng trước mắt là cuối cùng đã đến được một nơi tận cùng, nơi chấm dứt.

Anh chẳng hề nhớ rõ bằng cách nào anh và mấy người kia đã đến được tu viện này, hoặc những thể thức họ đã được tiếp nhận vào đây, được cởi giày và dẫn vào khu nhà này. Không khí loãng ở đây có kết cấu như trong giấc mơ phù hợp với màu xanh men sứ của da trời; với mỗi hơi anh thở, mỗi ánh mắt anh đưa nhìn ở nơi yên tĩnh đê mê này đã khiến anh như không để ý đến nỗi bồn chồn của Mallinson, những lời dí dỏm của Barnard và hình tượng một người đàn bà chuẩn bị chu đáo để đương đầu với trường hợp xấu nhất ở cô Brinklow. Anh mơ hồ nhớ lại sự ngạc nhiên khi thấy khu bên trong tu viện rộng rãi thế, ấm áp thế và rất sạch sẽ; nhưng anh không có thì giờ để quan sát nhiều hơn những cái đó vì người Trung Hoa nọ từ trên cái ghế có mui che đã bước xuống dẫn đường cho anh cùng mấy người đi qua mấy phòng chờ. Giờ đây, người ấy tỏ ra rất nhã nhặn, lịch sự.

"Tôi phải xin lỗi," người ấy nói, "Vì đã không chăm sóc các ông trên đường đi, nhưng xin thú thực, những cuộc hành trình như vậy không hợp với tôi và tôi phải lo giữ sức cho mình. Tôi mong rằng các ông không đến nỗi quá mệt."

"Chúng tôi đã cố gắng," Conway đáp lại, vừa gượng mỉm cười.

"Tuyệt. Và giờ đây, nếu các ông vui lòng đi theo, tôi sẽ xin dẫn các ông đến phòng của mình. Chắc các ông muốn được tắm rửa. Nơi ăn chỗ ở của chúng tôi giản dị, song tôi hy vọng nó sẽ đáp ứng đầy đủ."

Tới đây, Barnard lúc này vẫn còn hơi mệt, đã bật nên tiếng cười khúc khích vừa khò khè thở. "Ồ" anh vừa thở vừa nói, "Tôi có thể nói là tôi chưa yêu mến cái khí hậu ở đây - không khí dường như có phần nào dính vào

ngực tôi - nhưng từ những cửa sổ phía trước nhìn ra, quang cảnh hẳn tuyệt đẹp. Chúng tôi có phải xếp hàng vào tắm, hay đây là một khách sạn nước Mỹ?"

"Ông Barnard, tôi nghĩ là ông sẽ thấy mọi sự đều hoàn hảo."

Cô Brinklow vẻ nghiêm trang gật đầu nói: "Quả vậy, tôi mong được như vậy."

"Và sau đó," người Trung Hoa nói tiếp: "Tôi rất lấy làm hân hạnh được các vị cùng chúng tôi dự bữa ăn trưa."

Conway đáp lại rất lịch sự. Chỉ có Mallinson là lặng thinh không tỏ thái độ gì trước những điều dễ chịu bất ngờ ấy. Cũng như Barnard, anh bị khó thở vì ở độ cao, nhưng giờ đây, cố gắng, anh đã đủ hơi sức để kêu lên: "Và sau đó, nếu ông vui lòng, chúng tôi cũng xin phác họa kế hoạch về chuyến quay trở về. Càng sớm càng tốt, ý tôi là như vậy."

CHƯƠNG BỐN

“Hẳn các ông thấy đấy” ông Tưởng nói. "Chúng tôi cũng không đến nỗi man rợ như các ông tưởng.

Conway, chiều muộn hôm đó, không muốn cãi lại điều ông Tưởng đã nói. Anh thích thú với cái cảm giác dễ chịu trong cơ thể hòa lẫn với sự tỉnh táo trong tình thần, và dường như đối với anh trong mọi cảm giác, đây là cảm giác thực sự văn minh nhất. Cho đến lúc này, những đồ dùng thiết bị ở Shangri-La đã có đủ tất cả những gì anh có thể mong muốn, và chắc chắn có nhiều hơn sự mong đợi của anh. Một tu viện ở Tây Tạng mà có một hệ thống sưởi tập trung bằng hơi nước, có lẽ không có gì là ghê gớm lắm ở một thời đại mà ngay cả ở Lhasa người ta cũng đã có lắp đường dây điện thoại; nhưng sự kết hợp cơ khí của khoa vệ sinh phương Tây với nhiều cái của phương Đông và của truyền thống thì anh thấy cực kỳ kỳ lạ. Như cái bồn tắm chẳng hạn, trong đó anh vừa được hưởng thú vị tắm rửa, là một dụng cụ bằng sứ màu men xanh lục mịn màng, một sản phẩm theo như nhãn đề thì là của hãng Akron ở Ohio bên Mỹ, nhưng người thổ dân phục vụ anh lại phục vụ anh theo kiểu Trung Quốc, anh ta lau tai, lau lỗ mũi cho anh, rồi dùng một miếng gạc bằng lụa mỏng để lau qua hai hàng mi mắt dưới của anh. Lúc đó anh nghĩ không biết ba người bạn của anh có nhận được sự chăm sóc như vậy không.

Conway đã sống gần một thập kỷ ở Trung Quốc, và không phải lúc nào cũng ở thành phố lớn; và nghĩ kỹ lại thì anh cho thời gian ấy là những ngày sung sướng nhất trong cuộc đời anh. Anh mến người Trung Quốc, anh quen với lối sống của người dân ở đây. Đặc biệt anh thích cách nấu ăn của người Trung Quốc, với các món gia vị của họ; và do đó bữa ăn đầu tiên ở Shangri-La đã đem đến cho anh cái không khí thân quen và sự ân cần tiếp đãi. Anh cũng đã có ý ngờ vực trong thức ăn có thứ cỏ hoặc thuốc để làm người ta dễ thở, vì không những bản thân anh cảm thấy có một sự biến đổi khác, mà còn thấy rất rõ điều đó ở mấy người cùng đi với anh. Anh để ý thấy ông Tưởng không ăn gì ngoài một ít thứ rau xà lách xanh và không uống vang. Ngay lúc bắt đầu ngồi vào mâm ông ta đã nói: "Xin lỗi các ông, chúng tôi có chế độ ăn

kiêng rất nghiêm ngặt: Tôi bắt buộc phải giữ gìn sức khỏe của mình."

Đây cũng là lý do ông ta đã từng viện ra từ trước, và Conway nghĩ không biết ông ta mắc phải chứng bệnh gì. Giờ đây nhìn kỹ ông Tưởng, Conway thấy thực khó mà đoán đúng ông ta bao nhiêu tuổi; những nét nhỏ nhắn trên bộ mặt có phần khó xác định, cùng với nước da màu đất sét ẩm đã khiến nhìn ông ta thấy đây hoặc là một thanh niên sớm già hoặc là một ông già mà đã giữ được những nét trẻ trung một cách tài tình. Ông ta không phải là không có vẻ hấp dẫn nào đó; một tác phong lịch sự đúng kiểu từ con người ông ta toát ra một hương vị quá tế nhị mà người ta chỉ nhận thấy khi không nghĩ đến nó.

Vận chiếc áo khoác thêu bằng lụa màu xanh lam với chiếc áo lót sẻ hai bên quen thuộc và chiếc quần ống bó ở hai mắt cá, tất cả một màu xanh lam của nước, ông ta có sức hấp dẫn lạnh lùng mà Conway thích thú, tuy anh biết đó không phải là sở thích của mọi người.

Sự thực, không khí ở đây như ở Trung Quốc chứ không có gì đặc biệt là Tây Tạng, và chính điều này đã khiến Conway có cảm giác thoải mái như ở nhà mình, tuy một lần nữa anh không thể nghĩ đó là cảm giác chung của mấy người kia. Cái phòng ở cũng khiến anh thích thú; nó cân đối một cách đẹp, và được trang trí sơ sài với mấy tấm thảm và hai bức sơn mài khá đẹp. Ánh sáng là từ mấy ngọn đèn giấy, những ngọn đèn này không đung đưa những khi lặng gió. Anh cảm thấy dễ chịu cả về tình thần lẫn thể xác, và những ý nghĩ gợi lại có thể có một thứ thuốc gì không còn làm anh lo âu nữa. Dù sao đi nữa, nếu thực sự có thuốc pha vào thức ăn thì nó cũng đã giúp cho Barnard dễ thở và Mallinson đỡ hùng hổ; cả hai đều đã ăn uống no nê, để ý đến ăn hơn là nói chuyện. Conway cũng đã đói thật sự và anh thấy đúng thôi khi phép xã giao lịch sự đòi hỏi phải từ từ bàn đến những vấn đề quan trọng thì anh không bao giờ vội vã khi bản thân hoàn cảnh nó đem lại niềm vui, cho nên với anh phương pháp xử thế trên là rất thích hợp. Thực tế, cho mãi đến tận lúc anh bắt đầu hút một điếu thuốc lá, anh mới có ý kiến nhận xét nói với ông Tưởng: "Xem ra cộng đồng của ông ở đây rất khá giả, và hết sức mến khách. Tuy nhiên, tôi nghĩ các ông không thường xuyên có khách."

"Rất hiếm, quả thế." Ông người Trung Quốc đáp, vẻ trịnh trọng cân nhắc. "Vùng này ít có người qua lại."

Nghe nói vậy, Conway mỉm cười. "Ông đặt vấn đề rất khéo. Lúc tới đây, tôi đã thấy đây là một nơi bị cô lập nhất mà tôi chưa từng thấy. Một nền văn hóa riêng biệt có thể nảy nở ở đây mà không lo bị tiêm nhiễm từ thế giới bên ngoài."

"Tiêm nhiễm. Ông muốn nói gì vậy?"

"Tôi nói thế để chỉ những đoàn khiêu vũ, những rạp chiếu bóng, những dấu hiệu điện tử.v.v. Những ống dẫn nước cũng như những bể chứa nước của các ông thực nghiêm chỉnh và hiện đại, theo ý tôi, đây là chút lợi ích duy nhất mà phương Đông có thể tiếp nhận từ phương Tây. Tôi thường nghĩ người La Mã thực là may mắn, nền văn minh của họ chỉ đạt tới những buồng tắm nước nóng chứ không dính tới những tri thức tai hại về máy móc."

Conway ngừng lại. Anh nói rất lưu loát một cách ngẫu nhiên chứ không phải giả dối, nhưng chủ yếu để tạo một không khí và kiềm chế nó. Anh vốn khá thạo về việc làm này. Chỉ do muốn đáp lại thái độ cực kỳ lịch sự của chủ nhà nên anh đã không tỏ ra tò mò một cách lộ liễu hơn.

Nhưng cô Brinklow lại không có sự e dè như vậy. "Xin ông làm ơn," cô nói, tuy lời lẽ không hề tỏ ra quỵ lụy, "Nói cho chúng tôi biết về tu viện ở đây, được không?"

Ông Tưởng rướn đôi hàng lông mày tỏ vẻ không bằng lòng một cách tế nhị về câu hỏi vội vã của cô. Ông nói: "Thưa bà, tôi sẽ rất lấy làm vui mừng được nói với bà trong chừng mực khả năng của tôi. Vậy, xin bà cho biết bà muốn biết rõ về những gì?"

"Trước hết, xin ông cho biết ở đây, các ông có bao nhiêu người và thuộc những quốc tịch gì?" Rõ ràng đầu óc ngăn nắp của cô Brinklow lúc này hoạt động không kém phần thành thạo so với lúc ở nhà truyền giáo Baskul.

Ông Tưởng đáp: "Con số những người của chúng tôi đã đạt tới chức vụ Lama vào khoảng năm mươi vị, ngoài ra còn một số ít khác, như bản thân tôi chẳng hạn, chưa đạt tới trình độ thụ pháp đầy đủ. Chúng tôi sẽ được thụ pháp theo đúng trình tự, đây là điều chúng tôi mong muốn. Cho đến lúc ấy, hiện giờ chúng tôi chỉ là những Lama nửa chừng, những Lama chờ thụ pháp, như các ngài có thể gọi. Còn về nguồn gốc dân tộc, thì ở đây có đại diện của rất

nhiều dân tộc, tuy nhiên có lẽ con số người Tây Tạng và người Trung Quốc chiếm đa số."

Cô Brinklow không bao giờ bỏ qua không kết luận ngay, dù cho có sai đi nữa. Cô nói: "Tôi biết vậy, đây thực sự là một tu viện của người thổ dân. Thế ngài tu viện trưởng của các ông là một người Tây Tạng hay một người Trung Quốc?"

"Không."

"Ở đây có người Anh không?"

"Khá nhiều."

"Trời ơi, vậy xem ra thực kỳ lạ." Cô Brinklow chỉ ngừng một chút để lấy hơi rồi nói tiếp. "Và giờ đây, xin ông cho biết tín ngưỡng của các ông là gì?"

Conway ngả người, vẻ chờ đợi phần nào thích thú. Anh vẫn thường xuyên thích quan sát sự va chạm của hai tâm tính trái ngược nhau; tính bộc trực của một người con gái ở cô Brinklow chuyên tâm hỏi về triết học của đạo giáo Lama hẳn sẽ gây nhiều hứng thú. Mặt khác, anh lại không muốn việc này khiến chủ nhân e ngại, nên anh nói để tạm thời hòa giải: "Đây có phần là một vấn đề lớn."

Nhưng cô Brinklow không ưa hòa giải. Rượu vang đã khiến mấy người khác trở nên yên tĩnh hơn thì dường như lại làm cho cô sôi nổi thêm. "Tất nhiên", cô vừa khoát tay tỏ vẻ độ lượng. "Tôi tin vào một thứ tôn giáo chân thực, nhưng tôi cũng có tư tưởng khá khoáng đạt để thừa nhận rằng, những người khác, tôi muốn nói người nước ngoài, đã rất thành thực trong niềm tin của họ. Và tất nhiên ở một tu viện như ở đây tôi không mong chờ được người ta tỏ ra đồng tình với tin ngưỡng của tôi."

Thái độ nhân nhượng của cô khiến tu sĩ Tưởng cúi đầu đáp lễ: "Nhưng thưa bà, tại sao?" Ông đáp lại bằng một thứ tiếng Anh chính xác và văn hoa. "Chúng ta lại phải khăng khăng cho rằng vì một đạo giáo là đúng thì tất cả những đạo giáo khác đều là sai?"

"Ồ, tất nhiên, điều đó khá rõ, phải không ông?"

Conway lại nói xen vào. "Thực ra, tôi nghĩ chúng ta chẳng nên tranh cãi làm gì. Nhưng, ở đây cô Brinklow có cùng một ước muốn hiểu biết như tôi là mục đích của tu viện độc đáo này là gì?"

Tu sĩ Tưởng đáp lại chậm rãi và chi khe khẽ như người thì thầm: "Thưa ông, nếu tôi phải nói rất ngắn gọn thì tôi có thể nói niềm tin trước hết của chúng tôi là tin vào sự tiết chế. Chúng tôi khắc sâu cái đức tính tránh tất cả mọi sự thái quá - thậm chí, xin ông tha lỗi cho điều tôi nói có phần ngược đời, chúng tôi tránh cả sự thái quá ngay trong đức hạnh. Ở thung lũng đây như các ngài đã thấy, trong đó có mấy nghìn người sống dưới sự kiểm soát trật tự của chúng tôi, chúng tôi đã thấy rằng cái nguyên lý cuộc sống ấy đã đem lại hạnh phúc rất lớn lao cho họ. Chúng tôi chỉ huy, điều khiển, có mức độ vừa phải, và đáp lại, chúng tôi cũng thấy thỏa mãn với cách tuân thủ vâng lời có mức độ của họ. Và tôi nghĩ tôi có thể cho là những người dân của chúng tôi sống có tiết độ vừa phải, trong sạch và chân thực vừa phải."

Conway mỉm cười. Anh nghĩ ông già Trung Quốc này ăn nói rất chững chạc, ngoài ra nó phần nào khêu gợi đến cái tính chất của chính anh.

"Tôi nghĩ tôi đã hiểu những điều ông nói. Và tôi cho rằng những người sáng nay đến gặp chúng tôi đều là những người dân trong thưng lũng của các ông?"

"Thưa vâng. Tôi mong rằng trong suốt chuyến đi, các ông không có điều gì để chê trách họ."

"Ồ, không, không một chút chê trách. Tôi rất lấy làm vui mừng là dù sao họ cũng đã chắc chắn quá cái mức vừa phải. Nhân tiện xin hỏi: Ông đã cẩn thận nói rằng quy định về tiết chế vừa phải là áp dụng cho họ. Vậy xin ông cho biết quy định ấy có áp dụng cho các bậc tu sĩ các ông không?"

Trả lời câu hỏi ấy, tu sĩ Tưởng chỉ có thể lắc đầu. "Thưa ông, tôi rất lấy làm tiếc là ông đã chạm đến một vấn đề mà tôi không thể bàn luận. Tôi chỉ có thể nói thẳng là trong cộng đồng chúng tôi có nhiều niềm tin và nhiều tục lệ, nhưng hầu hết chúng tôi đều không cuồng nhiệt tin vào những thứ đó. Tôi rất lấy làm buồn là lúc này tôi không thể nói được nhiều hơn."

"Xin ông không việc gì phải xin lỗi. Cuộc nói chuyện này đã để lại cho chúng tôi những điều cần suy xét một cách vui vẻ nhất." Trong giọng

Conway nói cũng như trong những cảm giác của anh, có cái gì khiến anh lại có cảm giác nghĩ là mình vừa được dùng một liều thuốc kích thích. Mallinson xem ra cũng như vậy, tuy anh ta nhân dịp này liền đưa ra ý kiến: "Tất cả những điều chúng ta vừa bàn luận đều rất hay, nhưng tôi thực sự nghĩ là đã đến lúc chúng ta bàn đến chuyện vạch kế hoạch để chúng tôi trở về. Chúng tôi muốn quay lại Ấn Độ càng sớm càng tốt. Liệu ông có thể thuê giúp chúng tôi được bao nhiêu phu khuân vác?"

Câu hỏi quá thực tiễn và quyết liệt, xuyên vỡ cái vỏ ngọt ngào để rồi không kiếm được chỗ đặt chân bên dưới. Chỉ sau một lúc lâu tu sĩ Tưởng mới đáp lại: "Thưa ông Mallinson, thực không may, tôi không phải là người có trách nhiệm để bàn về vấn đề này. Nhưng dù sao thì chúng tôi cũng nghĩ là vấn đề này không thể thu xếp ngay lập tức được."

"Song cũng phải thu xếp một cái gì chứ! Chúng tôi ai cũng có công việc phải quay về để làm, và bạn bè cùng anh em, họ hàng thân thích của chúng tôi, mọi người đều đang lo lắng về số phận của chúng tôi. Chúng tôi nhất thiết phải quay trở về. Chúng tôi xin cám ơn ông đã tiếp đãi chúng tôi như thế này, song sự thực chúng tôi không thể kéo dài ở đây không làm việc gì. Nếu có thể thực hiện được, chúng tôi xin bắt đầu bàn về việc này chậm nhất là ngày mai. Tôi hy vọng sẽ có nhiều người trong số người dưới quyền ông vui lòng đi hộ tống chúng tôi và tất nhiên, chúng tôi sẽ trả công cho họ xứng đáng."

Mallinson ngừng nói, vẻ cáu kỉnh, như thể anh đã hy vọng được trả lời không cần phải nói nhiều lời; nhưng anh vẫn không moi được gì ở tu sĩ Tưởng ngoài thái độ yên lặng và gần như trách móc: "Nhưng, như ông biết đây, tất cả những cái đó không thuộc quyền giải quyết của tôi."

"Không ư? Ồ, có lẽ, dù sao thì ông cũng có thể làm được một điều gì chứ. Nếu ông có thể kiếm cho chúng tôi được một tấm bản đồ vùng này thì hay quá. Dường như chúng tôi sẽ phải đi rất xa, và đây lại càng có lý do để ta bắt đầu khởi sự. Ở đây, các ông có tấm bản đồ nào không?"

"Chúng tôi có rất nhiều."

"Vậy xin ông vui lòng làm ơn cho chúng tôi mượn mấy tấm. Chúng tôi xin trả lại sau. Tôi nghĩ đôi khi các ông cũng phải có liên lạc với thế giới bên ngoài. Vậy cũng nên gửi một thông điệp ra ngoài để bạn bè chúng tôi được

yên tâm. Từ đây đến trạm điện tín gần nhất là bao xa?"

Gương mặt có vết nhăn của tu sĩ Tưởng dường như tỏ ra đã nhẫn nại lắm rồi. Song ông ta không đáp lại.

Mallinson đợi một lát rồi nói tiếp: "Ồ, khi cần một thứ gì thi ông nhắn gọi đến đâu để lấy? Một thứ gì thuộc loại dụng cụ văn minh, ý tôi muốn nói vậy." Một thoáng lo sợ đã bắt đầu xuất hiện trên cặp mắt và trong giọng của anh. Thốt nhiên, anh gạt chiếc ghế đang ngồi ra phía sau và đứng dậy. Mặt anh tái đi, tay yếu ớt lau trán. "Tôi mệt quá," anh lầm bầm nói vừa đưa mắt nhìn xung quanh phòng. "Tôi chẳng thấy một ai trong các ông thực sự cố gắng giúp đỡ tôi. Tôi chỉ hỏi có một câu rất đơn giản. Rõ ràng là các ông trả lời được. Các ông đã làm thế nào để mang được tất cả những bồn tắm hiện đại này đặt ở đây?'

Tiếp theo là một sự yên lặng khác.

"Vậy là các ông không muốn nói cho tôi biết? Tôi cho đây chỉ là một phần của tất cả những bí mật khác ở đây. Anh Conway, tôi phải nói là anh quá ư nhu nhược. Tại sao anh không hỏi cho ra sự thực? Lúc này tôi đã mệt lắm rồi - nhưng ngày mai, xin anh nhớ lấy, chúng ta phải đi khỏi đây vào ngày mai - đây là điều rất thiết yêu..."

Anh đã suýt nữa lăn xuống sàn nhà nếu không có Conway kịp đỡ anh ngồi lên ghế. Sau đó, anh tỉnh lại, nhưng không nói gì nữa.

"Ngày mai ông ấy sẽ khỏe hơn," Tu sĩ Tưởng dịu dàng nói. "Không khí ở đây đối với người lạ mới đến rất khó thở, nhưng rồi chẳng mấy chốc sẽ quen đi."

Conway cảm thấy mình như sực tỉnh khỏi cơn mê. "Sự việc đối với anh ấy có phần khó chịu," anh nói, giọng nhẹ nhàng, buồn rầu. Rồi anh nói thêm giọng mạnh mẽ hơn: "Tôi cho rằng tất cả chúng ta đều cảm thấy điều đó. Vậy, tốt hơn hết việc bàn cãi này xin hoãn lại để đến ngày mai và bây giờ ta hãy đi ngủ. Barnard, anh để ý coi sóc Mallinson nhé? Và, cô Brinklow, tôi chắc cô cũng cần đi ngủ." Đã có một số tín hiệu nào đó đưa ra nên liền lúc ấy một người hầu xuất hiện. "Được, chúng tôi sẽ xong bây giờ - chào anh - tôi sẽ theo ra ngay." Anh gần như đẩy mấy người ra khỏi phòng, rồi không còn giữ đúng lễ nghi, trái hẳn với cái phong cách trước đây của anh. Anh quay

lại phía chủ nhân. Câu trách cứ của Mallinson đã kích động anh.

"Nào, thưa ông, tôi cũng không muốn giữ ông ở lại lâu nên tốt hơn là ta vào vấn đề ngay. Anh bạn của tôi có nóng tính nhưng tôi cũng không trách anh ta, anh ta rất chính đáng khi đòi hỏi làm sáng tỏ mọi sự việc. Cuộc hành trình trở về của chúng tôi cần phải được thu xếp, và chúng tôi không thể làm được việc này nếu không được ông hoặc những người khác ở đây giúp đỡ. Tất nhiên, tôi cũng biết rời đây ngay ngày mai là không thể được và riêng phần tôi, tôi mong rằng làm sao chúng tôi chi phải ở lại đây một thời giam ngắn nhất là điều hết sức thú vị. Nhưng có thể các bạn tôi không có cùng ý nghĩ như tôi. Cho nên, nếu đúng sự thực như ông nói là ông không thể làm gì được để giúp chúng tôi, thì xin ông cho chúng tôi được gặp ai đó có thể giúp được chúng tôi trong việc này."

Vị tu sĩ Trung Quốc đáp: "Thưa ngài, ngài thực khôn ngoan hơn ông bạn của ngài, nên ngài không nôn nóng. Tôi rất lấy làm mừng."

"Đây không phải là câu trả lời."

Tu sĩ Tưởng bắt đầu cười, tiếng cười giật giọng, khúc khích, rõ ràng là gượng gạo. Conway nhận ra ngay đây là một cách giả vờ lịch sự khi thấy câu vừa nói là một câu nói đùa tưởng tượng, mà người Trung Hoa vẫn dùng để khỏi bẽ mặt vào những trường hợp khó xử. Sau một lúc, ông ta mới đáp lại: "Tôi cảm thấy chắc chắn là ông không vì việc gì mà phải lo lắng về vấn đề này. Tất nhiên, đến một lúc nào đó chúng tôi sẽ có thể đem hết sức mình giúp các ông thực hiện việc cần thiết. Như ông cũng có thể hình dung thấy là có nhiều khó khăn, nhưng nếu tất cả chúng ta cùng nghiên cứu để giải quyết vấn đề một cách đúng đắn và không vội vã..."

"Tôi không đặt vấn đề một cách vội vã. Tôi chỉ muốn hỏi để biết về phu khuân vác."

"Ồ, thưa ngài thân mến, đây lại là vấn đề khác. Tôi không tin các ông lại dễ dàng tìm được người chịu nhận đi xa như vậy. Họ đều có gia đình ở trong thung lũng này, họ đâu có muốn rời nhà để đi những chuyến đi ra vùng bên ngoài đường dài và khó khăn."

"Tuy nhiên, vẫn có thể thuyết phục họ đi được nếu không thì tại sao sáng nay họ đã đi cùng ông và là đi đâu vậy?"

"Sáng nay ư? Ồ, đây lại là vấn đề khác."

"Khác ở chỗ nào? Phải chăng, khi tôi và các bạn tôi ngẫu nhiên gặp ông sáng nay, không phải là ông đang thực hiện một chuyến đi xa?"

Không có câu trả lời, Conway liền tiếp tục nói, giọng bình tĩnh hơn. "Tôi hiểu. Vậy, đó không phải là một cuộc gặp ngẫu nhiên. Thực tế tôi đã nghĩ mãi từ lâu về việc này. Vậy là ông đã có chủ định đến để đón chúng tôi. Điều ấy tỏ rõ các ông hẳn đã biết trước việc chúng tôi bị đưa đến đây. Và xin có câu hỏi thú vị là làm thế nào mà các ông lại biết được?"

Những lời anh nói phần nào làm căng bầu không khí yên tĩnh kỳ thú của quang cảnh. Ánh sáng ngọn đèn lồng soi rõ gương mặt vị tu sĩ Trung Quốc; một gương mặt bình tĩnh như của một pho tượng. Thốt nhiên, khẽ lấy tay huơ, ông ta phá vỡ sự căng thẳng, gạt tấm rèm lụa sang một bên, ông mở một cửa sổ dẫn ra ngoài bao la. Rồi, khẽ chạm vào cánh tay Conway, ông dẫn anh ra ngoài không khí lạnh trong suốt như pha lê. "Ông thực là người tài trí", giọng ông ta mơ màng, "Nhưng không phải đã hoàn toàn đúng. Vì lẽ đó, tôi muốn khuyên ông không nên để các bạn ông phải lo âu vì những cuộc bàn cãi trừu tượng nọ. Xin ông hãy tin ở tôi, cả ông cũng như các bạn ông, không có ai sẽ gặp phải một nỗi nguy hiểm gì ở Shangri-La này."

"Nhưng chúng tôi đâu có lo lắng về chuyện sẽ gặp nguy hiểm. Chúng tôi chi bực mình về chuyện phải trì hoãn ở lại đây lâu mà thôi."

"Tôi hiểu điều đó. Và, tất nhiên, có thể các ông sẽ phải ở lại đây một thời gian, một điều không thể tránh khỏi."

"Nếu chỉ một thời gian ngắn và thực sự là không thể tránh khỏi thì, tất nhiên, chúng tôi sẽ gắng hết sức mình chịu đựng."

"Ồ, một ý nghĩ mới đúng đắn làm sao! Vì chúng tôi không mong gì hơn ông cùng các bạn ông sẽ thấy vui vẻ trong thời gian nán lại ở đây."

"Thế thì rất hay, và như tôi đã nói với ông, riêng tôi, tôi có thể nói tôi sẽ không bận tâm lắm. Tôi cho đây là một tình huống mới và thú vị, và dù sao thì chúng tôi cũng cần được nghỉ ngơi đôi chút."

Vừa nói anh vừa đưa mắt ngước lên nhìn ngọn Karakal hình tháp đang lấp lánh đằng xa. Lúc ấy, dưới ánh trăng vằng vặc, dường như vươn cao một

bàn tay là có thể chạm tới nó, nom nó sáng quá, cái ánh sáng của một vật giòn, dễ vỡ, in hình lên khoảng mênh mông màu xanh lam phía bên kia.

"Ngày mai," tu sĩ Tưởng nói, "Ông có thể còn thấy nó thú vị hơn nhiều. Ngoài ra, nếu các ông mệt, thì trên đời này không có nơi nào tốt hơn ở đây để các ông nghi ngơi."

Thực vậy, trong lúc Conway tiếp tục ngắm nhìn, một cảm giác yên tĩnh nghỉ ngơi bao trùm lên anh, như thể quang cảnh kia làm dịu cặp mắt và cả tâm hồn anh. Không có lấy một gọn gió, trái hẳn với những cơn gió gào thét trên cao nguyên mà anh đã gặp đêm qua; anh cảm thấy toàn bộ khu thung lũng là một khu cảng khóa kín nằm trong đất liền, với ngọn Karakal bao trùm như một ngọn hải đăng. Nhìn ngọn núi, anh mỉm cười vì thực sự là có ánh sáng trên đỉnh núi, một ánh sáng le lói màu xanh băng giá phù hợp với vẻ huy hoàng lộng lẫy mà nó phản ánh. Có một cái gì đã khiến anh tìm hỏi nghĩa đen của cái tên đó, và câu trả lời của tu sĩ Tưởng vẳng lên như tiếng vang thì thầm trong phút mơ màng của chính anh. "Karakal, theo tiếng thổ dân thung lũng ở đây, có nghĩa là Trăng xanh," tu sĩ Trung Quốc nói.

Conway không đưa ra kết luận rằng việc anh cùng mấy người đến Shangri-La đã bằng cách nào đó được mọi người ở đây trông đợi. Anh đã có ý nghĩ phải nói điều này ra và anh biết vấn đề rất quan trọng; nhưng sáng ra, điều này anh không quan tâm mấy, có chăng chỉ ở ý nghĩa lý thuyết mà thôi và anh đã co lại không muốn gây thêm lo âu cho người khác. Một phần con người trong anh khẳng định rằng có một cái gì đó rất kỳ quặc ở nơi này, rằng thái độ của tu sĩ Tưởng buổi chiều hôm trước không đáng để tín cậy, và mấy người bọn anh, rõ ràng là bị cầm tù, trừ khi và chỉ cho đến khi có các quan chức chính quyền chịu ra tay giúp họ. Và rõ ràng anh có bổn phận phải buộc chính quyền ở đây làm điều đó. Suy cho cùng, ít ra thì anh cũng là người thay mặt cho chính phủ Anh quốc; thực hết sức phi lý những người ở một tu viện Tây Tạng lại từ chối một yêu cầu chính đáng của anh... Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là quan điểm bình thường của một người ở cương vị công chức; và một phần của Conway vừa là con người bình thường vừa là công chức. Trong những trường hợp khó khăn không ai đóng vai người hùng giỏi hơn anh; trong những khó khăn cuối cùng trước việc di tản, cách xử sự của anh (anh nghĩ sai đi một chút) đáng lẽ đã khiến anh ít nhất là được phong tặng tước hầu và một cuốn tiểu thuyết được giải thưởng Henty, mang tên Với Conway ở Baskul.

Tự nhận lấy trách nhiệm lãnh đạo mấy chục kiều dân của nhiều nước, gồm phụ nữ và trẻ em, anh đã để tất cả trú ngụ tại khu lãnh sự quán chật hẹp trong những ngày cách mạng sôi động đẫm máu do những người kích động bài ngoại gây lên; anh đã vừa cương quyết, vừa mềm dẻo, thuyết phục được đám người này để họ bằng lòng cho di tản bằng đường hàng không toàn bộ số kiều dân; anh cảm thấy thành tích ấy không phải là tồi. Có thể bằng cách chạy vạy và viết hàng đống báo cáo, anh có thể sẽ kiếm được một cái gì đó trong lễ Huân chương Năm Mới sắp tới. Nhưng, dù sao thì anh cũng đã chiếm được lòng thán phục nhiệt thành của Mallinson. Rủi thay, giờ đây anh chàng thanh niên ấy hẳn vô cùng thất vọng về anh. Tất nhiên, thật đáng tiếc, nhưng Conway vốn đã quen với việc người ta chỉ mến thích anh khi họ hiểu lầm anh. Anh không thật sự là con người cương quyết, có tài ba hoa lên lớp dạy người, và dốc lòng dốc sức vào xây dựng đế chế; sự làm ra vẻ như vậy ở anh đủ là một vở kịch ngắn một hồi thỉnh thoảng lại được số phận và Bộ ngoại giao Anh thu xếp với nhau để diễn lại, với số lượng mà một người nào đó có thể tìm thấy trong những trang sách của Whitaker.

Sự thực là, điều bí ẩn ở Shangri-La và việc chính anh đến đây, đã bắt đầu tác động đến anh một cách quyến rũ hấp dẫn. Dù sao thì anh cũng không cảm thấy có gì để lo âu cho bản thân. Công việc chính quyền anh đảm nhận luôn có khả năng đẩy anh đến những vùng kỳ quặc trên thế giới, và như thông lệ, đến chỗ càng kỳ quặc anh càng thấy bớt buồn tẻ; vậy việc gì mà cằn nhằn vì rủi ro ngẫu nhiên, chứ không phải vì một tờ giấy phép của chính phủ đã đẩy anh đến vùng kỳ quặc nhất thế giới này?

Thực tế, anh không cằn nhằn ca thán gì hết. Sáng ra, lúc thức dậy, nhìn qua cửa sổ thấy bầu trời trong xanh dìu dịu, anh chẳng nghĩ đến việc chọn một nơi khác trên thế giới, không kể Peshawur[14][1] hay Piccadilly[15][2]. Anh vui mừng khi thấy mấy người cùng đi với anh, qua một đêm nghỉ ngơi, họ đều thấy phấn khởi hơn. Barnard đã có thể nói đùa vui vẻ về giường nằm, bồn tắm, về bữa ăn điểm tâm và những tiện nghi mến khách khác. Cô Brinklow thì thừa nhận cô xét nét mấy cũng không thấy có gì đáng chê trách mà trước kia cô vẫn tưởng sẽ có về căn phòng cô ngủ. Ngay Mallinson cũng thấy nửa thỏa mãn, nửa hờn dỗi. Anh lầm bầm nói: "Tôi nghĩ kỹ thấy hôm nay chúng ta chưa có thể rời đây để trở về, trừ phi có người nào thực tích cực lo liệu cho. Những người ở đây đúng là con người phương Đông, không thể nhờ họ làm giúp việc gì nhanh và hữu hiệu."

Conway chấp nhận câu nhận xét. Mallinson rời nước Anh chưa đầy một năm; không còn nghi ngờ gì thời gian khá dài, đủ để chứng minh một ý niệm khái quát mà có lẽ anh sẽ vẫn còn nhắc đi nhắc lại khi anh đã ra ngoài hai mươi năm. Và, tất nhiên, ý niệm ấy đúng ở một mức độ nào đó. Nhưng với Conway anh không cho rằng các dân tộc phương Đông đều chậm chạp một cách không bình thường, mà đúng hơn là người Anh và người Mỹ đã khuấy động cái thế giới này để nó luôn ở trong cơn nóng sốt phi lý. Đây là một quan điểm mà anh không nghĩ là được một người phương Tây nào tán thành; nhưng càng nhiều tuổi và càng từng trải anh càng tin vào điều đó. Mặt khác, đúng là tu sĩ Tưởng là người rất tế nhị trong việc nói nước đôi, từ chối hoặc lẩn tránh và thái độ nóng nảy của Mallinson là rất đúng. Conway phần nào ước muốn anh cũng có thể cảm thấy mình nóng nảy; như vậy sự thể đối với anh chàng trẻ tuổi sẽ dễ dàng hơn.

Anh nói: "Chúng ta nên cứ đợi và xem hôm nay sẽ đạt được cái gì. Có lẽ mong họ làm một việc gì ngay tối hôm qua là quá lạc quan đây."

Mallinson quắc mắt ngước nhìn: "Thế anh nghĩ tôi xử sự như thằng ngốc chăng khi tôi vội vã như vậy? Tôi không thể nhịn được; trước đây, tôi đã nghĩ vị tu sĩ người Trung Quốc này rất đáng nghi, và bấy giờ tôi vẫn nghĩ là như vậy. Thế hôm qua, sau khi tôi đi ngủ, anh đã moi được điều gì ở hắn ta?"

"Ông ta cũng không nán lại lâu để nói chuyện với tôi. Ông ta có phần mập mờ và không hứa hẹn một điều gì hết."

"Hôm nay ta phải buộc hắn bỏ cái thái độ ấy đi."

"Nhất định rồi," Conway đáp, vẻ không phấn khởi lắm trước viễn cảnh. "Trong lúc chờ đợi, đây là một bữa điểm tâm tuyệt vời". Bữa ăn có bưởi, trà và bánh chapatti[16][3], sự sửa soạn và phục vụ tuyệt hảo. Lúc gần xong bữa, tu sĩ Tưởng bước vào và khẽ cúi đầu chào, trao đổi những câu chúc tụng chào hỏi thường lệ mà ở ngôn ngữ Anh, nghe hơi chối tai. Conway những muốn nói chuyện bằng tiếng Trung Quốc, nhưng từ trước đến giờ anh vẫn giữ ý không để ông ta biết là anh biết nói một thứ tiếng phương Đông nào; anh cho đây có thể là một chủ bài anh cần giữ kín. Anh nghiêm trang nghe những lời chào hỏi lịch sự của tu sĩ Tưởng, rồi đáp lại là anh đã ngủ ngon giấc và bấy giờ cảm thấy dễ chịu hơn. Nghe nói vậy tu sĩ Tưởng tỏ vẻ vui thích và nói

thêm: "Thật thế, đúng như một nhà thơ của các ông dã nói: Giấc ngủ vá lại ống tay áo lo âu bị rách."

"Lối bày tỏ thông thái ấy không được tiếp nhận vui vẻ." Mallinson đáp lại với một chút coi khinh mà bất kỳ một thanh niên đầu óc lành mạnh nào ở Anh đều phải cảm thấy vậy khi nghe trích dẫn câu thơ. "Tôi nghĩ ông vừa muốn nói đến Shakespeare phải không, tuy tôi không nhận ra lời vừa trích dẫn? Nhưng tôi cũng được biết một nhà thơ khác nói: Đừng giẫm chân tại chỗ theo thứ tự anh đi mà phải đi ngay. Không phải là vô lễ đâu mà đây đúng là điều mà tất cả chúng tôi đều mong muốn được thực hiện. Và, nếu ông đồng ý, chúng tôi muốn được ngay lập tức sáng hôm nay đi thuê một số phu khuân vác."

Tu sĩ Trung Quốc tiếp nhận câu nói gay gắt của anh một cách bình tĩnh, sau một lúc lâu ông đáp lại: "Tôi lấy làm buồn khi phải nói rằng ông làm như vậy sẽ chẳng có ích gì. Tôi e rằng chúng tôi không kiếm đâu được người sẵn sàng đi xa nhà quá lâu như vậy để đưa đường hầu các ông."

"Trời ơi, thưa ông, ông không cho rằng chúng tôi sẽ coi đây là một câu trả lời, phải không ông?"

"Tôi thành thật lấy làm tiếc, nhưng tôi không thể có ý kiến khác được."

"Hình như ông che đậy đi tất cả từ tối hôm qua," Barnard nói. "Vậy lúc ấy ông không biết chắc lắm phải không?"

"Tôi không muốn khiến các ông thất vọng vào lúc các ông quá mệt mỏi sau một chuyến đi như vậy. Giờ đây, sau một đêm sức khỏe hồi phục, tôi hy vọng các ông sẽ nhìn nhận vấn đề tỉnh táo hơn."

"Xem kìa," Conway vội vã ngắt lời nói "Cái cách nói mơ hồ và lảng tránh ấy không thích hợp đâu. Ông cũng biết là chúng tôi không thể ở lại đây vĩnh viễn. Và rõ ràng là tự bản thân chúng tôi không làm cách nào để trở về được. Vậy, ý ông định thế nào?"

Tu sĩ Tưởng mỉm cười rõ ràng, vẻ hớn hở chỉ tỏ rõ đối với Conway mà thôi. "Thưa ông, tôi rất vui lòng được nói thẳng ra ý nghĩ của mình. Với thái độ của bạn ông thì không có câu trả lời, còn với yêu cầu của một người lịch thiệp thì thế tất là có câu đáp lại. Ông có thể còn nhớ, tôi tin vậy, đúng như

hôm qua bạn ông đã có nhận xét rằng, chúng tôi thỉnh thoảng phải có những sự liên lạc với xã hội bên ngoài. Điều đó rất đúng. Thỉnh thoảng chúng tôi có đặt mua một số dụng cụ của một kho hàng ở xa và chúng tôi vẫn quen nhận được hàng đúng kỳ hạn, còn nhận bằng cách nào và qua những thủ tục gì thì thiết nghĩ các ông cũng chẳng cần bận tâm. Điều quan trọng là hàng đặt như vậy, phải được giao đến nhanh chóng và những người giao hàng sau đó sẽ trở về, tôi thấy dường như các ông có thể điều đình với họ. Quả thực tôi không thể nghĩ được một kế hoạch tốt hơn và tôi mong rằng khi họ tới..."

"Bao giờ thì họ tới?" Mallinson hùng hổ cắt ngang.

"Tất nhiên, ngày giờ nhất định thì không thể biết được. Bản thân ông hẳn cũng có kinh nghiệm về những khó khăn trong việc vận chuyển ở vùng này. Hàng trăm thứ có thể xảy ra gây khó khăn không tính trước được, như sự thay đổi thời tiết..."

Conway lại nói xen vào: "Xin ông hãy cho biết rõ điểm này. Ông gợi ý chúng tôi nên thuê những người sắp mang hàng tới đây làm người dẫn đường cho chúng tôi. Ý kiến ấy rất hay, nhưng chúng tôi cũng xin phép hỏi thêm về vấn đề này. Trước hết, như đã hỏi ông trước, bao giờ thì có triển vọng những người ấy đến được đây? Và hai là, họ sẽ đưa chúng tôi về đâu?"

"Câu hỏi ấy ông cần đặt ra với họ."

"Liệu họ có đưa chúng tôi trở về Ấn Độ không?"

"Tôi thực khó có thể nói được."

"Vậy xin ông cho hỏi một câu khác. Bao giờ thì họ sẽ tới đây? Tôi không dám hỏi ngày tháng rõ rệt, tôi chỉ xin cho biết vào khoảng thời gian nào thì họ sẽ tới, tuần lễ sau hay năm sau?"

"Có thể vào khoảng một tháng nữa. Có thể không quá hai tháng."

"Hoặc ba, bốn hay năm tháng." Mallinson nóng nảy cắt ngang. "Và ông nghĩ chúng tôi sẽ nằm ở đây đợi cái đám hay đoàn người hoặc bất kỳ cái gì đó đến đưa chúng tôi đến nơi có trời mới biết là ở đâu và vào một thời gian hoàn toàn mơ hồ, trong một tương lai xa xôi chăng?"

"Thưa ông, nói một tương lai xa xôi thực không đúng lắm. Trừ phi có

một điều gì bất ngờ xảy ra, còn khoảng thời gian chờ đợi sẽ không lâu hơn thời gian tôi đã nói."

"Nhưng hai tháng! Hai tháng ở chỗ này! Thật phi lý! Conway hẳn anh cũng không thể chịu được! Thế nào, hai tuần đã là quá lắm!"

Tu sĩ Tưởng vén gọn chiếc áo khoác quanh người, cử chỉ có phần dứt khoát, ông nói: "Tôi thực lấy làm buồn. Tôi không muốn làm phật lòng các ông. Tu viện sẽ tiếp tục cung cấp đầy đủ cho các ông với lòng mến khách cao đẹp nhất trong suốt thời gian các ông không may phải ở lại đây. Và tôi không thể nói gì hơn nữa."

"Ông không cần phải nói," Mallinson giận dữ đáp lại. "Nếu các ông tưởng đã khống chế được chúng tôi thì các ông sẽ thấy là các ông đã lầm to! Chúng tôi sẽ mướn được đủ số người dẫn đường mà chúng tôi cần, xin ông đừng lo. Ông có thể cứ cúi đầu, gãi gãi và muốn nói gì thì nói..."

Conway nắm lấy cánh tay Mallinson để kìm anh lại. Trong cơn nóng giận Mallinson đã hoạt động như một đứa trẻ; anh có thể nói bừa bãi, không đếm xỉa đến tình thế và phép lịch sự. Conway thấy hành động của một người có thể chất như vậy và lại lâm vào một hoàn cảnh như vậy, thì thực không có gì đáng trách, nhưng anh sợ làm như vậy có thể xúc phạm đến một người Trung Quốc vốn là người tế nhị dễ chạm lòng tự ái. Rất may, tu sĩ Tưởng đã rất tế nhị lảng đi ra ngoài đúng lúc để tránh được việc xấu tệ nhất có thể xảy ra.

CHƯƠNG NĂM

Sáng hôm đó, họ bàn cãi tiếp vấn đề. Với bốn người, đây chắc chắn là một cú sốc; đáng lẽ bình thường ra thì lúc này họ phải đang thảnh thơi sống và vui chơi tại các câu lạc bộ và các nhà truyền giáo ở Peshawar, vậy mà giờ đây họ lại phải đương đầu với viễn cảnh ở lại tu viện Tây Tạng này hai tháng. Nhưng sự đời là thế, sau cú sốc đầu tiên khi tới đây, họ bớt phẫn nộ và bớt ngạc nhiên; ngay Mallinson, sau lần đầu tiên nổ tung nóng nảy, anh dịu đi chỉ còn nửa ngơ ngác về định mệnh. Anh nói: "Anh Conway, tôi không còn bàn cãi về vấn đề này nữa", vừa nói anh vừa hút bập bập điếu thuốc lá, vẻ bực dọc nóng nảy. "Anh hẳn biết lòng dạ tôi ra sao. Từ trước, tôi đã nói việc này có một cái gì kỳ lạ. Nó quanh co làm sao ấy. Tôi muốn chấm dứt ngay việc này."

"Tôi không trách chú về điều ấy", Conway đáp. "Nhưng khổ thay, đây không phải là vấn đề một người nào đó trong chúng ta muốn gì, mà là tất cả chúng ta phải làm gì đây để chịu đựng vượt qua. Thật ra mà nói, nếu những người ở đây nói họ không muốn hoặc không thể cung cấp cho ta một số người dẫn đường cần thiết thì chúng ta cũng không còn có cách gì hơn là đợi cho đến lúc những người kia đến. Tôi lấy làm buồn khi phải thừa nhận trong vấn đề này, chúng ta hoàn toàn bất lực không tự lo liệu được, nhưng tôi e rằng đây là sự thật."

"Anh muốn nói là chúng ta đành phải ở lại đây hai tháng chăng?"

"Tôi thấy chúng ta chẳng thể nào làm khác được."

Mallinson búng tàn thuốc lá, vẻ cố làm ra thờ ơ. "Vậy, thôi được. Thì hai tháng. Giờ đây chúng ta hãy gào lên hoan hô điều ấy."

Conway nói tiếp: "Tôi chẳng thấy hai tháng ở đây là tồi tệ hơn hai tháng ở một vùng hẻo lánh nào khác. Dân trong nghề nghiệp của chúng ta vẫn thường được cử đi đến những nơi kỳ cục, tôi nghĩ tôi có thể nói điều đó của tất cả chúng ta. Tất nhiên, với những người có bạn bè, họ hàng thân thích mong đợi thì đây là điều đáng buồn. Bản thân tôi, tôi được cái may mắn về

mặt ấy. Tôi chẳng có ai lo lắng xót xa cho tôi, còn về công việc của tôi thì bất kỳ việc gì một ai đó cũng có thể làm được một cách dễ dàng."

Nói rồi, anh quay về phía mọi người như mời họ nói lên tâm trạng của mình. Mallinson nín thinh không nói gì, nhưng Conway cũng đã biết đại khái về hoàn cảnh của anh. Mallinson có bố mẹ và người yêu ở Anh; sự thể vì thế mới gay go.

Barnard, mặt khác, lại chấp nhận hoàn cảnh như Conway đã học được, coi đây là một trò đùa quen thuộc. "Ồ, về vấn đề này, tôi thấy mình rất may, hai tháng ở trại giam cũng chẳng giết chết được tôi. Còn như người thân ở thành phố quê hương của tôi thì họ thản nhiên không quan tâm. Vả lại tôi vốn là người không quen viết thư."

"Nhưng anh quên là tên họ chúng ta sẽ được nêu trên báo chí", Conway nhắc lại cho anh ta nhớ. "Người ta sẽ ra thông báo là tất cả chúng ta bị mất tích và tất nhiên mọi người sẽ cho là chúng ta đã gặp hoàn cảnh tồi tệ nhất."

Barnard nghe nói tỏ vẻ sửng sốt một chút, rồi khẽ nhếch mép cười, đáp: "Ồ, đúng vậy, nhưng cái đó, tôi không quan tâm, các anh cứ yên trí."

Conway vui mừng khi thấy sự thể đã không làm Barnard bận tâm, nhưng vấn đề vẫn còn hoi khó hiểu. Anh quay lại phía cô Brinklow từ nãy cứ lặng im; suốt lúc anh trao đổi với tu sĩ Tưởng, cô không hề có ý kiến gì. Anh nghĩ có thể cô ta cũng có ít điều riêng tư để phiền muộn. Cô vui vẻ nói: "Đúng như ông Barnard vừa nói, hai tháng ở lại đây chẳng có gì đáng để lo lắng. Con người ta ở đâu thì cũng vậy thôi khi người ta phục vụ Chúa. Thượng đế đã cử tôi đến đây. Tôi coi đây là một sứ mạng."

Conway coi đây là thái độ thích hợp nhất đối với hoàn cảnh. "Tôi tin chắc," anh nói để động viên "Khi cô trở về, hội truyền giáo của cô sẽ rất vui lòng. Cô sẽ có thể cung cấp được nhiều tin tức có ích. Về vấn đề này tất cả chúng ta sẽ rút được kinh nghiệm. Điều ấy sẽ an ủi chúng ta được phần nào."

Câu chuyện sau đó chuyên sang vấn đề chung. Conway có phần ngạc nhiên khi thấy Barnard và cô Brinklow thích nghi với hoàn cảnh mới một cách dễ dàng. Tuy nhiên, anh cũng thấy nhẹ bớt nỗi lo âu; chỉ còn lại một người là còn bực bội. Nhưng ngay cả Mallinson, sau lần tranh cãi căng

thẳng, cũng đang thấy có phản ứng; anh vẫn còn lo lắng, song đã vui lòng hơn khi nhìn vào khía cạnh sáng sủa của vấn đề. "Họa có Trời biết chúng ta sẽ tìm thấy gì khi đành chịu bó tay," anh thốt lên nói, nhưng chỉ việc nói lên câu đó cũng tỏ rõ anh đang khuôn mình cam chịu.

"Điều thứ nhất phải tuân theo là tránh không được chọc tức nhau," Conway đáp. "Cũng may, nơi này xem ra cũng rộng lớn, và không đông dân quá. Ngoài mấy người phục vụ, cho đến nay chúng ta chỉ trông thấy có một người dân ở đây."

Barnard còn tìm được một lý do khác để tỏ ra lạc quan. Anh nói: "Dù sao thì chúng ta cũng sẽ không chết đói, nếu thức ăn của chúng ta cho đến nay đều vào loại ngon. Conway, anh biết đây, nơi này sống được phải có rất nhiều tiền. Những cái bồn tắm ở đây chẳng hạn nó phải đắt tiền lắm. Và tôi cũng chẳng thấy người nào ở đây kiếm ăn được chút gì, trừ những người ở dưới thung lũng là có làm việc, mà ngay cả làm như vậy họ cũng không sản xuất đủ để bán ra ngoài. Tôi muốn tìm hiểu xem họ có khai thác thứ mỏ gì không?"

"Cả cái vùng này là một bí mật chó chết," Mallinson đáp lại. "Tôi dám nói là ở đây họ có hàng túi tiền giấu ở đâu đó, như đám người tín đồ dòng Tên. Còn về những cái bồn tắm. Có thể là do một số nhà triệu phú nào đây cung tiến. Nhưng dù sao thì cái ấy cũng không làm tôi bận tâm một khi tôi rời khỏi nơi đây. Tuy vậy, tôi cũng phải nói thật, phong cảnh ở đây rất đẹp, đẹp theo lối của họ. Một trung tâm thể thao mùa đông, nếu ở vị trí tốt. Tôi không hiểu trên mấy sườn núi đằng kia có thể trượt tuyết được không?"

Conway đưa mắt thăm dò và hơi vui vui nhìn anh. "Hôm qua, khi tôi nhìn thấy mấy cây edelweiss, chú đã nhắc tôi rằng đây không phải là miền núi Alps. Tôi nghĩ bây giờ đến lượt tôi lại nhắc chú điều ấy. Tôi khuyên chú chớ có giở môn Wengen-Scheidegg[17][1] ở vùng này."

"Tôi nghĩ không có ai ở đây đã nhìn thấy một người trượt tuyết."

"Hoặc ngay cả một trận đấu hockey trên băng." Conway đáp lại, giễu cợt. "Chú có thể thử lập mấy đội." Về các ngài Lama thì sao?

"Chắc chắn có cái đó sẽ dạy được các ngài ấy chơi." Cô Brinklow nói thêm vào, vẻ nghiêm trang, vui vẻ.

Bàn luận cho đầy đủ vấn đề này thì có thể còn khó khăn, nhưng không cần thiết vì bữa ăn trưa đã sắp được dọn ra và đặc điểm của nó kết hợp với việc phục vụ nhanh chóng đã tạo nên một ấn tượng dễ chịu. Về sau, khi tu sĩ Tưởng bước vào, mọi người có chút khuynh hướng muốn tiếp tục cuộc cãi vã. Rất tinh tế khôn khéo, tu sĩ Tưởng làm như ông ta vẫn quan hệ tốt với mọi người và bốn người kia cũng chấp nhận ý nghĩ ấy. Thực tế, khi tu sĩ gợi ý là bốn người có thể đi tham quan, để biết thêm các ngôi nhà của tu viện, và nếu mọi người đồng ý, ông sẽ rất lấy làm vui lòng được làm người hướng dẫn, thì tất cả đều vui lòng chấp nhận.

"Ồ, đồng ý quá đi chứ!" Barnard nói. "Trong lúc ở lại đây chúng tôi muốn được xem qua cấu trúc của tu viện này lắm! Tôi cho rằng còn lâu mới có một ai trong bọn chúng tôi trở lại thăm nơi này một lần nữa."

Cô Brinklow đưa ra một câu sâu sắc hơn: "Khi rời Baskul trên chiếc máy bay này, tôi tin chắc tôi không hề mơ thấy bọn chúng tôi lại bị đưa đến một chỗ như thế này," cô lẩm bẩm nói khi tất cả đứng lên đi theo tu sĩ Tưởng.

"Và, chúng tôi cũng không biết tại sao chúng tôi lại phải như thế này," Mallinson đáp lại, vẻ vẫn không quên.

Conway vốn không có thành kiến về chủng tộc hoặc màu da, và đối với anh là một sự giả vờ khi làm ra vẻ kính trọng cái "màu trắng" của gương mặt đỏ tôm hùm dưới cái mũ cát, như đôi khi anh đã làm ở các câu lạc bộ và trong các toa xe lửa hạng nhất. Nhiều khi làm như vậy cũng đỡ gây rắc rối, nhất là ở Ấn Độ, mà Conway là người có ý thức tránh gây phiền nhiễu. Nhưng ở Trung Quốc, việc làm đó ít cần thiết hơn; anh có nhiều bạn người Trung Quốc; và không bao giờ anh lại đối xử coi họ là người kém cỏi dưới mình. Do đó, trong khi chuyện trò trao đổi với tu sĩ Tưởng, anh khá thảnh thơi coi ông là một ông già thượng lưu kiểu cách có thể không đáng tin cậy hoàn toàn, nhưng chắc chắn là người rất thông minh. Mallinson mặt khác có ý nghĩ là nhìn ông ta qua những tấm song sắt của một cái lồng tưởng tượng. Cô Brinklow thông minh, hoạt bát, coi ông ta như người ngoại đạo mù quáng; còn Barnard, con người hiền từ hay pha trò hài hước, thì coi ông là loại người mà anh muốn phong cho chức quản gia.

Cuộc đi tham quan khắp khu vực tu viện Shangri-La khá thích thú đã

dẹp đi tất cả những ý nghĩ trên. Đây không phải là tu viện đầu tiên Conway được tham quan, nhưng rõ ràng đây là tu viện lớn nhất, và không kể vị trí của nó, tu viện này vẫn thực phi thường nhất. Chỉ đi diễu qua những căn phòng và những khu sân vườn cũng đã là cả một buổi chiều đi mỏi chân, mặc dầu anh biết còn nhiều căn phòng, nhiều tòa nhà tu sĩ Tưởng không để mọi người vào tham quan. Tuy nhiên, chỉ xem thế cũng đã đủ giúp cho họ càng khẳng định thêm những ấn tượng mà mỗi người trong họ đã có từ trước. Barnard càng tin chắc hơn bao giờ hết là các tu sĩ ở đây đều giàu có; cô Brinklow phát hiện thấy nhiều bằng chứng là họ không có đạo đức. Mallinson, sau những giây phút đầu tiên ngỡ ngàng trước sự mới lạ, thấy trong người anh cũng mệt mỏi không kém những chuyến đi tham quan ở miền dưới; các vị Lama, anh thấy không có thể là những vị anh hùng dưới mắt anh.

Duy có Conway là mỗi lúc một thấy bị quyến rũ vui vẻ thêm. Những phẩm vật, riêng từng thứ, không hấp dẫn anh bằng sự phát hiện ra dần dần cái tính chất tao nhã, cái khiếu thẩm mỹ khiêm tôn và hoàn hảo, cái hòa điệu thơm ngát đến mức mắt nhìn thấy dịu mát không biết chán. Thực thế, chỉ với sự cố gắng có ý thức, anh sống lại từ tâm trạng nhà nghệ sĩ đến tâm trạng một người sành sỏi và rồi anh đã nhận thấy những kho báu mà nhiều bảo tàng và nhà tỷ phú đều muốn có, những đồ gốm thời Tống tuyệt hảo, màu ngọc trai xanh lam, những bức tranh thủy mạc được gìn giữ trên một nghìn năm, những bức sơn mài với những chi tiết lạnh lùng và đáng yêu của tiên giới được phối xếp công phu còn nhiều hơn được miêu tả. Một thế giới những gì là tinh tế tao nhã vô song vẫn còn lung linh trên những phẩm vật bằng sứ và những bức sơn dầu, tạo nên một phút xúc động trước khi tan biến thành những ý nghĩ thuần túy. Ở đây không có sự khoe khoang, không chạy theo cách tạo hiệu quả, không tập trung để tác động vào tình cảm của người xem. Những vật hoàn hảo tế nhị ở đây có vẻ như vỗ cánh bay vào cuộc sống, khác nào những cánh hoa tung ra từ một bông hoa. Chúng đã có thể khiến các nhà sưu tập phát điên, nhưng Conway không phải người đi sưu tập; anh không có tiền mà cũng không có cả cái bản năng tích trữ. Lòng yêu thích nghệ thuật Trung Hoa ở anh lại là một vấn đề tinh thần, tâm hồn; trong một thế giới ngày càng tăng nhiều tiếng động và sự ưa chuộng cái to lớn, anh lại quay về trong riêng tư với những cái gì là tế nhị, chính xác và những phẩm vật nhỏ xíu. Trong lúc đi qua phòng này sang phòng khác, có một mối cảm xúc nào đó dấy lên trong anh một cách xa xôi khi nghĩ về cái mênh mông

chất lên ngọn núi Karakal đè lên những vẻ quyến rũ mong manh này.

Tuy vậy, tu viện ở đây, ngoài những đồ cổ Trung Quốc trưng bày còn có nhiều cái khác để người tham quan có thể thưởng thức. Chẳng hạn, một trong những nét nổi bật của tu viện là cái thư viện kỳ thú, cao ngất và rộng rãi, trong chứa đựng vô vàn là sách, tất cả được xếp kín đáo, ngăn nắp trong những phòng xây lồi ra, những phòng xây lõm vào, khiến toàn bộ tạo nên cái không khí của khôn ngoan, lịch duyệt nhiều hơn là tri thức, của sự lịch thiệp nhiều hơn là vẻ nghiêm trang. Conway đưa mắt nhìn qua mấy giá sách thấy có rất nhiều quyển khiến anh phải ngạc nhiên. Dường như ở đây có tất cả những tác phẩm văn học hay nhất thế giới, cùng rất nhiều những cuốn thâm thúy khó hiểu kỳ lạ mà anh không thể đánh giá được. Những cuốn sách bằng tiếng Anh, Pháp, Đức và tiếng Nga có rất nhiều, và có cả vô số những nguyên bản viết bằng chữ cổ Trung Quốc và của nhiều nước phương Đông khác. Một bộ phận đã khiến anh đặc biệt thích thú là những cuốn chuyên đề về Tây Tạng, Tây Tạng học, nêu có thể gọi là như vậy. Anh để ý thấy có nhiều cuốn rất hiếm, trong đó có cuốn *Novo Descubrimento de grao catayo ou dos Regos de Tibet*, tác giả là Antonio de Andrada (Xuất bản tại Lisbon, năm 1626); cuốn *China* của Athanasius Kircher (Antwerp, 1667); cuốn *Voyage à la Chine des Pères Grueber et d'Orville* của Thevenot và cuốn *Relazione Inedita di un hiaggio al Tibet* của Beligatti. Anh đang xem xét cuốn vừa kể trên thì để ý thấy tu sĩ Tưởng cứ nhìn anh một cách tò mò dịu dàng. Ông ta hỏi: "Ông có lẽ cũng là một học giả phải không?"

Conway thấy khó trả lời. Với thời gian giảng dạy ở Oxford, anh cũng có quyền nhận mình là một học giả, song anh thấy từ ấy nói ra từ miệng một người Trung Hoa thì đây là một lời khen ngợi ca tụng cao quý nhất, nhưng người Anh thấy nó có chút ít hợm hĩnh, và nhất là vì lẽ tính đến mấy người cùng đi, nên anh từ chối không nhận. Anh nói: "Tất nhiên tôi rất thích đọc sách, nhưng do công việc bận rộn mấy năm gần đây tôi không có dịp để chăm đọc sách."

"Thế ông vẫn còn ước ao được đọc sách?"

"Ồ, tôi không muốn nói như vậy, nhưng tôi biết chắc chắn là sách còn hấp dẫn tôi."

Mallinson vừa lấy một cuốn sách, nói xen vào: "Cái này là cái cần cho

cuộc sống chăm đọc sách của anh, anh Conway. Đây là một tấm bản đồ của vùng này."

"Chúng tôi hiện có một tập mấy trăm tấm bản đồ loại này," tu sĩ Tưởng nói. "Các ông có thể tự do xem kỹ, nhưng có lẽ tôi có thể nói trước để các ông đỡ tốn công ở một điểm. Các ông sẽ không thấy có ghi tên Shangri-La ở trên một tấm nào hết."

"Kỳ cục nhỉ!" Conway nói. "Tôi không hiểu tại sao như vậy?"

"Có một lý do xác đáng, song tôi e rằng tôi chỉ có thể nói được thế thôi."

Conway mỉm cười, nhưng Mallinson lại tỏ vẻ cáu giận. "Lại thêm một điều bí hiểm," anh nói: "Cho đến lúc này chúng ta chưa được nhìn thấy mấy nỗi nên người ta còn cố ý che giấu."

Thốt nhiên, cô Brinklow trở nên linh hoạt hẳn lên sau một thời gian yên lặng để suy nghĩ. "Ông có thể cho chúng tôi được dự xem lúc các vị Lama làm việc không?" Tiếng cô thánh thót, giọng nói người ta cảm thấy có thể làm nhiều thủy thủ của ông Cook[18][1] phải sợ hãi. Người ta cũng cảm thấy trong đầu óc cô có lẽ đang đầy những cảnh mờ mờ về những đồ thủ công của người bản xứ, những người thợ đan dệt những tấm thảm nệm để quỳ lễ, cầu kinh, hoặc một cái gì đó rất cổ xưa và rất đẹp mà cô có thể nói lại rất nhiều khi cô trở về nhà. Cô có cái sở trường kỳ lạ là không bao giờ tỏ ra quá ngạc nhiên, nhưng bao giờ cũng xem như có vẻ hơi một chút bất bình, một sự kết hợp những tính tình vững tín mà câu tu sĩ Tưởng trả lời đã không làm cô mảy may bối rối: "Tôi lấy làm buồn khi phải nói rằng điều ấy là không thể được. Không bao giờ, hoặc có lẽ tôi phải nói là chỉ rất hiếm khi, người ngoài giới Lama được nhìn thấy các vị Lama."

"Vậy," Barnard nói: "Chúng tôi sẽ không được trông thấy các vị ấy sao? Nhưng tôi thấy rõ ràng đây là một điều đáng tiếc. Ông không thấy được chúng tôi thích được bắt tay vị tu viện trưởng của các ông đến mức nào đâu."

Tu sĩ Tưởng nói lời cảm tạ dịu dàng nghiêm chỉnh. Song cô Brinklow không chịu bị gạt ra. Cô tiếp tục hỏi: "Xin ông cho biết công việc của các vị Lama là làm gì?"

"Thưa bà, các vị ấy toàn tâm toàn trí lo việc tu hành để đạt tới đỉnh cao của thần thông quảng đại."

"Nhưng như vậy không phải là làm việc!"

"Vâng, thưa bà, các vị ấy không làm gì hết."

"Tôi cũng nghĩ như vậy." Cô có dịp để tóm tắt. "Thưa ông Tưởng, được xem tất cả những thứ này thực là một điều thú vị, tôi chắc chắn là như vậy, nhưng có điều ông chưa thuyết phục được tôi rằng tu viện đây đã làm được điều gì tốt. Tôi muốn cái đó thực tế hơn."

"Có lẽ các vị muốn dùng trà?'

Thoạt đầu, Conway không hiểu, tu sĩ hỏi như vậy để giễu cợt chăng, nhưng rồi anh thấy rõ ngay không phải vậy; buổi chiều trôi qua nhanh chóng và tu sĩ Tưởng, tuy ăn uống rất thanh đạm, song vẫn có cái thích thú điển hình của người Trung Quốc là chốc chốc lại dùng trà. Cô Brinklow cũng thú nhận là hễ đi thăm các nhà bảo tàng và trưng bày nghệ thuật, cô thường thấy hơi nhức đầu. Do đó, cả mấy người đều chấp nhận ý kiến của tu sĩ vừa đưa ra và họ theo ông đi qua mấy cái sân đến một nơi quang cảnh đột nhiên đẹp vô cùng. Từ những bậc thềm có cột hàng hiên, mọi người bước xuống một khu vườn, giữa vườn có một hồ sen, lá sen đan khít khiến người ta có cảm giác mặt hồ là một nền nhà xếp kín với những viên ngói ươn ướt màu xanh lục. Viền quanh hồ có trưng bày một bầy dã thú khắc trên những tấm đồng thau: Sư tử, rồng và kỳ lân, mỗi con có một dáng hung dữ cách điệu, tất cả làm tăng thêm vẻ thanh bình của khung cảnh vẩy quanh, chứ không hề làm tổn thương nó. Toàn bộ bức tranh cân xứng tuyệt hảo, khiến mắt nhìn ung dung, từ từ quan sát, không chút vội vã, không có sự ganh đua hay hợm hĩnh, và thậm chí cả đỉnh ngọn Karakal sừng sững vô song bên trên những mái nhà lợp ngói rêu xanh dường như cũng chịu tuân theo để góp phần vào cái khung cảnh của một tác phẩm nghệ thuật kỳ thú.

"Một nơi nhỏ nhắn xinh đẹp thực," Barnard thốt lên ngợi khen, khi tu sĩ Tưởng dẫn mọi người bước vào một khu đình tạ, trong có bày một cây đàn harpsichord[19][1] và một cây dương cầm cỡ lớn, điều mà Conway rất thích thú. Anh thấy, theo một cách nhìn nào đó, thì đây là đỉnh cao của sự ngạc nhiên trong buổi chiều đầy ngạc nhiên hôm ấy. Tu sĩ Tưởng đã trả lời tất cả

những câu hỏi của anh một cách hết sức chân thực vào đúng vấn đề; ông ta giải thích các vị Lama ở đây rất coi trọng âm nhạc Tây Phương, đặc biệt là nhạc của Mozart; ở đây, có một bộ sưu tập về tất cả các bản nhạc châu Âu và có một số đông nhạc công thiện nghệ, mỗi người sử dụng một nhạc khí.

Barnard chủ yếu quan tâm đến vấn đề vận chuyển. "Có phải ý ông nói cấy đàn dương cầm này được vận chuyển tới đây theo con đường mà hôm qua chúng tôi đi phải không?"

"Không có con đường nào khác."

"Ồ, vậy thì chắc chắn đây là một điều vượt xa hết thảy! Sao, với một chiếc máy quay đĩa và một chiếc radio là các ông đầy đủ! Có lẽ, tuy vậy, các ông vẫn chưa được làm quen với âm nhạc hiện đại chăng?"

"Ồ, thưa có, chúng tôi cũng đã nhận được những thông báo về các thứ đó, nhưng chúng tôi được cho biết là núi cao làm sự tiếp nhận vô tuyến không thực hiện được, còn như máy hát, các vị lãnh đạo tu viện cũng đã nhận được ý kiến gợi ra nên mua sắm, nhưng các vị chúng tôi thấy chưa cần vội."

"Ông chẳng nói tôi cũng biết là như vậy." Barnard nói. "Tôi đoán khẩu hiệu của giới các ông là *Từ từ*." Anh phá ra cười và rồi nói tiếp: "Ồ, đi vào chi tiết, giả dụ vào lúc nào đó các vị lãnh đạo của ông quyết định cần có một chiếc máy hát thì các ông làm thế nào để có được? Nhà sản xuất chắc chắn họ không giao hàng tại đây. Các ông hẳn phải có cơ sở môi giới ở Bắc Kinh hoặc Thượng Hải hay ở đâu đó, và tôi đánh cuộc là mọi thứ sẽ rất tốn kém khi các ông làm việc này."

Nhưng tu sĩ Tưởng không dễ bị lôi kéo sâu hơn lần trước. "Những lời ông phỏng đoán rất là thông minh, ông Barnard, nhưng tôi e rằng tôi không thể bàn luận được."

Conway nghĩ bụng: Vậy là họ lại đẩy lui đường ranh giới vô hình giữa cái có thể và cái không có thể nói lộ ra. Anh nghĩ chẳng mấy nữa anh có thể bắt đầu vạch ra trong trí tưởng tưởng con đường ấy, mặc dầu có tác động của một điều ngạc nhiên mới trì hoãn vấn đề. Vì mấy người phục vụ đã mang vào những bát nông đựng nước trà thơm và cùng đi theo đám người Tây Tạng nhanh nhẹn, chân tay uyển chuyển, còn có một cô gái ăn vận quần áo

Trung Quốc bước vào theo một cách kín đáo. Cô gái đi thẳng vào chỗ cây đàn Harpsichord và bắt đầu chơi một điệu nhạc Gavotte[20][2] của Rameau. Tiếng bật đầu tiên của cây đàn đã khiến Conway vừa thích thú vừa ngạc nhiên một cách lạ lùng; những tiếng đàn, một điệu nhạc trong trẻo của thế kỷ 18 Pháp dường như cũng thanh nhã như những chiếc bình cổ thời Tống, như mấy bức tranh sơn mài kỳ thú và khu ao sen phía đàng kia; vẫn cái hương thơm ngát bất hủ phảng phất quanh tiếng đàn, dẫn sự bất tử đi qua một thời đại mà đã lạ lẫm với tình thần của nó. Anh chú ý đến người dạo đàn. Cô gái có cái mũi dài thon thả, đôi gò má cao, nước da xanh vỏ trứng của người Mãn Thanh; mái tóc đen tết chặt thành hai dải ở phía sau; nom cô gái thực hoàn hảo và nhỏ nhắn. Miệng cô như một bông hoa bìm bìm màu hồng, dáng điệu rất dịu dàng, trừ có đôi bàn tay búp măng. Điệu Gavotte vừa dạo xong, cô gái khẽ cúi đầu chào rồi đi ra.

Tu sĩ Tường nhìn theo cô mỉm cười, rồi với vẻ hân hoan đắc thắng, ông hỏi Conway: "Ông có lấy làm thú vị không?"

"Cô ấy là ai?" Mallinson hỏi trong lúc Conway chưa kịp trả lời.

"Tên cô ấy là Lo-Tsen. Cô ấy đánh những bản nhạc Tấy Âu rất giỏi. Và cũng như tôi, cô ấy chưa được chính thức phong chức Lama."

"Quả thực, tôi cũng nghĩ vậy!" Cô Brinklow thốt lên nói.

"Nom cô ấy chẳng hơn gì một em bé. Vậy ra, tại tu viện các ông có cả Lama nữ?"

"Kỳ quặc thật, cái chức Lama của các ông." Mallinson nói, vẻ kiêu ngạo, sau một lúc yên lặng. Cuộc uống trà tiếp tục và từ đây không ai chuyện trò gì nữa; âm vang của tiếng đàn dường như còn phảng phất trên không, khiến mọi người vẫn như say mê một cách lạ lùng. Rồi, dẫn mọi người rời khu đình tạ, ông tu sĩ hy vọng cuộc đi tham quan đã khiến mọi người vui vẻ. Conway thay mặt mọi người đối đáp với những lời lẽ lịch sự thông thường. Tu sĩ Tưởng nói ông cũng vui thích không kém và mong rằng trong thời gian ở lại đây, mọi người sẽ coi phòng âm nhạc và thư viện là nơi họ được tự do sử dụng. Conway, có phần chân thành, ngỏ lời cám ơn ông và hỏi thêm: "Thế nhưng còn các vị Lama thì sao? Có bao giờ, các vị ấy muốn sử dụng những thứ ấy không?"

"Các vị ấy rất vui lòng được nhường chỗ cho các vị khách quý."

"Ồ, thế mới gọi là thực sự hào phóng chứ!" Barnard nói. "Và hơn nữa, điều đó chứng tỏ các vị Lama thực sự biết chúng tôi có mặt ở đây. Dù sao thì đây cũng là một bước tiến khiến tôi thấy yên tâm hơn nhiều. Thưa ông Tưởng, ở đây hẳn là các ông có một đoàn người cừ khôi, và cô gái vừa chơi đàn Piano thực tuyệt. Cô ấy năm nay bao nhiêu tuổi, hở ông?"

"Tôi e rằng tôi không thể nói ông biết được."

Barnard cười nói: "Ông không để lộ tuổi tác của một cô gái phải không?"

"Đúng thế." Tu sĩ Tưởng đáp lại với nụ cười hơi sa sầm.

Chiều hôm đó, sau bữa ăn, Conway có dịp một mình ra ngoài đi dạo trong sân yên tĩnh đầy ánh trăng. Quang cảnh Shangri-La lúc ấy thực xinh đẹp, có điểm thêm cái vẻ huyền bí lẩn sâu trong mọi vật xinh đẹp đáng yêu. Không khí lạnh và tĩnh mịch; cái tháp Karakal khổng lồ nom gần hơn, gần hơn nhiều khi nhìn nó lúc ban ngày. Trong người Conway cảm thấy vui sướng, cảm xúc được thỏa mãn, tinh thần thoải mái; nhưng trong phần trí tuệ, không hẳn như phần tâm hồn, anh thấy có một chút gì khuấy động. Anh thấy bối rối. Đường ranh giới bí mật mà anh đã bắt đầu vẽ ra đã trở nên rõ rệt hơn. Song chỉ để lộ ra một cái nền bí hiểm khó nhìn thấu được. Toàn bộ một loạt những sự kiện kinh ngạc đã xảy ra với anh và ba người bạn đường ngẫu nhiên giờ đây quấy tụ vào một tiêu cự; anh chưa hiểu được hết chúng, nhưng anh tin rằng rồi anh sẽ hiểu được.

Dọc theo một hàng hiên, anh đi đến một bậc thềm nghiêng mình trên khu thung lũng. Mùi hoa huệ ngào ngạt quanh anh, có biết bao nhiêu liên tưởng êm dịu; ở Trung Quốc người ta gọi nó là "Mùi thơm của ánh trăng". Trong đầu anh nảy sinh một ý nghĩ kỳ lạ là nếu ánh trăng cũng có âm thanh thì hẳn đây là nhạc điệu Gavotte Rameau mà anh vừa được nghe, và ý nghĩ đó dẫn anh nghĩ đến cô gái Mãn Thanh nhỏ bé. Chưa bao giờ anh hình dung là ở Shangri-La lại có phụ nữ; người ta thường cho là ở nơi tu hành không bao giờ có nữ. Tuy nhiên, ngẫm nghĩ, anh thấy đây có thể là một sự đổi mới, không phải không thú vị; thực tế, một nữ nghệ sĩ đàn Harpsichord có thể là một tài sản quý của cộng đồng tự cho phép mình (như lời tu sĩ Tưởng nói) "Cuồng tín" một cách vừa phải.

Anh ngắm nhìn qua đỉnh núi cao và trong khoảng trống xanh đen. Cái dốc đứng thật là ma quái, có lẽ sâu đến một dặm. Anh phân vân không biết anh có được phép đi xuống đây để quan sát cuộc sống văn minh của khu thung lũng vẫn thường được nói đến không. Khái niệm về cái túi văn hóa nọ nằm lấp kín giữa những dãy núi cao tên tuổi không ai biết đến và thuộc quyền cai quản của một thứ chính trị thần quyền mơ hồ nào đó đã hấp dẫn anh với tư cách là một sinh viên khoa sử, không kể đến những cái bí mật kỳ lạ tuy có thể chỉ là có quan hệ với tu viện Lama này.

Thốt nhiên, một làn gió đưa đến những âm thanh từ bên dưới xa xôi kia. Chăm chú lắng nghe, anh có thể nghe rõ tiếng cồng và kèn Trumpet và cả (tuy chỉ có thể là do óc tưởng tượng) những tiếng rên rỉ than vãn tập trung lại. Những âm thanh ấy dịu nhỏ đi khi gió đổi hướng, rồi vang lên trở lại và lại dịu đi. Nhưng cái gợi nhắc đến cuộc sông và vẻ sôi động ở những nơi sâu thẳm mờ kín này đủ làm tăng thêm vẻ thanh bình khắc khổ của Shangri-La. Những khu sân hoang vắng, những đình tạ nhợt xanh, lấp lánh ngủ yên và từ đáy mọi phiền muộn của cuộc sống đều dạt xa, đã để lại một sự im lặng mà thời gian không dám bước qua. Rồi, từ một khung cửa sổ cao tít bên trên thềm đất anh nhìn thấy ánh đèn lồng vàng hồng, phải chăng đây là nơi các vị Lama tĩnh tâm tu luyện, và phải chăng, lúc này, các vị đang tu luyện? Dường như để trả lời những câu hỏi ấy chi cần bước qua cánh cửa gần đây nhất và quan sát các phòng, các đường hành lang là tìm ra được sự thật; nhưng anh biết tự do như vậy là ảo tưởng, bởi mỗi cử động của anh đều bị người ta quan sát. Hai người Tây Tạng đã đi ngang qua thềm và thơ thẩn đi đến gần bao lơn. Nom họ vui vẻ, họ đang lắc nhẹ chiếc áo choàng màu che đôi vai trần. Tiếng cồng và kèn văng vẳng lại nổi lên. Conway nghe thấy một người hỏi người kia. Người kia trả lời: "Họ làm lễ mai táng Talu." Conway chỉ biết lõm bõm tiếng Tây Tạng; anh mong họ nói chuyện tiếp; qua một câu vừa rồi, anh chưa hiểu được gì lắm. Sau một lúc lặng yên, người hỏi lúc nãy do không nghe rõ, lại tiếp tục câu chuyện và được người kia trả lời.

Conway nghe lỏm được mấy câu và hiểu đại khái như sau:

"Anh ta chết ở ngoài."

"Anh ta vâng lời các vị cao cấp ở Shangri-La."

"Anh vượt qua biết bao nhiêu núi cao với một con chim mang anh."

"Anh mang theo cả mấy người lạ."

"Talu không sợ gió bên ngoài, cũng như lạnh ở bên ngoài."

"Tuy đi ra ngoài đã lâu, thung lũng Trăng Xanh vẫn nhớ anh."

Conway nghe không hiểu hơn nữa, và sau một lúc chờ đợi, anh trở về phòng của mình. Anh đã nghe đủ để quay một vòng chìa khóa khác vào trong cái bí mật bị khóa kín, và cái chìa khóa ấy quá khớp khiến anh ngạc nhiên sao mình lại không tạo ra nó từ những suy luận của mình. Tất nhiên, điều ấy đã có nảy ra trong đầu anh, nhưng rồi một cái phi lý lại mở đầu và điều kỳ quái về nó đã khiến anh không chịu được. Giờ đây, anh thấy cái phi lý ấy dù có kỳ quái đến đâu cũng phải nuốt đi. Chuyên bay từ Baskul không hề là một hành vi vô nghĩa của một người điên. Nó là một cái gì đó đã được tính toán, chuẩn bị và thi hành theo chủ mưu của Shangri-La. Những người sống ở đây biết tên anh phi công chết, theo một nghĩa nào đây thì anh ta là người của bọn họ, người ta than khóc cái chết của anh. Tất cả hướng về một đầu óc thông minh chỉ đạo từ trên cao xuống nhằm vào mục đích của mình; nghĩa là đã có một nhịp cầu những ý đồ nối liền các giờ bay và các dặm đường. Nhưng ý đồ ấy là gì? Vì lý do gì bốn người hành khách ngẫu nhiên trong chiếc máy bay của Chính phủ Anh lại bị cướp đi mang đến vùng hẻo lánh xuyên Hi mã lạp sơn này?

Conway kinh ngạc trước vấn đề nhưng không hoàn toàn khó chịu. Nó thách thức anh chỉ theo một cách mà anh sẵn sàng nhận đây là - bằng cách phải tỏ ra sáng suốt đầu óc và điều này chỉ đòi hỏi đây là một nhiệm vụ cần thiết. Có một điều mà anh quyết định ngay: Điều phát hiện rợn người giật gân nọ phải chưa được thông báo cho ai biết, kể cả những người cùng đi với anh, họ không thể giúp gì được anh, cũng như cho những vị chủ nhà, những người này chắc chắn là không muốn giúp anh.

CHƯƠNG SÁU

Tôi thừa nhận là một số người phải làm quen với những nơi tồi tệ." Barnard nhận xét như vậy vào cuối tuần đầu tiên ở lại Shangri-La, và chắc chắn đây là một trong nhiều bài học cần phải rút ra. Hồi đó cả bốn người đã quen dần với cái gọi là cuộc sống hàng ngày. Với sự giúp đỡ của tu sĩ Tưởng họ không còn thấy quá buồn tẻ nữa. Họ đã quen với khí hậu và không khí ở đây, thấy nó đã làm cho con người khỏe mạnh lên với điều kiện tránh mang xách nặng hoặc làm việc quá mệt. Họ đã biết là ngày ở đây ấm áp, đêm lạnh giá, tu viện nằm trong một khu vực gần như hoàn toàn không có gió, những đợt tuyết trồi lở thường xảy ra vào khoảng giữa trưa, dưới thung lũng người ta có trồng một thứ thuốc lá rất ngon, một số thức ăn, thức uống ngon thơm hơn những thức khác và mỗi người trong bọn họ cũng có một khẩu vị, những đặc tính riêng. Thực tế họ đã phát hiện thấy ở nhau nhiều điểm như bốn học sinh của một nhà trường mà các học sinh khác đều vắng mặt một cách huyền bí. Tu sĩ Tưởng đã hết sức xoa dịu làm cho không khí êm thấm. Ông đưa bốn người đi dạo chơi, ông gợi ý công việc để làm, ông giới thiệu sách, và mỗi khi tại bữa ăn vì một việc gì đó khó khăn khiến mọi người ngừng lại, thi với giọng nói chậm rãi, lưu loát mà thận trọng, ông gợi chuyện với họ, luôn tỏ ra ôn hòa, lịch sự và tháo vát. Đường ranh giới giữa những thông tin sẵn sàng cung cấp và những thông tin từ chối không đưa ra một cách lễ phép, đã rất rõ khiến những thông tin loại sau không còn gây bực bội, trừ Mallinson tính khí thất thường. Conway vui lòng ghi nhận điều đó, anh cộng thêm một mảng khác vào số những dữ kiện mà anh luôn thâu góp. Barnard, thậm chí còn đùa bỡn với tu sĩ theo kiểu cách và truyền thống trong quy ước của Câu lạc bộ Rotary[21][1] miền Trung Tây "Thưa tu sĩ Tưởng, hẳn ông cũng biết đây, đây là một khách sạn hết sức tồi. Ở đây, các ông không có báo chí gì hết ư? Tôi sẵn sàng đổi tất cả những cuốn sách trong thư viện các ông để lấy một tờ *Herald-Tribune* sáng nay". Tu sĩ trả lời bao giờ cũng nghiêm túc, tuy không cần thiết là sau đây ông ta có coi mọi vấn đề là nghiêm túc hay không. "Ông Barnard, chúng tôi ở đây có nhiều tập báo *The Times*, đủ số của mấy năm trước đây. Duy có điều tôi phải nói rất tiếc là thiếu tờ London *Times*."

Conway rất lấy làm mừng khi thấy thung lũng ở đây không phải "cách ly hẳn với thế giới" mặc dầu do khó khăn về leo trèo đường dốc mà người du lịch nếu không có người hộ tống thì không thể leo lên được. Họ đã cùng tu sĩ suốt một ngày đi thăm cái nền xanh ngắt nhìn từ mép vách đá xuống thực là đẹp mắt. Và với Conway, dù sao thì đây cũng là một chuyến đi chơi đầy hứng thú hấp dẫn. Họ ngồi trong những chiếc ghế kiệu lắc lư cực kỳ nguy hiểm qua những vách đứng, trong lúc những người phu khiêng kiệu đàng trước và đàng sau ung dung bước xuống theo con đường dốc thẳng đứng. Đây không phải là con đường đi của những ai hay buồn nôn, nhưng khi cuối cùng, xuống tới khu đất thâp của rừng cấy và chân đồi thì họ thấy cái may mắn tuyệt vời của tu viện này thể hiện rõ ở khắp nơi. Vì toàn bộ khu thung lũng là một thiên đường khép kín, đất cát màu mỡ kỳ lạ; ở đây, cái chiều cao thẳng đứng khác nhau mấy nghìn bộ đã san bằng cái vực sâu giữa ôn đới và nhiệt đới. Cấy cối đủ mọi loài mọc sum sê liên tiếp nhau, không có một tấc đất bỏ hoang. Toàn bộ khu cấy trồng kéo dài có lẽ đến mười hai dặm, bề rộng thay đổi từ một đến năm dặm và tuy hẹp, ở đây vẫn có ánh nắng soi đến vào lúc nóng nhất của ngày. Thật vấy, không khí ngay lúc không có mặt trời vẫn ấm áp một cách dễ chịu, tuy ở một số những con ngòi nhỏ nước giá lạnh như nước đá. Ngẩng nhìn bức tường núi đồ sộ, Conway lại cảm thấy cảnh ở đây có một mối nguy hiểm, mối nguy hiểm hùng vĩ và thanh tú; nếu không có khối đá ngẫu nhiên được đặt ra để chắn thì toàn bộ khu thung lũng rõ ràng đã trở thành một cái hồ, luôn hứng nước đổ xuống từ những đỉnh cao phủ đầy băng ở bốn xung quanh. Nhờ tấm đá chắn, thung lũng không trở thành hồ nước mà chi có một số dòng nước lặng lẽ đổ vào các hồ chứa làm đầy nước và tưới cho những cánh đồng, những khu cấy trồng một cách chu đáo, có kỷ luật, xứng đáng là một kỹ sư phụ trách công tác vệ sinh. Toàn bộ thiết kế hầu như may mắn một cách huyền bí, chừng nào cấu trúc của khung cảnh còn không bị động đất hoặc đất lở làm đảo lộn.

Nhưng ngay cả những nỗi lo sợ mơ hồ về sau này cũng chỉ có thể làm tăng thêm cái vẻ đẹp của hiện nay. Lại một lần nữa, Conway bị cảnh vật quyến rũ, vẫn những cái đẹp và cái chân thực đã khiến cho những năm công tác ở Trung Quốc, anh thấy sung sướng hơn những năm khác. Cái khối đá mông mênh bao quanh đã tạo nên một sự tương phản hoàn toàn với những bãi cỏ nhỏ xíu và những mảnh vườn sạch cỏ, những nhà uống trà có dòng nước trang điểm và những căn nhà nhỏ bé như những đồ chơi trẻ con. Dân ở đây anh thấy dường như là những người lai Trung Quốc và Tây Tạng một

cách rất thành công; họ sạch sẽ hơn, xinh đẹp hơn cỡ người trung bình của hai giống người ấy, và hình như cũng chịu thiệt ít thôi, do tình trạng giao phối thân thuộc là điều không thể tránh được trong một xã hội nhỏ bé như vậy. Thấy những người lạ ngồi ghế kiệu đi qua, họ mỉm cười hoặc cười to và chào tu sĩ Tưởng. Họ vui vẻ, ít tò mò, lịch sự và thanh thản, bận bịu nhiều việc, nhưng bề ngoài không tỏ ra vội vã. Nhìn chung, Conway cho đây là một cộng đồng người dễ chịu nhất anh chưa từng thấy, và ngay cả cô Brinklow vẫn để ý tìm xem có hiện tượng gì là thoái hóa của một kẻ ngoại đạo, cũng phải thừa nhận "nhìn bề ngoài" thì mọi sự đều rất tốt. Cô cảm thấy dễ chịu khi thấy nhưng người thổ dân ở đây đều ăn mặc "chỉnh tề", mặc dù phụ nữ mặc quần chẽn ống ở mắt cá theo kiểu Trung Quốc; và khi vào thăm một nhà chùa, với trí tưởng tượng cao độ để xem xét kỹ lưỡng, cô cũng chỉ thấy có một số ít bức tượng có thể coi là phần nào có dấu vết đáng ngờ của lối thờ tượng dương vật. Tu sĩ Tưởng giải thích chùa này có những tu sĩ của họ, và không chịu sự cai quản chặt chẽ của Shangri-La, tuy họ thuộc một ngành khác. Hình như còn có một đền thờ Lão Tử và một đền thờ Khổng Tử dọc khu thung lũng.

"Viên ngọc vốn có nhiều mặt," Tu sĩ Tưởng nói "Và rất có thể là nhiều đạo giáo cũng chân chính ở mức độ vừa phải."

"Tôi đồng ý với ông về điểm ấy." Barnard vui vẻ nói. "Tôi không bao giờ tin vào những sự đố kỵ về giáo phái. Này, ông Tưởng, ông thực sự là một triết gia, tôi phải nhớ kỹ nhận xét ông vừa nêu: 'Nhiều đạo giáo chân chính ở mức độ vừa phải.' Các ông ở trên núi này hẳn phải là những con người khôn ngoan lịch duyệt mới nghĩ được ra điều ấy. Ông nói cũng đúng. Tôi tin chắc chắn tuyệt đối vào điều đó."

"Nhưng chúng tôi," tu sĩ Tưởng mơ màng đáp lại, "Chúng tôi chỉ tin chắc *một cách vừa phải thôi*."

Cô Brinklow không quan tâm đến tất cả những điều ấy mà với cô hình như đây chỉ là dâu hiệu của lười biếng thôi. Dù sao thì cô còn bận tâm với những ý nghĩ riêng của cô. "Khi trở về", cô mím chặt miệng rồi nói, "Tôi sẽ yêu cầu hội của tôi cử đến đây một đoàn truyền giáo. Và nếu họ có lầm bầm vì tốn tiền thì tôi sẽ gây áp lực cho đến khi họ phải đồng ý."

Rõ ràng đây là một tinh thần lành mạnh hơn, và ngay cả Mallinson vốn

không có cảm tình mấy đối với các đoàn truyền giáo nước ngoài, cũng không thể không tỏ lời khen ngợi. Anh nói: "Họ phải cử cô thôi, và tất nhiên là nếu cô thích một nơi như ở đây."

"Đây không phải là vấn đề thích," cô Brinklow đáp lại. "Tất nhiên là không ai thích, mà thích làm sao được? Đây là một vấn đề cảm thấy mình có bổn phận phải làm."

Conway nói: "Tôi nghĩ, nếu tôi là một nhà truyền giáo thì tôi sẽ chọn nơi này hơn là vô số nơi khác."

"Trường hợp như vậy," cô Brinklow cướp lời nói, "Sẽ rõ ràng chẳng có gì đáng gọi là công trạng."

"Nhưng tôi không nghĩ đến công lao hay công trạng."

"Vậy càng đáng thương hại hơn. Làm một công việc chi vì mình thích làm thì chẳng có ích gì. Cứ nhìn những người dân ở đây thì thấy!"

"Tất cả họ xem ra rất vui vẻ sung sướng đây chứ."

"Đúng." Cô đáp lại, giọng hơi mạnh mẽ. Cô nói thêm: "Nhưng dù sao, tôi cũng thấy tại sao tôi lại không bắt đầu bằng việc học ngôn ngữ. Ông Tưởng, ông có thể cho tôi mượn một cuốn sách dạy ngôn ngữ ở đây không?"

Tu sĩ Tưởng tỏ ra hết sức ngọt ngào đáp lại: "Thưa bà, rất có thể và với niềm vui thích lớn nhất. Và, nêu được phép nói, tôi nghĩ ý kiến của cô là tuyệt vời. "

Chiều hôm ấy, khi leo trở lại Shangri-La, tu sĩ coi vấn đề này là quan trọng cần đáp ứng ngay. Cô Brinklow thoạt đầu hơi nản lòng với cuốn sách dày cộp do một học giả người Đức ở thế kỷ thứ 19 đã bỏ ra bao nhiêu công sức để soạn (có lẽ lúc đầu cô nghĩ đến một cuốn mỏng hơn như loại *Hãy ôn lại tiếng Tây Tạng của anh*). Song với sự giúp đỡ của tu sĩ Tưởng và được Conway khuyến khích, cô đã đi được những bước đầu tốt đẹp và chẳng mấy công sức cô bỏ ra đã thu được kết quả khá thỏa mãn.

Conway cũng tìm thấy nhiều điều để anh quan tâm, không kể vấn đề lớn choán hết thời gian mà anh đã tự đặt ra cho mình. Trong những ngày ấm nắng, anh tận dụng thư viện, phòng nhạc, và trong thâm tâm, anh thấy đúng

thực là các vị Lama ở đây có một hình độ văn hóa đặc biệt cao. Các vị có sở thích đọc sách nói về gia tô giáo; những tác phẩm của Plato bằng tiếng Hy Lạp đặt bên tác phẩm của Omar bằng tiếng Anh; Nietzsche ở bên Newton; cả tác phẩm của Thomas More và cũng có cả Hannah More, Thomas Moore, George Moore và Old Moore. Conway ước tính có tất cả từ hai đến ba vạn cuốn; và thực đáng suy nghĩ về cách chọn lựa và mua được những tác phẩm ấy. Anh cũng cố tìm xem những ấn phẩm bổ sung gần đây nhất là vào thời gian nào, nhưng anh không thấy có cuốn nào in sau những tờ *Im Westen Nichts Neues* in lại rẻ tiền. Tuy nhiên, lần đến thư viện về sau, tu sĩ Tưởng cho anh biết có những cuốn khác xuất bản vào khoảng giữa năm 1930, chắc chắn sẽ được đưa đến bổ sung vào các giá sách, những cuốn đó đã được đưa đến tu viện. Ông ta nói: "Ông xem đấy, chúng tôi luôn giữ cho mình không bị lạc hậu."

Conway mỉm cười đáp lại: "Nhưng cũng có những người không đồng ý với ông về điểm ấy. Hẳn ông cũng biết là có biết bao nhiêu sự việc đã xảy ra trên thế giới chỉ mới từ năm ngoái thôi."

"Thưa ông, chẳng có gì quan trọng mà không được thấu hiểu rõ hơn vào năm 1940.[22][1] "

"Vậy các ông không quan tâm đến những sự phát triển mới nhất về cuộc khủng hoảng thế giới hay sao?"

"Tôi sẽ quan tâm sâu sắc đến nó vào đúng lúc."

"Ông Tưởng, ông biết đây, tôi tin là tôi đã bắt đầu hiểu ông. Hướng đi của các ông khác với chúng tôi, sự thể là thế. Thời gian đối với ông không quan trọng như đối với hầu hết mọi người. Nếu tôi ở London tôi cũng sẽ không háo hức săn đón để xem tờ báo chót, và các ông ở Shangri-La các ông cũng không háo hức xem tờ báo cũ của năm trước. Cả hai thái độ ấy, tôi thấy đều hợp lý. Nhân tiện xin hỏi ông, ông tiếp đoàn khách cuối cùng đến đây vào hồi nào?"

"Thưa ông Conway, điều đó, tôi rất không may là không thể nói được."

Kết thúc câu chuyện thường là như vậy và Conway thấy thế còn đỡ khó chịu hơn là cái hiện tượng trái lại mà anh đã phải chịu đựng rất nhiều hồi anh đang công tác - là gắng đến mấy cho gọn, câu chuyện vẫn cứ kéo dài

tưởng chừng không bao giờ dứt. Do gặp nhiều, anh bắt đầu cảm thấy mến tu sĩ Tưởng hơn, tuy anh vẫn phân vân về việc gặp rất ít nhân viên của tu viện; ngay dù cho rằng bản thân các vị Lama thì không gặp được, nhưng còn những người đang chờ được phong chức Lama như tu sĩ Tưởng thì sao?

Tất nhiên còn cô bé Mãn Thanh. Đôi khi vào phòng nhạc, anh vẫn nhìn thấy cô gái; nhưng cô ta không biết tiếng Anh, còn anh thì vẫn chưa muốn để lộ ra mình biết tiếng Trung Quốc. Anh vẫn không thể xác định được rõ là cô bé dạo đàn chỉ để chơi hay là tập đàn. Quả vậy, lối chơi cũng như toàn bộ cách đối xử của cô theo đúng nghi thức một cách tuyệt vời, những bản nhạc cô chọn bao giờ cũng là những bản mẫu mực hơn - của Bach, Corelli, Scarlatti và đôi khi của Mozart. Cô thích chơi đàn Harpsichord hơn dương cầm, nhưng khi Conway dạo dương cầm thì cô lắng nghe vẻ rất nghiêm túc và hầu như cô đánh giá một cách tôn kính. Thực không thể biết được trong đầu óc cô có những ý nghĩ gì cũng như thực khó mà đoán được ngay cả cô bao nhiêu tuổi. Có lúc anh nghĩ cô phải trên ba mươi hoặc dưới mười ba tuổi. Vậy mà, thực kỳ lạ, cả hai điều không chắc đúng ấy lại không thể nào gạt đi bảo là hoàn toàn không thể đúng được.

Mallinson, đôi khi đến nghe nhạc vì chẳng còn biết làm gì hơn, cũng thấy cô bé là một vấn đề rất khó hiểu. Đã nhiều lần anh nói với Conway: "Tôi thực không thể hiểu nổi sao cô ta lại ở đây. Công việc tu hành thì hợp với những người nhiều tuổi như tu sĩ Tưởng, mà một cô gái như cô ta thì bị hấp dẫn bởi cái gì trong cuộc sống tu hành này? Tôi nghĩ không hiểu cô ta đến đây đã được bao lâu rồi?"

"Tôi cũng băn khoăn không hiểu nổi, nhưng đây là một trong số những sự việc mà người ta chắc sẽ không cho chúng ta biết."

"Anh có cho rằng cô ta thích ở đây không?"

"Tôi phải nói là cô ta xem ra không có gì là không thích cuộc sống ở đây."

"Về vấn đề ấy, cô ta không tỏ ra có ý kiến gì. Cô ta như một con búp bê bằng ngà hơn là một con người."

"Nhưng dù sao cũng là giống một cái gì hấp dẫn đáng yêu."

"Cứ nhìn vẻ bề ngoài."

Conway mỉm cười: "Và cái vẻ bề ngoài ấy có nhiều đây, chú Mallinson ạ, khi chú nghĩ đến nó. Dù sao thì cô búp bê bằng ngà ấy cũng rất lịch sự, ăn mặc thể hiện rất có khiếu thẩm mỹ, vẻ ngoài trông xinh đẹp, đánh đàn Harpsichord giỏi và không đi lại trong phòng như thể cô đang chơi hockey. Theo trí nhớ của tôi thì vùng Tây Âu có rất nhiều phụ nữ thiếu đức hạnh ấy."

"Anh coi thường phụ nữ quá đáng đây, anh Conway." Conway vốn đã quen người ta chê trách anh về điểm ấy. Thực ra anh không có giao tiếp nhiều với giới nữ, và trong những lần đi phép đến những vùng đồi nghỉ mát thì cái danh tiếng hay nhạo báng phụ nữ cũng dễ chấp nhận như những lời chê trách khác. Sự thực, anh cũng đã có nhiều lần làm bạn bè vui vẻ với phụ nữ, những người này nếu anh hỏi họ hẳn họ cũng đã ưng thuận lấy anh - nhưng anh lại không hề hỏi họ. Có một lần suýt nữa anh đã có tin để báo hỉ đăng trên tờ *Morning Post* (Bưu điện buổi sáng), song cô gái lại không muốn sống ở Bắc Kinh, còn anh lại không muốn sống ở Tunbridge Wells, hai cái không thích này đã tỏ ra không đánh bật được nhau. Cho đến nay, những kinh nghiệm của anh trong giao du với phụ nữ có chăng chi là ướm thử, gián đoạn và phần nào không đi đến đâu cả. Nhưng xét cho cùng, anh không phải là người coi thường chế nhạo phụ nữ.

Anh cười đáp lại Mallinson: "Tôi ba mươi bảy - chú hai mươi bốn. Tất cả là ở chỗ đó."

Nín lặng một lúc, đột nhiên Mallinson hỏi Conway: "Ồ, vậy anh đoán tu sĩ Tưởng bao nhiêu tuổi?"

"Vào khoảng," Conway nhẹ nhàng đáp: "Giữa bốn mươi lăm và một trăm bốn mươi lăm."

Tuy nhiên, một thông tin như vậy không đáng tin hơn nhiều thông tin khác mà những người mới đến đã nhận được. Vì lẽ những điều họ tò mò muốn biết lại không được giải đáp, nên đi đến chỗ biết bao nhiêu điều mà tu sĩ Tưởng sẵn sàng đưa ra cho mọi người đều trở thành lời mờ khó hiểu. Chẳng hạn, không có gì là bí mật về những thói quen, tập tục của người dân dưới thung lũng. Conway vốn hay quan tâm đến những vấn đề ấy đã có

những cuộc chuyện trò mà có thể giúp anh viết thành một bản luận án tốt dừng được. Như một sinh viên nghiên cứu về vấn đề giao thiệp, anh đặc biệt quan tâm đến cách thức cai trị người dân thung lũng; qua nghiên cứu kỹ, anh thấy, dường như đây là một chế độ chuyên quyền có phần lỏng lẻo, mềm dẻo mà các vị chức quyền ở tu viện này thi hành với lòng nhân từ không chút gò bó. Chắc chắn chế độ cai trị này là một thành công vững chắc, cứ xuống nhìn cái thiên đường mầu mỡ ở bên dưới là thấy rõ. Conway còn phân vân chưa hiểu rõ về cái cơ sở tối hậu của luật pháp và trật tự; ở đây không có binh lính hoặc cảnh sát, vậy chắc phải có một số điều khoản nào để đối phó với những kẻ bất trị chứ? Tu sĩ Tưởng nói rằng tội phạm ở đây rất hiếm, một phần vì chi những sự vi phạm nghiêm trọng mới gọi là tội phạm, và một phần vì ở đây mọi người đều sống đầy đủ, họ có tất cả những gì mà họ mong ước một cách hợp lý. Phương sách cuối cùng là những người phục vụ riêng của tu viện có đủ sức để khai trừ, đuổi kẻ phạm tội ra khỏi thung lũng - điều này được coi là một sự trừng phạt cuối cùng đáng sợ, chi đôi khi mới phải dùng đến. Nhưng nhân tố chủ yếu của chính quyền Trăng Xanh, tu sĩ Tưởng tiếp tục nói, là sự răn dạy khắc sâu cách cư xử lịch sự, khiến người ta biết những sự việc "không được làm" và nếu làm sẽ bị tước đẳng cấp. "Người Anh các ông ở trường học cũng có răn dạy khắc sâu những điều như vậy, nhưng tôi e là, nhằm mục đích khác. Cư dân ở thung lũng, chúng tôi chẳng hạn, nhận thức "không được làm" để khỏi mất lòng hiếu khách đối với người lạ, để khỏi tranh cãi xâu xé nhau hoặc để khỏi ganh đua đè đầu cưỡi cổ nhau. Cái ý niệm hưởng thụ mà các ông giáo ở Anh gọi là cuộc chiến đấu bắt chước ngoài sân bóng, với người dân thung lũng đây, họ coi là hoàn toàn man rợ - thực vậy, đây là một sự kích thích tồi tệ các bản năng thấp kém của con người."

Conway hỏi thế có những sự cãi cọ nhau vì phụ nữ không?

"Chỉ rất họa hoằn vì lấy một người đàn bà mà người khác ước muốn là không lịch sự."

"Giả dụ có một kẻ nào đó rất thèm muốn người đàn bà ấy đến mức không đếm xỉa đến lịch sự thì sao?"

"Thưa ông, như vậy thì người kia sẽ là người lịch sự nhường lại và người đàn bà cũng phải vui vẻ để tỏ ra lịch sự. Ông Conway, hẳn ông lấy làm ngạc nhiên khi thấy sự áp dụng một chút phép lịch sự ở khắp nơi đã giải

quyết được những vấn đề ấy một cách dễ dàng."

Hẳn là trong những chuyến xuống thăm thung lũng Conway càng thấy thích thú cái tinh thần thiện ý và vui lòng vì anh biết rằng, trong tất cả các nghệ thuật chỉ có nghệ thuật cai trị là kém được hoàn thiện nhất. Tuy vậy, khi anh ngỏ lời khen ngợi thì tu sĩ Tưởng đáp lại: "Nhưng ông thấy đây, chúng tôi tin rằng để cai trị một cách hoàn hảo, cần phải tránh đừng cai trị quá mức."

"Nhưng các ông không có một bộ máy dân chủ nào như việc bầu cử ... ?"

"Ồ, không. Dân chúng ở đây sẽ rất khó chịu khi phải tuyên bố rằng chính sách này hoàn toàn đúng và chính sách kia hoàn toàn sai."

Conway mỉm cười. Anh thấy thái độ ấy dễ thương một cách kỳ lạ.

Trong lúc đó, cô Brinklow có cái thỏa mãn riêng của mình là việc học tiếng Tây Tạng và cũng trong lúc ấy, Mallinson lại cứ tỏ ra phiền muộn, càu nhàu, còn Barnard kiên trì giữ thái độ thản nhiên dường như cũng không kém phần đáng lưu ý, không kể nó là sự thực hay chi là giả vờ.

"Xin nói thật với anh," Mallinson nói, "Thằng cha này khoái chí chi vì hắn đã làm được tôi khó chịu. Tôi hiểu được việc hắn cố tỏ ra bình tĩnh, nhưng việc hắn liên tiếp pha trò đã bắt đầu làm tôi bực mình. Nêu ta không cảnh giác, hắn sẽ trở thành linh hồn của bọn ta đây."

Conway cũng đã hai ba lần ngạc nhiên khi thấy anh chàng người Mỹ đã yên tâm một cách dễ dàng. Anh đáp lời Mallinson: "Anh ta vui vẻ chấp nhận tình thế này chẳng là điều may mắn cho chúng ta đây ư?"

"Riêng cá nhân tôi, tôi thấy thái độ ấy đặc biệt lạ. Anh Conway, anh có biết gì về hắn ta không? Tôi muốn nói là anh có *biết* hắn là ai không và nhiều điều khác nữa..."

"Tôi cũng chẳng biết gì nhiều hơn chú biết. Tôi biết hắn từ Ba Tư đến và hình như trước đây có làm công việc dò tìm mỏ dầu. Đây là cách hắn dễ dàng chấp nhận sông bình thản - khi dàn xếp việc di tản bằng đường hàng

không, tôi đã khó khăn lắm mới thuyết phục được hắn đi với chúng ta. Hắn chỉ đồng ý ra đi khi tôi bảo rằng tờ hộ chiếu Mỹ không thể ngăn cản được các viên đạn đâu."

"À này, anh có nhìn rõ tờ hộ chiếu của hắn không?"

"Có lẽ tôi đã nhìn qua, nhưng giờ đây tôi cũng không nhớ rõ nữa. Thế, tại sao?"

Mallinson cười. "Tôi e rằng nói ra anh sẽ cho tôi đúng là đã không lo cho công việc của mình. Dù thế nào chăng nữa, hai tháng ở đây cũng sẽ phơi trần hết các điều bí mật của chúng ta, nếu chúng ta có. Xin anh chú ý, sự việc xảy ra hoàn toàn do ngẫu nhiên và tất nhiên là tôi chưa hé miệng nói một lời với ai khác. Ngay với anh, tôi cũng chưa có ý nói để anh biết, song giờ đây, chúng ta đã để cập đến vấn đề thì tôi xin nói."

"Tất nhiên là nói được, nhưng chú hãy cho tôi biết chú muốn nói về chuyện gì?"

"Chuyện này: Barnard đã dùng hộ chiếu giả để đi lại. Hắn không phải là Barnard."

Conway rướn hai hàng lông mày tỏ vẻ quan tâm đến vấn đề, nhưng chẳng hề lo âu. Anh mến Barnard, con người vẫn thực sự khuấy động xúc cảm trong anh, nhưng anh không thể nhăm nhăm để ý xem anh ta thực sự là ai. Anh nói: "Ồ, vậy chú bảo hắn ta là ai?"

"Hắn chính là Chalmers Bryant."

"Quỷ bắt hắn đi! Tại sao chú lại nghĩ vậy?"

"Sáng nay, hắn ta đánh rơi một cuốn sổ tay, tu sĩ Tưởng nhặt được và đã đưa cho tôi vì ông nghĩ là của tôi. Cuốn sổ kẹp đầy những bài báo cắt rời, mấy mẩu rơi ra lúc tôi cầm lấy, nên thú thực tôi đã đưa mắt nhìn qua. Suy cho cùng, bài báo cắt ra không phải là cái riêng tư, hoặc cũng không được coi là riêng tư. Tất cả những mẩu báo đó đều nói về Bryant và việc truy lùng tên này, trên một mẩu tin còn có tấm ảnh nom đặc biệt giống tay Barnard này, chỉ khác bộ ria mép."

"Thế chú đã nói chuyện này cho chính Barnard biết chưa?"

"Chưa, tôi chỉ đưa lại cho hắn cuốn sổ tay mà không nói gì hết."

"Vậy toàn bộ câu chuyện chỉ căn cứ vào có thể mà buộc tội một người. Tất nhiên, chú có thể đã nghĩ đúng. Tôi không nói hắn ta không phải là Bryant. Nếu đúng vậy thì lý giải khá rõ về thái độ vui vẻ của hắn ta ở đây - hắn khó mà tìm được một chỗ nào tốt hơn để lẩn tránh."

Mallinson xem ra có vẻ thất vọng khi thấy Conway nghe tin này với vẻ thản nhiên bình thường, cái tin mà anh cho là nhất định phải gấy xúc động mạnh. Anh hỏi:

"Vậy thế việc này anh định đoạt ra sao?"

Conway suy nghĩ một lát rồi đáp: "Tôi cũng chưa nghĩ được nhiều lắm. Có thể là không nghĩ được chút nào. Dù sao thì ta có thể làm được gì đây?"

"Nhưng mẹ kiếp, nếu thằng cha ấy là Bryant."

"Chú Mallinson ơi, dù cho thằng cha ấy có là bạo chúa Nero thì lúc này sự thể vậy cũng không quan hệ gì đến chúng ta! Là thánh hay là kẻ cắp, thì chừng nào còn ở đây chúng ta vẫn cứ phải hết sức sát cánh bên nhau, và tôi nghĩ có tỏ thái độ gì thì cũng chẳng giúp được chúng ta xoay chuyển tình thế. Nếu ở Baskul mà tôi đã nghi ngờ hắn thì tất nhiên tôi đã tìm cách để nói chuyện với Delhi về hắn - khi ấy chỉ là một công việc của chính quyền. Còn bấy giờ tôi nghĩ tôi có thể nói tôi đã hết nhiệm vụ rồi."

"Anh không thấy đây là nhìn nhận sự việc một cách nhu nhược ư?"

"Nhu nhược hay không tôi không tính đến, chừng nào nó là hợp lý."

"Vậy có nghĩa là anh khuyên tôi nên quên đi điều tôi vừa phát hiện ra phải không?"

"Có thể chú không quên được điều ấy, nhưng tôi nghĩ chắc chắn là cả hai chúng ta có thể phải giữ kín chuyện này, không phải vì Barnard hay Bryant hoặc vì bất kỳ người nào khác mà chính là để tránh cho chúng ta khỏi lâm vào hoàn cảnh rắc rối khi chúng ta trở về."

"Anh nói vậy có nghĩa là chúng ta phải để mặc cho hắn tẩu thoát?"

"Ồ, tôi muốn nói hơi khác một chút, là chúng ta sẽ để cho một ai khác

có thích thú được bắt hắn ta. Khi ta đã sống chan hòa với một người nào đó trong mấy tháng, thì xem ra thực là khó coi khi ta báo cho cảnh sát đến còng tay người ấy."

"Theo ý tôi, tôi không đồng tình với cách làm ấy. Thằng cha này là một tên đại bợm - tôi từng biết có bao nhiêu người đã mất tiền với hắn."

Conway nhún vai. Anh khen ngợi lối sống của Mallinson, chất phác, trắng đen rõ rệt; cái đạo đức của nhà trường có thể là thô lỗ, nhưng ít nhất thì nó cũng thẳng thắn. Nếu một người nào đó vi phạm pháp luật, thì tất cả mọi người đều có bổn phận đưa hắn ra công lý - bao giờ cũng vậy, miễn là công lý của một thứ luật pháp không ai được vi phạm. Và luật pháp có liên quan đến những tấm séc, những cổ phần và những bản quyết toán thì nhất định thuộc về loại này. Bryant đã vi phạm pháp luật, và tuy Conway không quan tâm nhiều đến việc này, nhưng anh vẫn có cảm tưởng đây là một việc làm quá ư sai sót về loại đó. Tất cả những gì anh biết được là sự thất bại của nhóm Bryant khổng lồ ở New York đã đưa đến một thất thoát vào khoảng một trăm triệu đô la - một sự đổ vỡ kỷ lục. Bằng cách này hoặc cách khác (Conway không phải là một chuyên gia tài chính), Bryant đã lừa đảo ở phố Wall và kết quả là có giấy trát truy bắt hắn, việc hắn trốn khỏi châu Âu và những lệnh dẫn độ hắn ở năm, sáu nước.

Cuối cùng, Conway nói: "Ồ, nếu chú nghe lời ta khuyên thì chú nên không nói gì về chuyện này hết, làm như vậy không phải vì quyền lợi của hắn mà vì chúng ta. Tất nhiên, chú cũng nên nhó cái khả năng có thể hắn không phải là Bryant."

Nhưng chính hắn đây và sự phát hiện đã lộ ra vào chiều hôm ấy sau bữa ăn. Lúc đó, tu sĩ Tưởng đã rút lui, cô Brinklow quay về với cuốn văn phạm tiếng Tây Tạng; ba chàng lưu đày ngồi đối diện nhau uống cà phê, hút thuốc. Câu chuyện hao đổi trong bữa ăn có thể đã lắng đi mấy bận, nếu không có tu sĩ Tưởng khéo léo và nhã nhặn; giờ đây, khi ông ta không có mặt, một không khí yên lặng nặng nề đã trùm xuống. Lúc này Barnard lần đầu tiên không bông đùa. Conway thầy rõ Mallinson không thể giữ im lặng về sự việc anh chàng người Mỹ coi như không hề có chuyện gì xảy ra, và cũng rõ ràng là Barnard tình ý đã biết được là có điều gì đã xảy ra.

Đột nhiên, anh chàng người Mỹ ném điếu xì gà đi và nói: "Tôi đoán tất

cả mọi người đã biết rõ tôi là ai rồi."

Mallinson đỏ mặt như một cô gái, còn Conway đáp lại vẫn với vẻ bình tĩnh. "Đúng vậy, tôi và Mallinson nghĩ rằng chúng tôi đã biết."

"Một sự vô ý chó chết của tôi đã để đánh rơi những mẩu báo ấy."

"Chúng ta ai cũng có lúc vô ý."

"Ồ, các anh rất bình tĩnh trước một sự việc như vậy, ghê thực!"

Lại yên lặng; mãi về sau, cô Brinklow cất tiếng the thé nói: "Ông Barnard, chắc chắn tôi không biết ông là ai, tuy vậy tôi vẫn phải nói rằng, từ trước tôi cũng đã đoán ông đi lại với giấy tờ của người khác." Mọi người quay lại nhìn cô, vẻ dò hỏi; cô nói tiếp: "Tôi nhớ rõ khi ông Conway nói tên tuổi chúng ta sẽ được nêu trên báo chí thì ông nói điều đó ông không quan tâm. Lúc ấy, tôi liền nghĩ có thể Barnard không phải là tên thực của ông."

Anh chàng phạm tội chậm rãi mỉm cười, vừa châm điếu xì gà khác để hút. Rồi hắn nói: "Thưa bà, bà không những là một nhà thám tử tài giỏi mà bà còn tìm được một cụm từ rất tao nhã để nói về cái tình thể của tôi hiện nay, tôi đang đi lại với giấy tờ của người khác. Bà đã nói như vậy và bà hết sức đứng. Còn về các anh, tôi không hề lấy làm buồn về việc các anh đã phát hiện ra tôi. Chừng nào không một ai trong các anh có ý gì nghi hoặc, thì tất cả chúng ta đều kiềm chế lại, nhưng giờ đây sự thể đã như thế này, tôi thấy còn giữ bí mật với các anh là một việc làm rất thiếu tình thần hòa thuận. Các anh đã đối với tôi rất tốt, nên tôi không muốn gây phiền nhiễu cho các anh. Xem ra chúng ta còn phải gắn bó với nhau trong vui sướng hay trong đau khổ trong một thời gian ngắn trước mắt, và bổn phận chúng ta là phải hết sức giúp đỡ nhau. Còn về sau sự thể ra sao, tôi xin thừa nhận là chúng ta có thể để mặc sự việc nó tự thu xếp."

Tất cả những điều Barnard nói, Conway thấy hoàn toàn hợp lý, khiến anh cứ chăm chú nhìn anh ta một cách hết sức thích thú, và thậm chí - tuy vào lúc này, đây là một việc kỳ lạ - anh vẫn phần nào thành thật quý mến. Thực kỳ lạ, khi nghĩ rằng một con người to béo, vui vẻ thế kia với dáng điệu bệ vệ của bậc cha chú, lại là tên lừa đảo lớn nhất thế giới. Anh ta, nhìn kỹ hơn, giống một anh chàng mà nếu được giáo dục thêm một chút thì đã có thể trở thành ông hiệu trưởng được mọi người yêu mến của một trường dự bị.

Đằng sau cái vui vẻ của anh ta, có những dấu hiệu của căng thẳng, buồn phiền xảy ra gần mới đây, nhưng như thế không có nghĩa là một sự vui vẻ gượng ép. Đúng như vẻ bề ngoài, rõ ràng anh ta là một con người vui tính, theo đúng nghĩa thiên hạ vẫn dùng, một con người bản chất là con cừu và chỉ là cá mập trong nghề nghiệp.

Conway nói: "Đúng thế, đây là cách xử sự tốt nhất. Tôi tin chắc như vậy."

Barnard liền phá ra cười. Như thể anh ta còn có những nguồn dự trữ sâu hơn nữa về tính vui vẻ mà chỉ bấy giờ anh ta mới có thể lấy ra để dùng. "Kỳ quá, thật kỳ quá," anh ta thốt kêu lên, vừa ngả người trên chiếc ghế dựa. "Tôi muốn nói, cả cái việc chó chết này. Một mạch băng qua châu Âu, rồi qua Thổ Nhĩ Kỳ và Ba Tư, cho đến cái thị trấn nghèo nàn ấy! Cảnh sát luôn luôn theo gót tôi, các anh để ý cho - chúng suýt tóm được tôi ở Vienna! Thoạt đầu thì cũng thấy thú vị trong việc bị săn đuổi, nhưng sau đó ít lâu thì thấy bực mình. Tuy nhiên, tôi cũng đã được nghỉ ngơi khá lâu ở Baskul - tôi đã nghĩ tôi được an toàn ở ngay giữa cuộc cách mạng."

"Đúng là ông đã được như vậy," Conway hơi mỉm cười nói, "Trừ với những viên đạn."

"Phải, và đây là cái đã khiến tôi phải phiền muộn vào lúc cuối cùng. Tôi có thể nói với ông rằng tôi đã phải lựa chọn rất gay: Hoặc ở lại Baskul chịu ăn đạn hoặc chấp nhận một chuyến du lịch bằng máy bay của Chính phủ các ông để tìm thấy còng đeo tay ở đầu kia đường bay. Cả hai, tôi thực sự đều không muốn."

"Tôi nhớ, ông đã không thích."

Barnard lại cười: "Ồ, sự thể là như vậy đây, và hẳn ông có thể tự hình dung thấy sự thay đổi kế hoạch khiến tôi bị đưa đến đây đã không khiến tôi buồn phiền nhiều lắm. Đấy là một điều huyền bí hạng nhất. Song, riêng tôi mà nói thì không có nơi nào tốt hơn. Tính tôi vốn không có làu nhàu khi trong lòng thấy thỏa mãn."

Nụ cười trên môi Conway trở nên thực sự thân mật. "Đây là thái độ hết sức khôn ngoan, đúng đắn, tuy tôi nghĩ ông có phần làm quá đi. Tất cả chúng tôi đang bắt đầu lấy làm lạ không hiểu sao ông lại có thể kiềm chế mình để

tỏ ra vui vẻ như vậy."

"Ồ, tôi vui vẻ thực sự mà. Nơi đây không phải là một nơi tồi, khi anh đã quen với nó. Thoạt đầu, không khí có phần gay gắt một chút, song anh đã có đầy đủ các thứ. Và thay đổi như vậy là hay và yên tĩnh. Mùa thu nào tôi cũng đi Palm Beach để nghỉ và chữa bệnh, nhưng ở đấy, vẫn không có được sự thay đổi và yên tĩnh - anh vẫn bị quấy rầy như thường. Còn ở đây, tôi cho rằng tôi đã có được cái mà bác sĩ kê đơn cho tôi, và như vậy đối với tôi thật là tuyệt. Tôi ăn uống theo một chế độ khác, tôi không có băng video[23][1] để xem, và lão chủ hiệu cầm đồ không thể quay điện thoại gọi tôi được."

"Tôi dám nói họ mong muốn có thể gọi được đấy."

"Chắc chắn là vậy. Còn phải thu dọn một đống lộn xộn khá lớn, và tôi biết thế."

Hắn ta nói một cách rất hồn nhiên khiến Conway không thể nhịn được phải đáp lại: "Tôi chẳng phải là một nhà có uy tín gì lắm về cái mà người ta gọi là tài chính cao cấp."

Đây là câu dẫn đầu, và anh chàng người Mỹ chấp nhận ngay không chút lưỡng lự. Hắn nói: "Tài chính cao cấp, toàn một lũ ba hoa."

"Tôi cũng thường nghi ngờ như vậy."

"Này, ông Conway, tôi xin giải thích thế này nhé: Một anh chàng làm một công việc anh ta vẫn làm suốt bao nhiêu năm và vô vàn người khác cũng vẫn làm, thế mà đột nhiên thị trường xoay chiều ngược lại. Thế là anh chàng không tránh được, nhưng anh ta vẫn dốc sức chống đỡ để chờ đợi cơ vận xoay chuyển. Song không ngờ cơ vận không trở lại như mọi khi, và khi anh ta đã mất khoảng mười triệu đô la gì đó thì anh ta đọc được trên một tờ báo nào đấy có nói, một giáo sư Thụy Điển cho rằng đây là ngày tận thế. Vậy giờ đây tôi xin hỏi ông, nói như thế có giúp được gì cho thị trường không? Tất nhiên, sự tình có làm anh ta hơi bị sốc, nhưng anh ta vẫn vô phương cứu chữa, cứ nằm đây cho đến lúc cảnh sát đến – nếu anh ta đợi họ. Còn tôi, tôi không đợi."

"Vậy, ông cho tất cả đây chỉ là do vận rủi mà có phải không?"

"Ồ, chắc chắn là tôi đã có một món tiền lớn."

"Ông cũng đã có tiền của nhiều người khác." Mallinson nói xen vào gay gắt.

"Vâng, đúng thế. Nhưng tại sao chứ? Vì tất cả họ đều muốn kiếm được một cái gì đó từ con số không mà lại không có đầu óc để kiếm ra."

"Tôi không đồng ý như vậy. Đây chỉ vì họ tin ở ông và nghĩ rằng tiền của họ bỏ ra được an toàn."

"Ồ, nó chẳng an toàn chút nào. Nó không thể nào được an toàn. Chẳng ở đâu có an toàn hết và những kẻ nào nghĩ là có thì chẳng khác gì một đám khờ dại định nấp dưới một cái ô giữa con giông tố."

Conway nói để hòa giải: "Ồ, chúng tôi đều thừa nhận ông không tránh được con giông tố."

"Tôi thậm chí không có ý làm gì, khác nào các ông đã chẳng có thể làm gì để thoát khỏi những điều đã xảy ra sau khi chúng ta rời Baskul. Tôi thấy như vậy khi tôi nhìn ông lúc ở trong máy bay rất bình tĩnh còn ông Mallinson ở đây thì cứ rối lên. Ông biết là mình không làm được gì nên ông chẳng quan tâm đến nữa. Đúng như tôi đã cảm thấy khi sự đổ vỡ ập đến."

"Vô lý!" Mallinson kêu lên, "Người ta vẫn có thể không lừa đảo. Đây chỉ là một vấn đề chơi bài theo đúng luật mà thôi."

"Đây là một điều cực khó làm khi toàn bộ ván bài đã tan vỡ. Vả lại, không một ai trên đời này biết được luật ấy ra thế nào. Tất cả giáo sư các Trường Đại học Harvard và Yale cũng không thể nói cho ông biết được."

Mallinson đáp lại, có phần khinh bỉ: "Tôi chỉ nói đến một số thông lệ rất đơn giản trong cách cư xử hàng ngày của con người mà thôi."

"Vậy tôi nghĩ trong cách cư xử hàng ngày của ông không bao hàm những Công ty Tín dụng."

Conway vội xen vào ngay: "Thôi, chúng ta không nên tranh cãi nữa. Tôi không phản đối chút nào việc so sánh giữa công việc của ông và công việc của tôi. Đúng là chúng ta vừa qua đều đã bay đi một cách mù quáng, cả

về nghĩa đen lẫn các nghĩa khác. Nhưng điều quan trọng là lúc này chúng ta đang ở đây, và tôi cũng đồng ý với ông rằng việc cằn nhằn thêm nữa về chuyện này thực là dễ. Thực cũng lạ lùng, khi nghĩ là trong số bốn người ngẫu nhiên bị bắt cóc đưa đến nơi xa xôi hàng ngàn dặm này, lại có ba người có thể tìm thấy điều an ủi trong sự việc xảy ra. Ông, ông đang cần một phương thuốc nghỉ ngơi và một chỗ để ẩn tránh; Cô Brinklow cảm thấy đây là sứ mạng giảng kinh cho những người Tây Tạng vô thần."

"Vậy người thứ ba anh nói là ai?" Mallinson cắt ngang hỏi. "Tôi hy vọng không phải là tôi?"

"Tôi muốn nói bản thân tôi," Conway đáp lại. "Và cái lý do của riêng tôi có lẽ là đơn giản nhất - tôi có phần thích sống ở đây."

Thực tế, một thời gian ngắn về sau, những khi anh đi dạo chơi một mình vào buổi chiều, dọc theo dãy nhà hoặc bên bờ hồ sen, anh cảm thấy cả tinh thần lẫn xác thịt lắng dịu. Thực tế; anh đúng là có phần thích ở Shangri-La, ở đây không khí làm dịu đi trong khi sự bí ẩn lại kích thích và toàn bộ cảm giác là dễ chịu. Mấy hôm gần đây, anh đã dần dần có khuynh hướng đi đến kết luận kỳ lạ về tu viện ở đây và những người dân của nó; đầu óc anh đang bận suy nghĩ về nó, mặc dầu, trong thâm tâm, an rất bình tĩnh. Anh chẳng khác nào một nhà toán học đang suy nghĩ về một bài toán bí hiểm - băn khoăn suy nghĩ về nó song suy nghĩ băn khoăn một cách rất bình tĩnh và không chút riêng tư.

Còn về Bryant, người mà anh quyết định vẫn cứ nghĩ và gọi là Barnard, vấn đề về những hành vi và giấy căn cước của anh ta lập tức mờ đi vào trong bối cảnh, trừ có một câu anh ta nói: "Toàn bộ ván bài đã tan vỡ". Conway thấy chính mình nhớ lại và lặp lại câu nói đó với một ý nghĩ rộng hơn ý nghĩ anh chàng người Mỹ có thể đã nghĩ đến, anh cảm thấy câu nói ấy còn đúng với ngành ngân hàng Mỹ và sự quản lý các công ty tín dụng ở đó, Nó đúng với Baskul, với Delhi và London, với việc tiến hành chiến tranh và xây dựng đế quốc, với các lãnh sự quán, các hãng kinh doanh và những bữa tiệc tại Nhà Chính phủ; có một cái mùi khó chịu của tan vỡ bao trùm cả cái thế giới hồi tưởng lại đó, và cái không may của Barnard có lẽ chỉ được bi kịch hóa một cách đẹp hơn cái không may của chính anh mà thôi. Toàn bộ ván bài đúng là đã tan vỡ, nhưng may mắn thay các người chơi bài không phải theo luật bị đưa ra xét xử vì tội đã không cứu vớt được những mảnh tan

vỡ. Về phương diện này các nhà kinh doanh đã không may.

Nhưng ở đây, tại Shangri-La, tất cả đều nằm trong sự yên lắng sâu xa. Trên bầu trời không trăng, sao sáng dày đặc, một ánh xán lạn xanh nhạt phủ trên đỉnh ngọn Karakal. Khi ấy, Conway thấy nếu do một sự thay đổi kế hoạch nào đó, đám phu khuân vác từ vùng bên ngoài đến đây ngay lập tức, thì có lẽ anh không thấy quá vui mừng vì đã không phải chờ đợi một thời gian. Và cả Barnard cũng vậy, anh nghĩ đến đây lòng mỉm cười. Thực buồn cười; và rồi thốt nhiên, anh biết anh vẫn còn mến Barnard, nếu không anh đã không thấy buồn cười. Không hiểu sao làm mất một trăm triệu đô la lại quá lớn để bỏ tù một người, còn nếu anh ta chỉ ăn trộm một cái đồng hồ đeo tay thôi có lẽ dễ bị bỏ tù hơn. Và suy cho cùng, làm sao người ta lại có thể mất một trăm triệu đô la. Có lẽ chỉ với ý nghĩa như một vị bộ trưởng tuyên bố hão huyền là ông ta đã được người ta "tặng cho cả nước Ấn Độ".

Và rồi anh lại nghĩ đến cái ngày anh sẽ rời Shangri-La với đoàn phu khuân vác trở về. Anh hình dung cuộc hành trình dài dặc, đầy khó khăn và cuối cùng lúc đến trước cửa nhà một chủ đồn điền nào đó ở Sikkim hoặc Baltistan - cái giờ phút đáng lẽ anh phải cảm thấy vui vẻ biết mấy, thì cũng có thể nó sẽ đượm một chút thất vọng. Rồi những cái bắt tay, những lời giới thiệu đầu tiên, những cốc nước giải khát hoặc cốc rượu đầu tiên ngoài hiên câu lạc bộ với những gương mặt nâu bóng vì cháy nắng nhìn anh chằm chằm, vẻ không tin hầu như không che đậy. Tại Delhi, hẳn là có những cuộc tiếp kiến với ngài Phó vương và C.I.C[24][1], những cái cúi đầu chào của những người phục vụ đầu quấn khăn; những báo cáo liên miên phải chuẩn bị và gửi đi. Có lẽ, thậm chí, lúc trở về Anh và Lầu Trắng Whitehall[25][2], là những ván cờ trên boong tàu P.&.O; cái bàn tay mềm nhũn của một vị thứ trưởng; những cuộc phỏng vấn của báo chí; những giọng nói gay gắt, chế giễu, khao khát tình dục của phụ nữ. "Này ông Conway, có đúng thật là khi ông ở Tây Tạng...?" Chắc chắn có một điều này;" Có thể vì kể câu chuyện của mình mà anh sẽ được mời ăn ít nhất là suốt một mùa. Nhưng liệu anh có thích thú chuyện đó không? Anh nhớ lại một câu Gordon đã viết trong mấy ngày cuối cùng ở Khartoum[26][3] "Tôi muốn thà sống như một tu sĩ với thánh Mahdi hơn là đêm đêm đi ăn tiệc ở London." Mối ác cảm, sự không thích của Conway cũng không rõ rệt - đây chỉ là thấy trước được rằng, phải kể câu

chuyện của mình ở thời quá khứ, anh sẽ chán ngấy và hơi buồn.

Thốt nhiên, đang suy nghĩ, anh thấy tu sĩ Tưởng đến gần. "Thưa ông," tu sĩ bắt đầu nói, cái giọng khẽ thì thào nhanh dần lên. "Tôi rất lấy làm vinh dự được mang một tin quan trọng..."

Vậy là những người phu khuân vác đã đến trước thời hạn, thoạt đầu Conway nghĩ như vậy; kỳ cục thật, anh vừa nghĩ đến chuyện ấy lúc nãy. Và anh cảm thấy xúc động mạnh bởi anh chưa chuẩn bị kỹ để đón nhận. "Ồ, chuyện gì vậy?" Anh hỏi.

Tâm trạng của tu sĩ Tưởng lúc ấy gần như phân khích tột độ. "Thưa ông, tôi xin có lời chúc mừng ông," tu sĩ nói tiếp, "Và tôi lấy làm sung sướng vì nghĩ mình cũng có phần nào trách nhiệm trong đó - sau nhiều lần tôi hình bày kỹ lưỡng về ông, đức Lama tu viện trưởng đã đi đến quyết định. Ngài muốn được gặp ông ngay bây giờ."

Conway đưa mắt nhìn tu sĩ, vẻ kỳ quặc. "Tu sĩ Tưởng, lúc này ông nói sao mà không mạch lạc hơn bao giờ hết. Có chuyện gì xảy ra vậy?"

"Đức Lama tu viện trưởng sai mời ông."

"Vậy tôi hiểu rồi. Nhưng có gì mà quan trọng hóa thế?"

"Vì đây là một sự kiện phi thường từ trước chưa từng có - ngay tôi là người vẫn thúc giục để mau chóng có sự việc này mà cũng không nghĩ là nó đã đến. Nửa tháng trước đây ông chưa đến, thế mà giờ đây ông đã sắp được Ngài tiếp. Từ trước đến nay chưa hề thấy điều đó xảy ra sớm thê!"

"Tôi vẫn còn bối rối lắm, ông biết đây. Tôi phải đến gặp ngài Lama tu viện trưởng - tôi hiểu rồi. Nhưng ngoài ra còn có chuyện gì khác nữa không?"

"Thế ông cho là chưa đủ sao?"

Conway cười: "Hoàn toàn đủ lắm rồi, tôi đoán với ông như vậy - ông đừng có nghĩ tôi thiếu lễ độ. Thực tế thoạt đầu tôi nghĩ tới điều khác hẳn. Song, giờ đây ông đừng bận tâm về điều ấy. Tất nhiên, tôi sẽ lấy làm vui

mừng và vinh dự được gặp ngài tu viện trưởng. Thế ngài cho hẹn bao giờ?"

"Ngay bây giờ. Tôi được sai đến để đưa ông đến phòng của Ngài."

"Thế bây giờ có khuya quá không?"

"Không sao. Thưa ông, lát nữa ông sẽ hiểu rõ được nhiều điều. Và xin phép cho tôi được ngỏ lời nói, chính tôi lấy làm vui mừng là cái quãng thời gian từ dạo nọ - luôn luôn khó chịu - giờ đây chấm dứt. Ông hãy tin tôi, tôi lấy làm khổ tâm đã phải nhiều lần từ chối không nói để ông rõ sự việc, vâng, cực kỳ khổ tâm. Giờ đây, tôi lấy làm vui mừng vì biết rằng sẽ không còn cần đến những phút khó chịu ấy nữa."

"Tu sĩ Tưởng, ông là một con người kỳ quặc." Conway đáp lại. "Nhưng thôi, ta đi đi, đừng bận tâm giải thích thêm nữa. Tôi đã rất sẵn sàng và tôi lấy làm cảm kích trước những lời nhận xét tốt đẹp của ông. Ông đi trước đi."

CHƯƠNG BẢY

Conway rất điềm tĩnh, nhưng trong lúc anh đi theo tu sĩ Tưởng bước qua những khu sân trống trải, cử chỉ của anh tỏ ra háo hức, mỗi lúc một tăng. Nếu những lời tu sĩ mang một ý nghĩa gì đó thì anh đã đặt chân đến ngưỡng cửa của sự phát hiện; chỉ lát nữa anh sẽ biết cái thuyết của anh, thuyết này vẫn còn chưa hoàn chỉnh, có thực là không đến nỗi không thể có được không.

Ngoài điều đó ra, đây hẳn là một cuộc tiếp kiến rất hay. Hồi đang làm việc, anh đã từng gặp nhiều những quan chức có uy quyền đặc biệt, trước mặt họ anh không hề tỏ ra khúm núm và những nhận xét đánh giá của anh thường là sắc sảo. Không hề ngượng ngùng, anh có sở trường nói ra những lời lẽ lịch sự bằng thứ ngôn ngữ mà quả tình anh biết rất ít. Tuy nhiên, có lẽ trong những trường hợp như vậy, anh đóng vai người nghe là chủ yêu. Anh để ý thấy tu sĩ Tưởng đang đưa anh đi qua những căn phòng mà trước đây anh chưa được nhìn thấy, tất cả những căn phòng này có phần tối mờ mờ và rất đáng yêu dưới ánh sáng ngọn đèn lồng. Rồi một chiếc thang xoắn ốc đưa lên một khung cửa ra vào. Tu sĩ Tưởng gõ cửa, cửa được một người hầu Tây Tạng mở ngay, khiến Conway nghĩ người này hẳn vẫn đứng ở ngay sau cửa. Phần trên lầu cao của tu viện cũng được bài trí tao nhã không kém những phần khác, nhưng điểm nổi bật nhất nhận thấy ngay ở đây là không khí ấm áp, khô ráo và làm náo nức lòng người, như thể tất cả các cửa sổ đều đóng kín và có một thứ máy sưởi bằng hơi nước đang làm việc với áp lực mạnh nhất. Càng đi, Conway càng cảm thấy ở đây thiếu không khí, cho đến lúc tu sĩ dừng lại trước một khung cửa, mà nếu tin được ở cảm giác của cơ thể, thì có thể cho rằng sắp bước vào một buồng tắm Thổ Nhĩ Kỳ.

"Tu viện trưởng," tu sĩ Tường khẽ nói "Sẽ chi tiếp một mình ông." Sau khi mở cửa để Conway bước vào, tu sĩ Tưởng liền đóng ngay cửa lại, lặng lẽ quá khiến không nhận ra ông đã đi ra từ lúc nào. Conway đứng ngập ngừng, hít thở một thứ không khí không những chỉ ngột ngạt mà còn đầy bụi, khiến phải mấy giấy sau anh mới nhìn quen trong ánh sáng lờ mờ. Rồi anh dần dần có ấn tượng đây là một căn phòng mái thấp, rèm che kín đồ đạc, trong phòng

chi đơn giản có một cái bàn và mấy chiếc ghế. Ngồi trên một trong những chiếc ghế là một người nhỏ nhắn, da dẻ đã nhăn nheo, nước da tái mét, người ấy ngồi im không động đậy dưới tán che và toát ra dáng vẻ của một bức chân dung cổ đã phai nhạt vẽ phối hợp các mảng sáng, tối. Nếu có một vật gì mà sự hiện diện tách rời khỏi hiện tại thì bức ảnh con người đây là như vậy, nó được tô điểm một vẻ trang nghiêm cổ điển, vẻ trang nghiêm tỏa ra từ bức chân dung đúng hơn chỉ là một nét đặc thù của nó. Conway lấy làm lạ khi thấy mình nhận thức được rõ ràng đến như vậy về tất cả những cái ở trước mắt và anh cứ ngỡ ngàng không hiểu những cái này có tin được không hay đây chỉ là sự phản ứng của anh trước không khí ấm áp, thơm tho trong ánh sáng như vào buổi hoàng hôn này; cặp mắt cổ kính của người kia nhìn Conway chằm chằm khiến anh hoa mắt, anh bước lên phía trước mấy bước rồi dừng lại. Người ngồi trên ghế lúc này đường nét nom rõ hơn, nhưng cơ thể vẫn chưa lộ rõ mấy; một ông già nhỏ nhắn ăn vận quần áo Trung Quốc, nếp áo, những đường viền rộng lùng thùng hên một thân hình lép kẹp, gầy hốc hác.

"Ông là ông Conway phải không?" Người ấy hỏi khẽ bằng một thứ tiếng Anh rất giỏi. Giọng nói khiến người nghe dịu lòng vui vẻ và đượm một chút buồn nhẹ nhàng khiến Conway cảm thấy hạnh phúc lạ lùng, tuy lại một lần nữa tính hoài nghi trong anh có khuynh hướng cho đây là do nhiệt độ trong phòng gây nên.

"Thưa ông, vâng!" Anh đáp lại.

Giọng nói đó tiếp tục: "Ông Conway, được gặp ông tôi rất vui lòng. Tôi cho mời ông vì tôi nghĩ tôi và ông chúng ta cần phải có một cuộc nói chuyện với nhau. Mời ông ngồi xuống bên cạnh tôi và đừng sợ. Tôi đã già rồi, tôi không làm gì được ông đâu."

Conway đáp lại: "Được ngài cho tiếp kiến, tôi coi đây là một vinh dự lớn cho tôi."

"Tôi xin cám ơn ông, ông Conway thân mến. Tôi sẽ gọi ông như vậy, theo tục lệ ở bên Anh của các ông. Như tôi đã nói đây là những phút rất vui vẻ đối với tôi. Mắt tôi giờ đây kém, nhưng hãy tin ở tôi, tôi có thể nhìn thấy ông trong đầu óc, cũng như tự mắt tôi nhìn thấy được. Tôi tin rằng từ ngày tới ở Shangri-La, ông có đủ tiện nghi cho cuộc sống?"

"Quá đầy đủ ạ."

"Vậy là tôi vui lòng. Tu sĩ Tưởng hẳn đã dốc sức vào việc phục vụ các ông. Ông ấy cũng lấy thế làm vui. Ông ấy có bảo với tôi là ông đã hỏi nhiều về cộng đồng của chúng tôi cùng những công việc của nó?"

"Vâng, tôi rất quan tâm muốn được biết rõ những chuyện ấy."

"Vậy, nếu ông có thể dành cho tôi một chút thời gian, tôi sẽ vui vẻ kể ông nghe qua về cơ sở của chúng tôi."

"Không có gì tôi thấy quý giá hơn."

"Đó là điều tôi đã nghĩ đến và hy vọng… Nhưng trước hết, trước khi ta nói chuyện với nhau…

Ông khẽ huơ tay và lập tức, do một kỹ thuật gọi nào đó mà Conway chịu không phát hiện được, một người hầu bước ngay vào để chuẩn bị cuộc lễ nghi uống trà rất thanh nhã. Mấy cái bát màu vỏ trứng trong đựng một chất nước hầu như trong suốt được đặt trên cái khay bằng sơn mài. Conway vốn biết rõ những nghi lễ ấy, nên không dám coi thường.

Ông già nói: "Vậy ra ông đã quen các lề lối của chúng tôi?"

Nghe theo thôi thúc bản năng mà anh không thể phân tích cũng như không thấy có ý muốn kiềm chế, Conway đáp lại:

"Vâng, tôi đã từng sống mấy năm ở Trung Quốc."

"Sao ông đã không nói điều đó cho ông Tưởng biết?"

"Vâng."

"Vậy sao tôi lại được hân hạnh ông cho biết?"

Conway rất ít tỏ ra lúng túng khi phải giải thích những động cơ của việc mình làm; vậy mà lúc này anh không nghĩ ra được một lý do nào. Sau một lúc lâu, anh đáp:

"Xin thú thực, tôi không có một chút ý nghĩ nào khi làm điều này, chi biết rằng tôi thấy cần và muốn nói để ngài rõ."

"Tôi tin chắc đây là lý do đúng nhất giữa những người sắp sửa trở thành bạn của nhau... Giờ đây, xin ông cho biết trà này có mùi thơm dịu không? Trà của Trung Quốc thì có nhiều loại và thơm, nhưng thứ trà này là sản phẩm đặc biệt của thung lũng chúng tôi, và theo ý tôi thì mùi thơm của nó không kém."

Conway nâng bát trà lên môi và nếm thử. Hương vị của nó thoang thoảng, khó nắm được và khó hiểu, một hương vị ma quái luẩn quất quanh lưỡi chứ không chỉ có trên đầu lưỡi. Anh nói: "Mùi hương trà này rất thơm và rất mới lạ đối với tôi."

"Phải, cũng giống như nhiều loại cỏ được trồng trong thung lũng của chúng tôi, trà này vừa độc đáo vừa quý. Tất nhiên, cần phải nếm nó một cách chậm rãi - không chỉ với lòng sùng kính và yêu mến, mà còn để thưởng thức được đầy đủ cái vị của nó. Đây là một bài học nổi tiếng mà chúng ta có thể học được từ Kou Kai Tchou tiên sinh, ông sống cách đây khoảng mười lăm thế kỷ về trước. Ăn một đốt mía ông cũng phân vân không dám vắt hết cái phần tủy ngon bổ của nó, vì theo như ông giải thích: 'Tôi đưa mình dần dần vào thế giới của khoái cảm'. Ông đã có nghiên cứu về một nhà cổ điển nào của Trung Quốc chưa?"

Conway đáp mình chỉ biết sơ qua về một vài vị. Anh biết câu chuyện tượng trưng này, theo đúng phép xã giao, sẽ tiếp tục cho đến khi các bát trà được dọn đi; nhưng anh không thấy khó chịu, mặc dầu anh rất sốt ruột muốn được nghe nói về lịch sử của Shangri-La. Chắc hẳn trong anh cũng có một chút nào cái nhạy cảm miễn cưỡng của Kou Kai Tchou.

Cuối cùng dấu hiệu được đưa ra, cũng vẫn một cách bí mật, người hầu vào dọn bàn rồi đi ra. Không cần màn đầu, tu viện trưởng bắt đầu nói:

"Ông Conway thân mến, chắc ông đã biết rõ những nét chính của lịch sử Tây Tạng. Ông Tưởng đã cho tôi biết là ông đọc rất nhiều trong thư viện ở đây, và tôi tin chắc ông đã nghiên cứu những cuốn sử tuy hiếm hoi nhưng cực kỳ thú vị viết về vùng này. Dù sao chăng nữa thì ông cũng biết rằng Cơ đốc giáo dòng Nestorian[27][1] đã được truyền bá rộng khắp châu Á vào thời Trung Cổ, và dư âm của nó còn rơi rớt lại rất lâu sau thời kỳ nó bị tàn lụi. Vào thế kỷ thứ mười bảy, việc khôi phục Cơ đốc giáo được thúc đẩy trực tiếp từ Tòa thánh La Mã qua những đoàn truyền giáo dòng Jesuit. Đọc những

câu chuyện về các chuyến đi của họ, nếu tôi mạn phép cho mình được nói lên nhận xét, thì có thể nói nó thú vị hơn nhiều những chuyện về thánh Paul. Dần dần, nhà thờ đặt được nền móng trên một vùng rộng mông mênh, và có sự kiện đáng chú ý mà ngay ngày nay nhiều đoàn truyền giáo châu Âu chưa làm được là, suốt trong ba mươi tám năm, ngay tại Lhasa đã tồn tại một đoàn truyền giáo Cơ đốc. Tuy nhiên, không phải từ Lhasa, mà từ Bắc Kinh, vào năm 1719, có bốn thầy tu dòng Capuchin xuất phát đi tìm những gì của dòng đạo Nestorian còn sống sót lại trong vùng sâu nội địa này."

"Họ đi về phía Tây Nam suốt mấy tháng, qua Lan Châu và KoKo-Nor, trải qua bao gian khổ khó khăn, hẳn ông có thể hình dung thấy rõ. Ba người bị chết ở dọc đường, người thứ tư cũng suýt chết khi bị tai nạn rơi xuống cái hẻm núi mà ngày nay là con đường duy nhất để đi vào thung lũng Trăng Xanh. Đến đây, người ấy vui mừng và ngạc nhiên thấy dân ở đây đông đúc, phồn thịnh, tỏ vẻ thân mật và có một đức tính mà tôi vẫn coi là truyền thống lâu đời nhất của chúng tôi, truyền thống mến khách lạ. Vị tu sĩ đó nhanh chóng hồi phục sức khỏe và bắt đầu thuyết giáo. Dân ở đây đều theo đạo Phật, nhưng họ cũng vui vẻ nghe ông ta thuyết giáo, và vị tu sĩ đó đã thành công rất lớn. Hồi ấy, ở đây có tu viện Lama cũ xây dựng trên thềm ngọn núi này, nhưng đang bị đổ nát cả về vật chất lẫn tinh thần và khi vụ thu hoạch của dòng Capuchin tăng trưởng thì tu sĩ nọ nảy ra ý nghĩ xây dựng trên cùng một vùng đẹp tuyệt vời này một nhà thờ Cơ đốc giáo. Dưới sự trông coi của vị tu sĩ, những nhà cửa cũ được sửa chữa, xây dựng rộng lớn, và chính vị tu sĩ bắt đầu sống ở đây vào năm 1734, lúc đó ông năm mươi ba tuổi."

"Giờ đây tôi xin nói thêm về vị tu sĩ ấy. Ông tên là Perrault, sinh tại Luxembourg. Trước khi hiến mình xung vào đoàn truyền giáo Viễn đông, ông đã từng theo học ở Paris, Bologna và nhiều trường đại học khác; có thể gọi ông là một nhà bác học. Hiện nay vẫn còn có rất ít những ghi chép về cuộc đời ban đầu của ông, nhưng với một người tuổi tác nghề nghiệp như ông ta, thì điều đó cũng chẳng có gì là khác thường. Ông ham thích âm nhạc, nghệ thuật, có khả năng đặc biệt về ngôn ngữ, và trước khi vững tin vào thiên hướng của mình, ông đã từng nếm trải đủ mọi thứ quen thuộc trên đời. Malplaquet[28][1] đã chiến đấu hồi ông còn trẻ tuổi, và qua tiếp xúc của bản thân, ông đã hiểu rõ những nỗi ghê sợ của chiến tranh và xâm lăng, về thể chất ông là một con người cường tráng; trong những năm đầu tiên ở đây, ông đã lao động với chính hai bàn tay của mình cũng như những người khác:

Vun xới lấy thửa vườn, vừa học hỏi những người dân ở đây vừa dạy bảo họ. Ông tìm thấy những trữ lượng vàng dọc thung lũng, song cái đó đã không lôi cuốn được ông, ông quan tâm nhiều hơn đến những cây cỏ ở vùng này. Ông khiêm tốn và không hề cuồng tín. Ông phản đối chế độ đa thê, nhưng ông thấy không có lý do gì để công kích thói quen thích dùng quả *tangatse*[29][2] mà người ta cho là có nhiều đặc tính chữa bệnh, thứ quả này thông dụng chủ yếu có tác dụng gây ngủ dịu dàng. Thực sự bản thân Perrault phần nào mắc nghiện, và đó là cách ông tiếp nhận tất cả những gì cuộc sống của người dân địa phương đem lại cho ông mà ông thấy không có hại và thích thú để đổi lấy cái kho báu tính thâm từ phương Tây ông mang tới. Ông không phải là một nhà tu khổ hạnh; ông biết hưởng những vật ngon của lạ trên đời, và rất cần cù cẩn thận trong việc bảo ban những tín đồ của ông cách nấu nướng cũng như cách đọc kinh. Tôi muốn ông có một ấn tượng về một con người đứng đắn, chăm chỉ làm việc, có học thức rộng, giản dị và nhiệt tình, một con người làm trọn chức vụ một thầy tu, nhưng cũng không nề hà khoác chiếc áo người thợ nề, giúp một tay thực sự vào việc xây cất chính những căn phòng này. Tất nhiên, công việc xây dựng nơi đây là một việc vô cùng khó khăn, một công việc chỉ nhờ vào lòng tự hào và chí kiên cường của ông ta mới có thể vượt qua được. Lòng tự hào, đúng vậy, vì chắc chắn đây là động cơ chủ yếu lúc ban đầu - lòng tự hào về niềm tin của chính mình đã khiến ông quyết định, nếu Đức Phật tổ khiến được con người xây dựng nên ngôi chùa ở bên rìa Shangri-La, thì La Mã cũng có thể làm không kém."

"Nhưng thời gian trôi qua, cũng không phải là phi tự nhiên, cái động cơ ấy dần dần nhường chỗ cho những động cơ lặng lẽ hơn. Suy cho cùng, ganh đua là tinh thần của lớp trai trẻ, còn Perrault, khi khu tu viện của ông hoàn thành ông đã nhiều tuổi lắm rồi. Ông cần lưu ý rằng, theo một quan điểm nghiêm ngặt, thì ông ta đã không sống hết sức theo khuôn phép đâu; mặc dầu đối với một tu sĩ mà các bậc bề trên lại ở xa, đường xa tính bằng con số chứ không phải bằng số dặm, hẳn cũng phải rộng nói phần nào khuôn phép. Nhưng dân ở thung lũng và chính ngay những thầy tu cũng không giảm lòng tin vào ông, họ vẫn mến và vâng lời ông. Cứ một khoảng thời gian, ông đều đã gửi báo cáo về cho vị Giám mục ở Bắc Kinh; song những báo cáo ấy thường là không bao giờ về tới tay vị Giám mục, có thể do những người mang đã bị chết ở dọc đường vì những gian nguy thường có. Ông Perrault dần dần không muốn để có người bị thiệt mạng về việc ấy nữa nên vào khoảng giữa thế kỷ, ông thôi không gửi báo cáo nữa. Tuy nhiên, hẳn một vài

bản báo cáo ban đầu đã có lọt về được, do vậy đã nổi lên chuyện nghi ngờ về những hoạt động của ông, vì vào năm 1769, có một người lạ mang đến một bức thư viết từ mười hai năm trước, nội dung thư yêu cầu Perrault trở về La Mã."

"Nếu bức thư không bị chậm thì năm ấy ông chỉ mới ngoài bảy mươi, nhưng vì chậm nên lúc nhận được thư, ông đã tám mươi chín tuổi. Cuộc hành trình bằng xe cộ thô sợ vượt núi và cao nguyên là không thể nghĩ đến được, ông không còn chịu đựng được những trận cuồng phong gào thét cùng cái rét cóng xương ở vừng hoang dã ngoài kia. Do đó, ông đã viết một tờ phúc đáp, lời lẽ lễ phép nói rõ hoàn cảnh của ông, song không hề thấy ghi lá thư phúc đáp của ông đã lọt qua được bức tường chắn của những rặng núi cao."

"Vậy là Perrault ở lại Shangri-La thực sự không phải kháng lệnh của bề trên, mà vì chính cơ thể ông không cho phép ông tuân lệnh được. Dù sao thì ông cũng đã già lắm rồi, chẳng mấy nữa cái chết chắc chắn sẽ chấm dứt ông cùng những sai trái của ông. Vào lúc đó, cái tu viện ông dựng lên, đã bắt đầu có một sự thay đổi tế nhị, nhưng điều ấy thực ra cũng chẳng đáng ngạc nhiên lắm, vì thực không thể mong chờ ở một người không có ai giúp đỡ xóa đi vĩnh viễn những thói quen và những truyền thống của cả một thời đại. Ông không có những đồng nghiệp Tây phương để nắm vững khi tay nắm của ông đã lơi ra, và có lẽ đây cũng là một sai lầm khi xây dựng tu viện trên một vùng từng có những kỷ niệm khác biệt và lâu đời hơn. Như vậy là đòi hỏi quá nhiều; nhưng phải chăng thậm chí là đòi hỏi còn hơn thế khi đòi hỏi ông già kỳ cựu tóc bạc trắng vừa bước vào tuổi ngoài chín mươi, phải nhận ra điều sai lầm mình đã mắc phải? Dù sao thì khi ấy Perrault đã không nhận ra. Ông đã quá già và trong lòng sung sướng. 'Những người theo ông đối với ông rất tận tâm, ngay cả khi họ đã quên những lời ông giảng dạy, còn dân ở dưới thung lũng họ vẫn yêu mến tôn kính ông, nên ông ngày càng dễ dàng tha thứ cho việc họ quay trở lại với những thói quen cũ. Ông vẫn còn hoạt bát, đầu óc vẫn còn cực kỳ sáng suốt. Năm chín mươi tám tuổi, ông bắt đầu nghiên cứu những cuốn kinh Phật do những nhà sư trước đây để lại ở Shangri-La. Ý định của ông là dùng những năm tháng còn lại của cuộc đời mình vào việc soạn ra một cuốn sách, đứng trên vị trí của chính thông giáo để công kích đạo Phật. Ông đã thực sự hoàn thành công trình ấy (chúng tôi hiện có toàn bộ bản thảo), nhưng lời lẽ công kích rất hòa nhã, vì lúc ấy tuổi

ông đã tròn con số một thế kỷ - cái tuổi mà ngay cả những sự chua cay gay gắt nhất cũng dễ dàng phai nhạt đi."

"Trong thời gian ấy, như ông cũng có thể đoán được, nhiều người trong số những đệ tử ban đầu của ông đã qua đời, và do người thay thế có ít, nên con số tín đồ theo dòng Capuchin giảm đi mạnh mẽ. Từ con số một thời kỳ đã trên tám mươi, giảm xuống vài chục, rồi vẻn vẹn còn có mười hai mà hầu hết đều cũng đã già lắm rồi. Thời gian này cuộc đời của Perrault ngày càng trở nên rất thanh thản, bình tĩnh đợi ngày vĩnh biệt. Ông đã quá già không còn biết đến bệnh tật và sự không vừa lòng, giờ đây chỉ có giấc ngủ ngàn thu là có quyền đòi hỏi ông mà thôi, nên ông không sợ gì hết. Dân dưới thung lũng đầy lòng nhân hậu cung cấp cho ông thức ăn và quần áo mặc; thư viện cho ông tư liệu để làm việc. Sức ông yếu dần, nhưng vẫn đủ nghị lực để hoàn tất mọi chi tiết buổi đại lễ; những ngày yên tĩnh còn lại, ông dùng vào việc đọc sách, viết hồi ký và phiêu diêu với khói thuốc phiện. Đầu óc ông vẫn sáng suốt cực kỳ, khiến ông thậm chí còn nghiên cứu một số pháp thuật huyền bí mà người Ấn Độ gọi là Yoga, cơ sở dựa trên một số phương pháp hít thở đặc biệt. Với một người già cả như vậy, làm công việc này xem ra có thể nguy hiểm, và thực tế, ít lâu ngay sau đó, trong cái năm đáng ghi nhớ 1789 ấy, có tín đồn xuống thung lũng là Perrault cuối cùng đã chết."

"Ông Conway ạ, ông ta nằm trong căn phòng này, từ đây qua cửa sổ, ông nhìn thấy được khoảng mờ trắng mà cặp mắt yêu kém của ông chỉ nhìn thấy được thế về ngọn Karakal; song ông còn có thể nhìn bằng tâm trí nữa; ông có thể hình dung thấy những đường nét rõ ràng và không gì so sánh được mà lần đầu tiên ông đã nhìn thấy cách đây một nửa thế kỷ. Và ông cũng thấy diễu qua một cách kỳ lạ tất cả những sự kiện ông đã trải qua, những năm tháng rong ruổi qua sa mạc, cao nguyên, những đám đông người ở thành phố phương Tây, tiếng vó ngựa vang rền, binh khí lấp lánh của những đoàn quân của Marlborough. Ông tỉnh trí lại, đầu óc thanh thản như mặt tuyết trắng; ông sẵn sàng, mong muốn, vui vẻ chết. Ông ta đã tập hợp lại các bạn bè và người giúp việc quanh mình và ngỏ lời từ biệt họ; rồi ông xin họ lui ra để ông ở lại một mình một thời gian. Chính trong lúc nằm một mình ấy, thân thể thì chìm xuống và linh hồn bay bổng lên cõi Phúc, là lúc ông mong được trút linh hồn... Nhưng điều đó đã không xảy ra. Ông nằm như vậy liền suốt mấy tuần lễ không nói năng, cử động và rồi bắt đầu bình phục. Năm ấy ông một trăm linh tám tuổi."

Tiếng thì thầm ngừng lại một lúc và Conway khẽ nhúc nhích, anh thấy như vị Lama tu viện trưởng vừa kể lại một cách lưu loát một giấc mơ xa xôi của chính ông. Một lát sau ông tiếp tục:

"Cũng như nhiều người khác đã chờ đợi lâu trên thềm của thần chết, Perrault đã mơ thấy một quang cảnh rất quan trọng để rồi mang về hạ giới; về cảnh mơ này sẽ phải nói thêm về sau. Ở đây, tôi chỉ khuôn lại nói về những hành động và cách cư xử của ông ta, những điều thực sự đáng chú ý. Vì đáng lẽ nghỉ ngơi dưỡng bệnh không làm gì như thường tình thì ông lại lao vào một chế độ tự khuôn mình vào kỷ luật khắc khổ, phần nào kết hợp một cách kỳ lạ với sự lỏng lẻo được dùng thuốc phiện. Vừa hút thuốc vừa tập thở - một chế độ dưỡng sinh dường như không phải là phương thuốc có thể kéo dài cuộc sống; nhưng sự thực vẫn còn đó là năm 1794, khi vị tăng già nhất cuối cùng mất đi, thì bản thân Perrault vẫn còn sống."

"Nếu ở Shangri-La có một nhà hài hước khéo xuyên tạc hẳn ông ta đã phải mỉm cười. Thầy dòng Capuchin già nhăn nheo này không hom hem, lụ khụ như mười hai năm trước; giờ đây, ông đi sâu vào tu luyện một phép bí mật mà ông đã sáng tạo ra, trong lúc với người dân ở thung lũng, ông sống sau một màn huyền bí, một ẩn sĩ có pháp thuật sống một mình trên vách đá khủng khiếp này. Nhưng người dân ở đây vẫn còn truyền thống mến yêu ông, và rồi người ta coi việc leo lên Shangri-La dâng một chút lễ vật, hoặc làm hộ một việc gì cần đến ở đây, là đáng khen và nó sẽ mang lại phúc cho người hành hương. Perrault người vẫn ban phúc cho họ - có thể ông đã quên đi rằng đây là những con chiên đã lạc đường. Vì những bài kinh như *Te Deum Ladamus* và *Om Mane Padme Hum* giờ đây vẫn nghe thấy tụng cả ở trong những đền chùa dưới thung lũng."

"Khi thế kỷ mới lại gần thì câu chuyện truyền thuyết trở thành một câu chuyện dân gian kỳ lạ và phong phú - người ta nói Perrault đã hóa thánh, rằng ông có phép làm được điều kỳ lạ, và có nhiều đêm ông đã bay lên đỉnh ngọn Karakal để giơ một cây nến lên bầu trời. Vào những đêm trăng rằm bao giờ trên ngọn núi cũng có màu xanh nhạt, nhưng tôi chẳng cần khẳng định với ông rằng chẳng có Perrault hay một ai khác đã trèo lên đây. Tôi nêu lên việc này, tuy xem ra có thể là không cần thiết, vì có rất nhiều chứng cớ không tin được đã nói rằng chính Perrault đã làm và Perrault có thể làm đủ mọi thứ việc không thể làm được. Chẳng hạn, người ta cho là ông đã có phép tự mình bay được; những chuyện này có rất nhiều trong kinh sách huyền bí

của đạo Phật; song sự thật là, ông đã nhiều lần làm thí nghiệm về việc này nhưng hoàn toàn vô hiệu. Tuy nhiên, ông đã phát hiện ra là sự thiệt thòi về những giác quan thường của con người có thể phần nào được bù đắp bằng sự phát triển của những giác quan khác; ông có được khả năng về thần giao cách cảm khá điêu luyện; tuy ông không khoe mình có phép đặc biệt chữa bệnh, nhưng sự hiện diện của ông ở một số trường hợp đã khiến cho việc chữa bệnh được dễ dàng hơn."

"Ông hẳn muốn biết ông ta đã sống ra sao trong những năm chưa từng có ấy. Thái độ của ông ta có thể tóm tắt là, vì ông ta đã không chết ở tuổi bình thường, nếu ông bắt đầu cảm thấy không có một lý do nào có thể phát hiện được cho biết tại sao ông sẽ phải hoặc sẽ không phải chết vào một thời điểm nhất định nào đây trong tương lai. Vì đã tỏ ra là mình khác thường, nên cũng dễ dàng tin rằng, cái tính khác thường ấy có thể tiếp tục chờ nó kết thúc vào một lúc nào đó. Trong tình trạng như vậy, ông bắt đầu không đếm xỉa đến cái điều nhất định sẽ phải đến mà từ bao nhiêu năm trước đây ông vẫn hằng bận tâm; ông bắt đầu sống cuộc sống ông vẫn hằng mơ ước nhưng rất hiếm khi thấy có thể có được; vì suốt trong cuộc đời thăng trầm, ông luôn luôn tâm niệm mong muốn được làm một nhà học giả. Trí nhớ của ông thực kỳ lạ: Hình như nó đã thoát khỏi ràng buộc của vật chất để bay cao tới vùng sáng láng vô biên ở trên cao; cũng dường như giờ đây ông có thể học được tất cả còn dễ dàng hơn nhiều hồi học sinh ông có thể học được một điều gì. Tất nhiên, chẳng mấy ông ta đã không cần đến sách, song vẫn có mấy cuốn ông có ngay từ đầu mà ông có thể thích thú nghe, như một cuốn văn phạm và cuốn từ điển tiếng Anh, một bản dịch *Montaigne* của Florio. Làm việc với những cuốn sách đó, ông ta đã nắm được những khó khăn phức tạp trong ngôn ngữ nước ông đây và hiện nay trong thư viện chúng tôi, vẫn còn giữ được một tập những bài tập về ngôn ngữ đầu tiên - bản thảo dịch thử phần nói về thói phù hoa của Montaigne ra tiếng Tây Tạng - chắc chắn đây là một công trình duy nhất."

Conway mỉm cười: "Nếu có thể tôi sẽ rất thích thú được xem cuốn sách đó."

"Xin rất vui lòng mời ông xem. Ông có thể nghĩ đây là một việc làm không thực tế một cách kỳ lạ, nhưng xin nhớ cho là Perrault lúc ấy cũng đã đạt tới cái tuổi phi thực tế một cách kỳ lạ. Nếu không làm một số những công việc ấy hẳn ông ta sẽ cảm thấy cô đơn hiu quạnh - dù sao thì cũng cho

đến năm thứ tư của thế kỷ mười chín, cái năm đánh dấu một sự kiện quan trọng trong lịch sử tu viện của chúng tôi. Vì trong năm ấy có một người lạ thứ hai từ châu Âu đã đến được thung lũng Trăng Xanh này. Ông ta là một thanh niên người Áo, tên là Henschell, đã đi lính chống lại Napoleon ở Ý - một thanh niên dòng dõi quý tộc, có học thức cao, thái độ cư xử dễ cảm phục lòng người. Chiến tranh đã tàn phá tài sản của ông, và ông đã đi lang thang qua nước Nga vào châu Á, với ý định mơ hồ phục hồi lại gia sản. Nếu biết được đích xác ông ấy đã đến vùng cao nguyên ra sao thì thực là thú vị, nhưng chính ông ta cũng không còn biết rõ nữa. Thực vậy, khi tới đây, ông ta cũng đã hấp hối gần chết như Perrault trước kia. Tấm lòng mến khách của Shangri-La đã mở rộng và người lạ kia đã được bình phục - song đến đây là để cầu kinh và truyền giáo, còn Henschell lại quan tâm ngay đến những trữ lượng vàng. Niềm khao khát đầu tiên của ông ta là làm giàu rồi trở về châu Âu càng sớm càng hay."

"Nhưng rồi ông ta đã không trở về. Một sự kiện kỳ lạ đã xảy ra - tuy vậy, đây là sự kiện vẫn thường xảy ra, khiến có lẽ chúng tôi phải thừa nhận rằng, suy cho cùng, nó không thể là rất kỳ lạ. Khu thung lũng với cái không khí thanh bình của nó, với sự thanh thản không bận chút lo lắng của trần gian đã làm ông ta cứ lưu luyến lần chần chưa muốn ra đi, và một hôm, được nghe câu chuyện huyền thoại của địa phương, ông ta đã trèo lên Shangri-La và lần đầu tiên gặp Perrault."

"Cuộc gặp gỡ này theo ý nghĩa đúng nhất là cuộc gặp gỡ lịch sử Perrault, ngoài những tình cảm thiết tha của con người như tình bạn và lòng yêu mến, lại còn có lòng nhân từ cao độ trong tâm hồn và ông đã cảm hóa được anh thanh niên như nước thấm vào đất khô nẻ. Tôi sẽ không tả lại sự kết giao nảy sinh giữa hai người; một người thì tỏ ra kính yêu tột bậc, con người kia thì chia sẻ sự hiểu biết, niềm vui của mình cùng với giấc mơ kỳ lạ mà giờ đây trở thành cái thực tại duy nhất còn lại với ông ở trên đời này."

Một phút ngừng lại và Conway rất khẽ khàng nói: "Tôi xin ông cho phép ngắt lời, những điều ông vừa nói tôi chưa hiểu rõ lắm."

"Tôi biết." Tiếng thì thầm đáp lại đầy thông cảm. "Thực tế đây là một điều rất đáng chú ý. Đây là một vấn đề mà tôi sẽ vui lòng nói rõ trước khi chúng ta kết thúc câu chuyện, còn bây giờ, nếu ông thứ lỗi, tôi sẽ chỉ nói về những sự việc đơn giản hơn. Một việc mà chắc ông sẽ lấy làm thú vị là

Henschell bắt đầu làm công việc sưu tập những sản phẩm nghệ thuật Trung Quốc cho chúng tôi, cũng như tổ chức thành lập một thư viện cùng mua sắm những nhạc cụ cho tu viện. Ông đã đi một chuyến về Bắc Kinh và mang về một chuyến hàng đầu tiên vào năm 1809. Ông không rời thung lũng đi nữa, nhưng đã khéo léo tổ chức được một hệ thống phức tạp, nhờ đó tu viện Lama ở đây, từ đây, có thể mua được những thứ cần thiết từ thế giới bên ngoài."

"Tôi nghĩ rằng việc thanh toán bằng vàng của các ông sẽ dễ dàng?"

"Vâng, chúng tôi cũng may là có được một số nguồn kim loại mà những nơi khác trên thế giới rất ưa chuộng."

"Cái rất ưa chuộng mà hẳn các ông đã may mắn thoát khỏi cuộc lao vào tìm vàng."

Vị Lama tu viện trưởng khẽ gật đầu tỏ ý thừa nhận. "Ông Conway, đây chính là điều Henschell luôn luôn lo sợ. Ông ta đã tỏ ra rất cẩn thận, không để cho một người phu khuân vác sách và sản phẩm nghệ thuật được lại quá gần; ông ta bảo họ để hàng lại ở ngoài, cách đây một ngày đường, rồi sau đó chính người dân ở thung lũng chúng tôi ra lấy vào. Thậm chí ông còn bố trí người liên tục canh gác lối hẻm núi đường vào. Nhưng ít lâu sau, ông thấy có một cách bảo vệ dễ dàng và chắc chắn hơn nhiều."

"Cách nào ạ?" Conway hỏi giọng bồn chồn thận trọng.

"Ông biết đây, không cần phải sợ bị một đạo quân tấn công xâm lược. Điều đó sẽ chẳng bao giờ có thể xảy ra được vì đường đất quá xa, núi non hiểm trở. Cái có thể xảy ra họa chăng nhất chi là một số người lang thang gần như lạc đường, dù cho họ có vũ khí thì đến đây cơ thể họ cũng đã yếu quá không còn gây được chuyện gì nguy hiểm. Do đó, chúng tôi quyết định từ nay trở đi người lạ có thể tự do đến đây nếu họ muốn - với chỉ có một điều kiện quan trọng."

"Và trong nhiều năm đã có những người lạ như vậy đến. Những nhà buôn Trung Hoa, với ý muốn vượt qua khu cao nguyên, đã đôi khi ngẫu nhiên qua được lối đi tắt này trong số nhiều con đường khác họ có thể đi được. Những người Tây Tạng du mục, từ các bộ lạc của họ đi lang thang, đôi khi lạc đến đây như những con vật yếu đuối. Tất cả đều đã được đón chào, mặc dầu một số khi đến được khu thung lũng để trú ẩn, chưa kịp làm gì đã

chết. Năm xảy ra trận đánh nhau Waterloo, có hai nhà truyền giáo Anh, đi bộ đến Bắc Kinh, vượt qua được những dãy núi cao bằng một hẻm núi không có tên và rất may mắn tới được đây một cách bình yên như thể họ đến thăm nơi này vậy. Năm 1820, có một nhà buôn Hy Lạp, với một đoàn gia nhân đầy tớ ốm yếu và đói lả đi theo; người ta đã thấy họ nằm chết trên chỏm thượng đỉnh của hẻm núi. Năm 1822, có ba người Tây Ban Nha, nghe lờ mờ câu chuyện về vàng, đã đến được đây sau bao nhiêu gian lao và thất vọng. Lại vào năm 1830, số người đến đây đông hơn: Hai người Đức, một người Nga, một người Anh và một người Thụy Điển. Họ đã vượt qua con đường Tian Shans đầy nguy hiểm, do một động cơ ngày càng trở nên phổ biến đó là thám hiểm khoa học. Vào thời gian họ tới gần đây, đã có một chút sửa đổi về thái độ của Shangri-La đối với khách đến thăm - không những họ được chào đón nếu họ ngẫu nhiên tìm được đường vào thung lũng, mà chúng tôi còn có lệ quen ra đón khách khi họ đến được khu vực quanh gần đây. Tất cả những thay đổi này vì một lý do mà tôi sẽ bàn đến sau, nhưng điểm quan trọng tỏ rõ là tu viện vẫn luôn luôn mến khách; giờ đây, nó vừa cần lại vừa muốn có người mới đến. Và, thực vậy, trong những năm về sau, nhiều đoàn thám hiểm tự hào vì đã lần đầu tiên nhìn xa thấy ngọn núi Karakal, đã gặp người thân mật mời chào - và lời chào ít khi bị từ chối."

"Trong khi đó, tu viện đã bắt đầu có được nhiều những đặc tính như hiện nay. Tôi phải nhấn mạnh vào sự việc Henschell là một người có khả năng tài cán vượt bậc và Shangri-La được như ngày nay là nhờ rất nhiều vào công lao của ông ta cũng như của người sáng lập ra nó. Phải, cũng nhiều như vậy, tôi vẫn thường nghĩ thế. Vì ông ta là một con người kiên cường lại tử tế, đầy thân ái nên cơ sở nào cũng cần đến vào giai đoạn phát triển nào đó của mình, và sự việc ông mất đi sẽ không gì có thể bù đắp được nếu ông đã không hoàn tất một số công việc của hơn cả một đời người trước khi ông chết."

Conway ngước mắt nhìn lên và như lặp lại mấy lời cuối hơn là đặt câu hỏi. "Ông chết!"

"Phải.' Sự việc xảy ra đột ngột. Ông Henschell đã bị giết chết. Ấy là vào năm có cuộc bạo loạn ở Ấn Độ của các ông. Vừa chỉ ít lâu trước khi ông chết, một họa sĩ Trung Quốc đã phác họa chân dung ông, và tôi có thể đưa ông xem bức phác họa đó ngay bây giờ - nó đang được đặt ở trong phòng này."

Một cử chỉ khoát tay nhẹ được nhắc lại, và lại một lần nữa người phục vụ bước vào. Conway, như một khán giả trong trạng thái hôn mê, nhìn người phục vụ vén một chiếc mành nhỏ ở phía xa đàng cuối phòng, và để một ngọn đèn lồng lắc lư trong bóng tối. Rồi anh nghe có tiếng thì thào bảo anh bước lên, và thực kỳ lạ, anh thấy khó khăn biết mấy để làm việc này.

Anh vấp chân, rồi bước qua cái vòng ánh sáng rung rinh. Bức phác họa nhỏ bé, chỉ hơn bức tiểu họa vẽ bằng mực màu một chút, nhưng nhà họa sĩ đã vẽ được nước da màu sáp nặn rất mịn. Đường nét gương mặt rất đẹp, gần như vẻ mặt một cô gái làm mẫu vẽ. Conway thấy trong những đường nét hấp dẫn ấy có sức quyến rũ trực tiếp kỳ lạ, bất chấp thời gian, cái chết và kỹ xảo. Nhưng điều lạ lùng nhất mà chi sau phút đầu tiên kinh ngạc và thán phục anh mới nhận ra đó là gương mặt phác họa, là gương mặt của một thanh niên.

Anh lầm bầm khi đi ra: "Nhưng ngài nói bức phác họa này được vẽ ngay trước khi ông ta chết?"

"Đúng thế. Bức chân dung rất giống."

"Vậy nếu ông ấy chết năm ngài nói.

"Phải."

"Và ông ấy đến đây như ngài cho biết, vào năm 1803, khi ông còn là một thanh niên."

"Phải."

Conway không đáp ngay; lát sau, anh cố gắng trấn tĩnh lại nói: "Và ngài nói ông ấy đã bị giết?"

"Phải. Một người Anh đã bắn chết ông ta. Sự việc xảy ra sau mấy tuần người Anh nọ đến Shangri-La. Người này là một trong số những nhà thám hiểm."

"Thưa ngài, nguyên nhân là do đâu?"

"Một cuộc cãi cọ đã xảy ra - về mấy người phu khuân vác. Henschell đã nói cho ông ta biết về điều kiện quan trọng cần tuân thủ trong việc tiếp khách của chúng tôi. Đây là một nhiệm vụ khá khó khăn và kể từ đây, mặc

dầu bản thân tôi đã yếu rồi, tôi vẫn cảm thấy mình bắt buộc phải thực hiện công việc đó."

Vị Lama tu viện trưởng lại nghỉ một chút nữa lâu hơn, trong yên lặng, như muốn hỏi điều gì; khi tiếp tục, ông nói thêm: "Ông Conway thân mến, có lẽ ông băn khoăn muốn biết điều kiện ấy là gì?"

Conway chậm rãi khe khẽ đáp: "Tôi nghĩ rằng tôi đã có thể đoán ra."

"Ông đoán được? Thực thế ư? Và ông còn đoán được điều gì khác sau câu chuyện dài và kỳ cục mà tôi vừa kể?"

Đầu óc Conway choáng váng khi anh tìm câu trả lời; lúc này căn phòng là một vòng xoắn những bóng tối; ở giữa là ông già nhân từ cổ kính này. Suốt câu chuyện, Conway đã hết sức chăm chú lắng nghe, có lẽ điều đó đã khiến anh không hiểu hết mọi quan hệ mật thiết trong toàn bộ câu chuyện; giờ đây, tình lại tìm câu trả lời có ý thức, anh thấy kinh ngạc quá, cái chắc chắn đang tụ tập trong đầu óc anh gần.như bị nghẹt lại khi nó nảy tung lên thành lời nói. Anh lắp bắp nói:

"Dường như không thể có được. Nhưng tôi vẫn không thể không nghĩ đến nó - kỳ lạ thực, phi thường thực và cũng rất khó tin - vậy mà vẫn không tuyệt đối ngoài sự tin tưởng của tôi..."

"Điều gì vậy, *con*?"

Và Conway đáp, người anh rung lên vì một mối xúc động mà anh không rõ nguyên do và anh cũng không tìm cách che giấu:

"*Vậy là Cha vẫn còn sống, Cha Perrault*?"

CHƯƠNG TÁM

Lama tu viện trưởng gọi lấy thêm nước để giải khát, do đó câu chuyện buộc phải ngừng lại; Conway không lấy làm ngạc nhiên vi nói chuyện lâu như vậy hẳn đầu óc căng thẳng. Bản thân anh cũng cảm ơn việc ngừng nghỉ. Anh cảm thấy quãng ngắt này cần thiết về phương diện nghệ thuật cũng như về mọi phương diện khác, và những chén trà kèm theo những câu nói lịch sự ngẫu nhiên theo tập tục thông thường làm nhiệm vụ như một Cadenza[30][1] trong âm nhạc. Ý nghĩ ấy (trừ phi đây chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên) đã đưa ra một thí dụ kỳ lạ về khả năng thần giao cách cảm của Lama tu viện trưởng, vì lập tức ngài bắt đầu nói chuyện về âm nhạc và tỏ ý rất thích thú khi thấy sở thích của Conway về âm nhạc không phải hoàn toàn không được thỏa mãn ở Shangri-La. Conway trả lời rất lễ phép và nói thêm rằng anh lấy làm ngạc nhiên, vì thấy tu viện Lama có một thư viện với đầy đủ những tác phẩm của nhà soạn nhạc châu Âu. Lời chúc mừng được thu nhận giữa những hớp trà chậm rãi uống. "À, Conway thân mến của ta, chúng tôi rất may mắn trong những người của chúng tôi có một nhạc sĩ có tài - thực tế, người ấy vốn là học trò của Chopin và chúng tôi lấy làm sung sướng được đặt trong tay ông ta toàn bộ việc quản lý phòng tiếp khách của chúng tôi. Ông chắc chắn cần phải gặp ông ta."

"Tôi rất mong được gặp. Tu sĩ Tưởng đã nói cho tôi biết nhà soạn nhạc phương Tấy mà tu viện trưởng ưa thích là Mozart."

"Đúng vậy," có lời đáp lại, "Mozart có một vẻ tao nhã khắc khổ mà chúng tôi thấy rất vừa lòng. Ông ta tạo nên một ngôi nhà không to quá mà cũng không bé quá và trang bị đồ đạc cho nó với một khiếu thẩm mỹ tuyệt hảo."

Cuộc trao đổi tiếp tục cho đến khi các bát uống trà được cất đi, lúc đó Conway đã có thể hoàn toàn bình tĩnh nói. "Vậy, để tóm lại những câu chuyện cha và con trao đổi vừa qua, cha muốn giữ chúng con lại phải không.

Đây, theo con hiểu, là điều kiện quan trọng và không thay đổi?"

"Con đã đoán rất đúng."

"Nói cách khác, chúng con sẽ phải ở lại đây vĩnh viễn?"

"Cha rất muốn cùng cái thành ngữ tuyệt vời của tiếng Anh và nói rằng tất cả chúng ta ở đây *for good*[31][1]".

"Điều khiến con băn khoăn là tại sao lại chọn bốn chúng con trong số tất cả những người trên thế giới này?"

Trở lại thái độ trước và có vẻ quan trọng hơn nữa, Lama tu viện trưởng đáp: " Đấy là một câu chuyện khá phức tạp, nếu con muốn lắng nghe. Con phải biết rằng, chúng ta bao giờ cũng hết sức giữ con số người của chúng ta ở đây không thay đổi qua tuyển mộ liên tục và không kể đến nhiều lý do khác, chúng ta ở đây thích sống chung với những người ở nhiều độ tuổi và đại diện cho những dân tộc khác nhau. Chẳng may, từ cuộc Âu chiến vừa qua và cuộc Cách Mạng Nga, việc đi du lịch và thám hiểm ở Tây Tạng đã hầu như hoàn toàn gián đoán; sự thực, người khách cuối cùng đến đây là một người Nhật, vào năm 1912. Thực thà mà nói, vị khách này không phải quý giá lắm. Conway thân mến, con biết đây, chúng ta ở đây không phải là những người giả dối ba hoa; chúng ta không làm và cũng không thể làm chuyện bảo đảm mọi sự thành công; một số khách đến không kiếm được lợi lộc gì với việc họ ở lại đây; một số khác chỉ sống đến cái tuổi có thể gọi là tuổi cao một cách bình thường rồi chết vì một cơn yếu đau vặt. Nói chung, chúng ta thấy người Tây Tạng do họ sống quen với cả độ cao cùng nhiều điều kiện khác, nên họ là những người hấp dẫn và chúng ta đã kết nạp họ nhiều, nhưng ta vẫn chưa tin nhiều người trong số họ qua được trên một trăm tuổi.

Người Trung Quốc có thuận lợi hơn, song ngay trong số họ cũng rất nhiều người không đạt. Những tín đồ tốt nhất của chúng ta chắc chắn là những người Miền Bắc và dòng giống Latinh ở châu Âu; có lẽ người Mỹ cũng có thể thích nghi được, và ta coi đây là một cơ may lớn cho chúng ta nếu chúng ta cuối cùng có được một trong số những người cùng đi với con, mang quốc tịch nước đó. Nhưng ta phải tiếp tục giải đáp câu con hỏi. Hoàn cảnh là, như ta vừa đã giải thích, gần hai chục năm nay ở đây chưa đón được

một người nào mới, trong khi ấy nhiều người ở đây đã mất đi, một vấn đề bắt đầu được đặt ra. Song, cách đây mấy năm, một người trong chúng ta đã có một ý nghĩ mới để giải quyết; anh ta là một thanh niên, một người thổ dân ở thung lũng này, một người tuyệt đối đáng tin và cảm thông tha thiết với mục đích của chúng ta; nhưng, cũng như tất cả mọi người dân ở thung lũng, do bản chất nên anh đã không có được cái cơ hội mà những người ở xa thường may mắn có được hơn. Chính anh ta đã đề ra ý kiến là anh ấy cần phải ra đi, tìm đường đến một vài nước xung quanh đây để rồi mang về một số đồng nghiệp bổ sung bằng một phương pháp mà ở thời đại trước kia không thể thực hiện được, về nhiều phương diện, đây là một đề nghị táo bạo, cách mạng, nhưng chỉ sau khi cân nhắc suy xét kỹ chúng ta mới chấp thuận. Vì, như con biết đây, chúng ta phải tiến kịp thời đại, ngay cả ở Shangri-La đây."

"Cha muốn nói anh ta được cử đi với chủ tâm đưa một ai đó về đây bằng máy bay?"

"Ồ, con biết đây, anh ta là một thanh niên cực kỳ tài giỏi, tháo vát và chúng ta rất tin cậy. Đây là ý kiến của chính anh ta, nên chúng ta đã cho phép anh ta tùy ý thực hiện. Tất cả những gì mà chúng ta biết chính xác là giai đoạn đầu kế hoạch của anh ta là học tập tại một trường dạy lái máy bay của Mỹ."

"Nhưng còn về sau thì anh ta xoay sở ra sao?" Có phải chỉ ngẫu nhiên xảy ra có chiếc máy bay ở Baskul?

"Đúng thế, anh Conway thân mến, ở đời rất nhiều sự việc xảy ra một cách ngẫu nhiên. Song, nói cho cùng, dịp may ngẫu nhiên xảy ra lại đúng là cái mà Talu đang mong đợi. Nếu không gặp dịp may này, thì có thể sẽ có dịp may khác trong vòng một hai năm và tất nhiên, có thể cũng chẳng có dịp nào hết. Thú thực, ta cũng ngạc nhiên khi người canh gác báo tin anh ta đã đáp xuống cao nguyên. Tiến bộ của ngành hàng không thực nhanh, nhưng ta đã thấy dường như còn lâu một chiếc máy bay loại thông thường mới có thể vượt qua được những ngọn núi này."

"Đây không phải là một chiếc máy bay thường mà là một kiểu đặc biệt chế tạo để bay trên vùng núi cao."

"Lại cũng do gặp may chăng? Anh bạn trẻ của ta thực đã may mắn. Đáng tiếc, chúng ta đã không thể bàn kỹ vấn đề với anh ta - tất cả chúng ta

đều đau xót trước cái chết của Talu. Anh Conway, hẳn anh cũng mến anh ta phải không?"

Conway khẽ gật đầu; anh cảm thấy rất có thể như vậy. Sau một lát lặng im, anh nói: "Nhưng còn có ý gì đằng sau tất cả những cái đó?"

"Con ơi, cách thức con đặt câu hỏi này khiến cha vui lòng khôn xiết. Suốt trong một thời gian khá dài, cha chưa hề nghe ai hỏi cha với một giọng bình tĩnh như vậy. Những điều cha nói ra đã được đón nhận với hầu hết đủ mọi cách: Với sự tức giận, buồn rầu, phẫn nộ, không tin và cuồng loạn - nhưng chưa bao giờ như đêm nay, được đón nhận chỉ với sự quan tâm. Tuy nhiên, đó là một thái độ cha hết sức hoan nghênh. Hôm nay con để ý quan tâm, ngày mai con sẽ cảm thấy lo lắng; và cuối cùng, có thể con sẽ xin được thụ giáo."

"Cái đó là quá điều con muốn hứa."

"Ngay sự nghi ngờ của con cũng khiến ta vui lòng - đây là cơ sở của lòng tin sâu sắc và lớn lao... Nhưng thôi, chúng ta không bàn cãi nữa. Con quan tâm, ở con, thế là đã nhiều rồi. Tất cả những gì cha yêu cầu thêm ở con là, trong lúc này những gì cha vừa nói với con đừng để cho ba người cùng đi với con được biết."

Conway nín lặng.

"Rồi với thời gian họ cũng sẽ biết như con. Nhưng lúc này vì lợi ích của họ, không nên vội vã. Cha rất tin ở đức khôn ngoan của con trong vấn đề này nên cha không yêu cầu con phải hứa. Cha biết, con sẽ hành động như cả hai chúng ta cho là cách tốt nhất... Giờ đây, hãy để cha bắt đầu phác họa cho con thấy một bức tranh rất vui vẻ. Cha có thể nói hiện nay con vẫn là một thanh niên tính theo tiêu chuẩn của xã hội bấy giờ, cuộc đời con, như người ta thường nói, đang phơi bày ở phía trước, theo tiến trình bình thường, con có thể chờ đợi hai hoặc ba mươi năm sức hoạt động của con chỉ giảm đi chút ít. Một viễn cảnh không có gì là vui vẻ lắm và cha không thể nghĩ rằng con sẽ đồng ý nhìn thời gian ấy như cha - coi nó là một thời gian quãng giữa mỏng manh, lặng gió và chẳng quá điên cuồng. Một phần tư thế kỷ đầu trong cuộc đời của con hẳn đã sống dưới bóng mây của tình trạng quá trẻ để làm việc gì, còn phần tư thế kỷ cuối cùng thường bị che phủ bởi đám mây đen tối hơn vì đã quá già để hoạt động; và giữa hai đám mây đó còn lại một thời

gian cuộc sống được mặt trời chiếu sáng mới nhỏ hẹp làm sao! Song con có thể được hưởng một số phận may mắn hơn, vì chiếu theo tiêu chuẩn của Shangri-La thì những năm có nắng mặt trời của con chỉ mới bắt đầu. Có thể sau đây hàng mấy chục năm, con sẽ cảm thấy mình không già hơn ngày nay - con có thể, cũng như Henschell, giữ được tuổi trẻ lâu dài và kỳ lạ. Nhưng hãy tin ở cha, đây là một giai đoạn đầu và bề ngoài mà thôi. Rồi sẽ đến một thời gian con cũng sẽ già như những người khác, tuy có chậm hơn và trong một hoàn cảnh cao đẹp hơn nhiều, năm tám mươi tuổi con còn có thể leo lên hẻm núi với dáng điệu một thanh niên, nhưng khi tuổi đã gấp đôi tuổi đó thì con không còn trông chờ điều kỳ diệu ấy còn lại mãi. Chúng ta ở đây không phải là những người tạo nên được những điều kỳ diệu, chúng ta chưa chiến thắng được Thần chết, thậm chí cả sự hoại nát. Tất cả những gì chúng ta làm được và đôi khi có thể làm là làm chậm lại cái độ nhanh của quãng thời gian ngắn ngủi gọi là cuộc đời. Chúng ta làm việc đó bằng những phương pháp ở đây rất đơn giản, nhưng ở nơi khác lại không làm được, song chớ có lầm, cái kết thúc vẫn chờ đợi tất cả chúng ta.

"Tuy nhiên, đây là một viễn cảnh đầy hấp dẫn mà ta trải ra trước mắt con - những thời gian dài yên tĩnh trong đó con coi một buổi chiều mặt trời lặn như người ở thế giới bên ngoài nghe một tiếng chuông đồng hồ điểm, với lòng thanh thản hơn. Năm tháng trôi qua, con sẽ đi từ những thích thú vật chất tới những thứ thích thú khắc khổ hơn, nhưng không kém phần làm hài lòng con; con có thể mất đi lòng thiết tha với bắp thịt và sự thèm ăn, song sẽ được cái khác bù lại; con sẽ đạt tới trạng thái bình tĩnh, sâu sắc chín mùi, khôn ngoan và có được trí nhớ sáng suốt vô cùng thích thú. Và quý hơn tất cả, con sẽ có được Thời gian - cái tặng vật hiếm có và đáng yêu ấy ở các nước phương Tây của con càng theo đuổi càng mất. Con hãy nghĩ một lát mà xem: Con sẽ có thời gian để đọc - không bao giờ con còn phải đọc lướt qua từng trang từng trang để tiết kiệm mấy phút, hoặc tránh một vài vấn đề gì đó cần nghiên cứu, sợ đi sâu vào sẽ bị nó lôi cuốn. Con cũng là người thích âm nhạc - vậy ở đây có những bản nhạc và nhạc cụ mà con thích, cùng với thời gian phẳng lặng và vô biên để con thưởng thức hương vị đẹp nhất của âm nhạc. Và con, ta muốn nói, cũng là một người quý tình bè bạn - vậy con chẳng thấy hấp dẫn lắm sao khi nghĩ đến những tình bạn hiểu biết và thanh lịch đến cuộc trao đổi tinh thần lâu dài và thân ái mà Thần chết không thể gọi con ra đi với cái thói vội vã quen thuộc của nó. Hoặc, nếu con thích cảnh tĩnh mịch con có thể dùng những đình tạ ở đây để những suy tư cô đơn của

con thêm dịu dàng."

Tiếng nói ngừng lại một lát, Conway không tìm lời tiếp theo.

"Conway thân mến, con không có ý kiến gì ư? Hãy thứ lỗi cho ta quá nhiều lời - ta đang ở độ tuổi và thuộc về một dân tộc không bao giờ coi việc nói lên rõ ràng ý nghĩ của mình là cư xử không đúng lề thói… Mà có lẽ con đang nghĩ về chuyện vợ con, cha mẹ đang để lại ở phía sau trên thế giới này? Hay có thể là những khát khao làm điều này, việc nọ? Hãy tin ở ta, tuy nỗi day dứt thoạt đầu xót xa, nhưng rồi sau đây mươi năm, ngay đến bóng dáng của những cái ấy cũng sẽ không còn trong con. Tuy sự thực, nếu ta đọc đúng ý nghĩ của con, thì con không có những điều băn khoăn ấy."

Conway ngạc nhiên khi thấy ông ta đoán rất đúng. "Thưa vâng, đúng thế," anh ta đáp lại. "Con chưa lập gia đình, con có rất ít bạn bè thân và không có khát khao gì hết."

"Không khát khao? Con làm thế nào mà tránh được những thứ bệnh lan tràn ấy?"

Lần đầu tiên Conway cảm thấy anh thật sự tham gia vào một cuộc đối thoại. Anh nói: "Trong công việc nghề nghiệp con làm, dường như con thấy rất nhiều những cái gọi là thành công lại có phần khó chịu, không kể con thấy mình đã cần đến sự cố gắng hơn khả năng mình có để làm. Con công tác tại vụ Lãnh Sự - một chức vụ thấp, nhưng con thấy rất hợp với con."

"Song tâm hồn con không để vào đó?"

"Cả tâm hồn, trái tim và một nửa những năng lực của con. Bản chất con vốn lười nhác."

Những nếp nhăn hằn sâu và xoáy vặn cho đến lúc Conway nhận ra Lama tu viện trưởng rất có thể đang mỉm cười.

"Lười nhác trong việc làm những điều ngớ ngẩn có thể là một đức hạnh lớn," tiếng thì thào tóm tắt. "Dù sao, con sẽ thấy ở đây chúng ta không đòi hỏi khắt khe về vấn đề ấy. Ta tin rằng tu sĩ Tưởng đã nói cho con rõ cái nguyên tắc vừa phải, mức độ của chúng ta, và một trong những điều mà chúng ta bao giờ cũng làm là có mức độ trong mọi hoạt động. Như bản thân ta chẳng hạn, ta đã có thể học được mười ngôn ngữ, con số mười đã có thể

thành con số hai mươi nếu ta làm việc quá độ. Nhưng ta đã không làm thế. Và trong những hướng khác cũng vậy. Con sẽ thấy chúng ta không phóng đãng mà cũng không khổ hạnh. Chừng nào chưa đến cái tuổi cần phải thận trọng, thì chúng ta còn chấp nhận những thích thú ăn uống và - đây là điểm lợi cho các bạn đồng nghiệp trẻ hơn của ta - các phụ nữ ở thung lũng vui vẻ áp dụng cái nguyên tắc có mức độ vào sự giữ gìn lòng trinh bạch của họ. Suy cho cùng, ta tin chắc rồi đây con sẽ quen với lối sống của chúng ta một cách dễ dàng. Thật thế, tu sĩ Tưởng là người rất lạc quan - và ta cũng vậy, sau buổi gặp mặt này. Và ta thừa nhận ở con có một đức tính kỳ lạ mà ta chưa hề gặp ở một vị khách nào từ trước tới nay. Nó không phải là hoài nghi, càng không phải là chua chát, có lẽ nó là một phần tâm trạng vỡ mộng, nhưng nó lại là một thứ đầu óc sáng suốt mà ta cho là không có ở những người tuổi chưa đầy một trăm gì đó. Đức tính ấy là, nếu ta dùng một từ để nói, đây là đức tính "Passionlessness" (không thiết tha).

Conway đáp lại: "Một từ hết sức đúng, đúng thế. Con không biết cha có hay xếp loại những người đến đây không, nếu có, cha có thể xếp con vào loại "1914 - 1918". Con nghĩ, làm như vậy con sẽ là một mẫu độc nhất trong nhà bảo tàng đồ cổ của cha - ba người cùng đến với con sẽ không phụ thuộc vào loại đó. Con đã tận dụng mọi sự thiết tha nồng nàn và mọi năng lực của con trong những năm con vừa kể, và tuy con không nói nhiều về nó, điều chủ yếu con yêu cầu mọi người từ đây hãy để mặc con. Con thấy ở đây có một cái gì đó vui thích và yên tĩnh quyến rũ con, và như cha nói, hẳn rồi đây con sẽ quen với lối sống đó."

"Còn gì nữa không con?"

"Con hi vọng con sẽ giữ được đúng cái nguyên tắc có mức độ của cha."

"Con thực thông minh - như Tưởng đã nói với ta, con rất thông minh. Nhưng cái viễn cảnh ta vừa vẽ phác cho con thấy, có cái gì gợi cho con đến với một cảm xúc mạnh hơn không?"

Conway nín lặng một lúc rồi đáp: "Con rất đỗi cảm động khi nghe cha kể câu chuyện về quá khứ, còn thật thà nói, bức phác họa của cha về tương lai chỉ hấp dẫn con theo một ý nghĩa trừu tượng. Con không thể nhìn xa được như vậy. Chắc chắn con sẽ buồn nếu con phải rời Shangri-La ngày mai, hay tuần sau hoặc có thể là năm sau; nhưng con sẽ cảm thấy thế nào, nếu việc

con sống một trăm tuổi không còn phải là vấn đề tiên đoán. Con có thể đối phó được với điều đó như đối với bất kỳ một tương lai nào khác, song muốn cho con thiết tha với lối sống đó thì nó phải có một điểm nào đó lôi cuốn con. Con đôi khi phân vân không biết cuộc sống này có điểm nào lôi cuốn không; và nếu không, thì cuộc đời lâu dài thậm chí còn tẻ nhạt hơn."

"Anh bạn của ta, truyền thống của cơ sở này, vừa theo Phật giáo vừa theo Cơ đốc giáo, rất đáng vững tâm."

"Có thể là như vậy. Nhưng con e rằng con vẫn còn mong muốn có một lý do rõ ràng hơn để khao khát cuộc sống trăm tuổi."

"Có một lý do, một lý do rất xác đáng. Đây là toàn bộ lý do cho đám người lạ đi tìm cơ may để sống lâu. Chúng ta không theo một thí nghiệm vu vơ, một tình đồng bóng kỳ dị. Chúng ta đã có một giấc mơ và một cảnh mộng. Đây là một cảnh mộng đầu tiên Perrault thấy khi ông nằm chờ chết trong căn phòng này năm 1789. Rồi ông nhìn lại cuộc đời lâu năm của mình như ta đã mới với con, ông thấy dường như tất cả những gì đáng yêu nhất cũng đều chỉ ngắn ngủi tạm thời và cuối cùng đều bị hủy diệt, rằng chiến tranh, thèm khát và tàn bạo rất có thể một ngày nào đấy bóp nát tất cả những cái đó cho đến lúc không còn chút dấu vết trên đời. Ông nhớ lại những cảnh ông đã tận mắt nhìn thấy, và đầu óc ông lại hình dung ra những cảnh khác, ông nhìn thấy các quốc gia mạnh lên, không mạnh về mặt khôn ngoan lịch duyệt, mà về những lòng say mê và ý chí hủy diệt; ông thấy cái sức mạnh máy móc của họ tăng trưởng cho đến lúc một người được trang bị vũ khí có thể địch lại cả một đạo quân của Đại Đế. Và ông thấy khi họ đã gieo rắc hủy hoại đầy mặt đất và biển thì họ chuyển lên trên không...Con có thấy cảnh mộng của ông ấy sai lắm không?"

"Quả thực rất đúng."

"Nhưng đấy chưa phải là tất cả. Ông còn nhìn thấy trước cái ngày mà khi con người quá hân hoan với kỹ thuật giết người của mình, sẽ nổi cơn thịnh nộ, hoành hành khắp mặt đất, khiến cho tất cả mọi vật quý đều lâm nguy, các sách vở, tranh ảnh, âm nhạc, mọi kho tàng quý báu thu thập được suốt trong hai nghìn năm, những vật nhỏ bé, yêu đuối, những cái không có gì để tự vệ - tất cả đều bị mất hết như những cuốn sách của Livy, hoặc bị phá nát như người Anh đã phá nát cung điện mùa hè ở Bắc Kinh."

"Con xin chia sẻ ý kiến ấy của cha."

"Tất nhiên. Nhưng còn ý kiến của những con người có lý trí chống lại sắt và thép thì ra sao? Hãy tin ở ta, cảnh mộng ấy của Perrault sẽ trở thành sự thực. Và con ạ, chính vì thế mà tại sao ta lại đang ở đây tại sao con cũng ở đây, và tại sao chúng ta lại có thể cầu nguyện để sống qua ngày phán quyết đang kéo lại gần từ bốn phía."

"Sống qua ngày đó?"

"Phải có một cơ may. Tất cả rồi sẽ qua đi trước khi con nhiều tuổi như cha hiện nay."

"Và cha nghĩ Shangri-La sẽ thoát khỏi?"

"Có thể. Chúng ta có thể không trông chờ một ân huệ, nhưng chúng ta có thể trông chờ hi vọng chút ít nhờ sự bỏ quên. Chúng ta sẽ ở lại đây với sách vở, âm nhạc và những suy ngẫm của chúng ta, bảo tồn lấy những cái tao nhã mỏng manh của một thời đại đang chết dần, và đi tìm một sự khôn ngoan mà con người sẽ cần đến khi tất cả những say mê của họ đã hết. Chúng ta có một gia tài để trìu mến và để truyền lại. Chúng ta cứ hưởng những thú vui chúng ta có thể có cho đến ngày ấy tới."

"Và rồi sau đây?"

"Con ơi, sau đó, khi những kẻ khỏe đã chém giết lẫn nhau, đạo lý của Cơ đốc giáo có thể cuối cùng sẽ được thực hiện và kẻ hiền lành sẽ thừa hưởng thế giới."

Lời nói thì thào có chút nhấn mạnh và Conway chịu để vẻ đẹp của nó xâm chiếm; anh lại cảm thấy bóng tối trào lên xung quanh, song giờ đây nó là cái tượng trưng, như thể thế giới bên ngoài đã ầm ầm chuẩn bị đón chờ cơn giông bão. Và khi ấy, anh nhìn thấy vị Lama tu viện trưởng thực sự động đậy, đang ngồi ngài đứng lên, rồi đứng thẳng như hiện thân của một bóng ma. Từ trước Conway tham dự chỉ vì lễ phép lịch sự; nhưng thốt nhiên, anh thấy có cái gì thôi thúc tự sâu trong tâm hồn và anh đã làm điều mà chưa bao giờ anh làm đối với một người nào. Anh quỳ xuống mà không biết vì sao mình đã quỳ. Anh nói:

"Thưa cha, con đã hiểu cha."

Anh cũng không còn nhớ rõ lúc cuối cùng anh đã từ biệt tu viện trưởng ra sao; anh như ở trong giấc mơ, mãi lâu sau anh mới tỉnh lại. Anh nhớ cái không khí lạnh giá ban đêm sau cái nóng ở những căn phòng trên cao ấy, và sự có mặt của tu sĩ Tưởng, vẻ thanh bình lặng lẽ, lúc hai người cùng nhau đi qua những mảnh sân đầy sao sáng. Chưa bao giờ dưới mắt anh Shangri-La lại tập trung đầy vẻ đáng yêu như lúc này; khu thung lũng dưới kia, nhìn qua rìa vách đá, nom tựa như một cái ao sâu không gợn sóng, cũng thanh bình như những ý nghĩ trong đầu anh, vì Conway đã vượt qua những ngỡ ngàng ngạc nhiên. Cuộc nói chuyện dài với những câu nói vui vẻ đã làm anh quên hết tất cả, chỉ còn lại niềm thỏa mãn về tâm hồn cũng như về cảm xúc, về toàn bộ tinh thần; ngay cả những nghi ngờ của anh giờ đây cũng không còn day dứt nữa mà đã trở thành một phần của cái hài hòa tinh vi. Tu sĩ Tưởng không nói gì, cả Conway cũng vậy. Đêm đã quá khuya, anh lấy làm mừng vì mấy người kia đều đã đi ngủ.

CHƯƠNG CHÍN

Sáng ra anh phân vân không biết tất cả những gì anh có thể nhớ lại có phải là một phần của giấc mơ trong lúc anh thức hoặc lúc anh ngủ không.

Nhưng rồi anh được nhắc nhở ngay. Lúc anh ra ăn điểm tâm thì mọi người xô lại cùng hỏi anh.

"Đêm qua chắc anh đã nói chuyện lâu với ngài chủ ở đây?" Anh người Mỹ bắt đầu, "chúng tôi định đợi anh nhưng sau mệt quá. Ông ta là người thế nào?"

"Ông ta có nói gì về vấn đề phu khuân vác không?" Mallinson háo hức hỏi.

"Tôi hi vọng anh đã cho ông ta biết là có một nhà truyền giáo đang ở đây." Cô Brinklow nói.

Những câu hỏi dồn dập đã khiến Conway phải dùng đến thứ vũ khí tự vệ quen thuộc: "Tôi e rằng có thể tôi sẽ làm tất cả các bạn thất vọng." Anh đáp. "Tôi không có bàn với ông ta về vấn đề truyền giáo, ông ta cũng không nói gì về vấn đề người khuân vác; còn về vẻ người ông ta tôi chỉ có thể nói ông ta là một ông cụ rất già, nói tiếng Anh rất thạo và thực là thông minh."

Mallinson cắt ngang, vẻ bực tức: "Điều chủ yếu với chúng ta là ông ta có đáng tin hay không. Anh có nghĩ ông ta có chịu để chúng ta trở về không?"

"Tôi không thấy gì ở ông ta tỏ ra là một con người không biết trọng danh dự."

"Trời ơi, thế tại sao anh lại không nói với ông ta về vấn đề phu khuân vác?"

"Tôi cũng quên khuấy đi."

Mallinson trố mắt nhìn anh, vẻ không tin." Anh Conway, thực tôi

không thể hiểu anh. Trong công việc ở Baskul, anh cực kỳ tháo vát, còn bấy giờ ở đây, tôi khó có thể tin anh vẫn là con người ấy. Anh dường như đã tan ra từng mảnh rồi!"

"Tôi thực lấy làm buồn."

"Vấn đề không phải là buồn, anh phải quẫy lên mà nhìn, như thể anh quan tâm đến những gì đang xảy ra chứ."

"Chú hiểu lầm anh. Anh muốn nói anh lấy làm buồn vì đã làm chú thất vọng."

Giọng Conway cộc lốc, chủ tâm để giấu kín tình cảm của mình, tình cảm lúc này pha trộn quá, khiến người khác khó có thể đoán được. Bản thân anh cũng hơi ngạc nhiên khi thấy mình nói lảng một cách dễ dàng như vậy; rõ ràng là anh đã nghe theo, lời vị Lama tu viện trưởng dặn dò giữ kín. Anh bối rối khi thấy mình chấp nhận cái thế đứng này một cách tự nhiên, cái thế đứng mà những người cùng đi với anh chắc chắn, và có phần nào đúng, sẽ coi anh là kẻ phản bội như Mallinson đã nói, đó không phải là điều mong chờ ở một con người anh hùng. Conway thốt nhiên cảm thấy nửa trìu mến nửa thương hại anh thanh niên; nhưng rồi anh cứng rắn lại với ý nghĩ là những ai tôn thờ anh hùng phải được chuẩn bị để gặp cảnh vỡ mộng. Ở Baskul, Mallinson là một chú bé thán phục sát đất anh thủ quân xinh trai, thế mà giờ đây anh thủ quân đang chao đảo, nếu không phải là đã ngã nhào từ trên tượng đài xuống. Bao giờ cũng vẫn có chút ít cảm động khi nhìn một lý tưởng tan vỡ, dù cho lý tưởng ấy có giả dối đến đâu; và sự thán phục của Mallinson có thể ít ra cũng xoa dịu được phần nào sự căng thẳng tinh thần khi anh phải giả vờ sống không đúng con người thực của mình. Song, dù sao thì cũng không thể giả vờ được. Không khí ở Shangri-La đây - có thể do nó ở độ cao nên không cho phép người ta cố gắng giả vờ trong cảm xúc.

Anh nói: “Này chú Mallinson, chú đừng có nhắc mãi về Baskul. Tất nhiên, hồi ấy khác - hoàn cảnh ở đây hoàn toàn khác hẳn."

“Và theo tôi khỏe khoắn hơn nhiều. Ít nhất thì chúng ta cũng biết mình đang đương đầu với cái gì."

"Nói cho chính xác: Với những chuyện chết chóc và hãm hiếp. Chú có thể gọi những cái đó là khỏe khoắn hơn nếu chú thích."

Anh thanh niên to tiếng khi đáp lại: "Ồ, tôi cứ gọi thế là khỏe khoắn hơn - theo một ý nghĩa. Đây là một cái gì mà tôi muốn đối mặt còn hơn là tất cả câu chuyện bí hiểm này." Rồi, thốt nhiên, anh ta nói thêm: "Chẳng hạn cái cô gái Trung Quốc nọ - cô ta đến đây bằng cách nào? Ông ta có nói cho anh biết không?

"Không. Mà việc gì ông ta phải nói?"

"Ồ, tại sao ông ta không nói? Và tại sao anh lại không hỏi? Nếu anh có quan tâm một chút đến vấn đề ấy? Một cô gái sống với một lô những thầy tu, điều ấy có bình thường không?"

Lối nhìn sự việc như vậy là điều trước đây Conway không nghĩ đến. Sau một lúc suy nghĩ anh mới đưa ra được câu trả lời tốt nhất: "Đây không phải là một tu viện như mọi tu viện khác."

Im lặng, vì câu chuyện tranh cãi rõ ràng đã đi đến ngõ cụt. Với Conway, câu chuyện về Lo-Tsen dường như không có gì là quan trọng; cô bé Mãn Châu nằm quá im lặng trong đầu óc anh, khiến anh không biết có cô ta ở đây. Nhưng vừa có người khác nhắc đến cô bé, thốt nhiên cô Brinklow đang đọc cuốn văn phạm Tây Tạng ngước mắt lên, cuốn văn phạm mà cô đặt ngay trên bàn ăn điểm tâm để đọc (như thể, Conway nghĩ thầm trong bụng, cả đời cô cũng không đủ thì giờ để đọc). Chuyện về các cô gái và các thầy tu khiến cô nhớ đến những câu chuyện về các đền chùa Ấn Độ mà các nhà truyền giáo đàn ông đã kể lại cho các bà vợ nghe, rồi các bà lại truyền tai cho các bạn đồng nghiệp chưa chồng. "Tất nhiên," cô mắm môi lại, nói: "đạo đức ở nơi này thật tệ hại - chúng ta đã biết trước mà." Cô quay lại phía Barnard nhưng muốn anh tán đồng, nhưng anh chàng người Mỹ chỉ nhe răng cười.

"Tôi nghĩ các người chẳng thèm để ý đến ý kiến của tôi về vấn đề đạo đức," anh ta nói tỉnh khô. "Nhưng tôi cũng tự bảo mình cãi cọ chẳng ích gì. Vì chúng ta buộc phải ở lại đây một thời gian, vậy ta hãy cứ bình tĩnh, yên tâm mà sống."

Conway cho ý kiến anh ta là đúng, song Mallinson vẫn chưa nguôi cơn nóng: "Tôi có thể tin là anh ấy ở đây thích thú hơn ở Dartmoor nhiều," câu nói khóe cạnh đầy ý nghĩa.

"Dartmoor ư? Ở cái nhà lao khổng lồ của các anh chứ gì! Tôi hiểu ý

anh rồi. Ồ phải, tôi chắc chắn chẳng bao giờ thèm khát làm những con người ở đây. Và cũng còn điều khác này nữa - tôi chẳng hề phật lòng khi anh chế giễu tôi về việc đó. Da dày nhưng trái tim hiền dịu, con người pha trộn của tôi là vậy đây."

Conway đưa mắt nhìn anh ta, vẻ khen ngợi, còn anh nhìn Mallinson với chút ít trách móc, nhưng rồi đột nhiên, anh có cảm giác là tất cả họ đều đang đóng vai trên một sân khấu rộng lớn mà cái nền sân khấu, chỉ có anh biết rõ, và sự hiểu biết ấy, không thể truyền đạt cho ai được hết, điều đó khiến anh thốt nhiên muốn được ở lại một mình. Anh chào họ và đi ra ngoài sân nhìn ngọn Karakal, mọi lo âu trong anh đều phai mờ và những băn khoăn dằn vặt về ba người cùng đi đã biến mất trong sự chấp nhận một cách huyền bí kỳ lạ cái thế giới mà họ không thể đoán ra được. Rồi đến một ngày, anh hiểu vậy khi sự lạ lùng của mọi vật làm cho sự lạ lùng của bất kỳ một cái gì ngày càng khó hiểu hơn; khi người ta chấp nhận sự vật cho là đúng chỉ vì sự kinh ngạc sẽ buồn tẻ cho chính mình cũng như cho những người khác. Liệu cho đến bấy giờ anh có tiến bộ ở Shangri-La không và anh nhớ là anh đã đạt tới một trạng thái bình thản tương tự, tuy còn kém thích thú rất xa trong những năm anh trải qua chiến tranh.

Anh cần phải bình tĩnh, dù chỉ để thích nghi bản thân với hai cuộc sống mà anh buộc phải khoác vào người. Từ đó trở đi, cùng với những người cùng bị đi đày, anh sống trong một thế giới tùy thuộc vào thời gian những người khuân phu vác đến và sự quay về Ấn Độ, còn vào những lúc khác, chân trời vén lên như một bức màn, thời gian rộng ra, không gian co hẹp lại, và cái tên Trăng Xanh mang một ý nghĩa tượng trưng như thế tương lai có vẻ quá mong manh, là một thứ mà chỉ có thể có được một lần ở trên vầng Trăng Xanh mà thôi. Đôi khi anh phân vân không rõ trong hai cuộc sống anh sống, cái nào thực hơn, nhưng vấn đề là không cấp bách và anh nhớ đến cuộc chiến tranh, vì trong những trận bị oanh tạc nặng nề anh cũng đã từng có cùng một cảm giác an ủi rằng anh đang sống nhiều cuộc sống mà thần chết chỉ có thể yêu sách đòi lấy đi được một mà thôi.

Tu sĩ Tưởng, tất nhiên, giờ đây nói chuyện với anh không chút dè dặt, và hai người đã có nhiều lần nói với nhau về những luật lệ cùng những thói quen của tu viện. Conway được biết rằng, trong năm đầu, anh sẽ sống cuộc sống bình thường, không phải theo một chế độ đặc biệt nào; tu sĩ Tưởng bao giờ cũng nói vậy, "Để cơ thể quen dần với cuộc sống ở độ cao, và cũng để có

thời gian xua tan đi những luyến tiếc về tinh thần và cảm xúc."

Conway mỉm cười đáp: "Vậy, tôi cho là ông tin chắc tình cảm con người không thể tồn tại sau năm năm vắng mặt?"

"Nó có thể còn, tu sĩ đáp lại "Nhưng chỉ còn như một thứ hương thơm mà chúng ta có thể hưởng cái chất buồn của nó."

Sau năm năm tập sự, tu sĩ Tưởng tiếp tục giải thích, quá trình già bắt đầu chậm lại và nếu thành công, nó sẽ khiến cho Conway vào tuổi năm mươi vẫn coi như mới bốn mươi tuổi - ngưng lại ở tuổi ấy không phải là tồi.

"Thế bản thân ông thì sao?" Conway hỏi. "Ở trường hợp ông, quá trình ấy diễn biến ra sao?"

"À, thưa ông, tôi rất may là đến đây lúc tôi còn rất trẻ - chỉ mới hai mươi hai. Trước đây tôi đi lính - ông có thể không nghĩ đến điều này, tôi chỉ huy một đội quân đi chống phỉ vào năm 1855. Tôi nhận nhiệm vụ trinh sát nếu tôi trở về được để báo cáo lại với các sĩ quan cấp trên, song thực ra, tôi đã lạc đường trên vùng núi, mà trong số hơn một trăm người chỉ có bảy người sống sót, thoát khỏi sự khắc nghiệt của khí hậu. Cuối cùng khi tôi được cứu, mang đến Shangri-La thì tôi ốm yếu quá, sống được chỉ nhờ tuổi còn trẻ và vóc người cường tráng."

"Hai mươi hai," Conway lặp lại vừa nhẩm tính. "Vậy năm nay ông chín mươi bảy tuổi."

"Vậy, chẳng mấy nữa, nếu được các Lama chấp thuận, tôi sẽ được chính thức thụ pháp."

"Tôi biết ông phải đợi cho đến khi đạt con số tròn?"

"Không, chúng tôi không bị bó hẹp trong một giới hạn tuổi nhất định nào đó, nhưng một trăm tuổi thường được coi là tuổi từ đó trở đi mọi nỗi khát khao và tâm trạng về cuộc sống thường chắc không còn nữa."

"Tôi cũng nghĩ như vậy. Và về sau thì sao? Ông còn phải tiếp tục chờ đợi bao lâu nữa?"

"Có lý do để tôi hy vọng là tôi sẽ thụ pháp với những viễn cảnh mà

Shangri-La đã tạo nên. Trong nhiều năm, có thể là một thế kỷ hoặc hơn nữa."

Conway gật đầu. "Tôi không biết có cần chúc mừng ông không - dường như ông có được phần tốt đẹp nhất của hai quãng đời, một thời thanh niên dài và vui vẻ ở phía sau và một thời gian già nhiều tuổi cũng dài và vui vẻ ở trước mắt. Ông bắt đầu già ở dáng vẻ bề ngoài vào bao giờ?"

"Khi tôi quá bảy mươi. Thường thường là như vậy, tuy tôi nghĩ mình vẫn có thể nói là nom trẻ hơn tuổi."

"Nhất định rồi. Thế giả dụ giờ đây ông phải rời thung lũng này để đi nơi khác thì sẽ ra sao?"

"Thì chết, nếu tôi ở lại nơi xa đây nhiều ngày."

"Vậy, cái không khí là quan trọng chủ yếu?"

"Chỉ có một thung lũng Trăng Xanh mà thôi, nhưng ai mong tìm thấy một thung lũng khác cũng như vậy là đòi hỏi quá nhiều ở Thiên nhiên đây."

"Ồ, cái gì sẽ xảy ra nếu chẳng hạn ông đã rời nơi đây ba mươi năm trước trong thời gian tuổi trẻ của ông đang được kéo dài?"

Tu sĩ Tưởng đáp lại: "Có thể tôi đã chết ngay hồi đó. Dù sao thì tôi nhanh chóng có dáng vóc đầy đủ của một người ở tuổi tôi lúc ấy. Chúng tôi đã có một thí dụ khá kỳ lạ cách đây mấy năm, tuy trước đó đã có nhiều trường hợp. Một người trong chúng tôi đã rời thung lũng để đi tìm một đoàn người nghe nói đang tiến đến. Người ấy là một người Nga đến đây ngay từ thời còn ít tuổi. Anh ta thích nghi lối sống ở đây rất tốt, khiến năm tám mươi tuổi mà nom chi như ngoài bốn mươi một chút. Dự tính ông ta không vắng mặt lâu hơn một tuần (một tuần thì không sao cả), nhưng chẳng may ông ta đã bị những người dân bộ tộc du mục bắt cầm tù mang đi khá xa. Chúng tôi cho là ông ta đã gặp tai nạn và đã chết. Tuy nhiên, ba tháng sau, ông ta đã trốn trở về được đây. Song nom ông ta khác hẳn. Tuổi già đã rõ nét trên khuôn mặt cũng như trong từng cử chỉ, cách cư xử của ông ta, và chỉ sau đó ít lâu ông chết, cũng như một ông già qua đời.

Conway nín lặng không nói gì trong một lúc. Hai người đang nói chuyện trong thư viện, và hầu hết trong suốt lúc nói chuyện, anh cứ nhìn qua

cửa sổ về phía hẻm núi, con đường đi ra thế giới bên ngoài; một mảng mây nhỏ trôi qua đỉnh núi. "Ông Tưởng, một câu chuyện có phần ác nghiệt." Một lúc lâu sau, anh nói tiếp: "Nghe chuyện tôi có cảm giác Thời gian như con quái vật đang chờ ở bên ngoài thung lũng để chồm vào những kẻ phất phơ làm thế nào đó ra khỏi thung lũng một thời gian lâu hơn thời gian cần thiết."

"Phất phơ?" Tu sĩ Tưởng hỏi lại. Ông rất giỏi tiếng Anh, nhưng đôi khi có những từ dân giã ông không quen.

"Phất phơ," Conway giải thích, "là một từ lóng, có nghĩa là anh chàng lười biếng, vô tích sự. Tất nhiên, đây là tôi dùng từ không nghiêm chinh."

Tu sĩ Tưởng cúi đầu cảm ơn sự giải thích. Ông say mê học ngoại ngữ và thích cân nhắc về mặt triết lý mỗi từ mới. Một lúc sau, ông nói: "Thật đầy ý nghĩa; người Anh coi phất phơ là một thói xấu. Chúng tôi, mặt khác lại thích phất phơ hơn căng thẳng rất nhiều. Thế giới hiện nay chẳng đã có quá nhiều sự căng thẳng, và chẳng đã có thể tốt hơn nếu có nhiều người phất phơ hơn?"

"Tôi muốn đồng ý với ông." Conway đáp lại, vẻ trang trọng và thích thú.

Trong vòng độ một tuần sau buổi gặp gỡ và nói chuyện với vị Lama tu viện trưởng Conway gặp nhiều người khác trong đám những đồng nghiệp sau này của anh. Tu sĩ Tưởng không tỏ ra hăm hở hoặc miễn cưỡng khi giới thiệu anh với những người này, còn Conway cảm thấy một không khí mới đối với anh, có phần hấp dẫn, trong đó sự vội vã không đòi hỏi ồn ào, mà sự trì hoãn không làm thất vọng. "Thực tế," tu sĩ Tưởng giải thích, "Một số Lama có thể trong một thời gian dài không gặp anh - có khi hàng nhiều năm - nhưng cái đó anh không được lấy làm ngạc nhiên. Họ được chuẩn bị để làm quen với anh khi có thể được, việc họ tránh không vội vã không có nghĩa phần nào là không muốn gặp." Conway thường đã có những cảm giác như vậy khi anh đến gặp những người mới đến ở lãnh sự quán nước ngoài, nên coi đây là một thái độ rất thông minh.

Tuy nhiên, những cuộc gặp gỡ giữa anh và họ rất có kết quả, và những buổi chuyện trò với những người gấp ba tuổi anh, anh thấy không có những bối rối xã giao như thường có tại London hoặc Delhi. Lần đầu tiên anh gặp một thiên tài người Đức tên là Meister; ông này đã đến tu viện đây vào thập

kỷ tám mươi, và là người sống sót trong một đoàn thám hiểm. Ông nói rất thạo tiếng Anh, tuy giọng nói hơi nặng. Một hai ngày sau, anh được giới thiệu với một người thứ hai. Conway rất thích thú khi lần đầu tiên nói chuyện với người mà vị tu viện trưởng đặc biệt nêu ra, tên là Alphonse Briac, một người Pháp với vóc người bé nhỏ nhưng rắn đanh, nom ông không có gì là già lắm, mặc dầu ông nói mình là học trò của Chopin. Conway nghĩ ông này với ông người Đức tỏ ra,là những người bạn rất dễ chịu. Trong tiềm thức, anh đã phân tích và sau vài lần gặp nữa anh đã đi đến một vài kết luận chung; anh nhận thấy những Lama anh đã gặp tuy có những cá tính khác nhau, nhưng tất cả đều có một đức tính chung coi sự trẻ mãi lâu già không phải là điểm nổi bật, song đó lại là đức tính duy nhất anh có thể nghĩ đến. Ngoài ra, tất cả họ đều có một đầu óc thông minh, bình tĩnh, biểu hiện ở những ý kiến đưa ra phong phú, thú vị, thận trọng và đứng mức. Conway tỏ ra tương xứng với họ và biết rằng các vị cũng hiểu điều đó, và lấy làm hài lòng về anh. Anh thấy tiếp xúc với họ hoàn toàn dễ dàng như với những người có văn hóa mà có thể anh đã từng gặp, tuy ở đây thường có một cảm giác kỳ quặc khi nghe các vị nói về hồi ức quá xa xôi với vẻ rất hững hờ. Chẳng hạn, có một vị tóc bạc phơ, nom vẻ nhân từ, sau một lát chuyện trò, đã hỏi Conway có thích đọc tác phẩm của chị em Brontë không. Conway nói anh có phần nào thích, ông già liền nói: "Hồi tôi là cha phó xứ ở West Riding, trong những năm bốn mươi, đã có lần tôi đến thăm Haworth và nghỉ lại tại nhà Cha xứ ở đây. Từ ngày lên đây tôi bắt đầu nghiên cứu toàn bộ vấn đề Brontë - thật vậy, tôi đang viết một cuốn sách về đề tài ấy. Hay là anh thỉnh thoảng đến với tôi, ta cùng bàn soạn việc đó được không?"

Conway vui vẻ nhận lời, và sau đây, khi chỉ có anh và tu sĩ Tưởng, anh nói các Lama xem ra nhớ rất rõ cuộc đời của các vị trước khi lên Tây Tạng. Tu sĩ đáp: "Đây là do tập luyện. Thưa ông, ông biết đây, một trong những bước đầu tiên luyện làm sáng suốt tinh thần là có được một bức toàn cảnh về quá khứ của mình và cái ấy cũng như mọi cách nhìn khác, càng chính xác hơn trong cảnh trông xa. Khi ông đã ở với chúng tôi một thời gian khá lâu, ông sẽ thấy cuộc đời cũ của ông dần dần thu vào một tiêu cự như một viễn vọng kính khi thấu kính đã được điều chỉnh. Mọi cái sẽ lộ ra rõ ràng và yên lặng, cân xứng một cách thích đáng với ý nghĩa đúng đắn của nó. Vị Lama mà ông vừa mới làm quen, chẳng hạn, thấy rằng cái phút thật sự quan trọng trong toàn bộ cuộc đời của ông là lúc vào tuổi thanh niên ông đến thăm một ngôi nhà trong đó có một cha xứ[32][1] và ba cô con gái của ông."

"Vậy, có nghĩa là rồi tôi cũng sẽ phải nghĩ lại những phút quan trọng trong đời tôi?"

"Cái đó sẽ diễn ra không khó khăn. Những phút đó sẽ đến với ông."

"Tôi không biết rồi tôi có đón mừng những phút ấy không," Conway đáp lại, vẻ buồn rầu.

Nhưng dù nghĩ lại quá khứ ra sao, anh vẫn thấy hạnh phúc trong hiện tại. Những lúc anh ngồi đọc sách trong thư viện hoặc chơi nhạc Mozart trong phòng nhạc, anh thường cảm thấy một mối xúc cảm sâu sắc tràn vào anh như thể Shangri-La là một thực thể sống, được chắt lọc bằng pháp thuật của nhiều thời đại và được bảo tồn một cách kỳ lạ chống lại thời gian và Thần Chết. Vào những lúc này, cuộc nói chuyện với tu viện trưởng, anh nhớ lại rõ rệt, anh thấy như có một trí thông minh bình tĩnh gạt đi mọi cái gây lảng trí, và như có muốn nghìn lời thì thào rót vào tai, vào mắt anh những lời, những sự việc khiến anh an tâm. Tâm trạng anh là như vậy, khi anh ta lắng nghe Lo-Tsen dẫn dắt mấy điệu Fugue phức tạp, và anh phân vân không biết có cái gì ở phía sau nụ cười nhẹ nhàng hồn nhiên, khiến đôi môi cô lay động chẳng khác gì một bông hoa đang hé nở. Cô gái rất ít nói, tuy giờ đây cô biết Conway nói được ngôn ngữ của cô. Với Mallinson, đôi khi anh ta thích vào đây nghe nhạc, cô như câm lặng. Nhưng Conway thấy sự yên lặng của cô vẫn có một sức hấp dẫn biểu hiện rõ rệt.

Có một lần, anh hỏi tu sĩ Tưởng về lai lịch của cô và được biết, cô vốn dòng dõi hoàng gia Mãn Châu. "Cô đính hôn với một hoàng tử xứ Turkestan, và đang trên đường đi Kashgar để gặp chồng thì đám người khiêng kiệu bị lạc đường trong núi. Toàn đoàn chắc chắn sẽ bị chết nếu không gặp được những người như chúng tôi vẫn thường phái đi tìm đón."

"Sự việc ấy xảy ra vào hồi nào?"

"Năm 1884. Lúc ấy Lo-Tsen mười tám tuổi."

"Mười tám tuổi *năm ấy*?"

Tu sĩ Tưởng cúi đầu gật: "Vâng, chúng tôi đã thành công rất tốt với cô, như ông có thể thấy. Sự tiến bộ của cô ấy đều đặn tuyệt vời."

"Hồi mới đến, thái độ cô ấy ra sao?"

"Có lẽ cô ấy cũng khó khăn mới chấp nhận hoàn cảnh - cô ấy không phản đối, nhưng chúng tôi biết cô ấy cũng bị bối rối mất một thời gian. Tất nhiên, đây là một sự cố bất thường - chặn đón một cô gái trên đường đi về nhà chồng - tất cả chúng tôi đặc biệt lo lắng làm sao cho cô được sung sướng ở đây. Tu sĩ Tưởng mỉm cười dịu dàng. "Tôi e rằng nỗi xúc động của tình yêu không dễ chịu đầu hàng, mặc dầu năm năm đầu tiên thừa để làm việc đó."

"Liệu cô ta có gắn bó tha thiết với người đàn ông mà cô ta sắp làm vợ không?"

"Thưa ông, không đâu, vì cô ta đã biết mặt người đàn ông ấy đâu. Ông biết đây, người ta cưới theo lối cổ mà. Tình cảm của cô ta hoàn toàn hồn nhiên."

Conway gật đầu, hoi xúc động khi nghĩ đến Lo- Tsen. Anh hình dung cô gái ra sao trước đây nửa thế kỷ, đẹp như pho tượng ngồi trên kiệu sơn son thếp vàng, trong lúc mấy người phu khiêng vất vả đi trên cao nguyên. Cặp mắt cô đưa tìm phương trời xa bạt gió, những chân trời hẳn phải gian khổ so với những khu vườn, những ao sen ở phương Đông. "Cô bé đáng thương. "Cô bé đáng thương!" Anh nói khi nghĩ đến một con người thanh tú như vậy đã bị giam chân tại chỗ suốt bao nhiêu năm. Biết rõ quá khứ của cô, anh càng hài lòng chứ không hề giảm đi với thái độ lặng lẽ im lìm của cô. Cô như một cái bình đáng yêu lạnh lẽo, không chút tô điểm ngoài một tia sáng lọt thoát ra.

Anh cũng hài lòng, tuy không say đắm bằng khi nghe Briac nói cho nghe về Chopin, và dạo cho anh nghe những giai điệu quen thuộc với kỹ xảo tài tình. Xem ra người Pháp này biết rất nhiều bản nhạc của Chopin chưa hề được xuất bản. Được Briac chép lại tổng phổ, Conway ra sức luyện hàng giờ để nhớ. Anh thấy mình có chút duyên may khi nghĩ ngay cả Cortot và Pachmann cũng không được may mắn như anh. Và trí nhớ của Briac về nhạc chưa phải đã cạn, ông luôn luôn làm cho Conway thích thú với những giai điệu mà nhạc sĩ thiên tài trước kia đã ngẫu hứng sáng tác trong một dịp nào đó; ông ghi tất cả những giai điệu ấy mỗi khi ông nhớ lại, một số là những đoạn rất hay.

"Briac," tu sĩ Tưởng giải thích," mới chỉ được thụ pháp gần đây, nên

ông cũng nên bỏ qua nếu ông ta nói rất nhiều về Chopin. Các Lama trẻ tất nhiên hay nghĩ về quá khứ của mình, đây là một bước đi cần thiết để hình dung ra tương lai."

"Theo tôi hiểu thì đây là công việc của các Lama già hơn phải không?"

"Vâng. Chẳng hạn Lama tu viện trưởng, hầu như toàn bộ cuộc đời của ngài được dùng vào sự suy ngẫm sáng suốt."

Conway ngẫm nghĩ một lát rồi nói: "À, thế ông tính bao giờ tôi sẽ lại được gặp ngài lần thứ hai?"

"Thưa ông, chắc là vào cuối thời gian năm năm thứ nhất."

Nhưng trong việc đoán trước tin cậy ấy, tu sĩ Tưởng đã lầm, vì chưa đầy một tháng sau ngày đến đây, Conway nhận được lần thứ hai lời mời anh đến cái phòng nóng bức ở gác trên. Tu sĩ Tưởng nói với anh rằng tu viện trưởng không bao giờ ra khỏi phòng của ngài, không khí căn phòng ấy được đốt nóng là cần thiết để cơ thể ngài tồn tại. Conway được chuẩn bị trước như vậy nên thấy sự thay đổi đó không gây ngạc nhiên như bận trước. Thực tế, sau khi cúi đầu chào, anh thở thấy dễ dàng và được vẻ sinh động từ cặp mắt sâu hoắm trước mặt anh nhẹ nhàng đáp lại. Anh cảm thấy thân tình với tâm hồn ở phía sau cặp mắt ấy. Và tuy biết được cuộc tiếp kiến lần thứ hai chỉ sau lần thứ nhất có mấy ngày là một vinh dự chưa ai có, anh vẫn bình tĩnh và không tỏ ra coi đầy là quá quan trọng. Với anh, giờ đây tuổi tác không còn là một nhân tố có sức ám ảnh hơn địa vị và màu sắc, anh xưa nay chưa bao giờ bị ngăn cản không yêu thích người nào vì người đó quá trẻ hay quá già. Anh kính trọng tu viện trưởng một cách thân mật, nhưng vẫn không thấy tại sao mối quan hệ xã hội giữa anh và Lama phải là một cái gì kém hòa nhã hơn.

Hai bên trao đổi những câu chào hỏi lịch sự thông thường, và Conway đáp lại nhiều câu hỏi rất lễ phép. Anh nói anh thấy cuộc sống ở đây rất dễ chịu và anh đã làm bạn được với một số người.

"Thế anh vẫn giữ kín những điều bí mật của chúng ta không cho ba người kia biết đây chứ?"

"Vâng, cho đến bây giờ. Nhiều khi vì thế mà con thấy ngượng ngập, mà có lẽ ít ngượng hơn nếu con nói cho họ biết."

"Đúng như ta dự đoán, con đã hành động theo cách mà con cho là tốt nhất. Còn ngượng ngập, suy cho cùng chỉ là tạm thời. Tu sĩ Tưởng nói với ta là hai trong số ba người ấy tỏ ra không phản đối lắm."

"Con dám nói rằng đúng vậy."

"Thế người thứ ba?"

Conway đáp: "Mallinson là một thanh niên dễ bị kích động - anh ta rất tha thiết được trở về."

"Con có ưa thích anh ta không?"

"Thưa có, con rất yêu mến anh ấy."

Đến lúc này, những bát nước trà được đưa vào và câu chuyện bớt phần nghiêm trang giữa những hớp trà thơm. Đây là một quy ước thích hợp giúp cho câu chuyện có chút hương vị lông bông và Conway đáp lại. Khi vị Lama tu viện trưởng hỏi anh có thấy Shangri-La độc đáo và ở thế giới Phương Tây có nơi nào giống thế không, anh mỉm cười đáp: "Thưa có, không chút giấu giếm, con xin nói ở đây khiến cho con thấy hơi giống Oxford, nơi con trước kia đã từng giảng dạy. Phong cảnh ở Oxford thì không bằng, những đề tài nghiên cứu thì thường cũng không thực tế như ở đây và tuy ngay người già nhất trong số các cán bộ giảng dạy cũng không nhiều tuổi như các vị ở đây, nhưng xem ra đối với tuổi tác thì có phần nào giống nhau."

"Conway, con thân yêu, con khá hóm hỉnh đây," vị Lama tu viện trưởng đáp, "cái tính đó sẽ giúp tất cả chúng ta rất nhiều trong những năm tới."

CHƯƠNG MƯỜI

Lạ thường, hết sức lạ!" Tu sĩ Tưởng thốt lên như vậy khi nghe nói Conway đã lại gặp tu viện trưởng lần thứ hai. Mấy tiếng ấy thốt ra từ miệng một người rất không thích dùng những từ nói lên cao độ, nên rất có ý nghĩa. Việc này từ xưa đến nay chưa từng có, ông nhấn mạnh, vì lề thói ở tu viện đây đã được định rõ; không bao giờ Lama tu viện trưởng lại muốn gặp lần thứ hai khi chưa hết năm năm thử thách để gột sạch mọi tình cảm có thể có của người nhập đạo. "Vì, như ông biết đây, nói chuyện với người bình thường mới đến sẽ khiến ngài bị căng thẳng. Sự hiện diện những ham muốn của con người đã là một điều khiến tuổi già của người khó chịu, gần như không kham nổi. Nói thế không phải tôi ngờ gì sự khôn ngoan lịch duyệt của ngài về vấn đề này. Mà tôi tin rằng đây là ngài đã dạy cho chúng tôi một bài học rất quý giá - rằng ngay cả những luật lệ đã cố định của cộng đồng chúng tôi cũng chỉ là cố định một cách có mức độ. Song dù sao, đây vẫn là một sự kiện lạ thường."

Với Conway, tất nhiên, việc ấy chẳng có gì lạ hơn những sự việc khác, và sau khi anh đã đến thăm ngài tu viện trưởng lần thứ ba, rồi lần thứ tư thì anh bắt đầu cảm thấy nó chẳng có gì là rất lạ thường. Thực vậy, dường như đã có cái gì sắp xếp trước, định trước để hai tâm hồn của vị Lama và của anh dễ dàng gặp nhau, như thể ở Conway, mọi sự căng thẳng thầm kín đều được giãn ra, khiến anh khi đi ra, thấy trong lòng cực kỳ thanh thản. Đôi khi anh có cảm giác như bị mê hoặc bởi cái quyền lực của đức thông minh đang ngồi giữa phòng kia, và rồi, trước những bát nước trà màu xanh nhạt nhỏ bé, mọi nghi lễ thu nhỏ lại thành một thứ sinh động, dịu dàng và nhỏ bé đến mức khiến anh có ấn tượng đây là một định lý đang hòa tan cái trong suốt thành một bài thơ.

Nội dung câu chuyện trao đổi giữa hai người thực rộng và không né tránh gì hết; mọi triết học đều được đề cập đến; những con đường rộng lớn dài dặc của lịch sử cũng chịu để hai người xem xét kỹ và có những điều có thể mới mẻ được đưa ra. Với Conway, đây là những giờ phút mê li, song anh không từ bỏ thái độ ý kiến chống lại khi cần thiết, và có một lần, khi anh

tranh luận về một điểm gì đó, vị Lama đã đáp: "Con ơi, con còn ít tuổi, nhưng ta thấy, đức khôn ngoan lịch duyệt của con lại chín chắn như một người già. Hẳn đã có một sự việc khác thường nào đó xảy ra với con?"

Conway mỉm cười: "Thưa cha, nó cũng chẳng khác gì như đã xảy ra cho nhiều người khác thuộc thế hệ con."

"Từ trước đến nay, ta chưa gặp một người nào như con."

Sau một lát, Conway đáp: "Về cái đấy chẳng có gì là bí ẩn cho lắm. Cái phần của con mà cha xem như già nua là do sớm phải trải qua những thử thách nặng nề. Đúng là từ năm mười chín đến hai mươi hai, con đã nhận một sự giáo dục quan trọng nhất, nhưng nó có phần làm con kiệt sức."

"Trong Chiến tranh con gặp nhiều điều không may?"

"Không hẳn như vậy. Sự thực, cũng như hàng triệu người khác, con đã bị kích thích và có khuynh hướng muốn tự sát, con sợ hãi và sống liều lĩnh và đôi khi ở trong cơn cuồng giận. Con đã uống rượu như điên và giết người, sống cực kỳ phóng đãng. Con đã dùng sai, phí phạm mọi xúc cảm của mình, và khi đã dính vào một chút, cuộc sống vô cùng buồn chán và dằn vặt. Cái đó đã khiến cho những năm về sau khó khăn. Đây không phải con phóng đại tô vẽ cuộc đời con thêm bi thảm. Nói chung, kể từ đó con cũng đã rất may. Nhưng chẳng khác gì đang ở một nhà trường có ông hiệu trưởng tồi - ở đây nếu muốn, anh vẫn có được nhiều điều vui thích, song chốc chốc lại gặp những chuyện bực mình, không thực sự hài lòng cho lắm. Con nghĩ con thấy rõ điều này, có phần rõ hơn nhiều người."

"Và cứ như vậy tiếp tục sự phát triển của con?"

Conway nhún vai, "Có lẽ khi đam mê cạn kiệt là bắt đầu của khôn ngoan, lịch duyệt, nếu cha muốn thay đổi câu ngạn ngữ."

"Con ơi, đây cũng là giáo lý của Shangri-La."

"Con biết. Và vì thế con thấy rất thoải mái."

Anh đã chỉ nói lên sự thực. Ngày qua ngày, tuần lễ lần lượt trôi qua,

anh bắt đầu cảm thấy một mong muốn mãn nguyện hòa hợp tâm hồn với thể xác. Cũng như Perrault, Henschell và nhiều người khác, anh như bị mê đi. Trăng Xanh đã hút lấy anh và anh không có lối thoát. Những ngọn núi lấp lánh bốn bề tạo thành một hàng rào tinh khiết không vươn tới được và từ đây, mắt anh lóa lên nhìn xuống thung lũng sâu thẳm xanh xanh; toàn bộ bức tranh không có gì so sánh nổi, và khi nghe tiếng đàn harpsichord đều đều trong suốt vang vọng qua hồ sen anh cảm thấy đây là sợi chỉ xuyên suốt cảnh vật và âm thanh.

Anh biết anh đã thầm lặng yêu cô gái nhỏ nhắn Mãn Châu. Tình yêu của anh không đòi hỏi gì hết, thậm chí dù chỉ là một lời đáp lại; đây là một biểu hiện quý trọng của tâm hồn, mà các giác quan của anh chỉ cộng thêm vào một hương vị. Với anh, cô gái là biểu tượng của tất cả những gì thanh tú và mảnh mai; tác phong lịch sự đúng nghi thức của cô và mấy ngón tay cô chạm vào bàn phím tạo nên một tình thân hoàn toàn thỏa mãn. Đôi khi anh muốn nói chuyện với cô theo cách, nêu cô ưng thuận, sẽ mở đầu cho câu chuyện trao đổi bớt hình thức, nhưng sự đáp lại của cô không bao giờ vượt qua sự kín đáo tế nhị của những ý nghĩ của cô và theo một ý nghĩa nào đó, anh cũng không muốn nó vượt qua. Đột nhiên, anh nhận thức được mặt đơn độc của viên ngọc quý đầy hứa hẹn; anh có Thời gian, Thời gian cho mọi cái mà anh muốn nó xảy ra, cái Thời gian mà ngay sự thèm muốn cũng bị dập tắt trong niềm tin chắc là nó sẽ được thực hiện. Từ nay, một năm, mười năm vẫn còn Thời gian. Điều mơ tưởng lớn lên trong anh và anh lấy đó làm sung sướng.

Rồi, đôi lúc, anh bước vào một cuộc sống khác để gặp sự nóng giận của Mallinson, tính vui vẻ của Barnard, ý đồ thiết thực của cô Brinklow. Anh cảm thấy anh sẽ vui mừng biết mấy khi tất cả những người này cũng biết rõ như anh; và như tu sĩ Tưởng, anh có thể hình dung thấy cả anh chàng người Mỹ lẫn cô truyền giáo đều không gây khó khăn. Thậm chí, anh còn thấy vui vui khi Barnard có một lần nói: "Anh Conway, anh biết đây, tôi không giám chắc nơi đây không phải là nơi khá thú vị để sinh cơ lập nghiệp. Thoạt đầu, tôi nghĩ tôi thiếu báo chí và phim ảnh nhưng giờ đây tôi nghĩ con người ta có thể quen với tất cả.

"Phải, tôi cũng nghĩ vậy," Conway gật đầu đồng tình.

Về sau, anh mới biết tu sĩ Tưởng đã có lần dẫn Barnard xuống thung

lũng, theo yêu cầu của anh ta để được hưởng mọi thứ vui, kiểu một "đêm dã ngoại", những thứ mà nguồn địa phương đây có thể cung cấp. Nghe tin đó, Mallinson tỏ vẻ khinh miệt, "Hắn say bí tỉ." Anh nói với Conway, và với chính Barnard, anh ta nói: "Tất nhiên đấy không phải công việc của tôi, nhưng hẳn anh cũng biết là phải giữ mình cho khỏe để còn đi xa. Phu khuân vác chỉ nửa tháng nữa sẽ tới, và theo như tôi được biết thì chuyên trở về không phải là cưỡi ngựa xem hoa đâu."

Barnard điềm tĩnh gật đầu đáp: "Tôi chẳng bao giờ nghĩ như vậy. Và để giữ sức khỏe, tôi thấy bấy giờ tôi đủ sức hơn mấy năm về trước. Hằng ngày tôi tập thể dục, tôi chẳng lo nghĩ gì, và quán bán rượu dưới thung lũng họ cũng không để cho mình uống quá say đâu, có mức độ, như anh biết đấy - châm ngôn của vùng này mà."

"Vâng tôi biết, tôi tin chắc ông đã vui chơi rồi. Ở đây, người ta phục vụ mọi sở thích - có người lại thích cô bé Trung Quốc vẫn chơi đàn dương cầm, đúng không? Anh không thể trách cứ một ai vì người ấy làm theo sở thích của mình."

Conway không thấy khó chịu, nhưng Mallinson đỏ mặt lên như chú bé học trò. "vẫn có thể bỏ tù một kẻ nào đó khi hắn thích tài sản của người khác." Anh đốp chát trả lời, con điên giận đã làm anh không còn bình tĩnh suy nghĩ nữa.

"Hẳn rồi, nếu anh bắt được hắn." Anh chàng người Mỹ nhe răng cười, hòa nhã. "Và nhân tiện tôi có điều này xin nói thẳng với mọi người. Tôi đã quyết định không nghĩ gì đến những người phu khuân vác nữa. Họ vẫn đến đây đều đặn, tôi sẽ đợi họ chuyến sau và có thể là chuyến sau nữa. Nghĩa là, nếu các tu sĩ ở đây tin tôi vẫn còn đủ tiền trả tiền khách sạn."

"Ông nói thế có nghĩa là ông sẽ không về cùng với chúng tôi."

"Đúng vậy. Tôi đã quyết định ở lại đây một thời gian. Các ông về thì vui biết mấy - sẽ có quân nhạc ra đón, còn ra đón tôi chỉ là một đám cảnh sát, càng nghĩ đến chuyện ấy, tôi càng chẳng muốn về chút nào."

"Nói cách khác, nghĩa là ông sợ không dám nghe tiếng nhạc chứ gì."

"Ồ, dù sao thì tôi vốn chẳng bao giờ thích âm nhạc."

Mallinson nói, vẻ lạnh lùng khinh miệt: "Tôi không nghĩ đây là việc của riêng ông. Không ai ngăn cản không cho ông ở lại đây suốt đời, nếu đây là chí hướng của ông." Tuy nhiên, nói xong anh vẫn nhìn quanh để tìm sự tán đồng. "Điều đó không phải là cái mà mọi người sẽ lựa chọn, mỗi người mỗi ý kiến. Anh nghĩ thế nào, anh Conway?"

"Tôi đồng ý. Mỗi người mỗi ý kiến khác nhau."

Mallinson quay lại phía cô Brinklow. Cô ta đột nhiên đặt cuốn sách xuống và nói: "Sự thực, tôi nghĩ tôi cũng sẽ ở lại đây."

"Thế nào?" Tất cả mấy người đồng thanh thốt lên với một nụ cười rạng rỡ, dường như gắn liền với gương mặt của cô hơn là nó được làm rạng rỡ.

Cô nói tiếp: "Các ông biết đây, trên đường đi tôi đã nghĩ đến sự thể diễn biến đưa tất cả chúng ta đến đây, và tôi chỉ có thể đi đến một kết luận: Hẳn đằng sau sự việc phải có một quyền lực huyền bí nào đó sai khiến. Ông Conway, ông có nghĩ như vậy không?"

Conway thấy khó trả lời, nhưng cô Brinklow đã vội vã nói tiếp: "Tôi phải hỏi ai bây giờ về những lệnh của Thượng đế? Tôi được phái đến đây với một mục đích, vậy tôi sẽ ở lại."

"Có phải cô muốn cô hy vọng sẽ bắt đầu việc truyền giáo ở đây?" Mallinson hỏi.

"Không những chỉ hy vọng mà tôi đã có ý định rõ rệt. Tôi biết rõ cách làm việc với những người dân ở đây - Tôi sẽ làm theo cách riêng của tôi, đừng sợ. Không một ai trong họ thực sự dám cản trở đâu."

"Và cô định giới thiệu một vài người?"

"Phải, tôi sẽ giới thiệu, ông Mallinson ạ. Tôi phản đối kịch liệt cái ý niệm có mức độ mà chúng ta vẫn nghe nói quá nhiều ở đây. Ông có thể gọi đó là rộng lượng, là khoan dung, tùy ý, nhưng theo tôi, việc đó sẽ dẫn đến thứ biếng nhác tệ hại nhất. Toàn bộ sự rắc rối với người dân ở đây là cái mà họ gọi là rộng lượng, là khoan dung, và tôi, tôi có ý định đem hết năng lực của mình ra chống đối để tiêu diệt nó."

"Và họ rộng lượng đến mức sẽ để mặc cho cô làm chăng? Conway nói,

miệng mỉm cười.

"Nếu không, cô ấy là con người kiên quyết đến mức họ sẽ không cản được," Barnard nói xen vào. Rồi cười khúc khích, anh ta nói thêm: "Đúng như tôi đã nói: Ở đây người ta phục vụ sở thích của tất cả mọi người mà."

"Có thể, cả nếu anh thích ngồi tù." Mallinson bốp chát lại.

Ồ, ngay về cái đó cũng có hai cách nhìn. Lạy Chúa, nếu anh nghĩ đến tất cả những người trên đời đã phải mất hết của cải để thoát con náo loạn và để vào ở một chỗ như chỗ này, có điều họ không thể thoát ra! Vậy chúng ta hay họ đang ngồi tù?"

"Một lối lý luận an ủi cho một con khỉ nằm trong cũi." Mallinson đáp lại, anh vẫn còn giận dữ.

Về sau, anh nói riêng với Conway: "Anh chàng này làm tôi khó chịu lắm." Vừa nói anh vừa đi đi lại lại trong sân. "Tôi không lấy làm buồn về việc chúng ta sẽ không có anh ta cùng trở về. Anh có thể cho tôi là dễ tự ái, nhưng chế giễu tôi với cô bé Trung Quốc thì không thể làm tôi đùa được."

Conway cầm lấy cánh tay Mallinson. Giờ đây, anh càng thấy rõ anh rất yêu mến anh thanh niên này, mấy tuần vừa qua sống bên nhau đã khiến tình cảm thêm đậm đà, mặc dầu mỗi người một nết. Anh đáp: "Tôi nghĩ hắn ta nói tôi phải lòng cô ta chứ không phải chú."

"Không, tôi nghĩ hắn định ám chỉ tôi. Hắn biết tôi vẫn để ý đến cô ta. Đúng thế, anh Conway ạ. Tôi không hiểu tại sao cô ta lại ở đây, và không biết theo cô ta có thực sự muốn ở lại đây không. Trời ơi, nếu tôi biết nói tiếng của cô ta như anh, thì tôi sẽ khiến được cô ta nói cho tôi biết."

"Cũng chưa chắc. Chú biết đây, cô ta có nói với ai nhiều đâu."

"Tôi rất không hiểu tại sao anh lại không quấy rầy cô ta với đủ thứ câu hỏi."

"Tôi không biết mình có thích quấy rầy người khác hay không?"

Anh muốn có thể nói được nhiều hơn nữa, rồi thốt nhiên, anh thấy có một cảm giác thương hại và châm biếm tràn qua anh như một làn sương mù

mỏng; anh thanh niên này, một con người rất hăm hở và sôi nổi, anh ta sẽ bám rất chặt vấn đề. "Nếu tôi là chú," anh nói thêm, "Tôi sẽ chẳng lo nghĩ gì về cô Lo-Tsen. Cô ta đang sống khá sung sướng đấy thôi."

Quyết định ở lại đây của Barnard và cô Brinklow dường như đối với Conway là rất tốt, tuy bề ngoài vào lúc này, nó đẩy anh và Mallinson đứng vào một phía đối lập. Một hoàn cảnh lạ lùng và anh chưa có kế hoạch rõ rệt để xử lý nó.

Cũng may rõ ràng không cần phải xử lý. Từ nay cho đến hai tháng, không có gì quá đáng xảy ra; và sau đó là một cuộc khủng hoảng không kém gay gắt vì anh phải chuẩn bị cho bản thân nhập cuộc. Bởi lẽ đó và nhiều lý do khác, anh không lo phiền về điều đó không thể tránh được, tuy đã có một lần anh nói: "Này ông Tưởng, ông biết đây, tôi rất lo về Mallinson. Tôi e rằng khi biết rõ sự việc, chú ấy sẽ làm tung lên."

Tu sĩ Tưởng gật đầu, vẻ thông cảm. "Vâng, đúng vậy, thực khó mà thuyết phục được anh ấy nhận ra dịp may của mình. Song rốt cuộc, cái khó khăn ấy chỉ tạm thời’ Sau đây hai mươi năm, anh bạn của chúng ta rồi cũng sẽ đâu vào đây cả."

Conway cảm thấy nói thế là nhìn vấn đề hầu như quá triết lý. Anh nói: "Tôi rất phân vân không biết rồi đây sự thật sẽ đến với chú ấy như thế nào. Chú ấy đang đếm từng ngày cái ngày những người khuân vác sẽ tới, và nếu họ không đến..

"Nhưng họ sẽ đến mà."

"Ồ, tôi cứ nghĩ tất cả câu chuyện ông nói về những người phu ấy chỉ là một câu chuyện vui vẻ để nỗi thất vọng của chúng tôi chỉ đến từ từ."

"Không phải thế. Tuy chúng tôi không mù quáng tin vào vấn đề ấy, nhưng theo tục lệ ở Shangri-La thì mọi điều phải chân thực một cách có mức độ, và tôi có thể đoán chắc với các ông rằng những lời tôi nói về những người phu khuân vác là hoàn toàn đúng. Dù sao, thì hiện nay chúng tôi đang chờ đợi đám người ấy đến đúng hoặc vào khoảng thời gian tôi đã nói."

"Khi ấy ông sẽ thấy khó mà ngăn nổi Mallinson không cho chú ấy đi với họ."

"Nhưng, chúng tôi không bao giờ làm điều ngăn cản ấy. Chỉ bằng kinh nghiệm của bản thân, anh ấy sẽ phát hiện ra rằng, những người phu không thể đưa được một ai trở về với họ."

"Tôi biết. Vậy phương pháp là như thế chăng? Và ông nghĩ sau đó sự việc sẽ ra sao?"

"Thưa ông, sau một thời gian thất vọng, vì còn trẻ và lạc quan nên anh ta bắt đầu hy vọng rằng, với đoàn phu tiếp theo, vào khoảng sau đó chín mười tháng, anh ta sẽ thuyết phục được. Và đây là niềm hy vọng mà chúng ta khôn ngoan, chúng ta sẽ không làm nản lòng ngay từ phút đầu."

Conway nói gay gắt: "Tôi tin chắc chú ấy sẽ không làm theo như vậy. Tôi cho rằng rất có thể chú ấy sẽ tính chuyện trốn đi."

"Trốn đi? Có thực đúng là từ phải dùng? Nói cho cùng, hẻm núi kia luôn luôn để ngỏ cho mọi người. Chúng tôi không có lính canh, trừ những lính canh mà chính Thiên nhiên cung cấp."

Conway mỉm cười: "Ồ, ông hẳn phải thừa nhận là thiên nhiên đã làm rất tốt công việc của mình. Nhưng dù sao tôi cũng không nghĩ rằng ông tin vào thiên nhiên một cách tuyệt đối. về những đoàn người thám hiểm đã đến đây thì sao? Hẻm núi đó có sẵn sàng mở cho họ đi ra khi họ muốn trở về không?"

Đến lượt tu sĩ Tưởng mỉm cười. "Thưa ông, hoàn cảnh đặc biệt đôi khi phải xem xét đặc biệt."

"Tuyệt. Vậy là ông chỉ để người ta có dịp trốn khi ông biết họ ngu ngốc mới làm điều đó. Ngay thế nữa, tôi cho rằng vẫn có một số người trốn."

"Ồ, điều ấy đôi khi cũng có xảy ra, nhưng đã thành lệ, người vắng mặt sẽ vui mừng khi trở lại sau một đêm trải qua trên cao nguyên."

"Không nơi trú ẩn và quần áo ấm phải không? Nếu vậy, tôi rất có thể hiểu được những phương pháp mềm dẻo của các ông cũng hữu hiệu chẳng kém gì những phương pháp cứng rắn. Thế còn những trường hợp hiếm hoi người trốn đi không trở về thì sao?"

"Chính ông đã trả lời câu ông hỏi đây." Tu sĩ Tưởng đáp: "Họ không

trở lại." Song ông ta vội nói thêm: "Tuy nhiên, tôi có thể nói để ông an tâm là quả thực có rất ít người đã không may như vậy, và tôi tin là ông bạn của ông sẽ không đến nỗi khá liều lĩnh để làm tăng thêm con số những người đó."

Conway không thấy an tâm với những câu tu sĩ trả lời; tương lai của Mallinson vẫn là mối bận tâm của anh. Anh muốn Mallinson có thể được người ta ưng thuận để trở về, và điều đó không phải là chưa từng có, vì vừa rồi là trường hợp anh phi công Talu. Tu sĩ Tưởng thừa nhận các vị lãnh đạo ở đây có đủ quyền lực để làm bất cứ một việc gì mà họ cho là khôn ngoan.

"Nhưng thưa ông, liệu chúng tôi sẽ có khôn ngoan khi đặt tất cả tương lai của chúng tôi hoàn toàn vào lòng biết ơn của ông bạn của ông không?"

Conway cảm thấy câu hỏi quả là thích đáng, vì thái độ của Mallinson cho thấy rõ anh ta sẽ làm gì một khi anh về tới Ấn Độ. Đây là một đề tài anh ta cay cú nhất và vẫn thường phóng đại lên.

Nhưng, tất nhiên, tất cả những cái đó là thuộc về xã hội thế tục, cái xã hội đang dần dần bị xua khỏi đầu óc anh bởi cái thế giới Shangri-La phong phú, tràn ngập. Trừ những lúc nghĩ đến Mallinson, còn anh cảm thấy hết sức hài lòng, cái cấu trúc dần dần phát hiện ra của môi trường ở đây tiếp tục khiến anh ngạc nhiên vì nó phù hợp một cách khó hiểu với mọi nhu cầu và sở thích của anh.

Có một lần anh nói với tu sĩ Tưởng: "Nhân tiện xin hỏi ông, mọi người ở đây xử lý tình yêu ra sao để nó hợp với lối sông ở đây? Tôi nghĩ đôi khi người đến đây cũng phát triển những mối tình gắn bó nào đó chứ?"

"Cái đó là thường xuyên." Tu sĩ Tưởng đáp, miệng nở nụ cười. "Tất nhiên các Lama thì xa lánh hẳn, phần lớn chúng tôi cũng vậy khi đạt tới tuổi trưởng thành, nhưng cho đến lúc đây, chúng tôi vẫn như những người khác, ngoại trừ như tôi nghĩ: Chúng tôi có thể tự cho là mình xử sự biết điều hơn. Và, thưa ông Conway, điều ấy cho phép tôi được đoán chắc với ông rằng, đức mến khách của Shangri-La đứng vào loại toàn diện. Ông Barnard, bạn của ông, cũng đã trải qua và thấy rõ điều này."

Conway mỉm cười đáp lại: "Cám ơn ông," giọng anh lạnh nhạt. "Cái đó tôi biết rõ, nhưng trong lúc này, sở thích của tôi không quá sốt sắng như vậy.

Tôi tò mò muốn biết về khía cạnh tình cảm hơn là về phương diện vật chất."

"Ông thấy phân biệt hai khía cạnh ấy dễ dàng lắm ư? phải chăng ông đã yêu cô Lo-Tsen?"

Conway phần nào thấy ngạc nhiên, tuy anh hy vọng anh đã không để lộ ra điều ấy. "Tại sao ông hỏi tôi như vậy?"

"Vì, thưa ông, nếu ông có như vậy cũng rất hợp lý thôi - và tất nhiên, bao giờ cũng ở mức độ vừa phải. Lo-Tsen sẽ không đáp lại bằng một tình cảm ở mức độ cao hơn ông nghĩ - nhưng sự việc vậy là rất thú vị, tôi đoán chắc với ông thế. Và tôi nói là có sở cứ hẳn hoi, vì chính tôi cũng đã yêu cô ấy hồi tôi còn trẻ hơn nhiều."

"Thật thế hở ông? Và khi ấy cô ta có đáp lại không?"

"Chi bằng một sự thông cảm đáng yêu với những tình cảm trân trọng của tôi đối với cô ấy và bằng một tình bạn càng trở nên quý báu cùng với năm tháng."

"Nói cách khác, cô ấy không đáp lại?"

"Nếu ông thích gọi như vậy." Tu sĩ Tưởng nói thêm, hơi có vẻ lên gân trang trọng: "Cô ta bao giờ cũng có phương sách tránh cho những người yêu cô cái phút thỏa mãn mà thường đi với sự đạt được tuyệt đối."

Conway cười. "Mọi sự đều tốt lành trong trường hợp ông, và có lẽ cả trong trường hợp của tôi - nhưng nếu gặp một thanh niên có máu nóng như Mallinson thì sao?"

"Thưa ông, thì vẫn là điều tốt nhất có thể xảy ra! Tôi xin nói để ông yên tâm, không phải đây là lần đầu tiên cô Lo-Tsen an ủi được người xa nhà buồn rầu khi họ biết không có chuyện quay trở về."

"An ủi?"

"Thưa vâng, nhưng ông không được hiểu lầm ý nghĩa từ mà tôi dùng. Lo-Tsen không vuốt ve mơn trớn ai, cô chỉ lấy sự có mặt của mình để trái tim đau khổ nọ thấy xúc động. Shakespeare của các ông chẳng đã nói về nhân vật Cleopatra như sau: "Cô gây cơn đói ở nơi được cô thỏa mãn nhất."

Một điển hình nổi tiếng, chắc chắn vậy, trong những cuộc chạy đua lôi cuốn sự thèm khát, nhưng, xin nói để ông yên tâm, một người đàn bà như vậy, sẽ hoàn toàn không có chỗ đứng, hoàn toàn xa lạ ở Shangri-La. Lo-Tsen, nếu tôi mạn phép sửa lại câu trích dẫn, là người làm dẹp đi cơn đói nơi cô thỏa mãn ít nhất. Đây là một thành tựu tế nhị và lâu bền hơn nhiều."

"Và tôi cho rằng đó là một thành tựu mà cô ấy phải tài khéo lắm mới hoàn thành được."

"Ồ, nhất định rồi - chúng tôi đã có nhiều thí dụ về sự việc này. Cô ấy có cách dẹp một ham muốn rộn ràng trở thành một tiếng thì thầm, cũng không kém thú vị khi không được đáp lại."

"Vậy, theo cách ấy, ông có thể coi cô ta là một bộ phận trong công cụ để huấn luyện của cơ sở này chăng?"

"Nếu ông muốn ông có thể coi cô ta như vậy."

Tu sĩ Tưởng đáp lại, vẻ phản đối một cách dịu dàng.

"Nhưng có thể thanh nhã hơn và cũng đúng sự thực hơn, nếu ta ví cô ấy với một áng cầu vồng phản chiếu trong một cái bát bằng pha lê, hoặc những giọt sương trên các bông hoa của một cây có quả."

"Ông Tưởng, tôi hoàn toàn đồng ý với ông. Như vậy sẽ thanh nhã hơn nhiều." Conway thích thú với những câu đối đáp mực thước, lanh lợi mà vị tu sĩ Trung Hoa vui tính hay đùa vẫn thường đưa ra.

Nhưng lần sau khi có một mình anh với cô bé Mãn Châu, anh cảm thấy những nhận xét của tu sĩ Tưởng là rất sắc. Ở nơi cô có một hương thơm tự nó truyền vào những xúc cảm của anh, nó thổi những mẩu than hồng rực sáng, song không cháy bốc lửa mà chỉ ấm lên thôi. Và đột nhiên anh thấy Shangri-La và Lo-Tsen là hoàn hảo, và anh không muốn gì hơn là khuấy lên một câu đáp lại khẽ khàng và cuối cùng trong tất cả những cái im lặng lẽ này. Suốt bao nhiêu năm, những khát khao thiết tha của anh đã chẳng khác gì một sợi dây thần kinh thường bị cái thế giới bên ngoài trêu trọc, giờ đây, cuối cùng, nỗi đau đã được xoa dịu, và anh có thể đắm mình trong tình yêu, nó không còn là nỗi giày vò hay chán nản nữa. Nhiều lúc ban đêm, đi bên hồ sen, anh hình dung mình ôm cô bé trong cánh tay. Song ý thức về thời gian

đã xóa đi hình ảnh ấy, xoa dịu anh, đưa anh về một trạng thái miễn cưỡng vô biên hiền dịu.

Ngay cả trong những năm tháng anh sống trước cái vật chắn lớn là Chiến tranh, anh cũng chưa bao giờ thấy mình hạnh phúc như bấy giờ. Anh mến thích cái thế giới thanh bình của Shangri-La, nó làm dịu lòng anh hơn là chế ngự anh, với cái ý tưởng kỳ lạ của nó. Anh thích cái tâm trạng phổ biến với mọi cảm xúc được bao kín trong ý nghĩ, ý nghĩ được làm mềm dịu đi và trở thành hạnh phúc lớn lao khi được chuyển thành lời nói. Conway, kinh nghiệm đã dạy cho anh biết rằng thái độ thô lỗ không bảo đảm cho thiện ý, thậm chí anh còn không coi một câu nói văn hoa là bằng chứng của sự dối trá. Anh thích cái không khí thung dung, cầu kỳ, trong đó nói chuyện là một thành tựu, chứ không chỉ là thói quen. Và anh thích hiểu được rằng những cái làm mất nhiều thì giờ có thể giờ đây không còn bị chê trách là làm lãng phí thời gian, và những giấc mộng mỏng manh nhất cũng được tâm hồn chào đón. Shangri-La bao giờ cũng yên lặng vậy mà lúc nào cũng là một nơi đông đúc náo nhiệt đầy những việc làm không nhằm theo đuổi một cái gì, các vị Lama sống như thể các vị nắm thời gian trong tay, nhưng là thời gian nhẹ như lông hồng. Conway không còn gặp vị nào nữa, song anh dần dần hiểu rõ phạm vi và sự phong phú chủng loại công việc các vị ấy làm; ngoài việc các vị đều biết ngoại ngữ, xem ra một số vị đi sâu vào hải dương học một cách khiến cho thế giới Tây phương phải hết sức kinh ngạc. Nhiều vị đi vào việc viết sách thuộc nhiều loại (như tu sĩ Tưởng nói) một vị đã có những công trình nghiên cứu có giá trị về Toán học thuần túy; một vị khác phối hợp công trình của Gibbon và Spengler để viết một luận đề rộng lớn về lịch sử nền văn minh của châu Âu. Nhưng những loại công việc ấy không phải cho tất cả các vị, và cũng không phải là của một vị nào; có những vị như Briac lao vào một công việc tùy hứng, phục hồi lại những mẩu, những đoạn giai điệu nhạc cũ, hoặc như vị cha phó xứ người Anh trước kia đã soạn thảo một lý thuyết mới về tác phẩm Đồi gió hú (Wuthering Heights). Thậm chí còn có những công trình không thực tế, mơ hồ hơn những công hình vừa kể trên. Một lần khi Conway đưa ra một số ý kiến về việc này, vị Lama tu viện trưởng đáp lại bằng cách kể ra một câu chuyện về một nghệ sĩ người Trung Quốc ở thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên. Nghệ sĩ này đã suốt nhiều năm cặm cụi đẽo khắc những con rồng, con chim và những con ngựa trên một viên đá anh đào. Sau khi tác phẩm hoàn thành ông dâng lên tặng cho một ông hoàng. Thoạt đầu, ông hoàng chẳng nhìn thấy gì có ý nghĩa ngoài một viên đá bình thường,

nhưng nhà nghệ sĩ khuyên ông hoàng hãy "Xây một bức tường, trên tường có đặt một cửa sổ, rồi ngắm viên đá qua cửa sổ vào lúc bình minh rực rỡ." Ông hoàng làm theo và lúc ấy ông mới thấy viên đá quả là rất đẹp. "Conway thân mến, con có thấy câu chuyện hấp dẫn không, và con có nghĩ nó dạy cho ta một bài học quý giá không?"

Conway gật đầu, anh thích thú khi nhận thấy được cái ý định thanh bình của Shangri-La có thể bao gồm biết bao nhiêu những công việc kỳ lạ, bề ngoài có vẻ tầm thường, vì chính anh từ trước vẫn thích những việc như vậy. Thực tế là, khi nhìn lại quá khứ trong đời mình, anh thấy rải rác những hình ảnh về những công việc, hoặc vớ vẩn quá, hoặc khó khăn quá nên đã không được hoàn thành; còn giờ đây, tất cả những công việc đó đều có thể làm được, ngay cả trong tâm trạng nhàn rỗi suy ngẫm thực là thú vị, và anh cũng không có ý chế giễu khi Barnard tâm sự với anh rằng, anh ta đã hình dung ra cho mình một tương lai thú vị ở Shangri-La.

Hình như những chuyến Barnard đi chơi xuống thung lũng mỗi ngày một nhiều hơn, trong thời gian gần đây, không phải chỉ để uống rượu và tán gái. "Anh Conway, anh biết đây, tôi nói với anh câu chuyện này là vì anh khác Mallinson - như anh có thể thấy, anh ta dễ dàng cho tôi một nhát dao. Song tôi cảm thấy anh hiểu hoàn cảnh chúng ta hiện nay rõ hơn. Kể cũng buồn cười quan chức Anh quốc các ông thoạt đầu coi bộ rất cứng nhắc, nhưng suy cho cùng các ông vẫn là những người có thể tin cậy được."

"Tôi không phải là những người chắc chắn lắm đâu." Conway đáp lại, miệng mỉm cười. "Dù sao Mallinson cũng là một quan chức nước Anh như tôi."

"Vâng, đúng thế, nhưng anh ta chỉ là một cậu bé con. Anh ta chưa biết đánh giá tình hình sự việc. Anh và tôi là những con người đã từng lăn lộn - chúng ta chấp nhận sự việc theo thực tế. Chẳng hạn như cái ổ hắc điếm này, chúng ta vẫn chưa hiểu được những ngóc ngách của nó ra sao, và tại sao chúng ta lại bị đem đến đây, nhưng thôi, sự đời vẫn chẳng thường thế đúng không? Chúng ta đâu có biết tại sao chúng ta lại có mặt trên đời này, về vấn đề đó?"

"Có thể một số người trong chúng ta không biết, nhưng tất cả câu chuyện này rồi sẽ dẫn đến đâu?"

Barnard hạ thấp giọng, khàn khàn thì thầm: "Vâng, anh ạ." Anh ta nói vẻ say sưa. "Đúng thế, không gì khác. Có hàng tấn không sai, ở dưới thung lũng. Hồi trẻ tuổi tôi là một kỹ sư khai khoáng, tôi còn nhớ rõ vỉa quặng như thế nào. Anh cứ tin ở tôi, ở đây cũng giầu như vùng Rand vậy, mà dễ khai thác gấp mười lần. Tôi đoán anh cho những lần tôi ngồi kiệu xuống thung lũng là để chơi bời lu bù chứ gì. Không hề thế, anh ạ. Tôi đã đủ trí khôn lắm chứ, anh biết đây, tôi cứ suy nghĩ mãi, những người ở đây không thể có được tất cả những thứ này từ ngoài mang vào, nếu không mua với giá rất cao. Vậy, họ lấy gì để trả nếu không phải là vàng, bạc hay kim cương hoặc một thứ gì khác? Suy cho kỹ thì cũng logic thôi. Và khi tôi bắt đầu đi thám thính quanh đây, chẳng mấy tôi đã phát hiện ra cả cái túi thủ đoạn của họ."

"Anh tự mình tìm thấy à?" Conway hỏi.

"Ồ, tôi không nói thế, mà tôi đoán là có, rồi tôi nói chuyện với tu sĩ Tưởng - tôi đặt vấn đề thẳng thắn. Và này anh Conway anh hãy tin tôi, cái ông tu sĩ Trung Hoa này không đến nỗi tồi như chúng ta đã có thể nghĩ trước đây."

"Riêng tôi, tôi không hề cho ông ta là người tồi bao giờ."

"Tất nhiên, tôi biết anh luôn đi cùng ông ta. Vậy anh cũng sẽ chẳng ngạc nhiên về cái cách tôi và ông ta đi với nhau. Chúng tôi đã đoán rất trúng. Ông ta đã đưa tôi đi xem tất cả các công trường, và có thể anh sẽ rất vui lòng khi biết rằng tôi đã được các vị lãnh đạo ở đây cho phép thăm dò toàn bộ khu thung lũng và sau đó làm một bản báo cáo đầy đủ.

Anh nghĩ thế nào? Họ dường như rất mừng vì có một chuyên gia giúp việc, đặc biệt là khi tôi nói tôi có thể mách nước cho họ cách làm tăng năng suất khai thác."

"Tôi có thể thấy ông sắp sống hoàn toàn thoải mái ở đây." Conway nói.

"Ồ, tôi phải nói là tôi đã tìm thấy một công việc để làm, và là một cái gì đó. Việc đời, cuối cùng ra sao nào ai biết được trước. Rất có thể người ở nhà họ không ráo riết bỏ tù tôi nữa khi họ biết tôi có thể chỉ đường cho họ tìm đến một mỏ vàng mới. Điều khó khăn duy nhất là: Liệu họ có tin lời tôi nói về chuyện ấy không?"

"Có thể. Điều thiên hạ muốn tin là điều kỳ lạ."

Barnard gật đầu phấn khởi. "Anh hiểu rõ vấn đề, tôi mừng quá. Và đây là điểm anh và tôi có thể cùng cộng tác. Tất nhiên, lỗ lãi chia đôi. Tất cả công việc anh phải làm chỉ là ký tên anh dưới bản báo cáo của tôi - Lãnh sự Anh quốc, anh biết đây, có thế thôi. Chữ ký đó sẽ có sức nặng."

Conway cười: "Cái đó chúng ta sẽ bàn sau. Trước hết anh hãy làm báo cáo đi."

Anh thấy buồn cười khi nghĩ đến một khả năng khó có thể thực hiện, và đồng thời anh cũng vui mừng khi thấy Barnard đã tìm được một cái khiến anh ta mau chóng yên tâm như vậy.

Vị Lama tu viện trưởng và Conway gần đây bắt đầu càng ngày càng năng gặp nhau luôn. Anh thường đến thăm ngài vào lúc chiều tối và ở lại đến mấy tiếng đồng hồ, rất lâu sau khi mấy người phục vụ đã dọn cất những bát nước trà cuối cùng và được phép đi ngủ. Ngài thường hỏi anh về những tiến bộ và tâm trạng của ba người cùng đi với anh ra sao. Có một lần ngài hỏi riêng về nghề nghiệp của họ mà đã không thể tránh khỏi bị gián đoạn vì sự kiện họ bị đưa đến Shangri-La.

Conway, vẻ ngẫm nghĩ, đáp: "Mallinson có thể rất tiên bộ trên con đường công tác của anh ta - một thanh niên cương nghị và có tham vọng. Còn hai người kia," anh nhún vai, "thực tế là cả hai đã bằng lòng ở lại đây dù sao thì cũng trong một thời gian."

Conway để ý thấy có một tia lóe sáng ở phía cửa sổ có rèm treo; lúc anh đi qua sân trên đường đi đến căn phòng giờ đây đã quen thuộc này, anh nghe thấy tiếng sấm ì ầm. Trong phòng không nghe thấy tiếng gì và những tấm thảm dày đã che ánh chớp chỉ còn là những vệt xanh mờ nhạt.

"Đúng thế," có tiếng đáp lại, "Chúng ta đã hết sức làm cho cả hai người ấy cảm thấy thoải mái. Cô Brinklow muốn cải tạo chúng ta, còn ông Barnard cũng muốn thay đổi chúng ta - thành một công ty trách nhiệm hữu hạn. Những dự án chẳng hại gì - hai người này sẽ sống rất vui vẻ. Nhưng còn cậu bạn trẻ của con, anh chàng mà cả vàng lẫn tôn giáo cũng không làm cho khuây khỏa được, giờ đây anh ta ra sao?"

"Dạ, chú ấy sẽ là một vấn đề đây ạ."

"Ta e rằng anh ta sẻ trở thành vấn đề của con."

"Sao lại của con?"

Không có tiếng đáp lại ngay, vì vừa lúc ấy người phục vụ bưng trà vào. "Karakal gửi xuống cho chúng ta những cơn dông bão vào thời gian này trong năm." Tu viện trưởng nói, điểm xuyết câu chuyện theo nghi lễ. "Người dân Trăng Xanh tin rằng những cơn dông bão ấy là do ma quỷ lên cơn điên ở khoảng không bao la bên ngoài hẻm núi. Họ gọi "Bên ngoài"- có lẽ con cũng biết theo tiếng thổ dân từ ấy chỉ toàn bộ thế giới, trừ ở đây ra. Tất nhiên, họ chẳng biết gì về những nước Pháp, Anh hoặc thậm chí cả Ấn Độ - họ hình dung vùng cao nguyên khủng khiếp dài vô tận. Với họ, những người sống hết sức ấm cúng trong một vùng ẫm áp, không có gió, họ thấy dường như không thể có một ai ở trong thung lũng này lại có ý muốn rời đi nơi khác; thật vậy, họ hình dung tất cả những "người bên ngoài" xấu số đều thiết tha muốn vào ở trong này. Đây chỉ là vấn đề quan điểm mà thôi, phải không?"

Conway nhớ lại Barnard cũng đã nói gần như vậy và anh đã kể ra.

"Khôn ngoan biết mấy," tu viện trưởng nói, "và ông ta cũng là người Mỹ đầu tiên đến với chúng ta - chúng ta thực may mắn."

Conway thấy hơi nực cười khi nghĩ cái may mắn của tu viện là vớ được một người mà hiện đang bị cảnh sát hàng chục nước săn đuổi; và anh muốn nói ra điều đó nhưng sau lại nghĩ: để Barnard tự nói ra câu chuyện của mình thì hơn. Anh chỉ nói: "Nhất định ông ấy nghĩ đúng, giờ đây có biết bao nhiêu người trên đời này lấy làm sung sướng được đến sống ở đây."

"Quá nhiều, Conway ạ. Chúng ta ở đây chỉ là một chiếc xuồng cứu đắm đang lênh đênh trên mặt biển giữa trận cuồng phong; chúng ta có thể cứu được vài người sống sót gặp may, nhưng nếu tất cả những người lâm nạn đều tới chúng ta và trèo lên xuồng thì bản thân chúng ta cũng sẽ bị đắm mất… Thôi, ta hãy bỏ qua chuyện đó lúc này. Ta nghe nói con đã kết giao được với ông Briac tuyệt vời của ta. Một người đồng hương rất thú vị của ta, tuy không có cùng ý kiến với ông coi Chopin là nhà soạn nhạc lớn nhất. Theo ý kiến của ta, như con biết đây, ta thích nhà soạn nhạc Mozart hơn..."

Những bát nước trà chưa được thu dọn và người phục vụ cũng chưa được phép rút lui đi nghỉ, Conway đã nhớ đến câu anh hỏi chưa được trả lời. Anh nhắc lại: "Cha và con vừa nãy đang bàn về Mallinson, cha bảo anh ta sẽ là vấn đề của con. Xin cha cho biết tại sao lại là của riêng con?"

Tu viện trưởng đáp lại rất đơn giản: "Con ạ, vì cha sắp chết."

Dường như đó là một câu nói kỳ lạ, Conway trong một lát không nói được gì. Cuối cùng, tu viện nói tiếp: "Con ngạc nhiên phải không? Song chắc chắn, con ạ, chúng ta không ai tránh được điều đó, ngay cả ở Shangri-La đây. Và rất có thể cha chỉ còn sống được thêm một thời gian ngắn - hoặc thậm chí, chỉ vài năm. Tất cả những gì cha báo cho con biết chỉ là sự thực đơn giản mà cha đã nhìn thấy lúc nó kết thúc. Thực thú vị khi thấy con tỏ ra quan tâm đến điều ấy, và cha không có ý nói là cha không hề có một chút mong muốn sống khi nghĩ về cái chết, ngay ở tuổi giờ đây của cha. Cũng may phần xác của cha chẳng còn gì mấy để chết, còn phần hồn, tất cả các đạo giáo chúng ta đều tỏ ra nhất trí lạc quan. Cha rất vui lòng, nhưng cha cũng phải làm quen với cảm giác lạ lùng trong những giờ phút còn lại. Cha phải hiểu rằng cha chỉ còn thì giờ để làm thêm một việc. Con có thể hình dung đây là việc gì không?"

Conway nín lặng.

"Việc đó có liên quan đến con, con ạ."

"Cha đã cho con một vinh dự lớn."

"Cha còn muốn làm nhiều hơn thế nữa."

Conway khẽ cúi xuống, nhưng không nói gì. Tu viện trưởng, sau một lát chờ đợi, nói: "Có lẽ con cũng biết những cuộc liên tiếp mời con đến nói chuyện gần đây là một điều khác thường ở đây. Song, đó cũng là truyền thống nơi đây, nếu cha có thể tự cho phép mình nói điều ngược đời là ở đây chúng ta không nô lệ vào truyền thống. Chúng ta không có gì là cứng nhắc, không có luật lệ quá khắt khe. Chúng ta làm những gì mà chúng ta cho là hợp lý, một phần được kinh nghiệm của quá khứ dẫn dắt, nhưng phần lớn là theo đầu óc khôn ngoan hiện tại của chúng ta và theo sự sáng suốt nhìn về tương lai của chúng ta. Vì những lẽ trên mà cha đã mạnh dạn làm điều quyết định này."

Conway vẫn nín lặng.

"Con ạ, cha đặt vào trong tay con toàn bộ gia tài và số phận của Shangri-La."

Cuối cùng, không khí căng thẳng vỡ ra, Conway không thể nói được một câu dịu dàng, nhẹ nhàng biểu hiện lòng tin; những âm vang roi vào trong yên lặng, cho đến khi tất cả chỉ còn lại tiếng đập của chính trái tim anh, vang như tiếng cồng. Rồi, ngắt quãng nhịp điệu, có tiếng nói tiếp:

"Cha đã đợi con, con ạ, từ rất lâu. Cha đã ngồi trong phòng này và đã nhìn gương mặt của những người mới đến, cha đã nhìn thẳng vào mắt họ và đã nghe tiếng họ nói, luôn với hy vọng một ngày nào đó, cha có thể tìm thấy con. Những bạn đồng nghiệp của cha già đi mới trở nên lịch duyệt, nhưng con còn trẻ tuổi mà đã lịch duyệt khôn ngoan không kém. Con ạ, nhiệm vụ cha truyền lại không phải là khó khăn lắm, vì dòng tu chúng ta chỉ có những quan hệ dịu dàng. Phải tỏ ra hiền dịu và kiên nhẫn, quan tâm đến kho tàng của tâm hồn, hãy chỉ huy bằng đầu óc khôn ngoan lịch duyệt và kín đáo trong lúc dông bão đang nổi điên cuồng ở bên ngoài - với con tất cả sẽ đơn giản một cách thích thú, và chắc chắn con sẽ tìm thấy hạnh phúc lớn lao."

Một lần nữa, Conway tìm câu trả lời, nhưng không được, cho đến lúc cuối cùng một tia chớp sáng nhạt chiếu vào đám bóng tối và kích thích anh, anh thốt kêu lên: "Cơn dông.. .cơn dông bão mà cha vừa nói..."

"Con ạ, nó sẽ là một cơn dông bão mà thế giới từ trước đến nay chưa từng thấy. Sẽ không có quân đội, quyền lực nào tránh được, không có khoa học nào đáp lại được. Sẽ là một cơn điên khùng cho đến lúc mọi tình hoa văn hóa đều bị giẫm nát, tất cả công trình con người làm ra đều bị san bằng trong một cái hố mênh mông. Đây là hình ảnh cha đã nhìn thấy hồi Nã Phá Luân vẫn còn là một tên chưa ai biết đến; và giờ đây, cha nhìn thấy cơn dông ấy hiện lên rõ rệt từng giờ. Con nói cha đã lầm phải không?"

Conway đáp: "Thưa cha, không. Con nghĩ có thể là cha nói đúng. Một sự tan vỡ như vậy trước kia đã có lần xảy ra, và rồi là Thời Đen Tối kéo dài năm trăm năm."

"So sánh như vậy không đúng lắm. Vì những năm Đen Tối thời ấy không thực sự quá đen tối - trong đó vẫn còn nhiều những chiếc đèn lồng le

lói, và ngay dù cho ánh sáng đã tắt hết ở châu Âu, nhưng vẫn còn những tia khác, cụ thể là từ Trung Quốc cho đến Peru, nơi đó vẫn có thể thắp sáng được. Còn những năm dài Đen Tối sắp tới sẽ bao trùm toàn thế giới trong cùng một tấm vải liệm; không còn nơi để trú ẩn hoặc trốn tránh, trừ những chỗ quá bí mật không thể tìm thấy, hoặc quá tầm thường không ai để ý đến. Và Shangri-La có thể hy vọng sẽ là cả hai thứ kể trên. Người lái máy bay mang những tấn chết chóc để gieo xuống các thành phố lớn sẽ không đi qua đây, hoặc nếu có ngẫu nhiên đi qua thì họ cũng cho nơi đây không đáng một quả bom."

"Và cha nghĩ tất cả những cái đó sẽ đến vào thời con?"

"Cha tin là con sẽ sống qua cơn bão táp. Và sau đây, qua thời gian dài tiêu điều, con vẫn có thể còn sống, trở nên già hơn, khôn ngoan lịch duyệt hơn và kiên nhẫn hơn. Con sẽ vẫn giữ được cái lịch sử đầy hương thơm của chúng ta và bổ sung thêm vào đây một chút tâm hồn đầu óc của con. Con sẽ đón chào người lạ đến và dạy cho họ biết cái luật lệ của tuổi tác và khôn ngoan; có thể một trong số những người lạ ấy sẽ kế tiếp con khi chính con trở nên quá già. Xa hơn nữa, sức nhìn của cha đã kém dần đi, nhưng cha vẫn nhìn thấy ở phía xa một thế giới mới đang náo động trên đống đổ nát, khuấy đảo một cách vụng về nhưng đây hy vọng để tìm lại những kho báu nổi tiếng họ đã mất. Và tất cả họ sẽ ở đây, con ạ, được nấp sau những rặng núi trong thung lũng Trăng Xanh và như được bảo tồn bởi một phép lạ để chờ thời đại Phục Hung..."

Tiếng nói vừa dứt, Conway nhìn thấy gương mặt trước mắt đây vẻ đẹp xa xăm và ướt đẫm, sau đó vẻ sáng rực nhạt dần và rồi không còn gì ngoài một chiếc mặt nạ, cái bóng tối đen và đang vụn ra như một thanh gỗ mục. Gương mặt không động đậy, đôi mắt nhắm lại. Anh đứng nhìn một lát rồi như một phần giấc mơ, anh nhận ra rằng vị Lama tu viện trưởng đã chết.

Dường như cần phải ghép hoàn cảnh này với một vấn đề thời sự nào đó, kẻo nó trở nên quá lạ lùng không thể tin được. Và theo bản năng máy móc của tay và mắt, Conway đưa mắt nhìn chiếc đồng hồ đeo ở tay. Lúc ấy là nửa đêm quá mười lăm phút. Thốt nhiên, khi đi qua phòng ra cửa, anh mới nhớ ra anh không biết tí gì về phải làm thế nào để gọi người đến giúp và gọi ở đâu. Đám người Tây Tạng, anh biết, họ đã được phép về nhà để ngủ, và anh cũng không biết rõ tìm tu sĩ Tưởng hoặc một ai khác ở đâu. Anh đứng

phân vân trên thềm hành lang tối om; qua khung cửa sổ, anh nhìn thấy bầu trời trong sánh, tuy mấy dãy núi vẫn còn sáng rực trong tia chớp, chẳng khác nào một tấm bích họa tráng bạc. Rồi, giữa giấc mơ yên lặng bao quanh, anh cảm thấy mình là chủ của Shangri-La. Tất cả mọi vật xung quanh anh mà anh hằng yêu mến đều là của anh, chúng ở sâu trong tâm hồn nơi anh càng ngày càng sống xa lánh những buồn phiền thế tục. Đôi mắt anh vơ vẩn nhìn vào chỗ bóng tối và thấy lấm tấm vàng lấp lánh trên những bức tranh sơn mài mầu sắc phong phú đang lượn sóng, và mùi thơm hoa huệ, chỉ thoang thoảng và tắt ngay khi sát gần cảm giác, mùi thơm đã quyến rũ anh từ phòng này qua phòng khác. Cuối cùng, anh đã ra đến sân và bờ ao; mặt trăng tròn trôi phía sau ngọn Karakal. Lúc ấy hai giờ kém hai mươi.

Mãi sau, anh mới nhận ra Mallinson đang ở bên cạnh anh, anh ta nắm cánh tay anh dẫn anh đi rất vội vã. Anh chẳng hiểu có chuyện gì xảy ra, nhưng anh có thể nghe rõ anh chàng Mallinson nói luôn mồm, vẻ phân khích.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Hai người đã tới căn phòng có bao lơn, nơi họ vẫn đến ăn cơm, Mallinson vẫn còn nắm chặt cánh tay Conway và gần như lôi anh đi. "Anh Conway nhanh lên, chúng ta chỉ còn từ đây đến mờ sáng để gói ghém tất cả những gì ta có thể gói, rồi đi. Tin quan trọng lắm, anh ạ. Tôi cũng chẳng biết lão Barnard và cô Brinklow sẽ nghĩ gì vào sáng mai, khi họ thấy anh em mình đã đi rồi... Nhưng đấy là họ tự ý chọn con đường ở lại đây, và không có họ, chúng ta có lẽ sẽ ra đi dễ dàng hơn… Đám phu khuân vác đã ở phía ngoài hẻm núi cách khoảng năm dặm - họ tới đây hôm qua mang theo nhiều sách và đồ vật...Ngày mai họ bắt đầu quay về... Rõ ràng người ở đây họ không muốn chúng ta quay về - họ chẳng cho chúng ta hay biết gì hết - họ muốn chúng ta mắc cạn ở đây không còn biết đến bao giờ nữa... Này, làm sao vậy? Anh thấy mệt à?"

Conway ngồi thụp xuống một chiếc ghế, gục đầu về phía trước, khoanh tay đặt trên mặt bàn. Anh dụi mắt. "Mệt ư? Không. Tôi nghĩ tôi không ốm. Chỉ khá mệt thôi."

"Có lẽ sắp có dông bão. Vừa rồi anh ở đâu vậy? Tôi đợi anh suốt mấy tiếng đồng hồ.

"Tôi... tôi thăm tu viện trưởng."

"Ồ, lại ông ta ! Thôi, dù sao thì đây cũng là lần cuối cùng, cảm ơn Thượng đế."

"Ừ, chú ạ, lần cuối."

Có một cái gì đó trong giọng nói của Conway và nhất là sau đó, Conway cứ nín lặng, khiến cho Mallinson phát cáu: "Ồ, sao anh lại cứ thờ ơ như vậy với công việc. Anh biết đây, chúng ta phải hết sức khẩn trương mới kịp."

Conway căng người cố để tỉnh táo hơn. "Tôi rất tiếc," anh nói. Một phần để thử thần kinh của mình và để xem mình thực sự cảm giác đến đâu,

anh bật lửa châm thuốc hút. Anh thấy cả hai tay lẫn môi anh run run. "Tôi e rằng tôi không thực sự hiểu... Chú nói phu khuân vác.

"Phải, phu khuân vác, anh ơi - hãy trấn tĩnh lại."

"Thế chú nghĩ là ra với họ à?"

"Nghĩ là ra với họ? Tôi quyết ra với họ - họ giờ chỉ đang ở bên kia đỉnh núi. Chúng ta phải khởi hành ngay lập tức."

"Ngay lập tức?"

"Vâng, vâng - tại sao lại không?"

Conway lại cố gắng một lần nữa chuyển mình từ một thế giới này sang một thế giới khác. Cuối cùng, sau khi đã chuyển được một phần, anh nói: "Tôi cho rằng chú cũng thấy công việc không hoàn toàn dễ dàng như ta tưởng."

Mallinson đang buộc dây đôi ủng Tây Tạng cao đến tận đầu gối, loại giầy leo núi, anh dằn giọng nói:- "Tôi hiểu tất cả, nhưng đây là cái chúng ta phải làm, chúng ta sẽ làm và gặp may mắn, nếu chúng ta không chần chừ."

"Tôi không thấy làm thế nào..."

"Ôi! Trời ơi! Anh Conway, anh cứ phải lẩn tránh hết mọi thứ à? Trong anh còn chút ít can đảm nào không?"

Lời kêu gọi, nửa thiết tha, nửa chế nhạo, đã khiến Conway trấn tĩnh lại được. "Tôi còn can đảm hay không, cái đó không quan họng, nhưng nếu chú muốn tôi nói lý do, thì tôi sẽ nói: Đây là một vấn đề đòi hỏi một số chi tiết quan trọng. Giả dụ chú ra được bên kia hẻm núi và tìm được đám phu khuân vác ngoài ấy, nhưng liệu họ có nhận để chú cùng đi với họ không? Chú trả công hay làm thế nào để họ nhận lời? Chú có nghĩ đến trường hợp họ có thể không sẵn sàng giúp chú như chú mong muốn không? Chú không thể cứ dẫn xác ra đây rồi yêu cầu họ đi hộ tống mình. Tất cả còn phải thu xếp, thảo luận thương lượng trước chứ.

"Hoặc một cái gì khác để trì hoãn!" Mallinson thốt lên chua chát. "Trời ơi, bấy giờ anh là con người thế nào rồi! Cũng may mà tôi đã không trông

cậy ở anh để thu xếp mọi việc. Vì mọi việc đã thu xếp cả rồi - những người phu khuân vác đã nhận tiền công trả trước rồi và họ đã đồng ý đưa chúng ta về. Và đây là quần áo và trang bị để đi đường, tất cả đã sẵn sàng. Vậy cái cớ cuối cùng của anh đưa ra không còn nữa.Thôi, ta phải làm một cái gì đi."

"Nhưng… tôi vẫn chưa hiểu..."

"Tôi không nghĩ là anh hiểu, nhưng cái đó không sao."

"Thế ai đã vạch ra tất cả những kế hoạch này?"

Mallinson cộc cằn đáp lại: "Lo-Tsen, đây nếu anh thực sự muốn biết rõ. Cô ấy hiện nay đang ở chỗ đám phu khuân vác. Cô ấy đang đợi."

"Đang đợi?"

"Phải. Cô ấy sẽ cùng đi về với chúng ta. Tôi nghĩ anh không phản đối chứ?"

Nghe nhắc đến Lo-Tsen, thốt nhiên hai cái thế giới chạm vào nhau và hòa làm một trong đầu Conway. Anh kêu lên, gay gắt gần như khinh miệt: "Vô lý, Không thể có thế được!"

Mallinson cũng bực mình không kém. "Tại sao lại không thể có được?"

"Vì… ồ, thế đây. Có đủ thứ lý do. Hãy tin ở lời tôi nói sẽ không được đâu. Không thể tin được rằng lúc này cô ta lại đang ở ngoài đó. Nghe chú nói những chuyện ấy tôi rất ngạc nhiên - nhưng cái ý niệm về cô ta đi xa hơn nữa là rất phi lý."

"Tôi chẳng thấy việc ấy phi lý chút nào.Việc cô ấy muốn rời đây cũng là rất tự nhiên, như tôi vậy."

"Nhưng cô ta không hề muốn rời đây đi đâu hết. Chú lầm là ở chỗ ấy."

Mallinson mỉm cười chua chát, nói: "Anh cho là anh biết rõ cô ta hơn tôi, tôi dám nói vậy. Song xem qua đây chứng tỏ có lẽ anh không biết gì về cô ta hết."

"Chú muốn nói gì?"

"Có rất nhiều cách để hiểu được người khác mà không cần phải học một đống ngoại ngữ."

"Lạy chúa, chú định ám chỉ gì vậy?" Rồi Conway nói thêm, vẻ bình tĩnh hơn: "Chuyện này thật phi lý. Tôi và chú phải bàn cãi cho kỹ. Mallinson, chú hãy nói cho tôi tất cả là thế nào? Tôi vẫn chưa hiểu gì hết."

"Vậy tại sao anh lại làm ầm lên như vậy?"

"Hãy nói thực cho tôi biết, xin chú làm ơn nói rõ sự thực cho tôi biết!"

"Ồ, rất đơn giản thôi. Một cô gái ở tuổi cô ta, bị giam kín ở đây với một lô những ông già kỳ cục thì tất nhiên là cô ta sẽ ra đi, nếu cô ta có cơ may gặp dịp. Từ truớc cho đến nay cô ta chưa gặp được đó thôi."

"Chú đừng có suy bụng ta ra bụng người mà nghĩ cô ấy muốn ra đi. Tôi vẫn nói với chú là ở đây cô ta rất sung sướng."

"Vậy thế tại sao cô ta lại bảo cô ta sẽ ra đi?"

"Cô ta nói thế à? Sao cô ta lại có thể thế được? Cô ta có nói tiếng Anh đâu."

"Tôi hỏi cô ta bằng tiếng Tây Tạng - cô Brinklow mách cho những từ cần thiết. Nói chuyện với nhau không thạo lắm, nhưng cũng đủ... Đủ hiểu được nhau." Mallinson hơi đỏ mặt. "Này, anh Conway, anh đừng nhìn chằm chằm tôi như vậy - người ta có thể nghĩ tôi đã săn trộm trong khu cấm của anh."

Conway đáp: "Không ai nghĩ thế, tôi mong vậy, song câu chú nói khiến tôi hiểu nhiều hơn ý chú muốn cho tôi biết. Tôi chỉ có thể nói tôi rất lấy làm buồn."

"Nhưng tại sao anh lại buồn?"

Conway để điếu thuốc lá tuột khỏi hai ngón tay. Anh cảm thấy mệt mỏi, buồn bực, trong người anh tràn ngập những cảm xúc trái ngược nhau mà anh thì không muốn nó bị khuấy động lên. Anh nhẹ nhàng nói: "Tôi muốn giữa chúng ta không bao giờ có những sự hiểu lầm như vậy. Lo-Tsen rất đẹp, tôi biết, nhưng sao chúng ta lại phải cãi nhau về chuyện đó?"

"Đẹp?" Mallinson lặp lại vẻ khinh bỉ: "Cô ta còn hơn thế. Anh không được nghĩ ai cũng lạnh lùng trước những cái đó như chính anh. Chiêm ngưỡng cô ta như thể cô ta là một vật trưng bày trong nhà bảo tàng, có thể đây là ý kiến đánh giá cô ta của anh, nhưng ý kiến của tôi thực tiễn hơn, và khi tôi thấy người mà tôi mến lâm phải hoàn cảnh khốn khổ thì tôi phải tìm cách làm một cái gì đó."

"Song chắc chắn là không có những chuyện quá bốc đồng? Thế chú nghĩ rời bỏ đây thì cô ta đi về đâu?

"Tôi nghĩ hẳn cô ta phải có bạn bè ở Trung Quốc hoặc ở đâu đây. Dù sao, thì cô ta cũng còn hơn ở đây."

"Làm sao chú có thể tin chắc như vậy?"

"Ồ, tôi thấy cô ta chăm sóc tôi nếu không có người nào khác. Dù sao, khi cần cứu một người nào khỏi hoàn cảnh rất ghê tởm thường thường không ai lại đi hỏi người ấy sẽ đi về đâu."

"Thế chú nghĩ Shangri-La là ghê tởm ư?"

"Đích xác thế. Ở đây có một cái gì đen tối, xấu xa. Toàn bộ câu chuyện của chúng ta đã là như vậy ngay từ đầu - cái lối chúng ta bị bắt cóc đưa đến đây chẳng vì một lý do gì hết, bởi một thằng điên - và cái lối chúng ta bị giữ lại ở đây từ đó, viện hết cớ này đến cớ khác. Những điều đáng sợ nhất đối với tôi - là cái nó đã tác động đến anh."

"Đến tôi?"

"Phải, đến anh. Anh cứ thờ thẫn như đi trên cung trăng, chẳng quan tâm gì hết và anh tỏ ra vui lòng ở lại đây mãi mãi. Mà, thậm chí anh thừa nhận anh thích nơi này. Anh Conway, cái gì đã xảy ra với anh? Anh có thể làm thế nào để trở lại con người thực sự của anh không? Ở Baskul, chúng ta hợp nhau thế- những ngày gần đây anh khác hẳn."

"Chú em ơi!"

Conway giơ tay về phía Mallinson, câu trả lời bằng một cái nắm tay nóng hổi và thiết tha trìu mến.

Mallinson tiếp tục nói: "Tôi nghĩ anh không hiểu rõ điều ấy, nhưng mấy tuần lễ gần đây tôi thấy cô đơn khủng khiếp. Dường như không ai thèm để ý đến cái điều duy nhất, thực sự quan trọng - Barnard và cô Brinklow, họ có lý do của họ, song tôi rất sợ khi thấy anh chống lại tôi."

"Tôi rất tiếc."

"Anh cứ nói hoài như vậy, mà nói như vậy có giúp ích được gì."

Thốt nhiên Conway như bốc lên đáp: "Vậy hãy để tôi giúp, nếu tôi có thể, bằng cách nói cho chú nghe câu chuyện sau đây. Nghe xong, tôi hy vọng là chú sẽ hiểu rất rõ những cái mà giờ đây dường như thực sự kỳ lạ và khó khăn. Dù sao thì chú cũng sẽ hiểu tại sao Lo-Tsen lại không thể trở về được cùng với chú."

"Tôi nghĩ sẽ chẳng có gì khiến được tôi nhận ra điều đó. Và xin anh nói hết sức ngắn gọn, vì hiện nay thực sự chúng ta không còn thì giờ để chần chừ nữa."

Rồi Conway kể cho Mallinson nghe hết sức ngắn gọn toàn bộ câu chuyện về Shangri-La như vị tu viện trưởng đã thuật lại cho anh nghe và về sau được mở rộng ra qua những lần nói chuyện cùng tu viện trưởng và tu sĩ Tưởng. Câu chuyện này từ trước anh vẫn giữ kín không nói ra; nhưng giờ đây, trong hoàn cảnh này, anh thấy có thể, thậm chí cần phải nói; đúng thực Mallinson là vấn đề của anh, anh phải giải quyết nó theo cách mà anh cho là đúng. Anh kể lại nhanh chóng, lưu loát, và trong khi kể, anh lại rơi vào trạng thái như bị mê hoặc bởi cái thế giới kỳ lạ, không có thời gian ấy; trong lúc anh nói, vẻ đẹp của nó lại đè trĩu lên anh và đã nhiều lần anh cảm thấy như anh đang đọc một trang hồi ký, những ý nghĩ và những câu nói tự nó đã gây ấn tượng sao mà rõ thế. Duy chỉ có một điều anh không nói ra - để tránh cho anh mối xúc cảm mà anh còn chưa chế ngự nổi - sự kiện về cái chết của tu viện trưởng đêm nay và việc chính anh được kế vị.

Khi kể gần hết, anh cảm thấy yên tâm; anh thấy vui mừng là đã kể xong, và suy cho cùng đây cũng là giải pháp duy nhất. Kể xong, anh bình tĩnh ngước mắt nhìn lên, tin tưởng mình đã làm đúng.

Nhưng Mallinson chỉ lấy ngón tay gõ vào đầu bàn và nói, sau một hồi lâu chờ đợi: "Anh Conway, tôi thực sự không biết nói thế nào... Nếu không

nói là anh hoàn toàn điên..."

Yên lặng một hồi lâu tiếp theo, trong khi đó hai người nhìn nhau, với hai tâm trạng rất khác nhau. Conway co lại và thất vọng, Mallinson nóng nảy, bồn chồn, bực tức.

"Vậy là chú cho rằng anh điên phải không?" Sau một lúc, Conway nói.

Mallinson phá ra cười như bị thần kinh: "Ồ, qua câu chuyện anh kể như vậy thì nhất thiết tôi phải nói đúng thế đó. Tôi muốn nói... Ồ, thực sự... Điều quá ư phi lý ấy… Đối với tôi xem ra không cần bàn cãi."

Conway nhìn Mallinson và tỏ vẻ hết sức ngạc nhiên.

"Chú cho là phi lý à?"

"Ồ... Còn gọi là gì khác được? Tôi rất buồn, anh Conway - nói thế là quá đáng đây - nhưng tôi thấy bất kỳ một người có đầu óc lành mạnh nào cũng không thể còn ngờ vực gì nữa."

"Vậy chú vẫn cứ cho rằng chúng ta bị đưa đến đây là do ngẫu nhiên mù quáng - do một anh chàng mất trí đã có kế hoạch chu đáo cướp đi một máy bay rồi bay hàng nghìn dặm để làm trò đùa?"

Conway đưa cho Mallinson một điếu thuốc, Mallinson nhận. Cả hai xem ra đều bằng lòng với phút nghỉ ngơi này. Cuối cùng, Mallinson đáp: "Thôi, không việc gì phải tranh luận từng điểm một. Thực tế là, anh cho rằng dân ở đây đã cử một người một cách mơ hồ ra ngoài để bẫy bắt người lạ chứ gì, và anh chàng đây đã có chủ tâm học lái máy bay, rồi đợi thời cơ cho đến khi có một chiếc máy bay thích hợp có việc cần rời Baskul với bốn hành khách... Ồ, tôi không nói là sự việc hoàn toàn không thể có được, tuy tôi thấy nó dường như gượng gạo một cách rất buồn cười. Nếu thuyết ấy đúng, thì còn cần phải xem xét, nhưng khi anh đem ghép nó vào với các sự việc khác thì thấy tuyệt đối không thể có được - tất cả những chuyện các vị Lama già mấy trăm tuổi, rằng họ đã phát hiện ra được một thứ thuốc uống vào trẻ mãi, hay gọi tên là trường sinh bất tử gì đó… Ồ, nghe nói tôi cứ ngạc nhiên không hiểu thứ vi trùng nào đó đã cắn anh, có vậy thôi."

Conway mỉm cười: "Vâng, tôi dám nói là chú thấy khó tin. Có lẽ thoạt đầu tôi cũng vậy - tôi cũng không còn nhó rõ nữa. Tất nhiên, đây là một câu

chuyện kỳ lạ, nhưng tôi nghĩ chính mắt chú đã nhìn thấy đủ chứng có để thấy đây là một vùng đất kỳ lạ. Hãy nghĩ kỹ về tất cả những gì mà cả hai chúng ta đã nhìn thấy tận mắt, một khu thung lũng xa xăm nằm giữa một vùng núi non chưa có vết chân người thám hiểm, một tu viện với thư viện đầy ắp những sách của các nước châu Âu.

"Ồ, vâng, và cả máy sưởi lớn, với ống dẫn nước, bể chứa nước hiện đại, rồi dùng trà buổi chiều, và mọi thứ khác - tất cả thực kỳ diệu, tôi biết lắm chứ."

"Ồ, vậy thì chú đánh giá nó thế nào?"

"Rất kỳ diệu, tôi thừa nhận vậy. Một điều hoàn toàn huyền bí. Song đây không phải là lý do để chấp nhận những câu chuyện mà về mặt vật lý là không thể có được. Tin vào những buổi tắm nước nóng vì anh đã được dùng, khác với việc tin là có những người sống mấy trăm tuổi chỉ vì người ta bảo với anh là như vậy." Rồi Mallinson lại phá ra cười, vẻ vẫn còn bực bội. "Này nhé, anh Conway, nơi này đã tác động đèn thần kinh của anh, và thực sự tôi cũng không lấy làm lạ. Thôi hãy gói ghém đồ đạc lại và ta đi. Chúng ta sẽ kết thúc cuộc bàn cãi này một vài tháng sau khi ta đã ăn uống no say ở nhà hàng Maiden’s."

Conway bình tĩnh đáp: "Tôi không muốn trở lại với cuộc sống ấy một chút nào."

"Cuộc sống nào?"

"Cuộc sống mà chú đang nghĩ đến… tiệc tùng... khiêu vũ... pôlô... và mọi thứ.

"Nhưng tôi chưa hề nói gì về khiêu vũ và pôlô. Những thứ ấy thì có gì là xấu nào? Anh muốn nói là anh không muốn về cùng tôi chứ gì? Anh sẽ ở lại đây mãi mãi như hai người kia? Vậy ít nhất anh cũng không cản được tôi chuồn khỏi nơi đây!" Mallinson vứt điếu thuốc lá đi và nhảy bổ ra cửa, mắt nảy lửa, miệng kêu to: "Anh mất trí rồi đây! Anh điên rồi anh Conway, vấn đề của anh là ở đây! Tôi biết anh là người luôn bình tĩnh, còn tôi lúc nào cũng nóng nảy, nhưng dù sao thì đầu óc tôi cũng lành mạnh, còn anh thì không! Người ta đã nói với tôi điều này trước khi tôi đến Baskul với anh, lúc đó tôi nghĩ họ lầm, nhưng giờ đây tôi có thể thấy là họ nói đúng..

"Họ đã nói gì với chú?"

"Họ nói trong chiến tranh anh đã bị sức ép của bom đạn, từ đây nhiều lúc anh có vẻ kỳ cục. Tôi không trách gì anh - tôi biết đây là điều anh không cưỡng lại được... và lạy Chúa, tôi rất không thích nói những chuyện này... Ồ, tôi đi đây. Thực đáng sợ và đáng buồn, nhưng tôi phải đi. Tôi đã hẹn rồi."

"Hẹn với Lo-Tsen?"

"Vâng, nếu anh muốn biết rõ."

Conway đứng dậy, chìa tay ra: "Thôi chào Mallinson, tạm biệt."

"Xin hỏi anh lần cuối, anh không đi à?"

"Tôi không thể đi được."

"Vậy, xin chào anh."

Hai người bắt tay nhau, Mallinson ra đi.

Conway ngồi một mình dưới ánh sáng chiếc đèn lồng. Anh thấy như một câu đã khắc sâu trong trí nhớ, dường như mọi vật đáng yêu nhất cũng chỉ thoáng qua như những áng mấy bay, và sẽ bị tiêu hủy hết, rằng hai thế giới cuối cùng cũng không hòa hợp làm một được, và một trong hai thế giới luôn bị treo trên một sợi chỉ. Suy nghĩ một lúc, anh nhìn đồng hồ, lúc ấy ba giờ kém mười.

Anh vẫn còn đang ngồi bên cạnh bàn, hút điếu thuốc cuối cùng thì Mallinson quay lại. Anh thanh niên bước vào, vẻ choáng váng, nhìn thấy Conway anh dừng lại đứng trong bóng tối như để trấn tĩnh lại. Anh đứng lặng im, Conway đợi một lúc không thấy gì liền bắt đầu hỏi: "Này, có chuyện gì vậy? Tại sao chú quay lại?"

Giọng nói rất tự nhiên khiến Mallinson bước tới, anh cởi chiếc áo da cừu nặng trĩu ra rồi ngồi xuống. Mặt anh tái mét, toàn thân run rẩy. "Tôi sợ quá!" Anh kêu lên, nửa thổn thức. "Cái chỗ mà chúng ta đều phải buộc thừng quanh người ấy mà, anh còn nhớ chứ? Tôi đã đi đến tận đây... Tôi đành chịu. Tôi vốn không quen leo núi cao, dưới ánh trăng nom sợ quá. Ngớ ngẩn, phải không anh?" Anh hoàn toàn kiệt sức và cứ rít lên cho đến lúc Conway phải

an ủi anh. Rồi Mallinson nói thêm: "Những người ở đây họ không cần lo lắng gì hết - sẽ không có ai đe dọa được họ bằng đường bộ. Nhưng, lạy Chúa, tôi sẵn sàng trả giá đắt để dội xuống đây một trận bom!"

"Mallinson, sao chú lại thích làm việc ấy?"

"Vì cái chỗ này nó muốn bị đập tan, bất kể nó là cái gì. Nó bệnh hoạn và bẩn thỉu - và vì thế, nếu câu chuyện hoang đường của anh là có thực, thì nó lại càng đáng căm ghét hơn! Một lũ già khọm nằm phục ở đây như lũ nhện rình bắt những ai lại gần... dù sao thì cũng thật là ô trọc.. những kẻ muốn sống đến cái tuổi như vậy phải không? Còn về vị tu viện trưởng quý báu của anh, nếu ông ta có già bằng nửa số tuổi mà anh nói là tuổi của ông ta thì cũng đến lúc giải phóng cho ông ta khỏi cái hoàn cảnh khốn khổ này… Ồ, tại sao anh lại không về cùng chúng tôi, anh Conway? Tôi không muốn phải cầu xin anh giúp tôi, nhưng cha nó, tôi còn ít tuổi, anh và tôi chúng ta đã từng là bạn thân của nhau - cả cuộc đời của tôi anh thấy không đáng để anh quan tâm so với những điều dối trá của những kẻ ghê tởm ấy ư? Và còn Lo-Tsen nữa, cô ta còn trẻ - cô ta cũng không đáng kể ư?"

"Lo-Tsen không còn trẻ." Conway nói.

Mallinson ngước mắt lên và bắt đầu cười khúc khích như điên dại. "Ồ, không, không còn trẻ không còn trẻ chút nào, tất nhiên rồi. Cô ta nom như cô gái mười bảy tuổi, nhưng chắc anh sẽ bảo tôi rằng cô ấy thực sự là một bà già chín mươi tuổi còn giữ được tuổi trẻ đây thôi."

"Mallinson, cô ấy đến đây từ năm 1884."

"Anh đang mê sảng đây, ông anh ạ!"

"Mallinson, sắc đẹp của cô ta cũng như sắc đẹp của những người khác trên đời này, đều bị phó cho những kẻ không biết giá trị của nó. Đây là một vật mảnh mai dễ vỡ chỉ được yêu quý. Đem nó ra khỏi thung lũng này nó sẽ bị phai tàn như một tiếng vang."

Mallinson cười một cách chua chát, như thể chính ý nghĩ của anh đã khiến anh vững tin. "Tôi không e sợ cái đó. Chính ở đây, cô ta mới chỉ là một tiếng vang, còn bất kỳ ở đâu đó cô ta vẫn là một con người." Sau một lúc ngừng bặt, anh lại nói thêm: "Thôi cái lối nói chuyện này chẳng ích gì

cho chúng ta. Tốt hơn hết là ta hãy cắt đứt cái phần thơ mộng đi, trở về với thực tại. Conway, tôi muốn giúp anh - tất cả đây chỉ là một điều cực kỳ phi lý, tôi biết, nhưng tôi sẽ cứ tranh luận cho ra nhẽ nếu tranh luận đem lại được chút gì có ích cho anh. Tôi cứ cho rằng trong tất cả những điều anh nói cũng có một cái gì đó có thể được, và cái ấy thực sự cần được xem xét kỹ. Giờ đây xin hỏi anh một cách nghiêm chỉnh, anh có bằng chứng gì cụ thể về câu chuyện của anh không?"

Conway nín lặng.

"Chỉ là một câu chuyện phi lý kỳ quái mà một người nào đó đã thêu dệt kể cho anh. Ngay với một người hoàn toàn đáng tin cậy mà anh đã quen biết trong cuộc đời anh, anh cũng không chấp nhận một thứ chuyện như vậy nếu không có chứng cớ. Trong trường hợp này anh có gì để làm chứng có không? Theo tôi biết thì chẳng có gì hết. Cô Lo-Tsen đã bao giờ kể lai lịch của cô ấy cho anh nghe chưa?"

"Chưa, nhưng..."

"Vậy sao anh lại đi tin lai lịch của cô ấy do một người khác kể? Và cả cái chuyện sống lâu ấy nữa - anh có thể kể ra một sự việc nào ở ngoài giúp cho tin được điều ấy không?"

Conway nghĩ một lát rồi nêu ra chuyện những tác phẩm của Chopin mà Briac đã choi.

"Ồ, vấn đề ấy đối với tôi chẳng có ý nghĩa gì hết. Tôi không phải là nhạc sĩ. Nhưng, ngay dù cho những tác phẩm ấy thực sự là của Chopin nữa, thì cũng rất có thể ông ta, đã học được bằng cách nào đó, song không thể vì thế mà câu chuyện ông ta kể phải là sự thực, phải không?"

"Có lẽ, chắc vậy."

"Và rồi còn cái phương pháp anh nói giữ được cho con người trẻ mãi và gì nữa. Vậy cái đó là cái gì? Anh nói đây là một thứ thuốc. Ồ, tôi muốn biết đó là thuốc gì? Anh đã được trông thấy nó chưa, hoặc đã uống thử chưa? Đã có ai đưa ra một sự việc cụ thể nào để chứng minh điều ấy cho anh rõ chưa?"

"Về chi tiết thì chưa, tôi thừa nhận như vậy."

"Và anh chưa hề hỏi họ một cách chi tiết phải không? Anh không hề thấy một câu chuyện như vậy cần phải có bằng chứng xác nhận ư? Anh cứ nhắm mắt tin bừa à?" Nhân đà lợi thế, Mallinson nói tiếp: "Anh thực sự biết nơi này được bao nhiêu, ngoài những gì mà người ta kể cho anh nghe? Anh đã gặp một số ông già - có thể nói nơi này được trang bị rất tốt, và xem ra những người lãnh đạo là những nhà tri thức. Cái cơ sở này được ra đời như thế nào và tại sao, chúng ta không rõ và tại sao họ lại không rõ, và tại sao họ lại muốn giữ chúng ta lại ở đây, nếu thật vậy, thì cũng là một điều bí mật, nhưng chắc chắn đây không phải là một cái cớ để tin bất kỳ câu chuyện huyền thoại nào về nó đều là đúng! Suy cho cùng, ông anh ạ, anh vốn là con người hay phê phán nhận xét cơ mà - anh còn không tin ngay tất cả những gì người ta kể cho anh nghe thậm chí là của tu viện. Ở anh, tôi thực sự không thể hiểu tại sao anh lại vồ lấy mà tin ngay mọi thứ chi vì nó xảy ra ở Tây Tạng!"

Conway gật đầu. Ngay trong lòng những nhận thức sắc bén hơn nhiều, anh cũng không thể không tán thành một lý luận đúng. "Chú Mallinson, chú nói đúng đấy. Tôi cho rằng sự thực là khi người ta tin vào một cái gì không cần chứng cớ rõ ràng, người ta thường thiên về cái mà ta thấy hấp dẫn nhất."

"Ồ, mẹ kiếp, tôi chẳng hề nhìn thấy được một cái gì hấp dẫn trong cuộc kiếm sống cho đến lúc sắp chết dở. Hãy cho tôi chọn một cuộc sống ngắn thôi nhưng còn vui vẻ. Và còn câu chuyện vó vẩn về cuộc chiến tranh trong tương lai - tất cả những cái đó tôi coi thường. Làm sao người ta lại biết được là cuộc chiến tranh tiếp theo đang sắp nổ ra hoặc nó sẽ như thế nào? Các nhà tiên tri chẳng đã đoán sai toét về cuộc chiến tranh vừa qua đây ư?" Thấy Conway không đáp lại, anh nói thêm : "Dù sao thì tôi cũng không tin khi nói là sự việc không thể tránh được. Mà dù nếu không tránh được, thì cũng không cần phải hoảng sợ nó. Thượng đế biết rõ tôi sẽ hoảng sợ nếu tôi phải đi ra mặt trận để đánh nhau, nhưng tôi thà đương đầu với nó còn hơn tự chôn vùi mình ở đây."

Conway mỉm cười. "Mallinson, chú có một sở trường tài tình là rất hay hiểu lầm tôi. Hồi ở Baskul chú nghĩ tôi là một trang anh hùng - giờ đây chú cho tôi là một thằng hèn nhát. Thực tế tôi chẳng anh hùng mà cũng chẳng hèn nhát - tuy, tất nhiên cái đó không đáng kể. Khi trở về Ấn Độ, nếu chú thích thú chú có thể cứ nói với mọi người rằng tôi đã quyết định ở lại một tu viện ở Tây Tạng vì tôi sợ sẽ có cuộc chiến tranh khác sắp nổ ra. Đây không

hề là lý do thực sự của tôi, nhưng tôi tin chắc mọi người sẽ tin bởi họ vốn đã cho tôi là một thằng mất trí."

Mallinson đáp lại có vẻ buồn: "Anh biết đây, nói như vậy thực là ngớ ngẩn. Dù sao đi nữa, tôi cũng sẽ không bao giờ có một lời nói xấu anh. Anh có thể tin ở điều đó. Tôi không hiểu anh, cái đó tôi xin thừa nhận - nhưng, nhưng tôi rất muốn hiểu anh. Ôi, tôi rất muốn hiểu anh. Anh Conway, tôi có thể giúp anh được không? Có điều gì tôi có thể nói hoặc việc gì tôi có thể làm?"

Một lát lặng im dài sau đó; cuối cùng, Conway thốt lên: "Có một câu tôi muốn hỏi chú, nếu chú thứ lỗi cho tôi đã xen vào đời tư của chú."

"Việc gì vậy?"

"Chú có yêu Lo-Tsen không?"

Gương mặt chàng thanh niên đang tái xanh chuyển ngay sang đỏ hồng. "Tôi dám nói là tôi có yêu. Tôi biết anh sẽ bảo đây là phi lý và không thể nghĩ tới và cũng có thể đúng là như vậy, nhưng tôi không thể cản được tình cảm của mình."

"Tôi không hề coi đây là phi lý chút nào."

Cuộc tranh luận dường như đã đi vào bên đậu sau nhiều phen sóng gió, và Conway nói thêm: "Tôi cũng không thể cản được tình cảm của tôi. Chú và cả cô gái ấy là hai người tôi quan tâm nhất trên đời này... mặc dầu chú có thể nghĩ tôi là người kỳ cục."

Đột nhiên, anh đứng dậy, đi đi lại lại trong phòng. "Chúng ta đã nói với nhau tất cả những gì chúng ta có thể nói, phải không?"

"Vâng, tôi cho là như vậy." Nhưng Mallinson tiếp tục nói, thốt nhiên vội vã hăm hở: "Ồ, mới ngớ ngẩn làm sao khi nói cô ấy không còn trẻ nữa! Một điều phi lý điên dại và ghê tởm nữa. Anh Conway, anh không thể tin được điều ấy! Nó quá lố bịch. Làm sao nó thực sự có nghĩa được?"

"Làm sao chú lại thực sự biết là cô ta còn trẻ?"

Mallinson quay nửa người đi, vẻ mặt nghiêm trang e thẹn." Vì tôi biết

rõ mà… Có lẽ anh sẽ ít nghĩ về tôi trong chuyện đó… Nhưng tôi biết rõ mà. Tôi e rằng anh chưa bao giờ hiểu đúng cô ấy, anh Conway. Cô ấy bề ngoài lạnh lùng, song đây chỉ là kết quả cuộc sống ở đây đây thôi - nó đã làm lạnh giá đi tất cả mọi hơi nóng. Nhưng hơi nóng vẫn còn đó."

"Để không bị giá lạnh?"

"Vâng... Đây cũng là một cách nói."

"Và này Mallinson, cô ta còn trẻ - chú tin chắc điều đó ư?"

Mallinson nhẹ nhàng đáp: "Trời ơi, đúng thể cô ta chỉ là một cô gái. Tôi vô cùng thương hại cô ấy, và cả hai chúng tôi đã hấp dẫn nhau, tôi nghĩ vậy. Tôi thấy việc đó chẳng có gì đáng xâu hổ. Thực ra ở một nơi như ở đây, tôi nghĩ đấy là điều tốt đẹp nhất có thể có được…"

Conway đi ra ban công và ngắm nhìn đỉnh núi lấp lánh của ngọn Karakal; mặt trăng đã lên cao trong đại dương yên lặng. Cũng như tất cả những sự vật đáng yêu khác, giấc mộng trong anh đã tan vỡ khi chỉ mới chạm vào thực tại, cái tương lai của cả toàn thế giới được đặt trên bàn cân với một bên là tuổi trẻ và một bên là tình yêu thì chỉ nhẹ như lông hồng. Anh cũng biết tâm hồn anh, đầu óc anh đang sống trong một thế giới riêng của nó, Shangri-La trong một cái thế giới thu nhỏ lại, và cái thế giới ấy cũng đang có nguy cơ bị tiêu diệt. Vì dù cho anh đã ráng sức, tập trung hết nghị lực, anh vẫn thấy trung tâm tưởng tượng của anh cứ xoắn lại, cứ căng ra, do một sức gì đó tác động, những lâu đài, đình tạ nơi đây cứ lộn nhào; tất cả như sắp bị đổ nát. Anh chỉ đau buồn một phần, nhưng anh vô cùng bối rối và có phần buồn bã. Anh cũng không biết, trước đây anh đã điên dại và giờ đây lành mạnh hoặc đã một thời gian lành mạnh và bấy giờ lại điên dại.

Khi anh quay lại, trong anh có một sự khác biệt, giọng nói đanh hơn, hầu như cộc cằn, gương mặt hơi rúm lại; coi anh giống hệt như Conway trước kia, một người anh hùng ở Baskul. Lăm lăm để hành động, anh nhìn Mallinson, thốt nhiên với một vẻ hoạt bát hẳn. Anh hỏi: "Thế chú cho là ta có thể vượt qua được quãng đó với một chiếc thừng nếu ta đi với chú phải không?"

Mallinson chồm lên: "Anh Conway!" Nghẹn ngào trong tiếng kêu. "Anh nói anh sẽ đi với chúng em ư? Cuối cùng, anh đã nghĩ lại rồi ư?"

Khi Conway chuẩn bị xong cho chuyến đi, là hai người đi liền. Ra đi thực đơn giản lạ lùng - một chuyên ra đi chứ không phải lẩn trốn. Không có chuyện gì xảy ra khi họ bước qua những vạch của ánh trăng và bóng tối trong các khu sân. Người ta có thể nghĩ không có ai ở những nơi ấy; Conway nghĩ vậy; và lập tức cái ý niệm về sự hổng vắng đó trở thành cảm giác trống không trong anh. Trong suốt lúc này, tuy anh chẳng để ý nghe, Mallinson vẫn cứ luôn mồm huyên thuyên nói về chuyến đi. Kỳ lạ thực, cuộc tranh cãi kéo dài của họ đã kết thúc thành hành động như vậy, cái nơi ẩn náu bí mật này đã được một người tìm thấy ở đây niềm hạnh phúc lớn lao rồi bỏ lại! Vì thật vậy, chưa đến một tiếng đồng hồ sau đó, hai người đã dừng lại để lấy lại hơi ở một quãng cong trên con đường mòn và nhìn lại Shangri-La một lần cuối. Sâu thẳm bên dưới họ là thung lũng Trăng Xanh lúc này như một đám mây, và với Conway, những mái nhà rải rác như đang bồng bềnh theo anh qua đám mấy mù. Giờ đây là lúc chia tay.

Mallinson từ nãy phải leo quãng dốc đứng nên cứ nín lặng, giờ mới thốt lên: "Anh ơi, chúng ta đã leo giỏi quá - thôi, ta tiếp tục!"

Conway mỉm cười, nhưng không đáp lại, anh đã chuẩn bị dây thừng để qua quãng đường tắt sắc như dao này. Đúng như Mallinson nói, anh đã nghĩ lại, mà trong đầu óc anh cũng chỉ còn vậy. Cái phần nhỏ và hoạt động ấy giờ đây át hết, phần còn lại chỉ là một khoảng trống không sao chịu nổi. Anh là người lang thang đi giữa hai thế giới và cứ phải vơ vẩn đi mãi, nhưng lúc này, trong cái khoảng trống sâu kín ở trong anh, tất cả những gì anh cảm thấy chỉ là anh mến yêu Mallinson và anh phải giúp chú ấy; cũng như hàng triệu người khác, anh phải từ bỏ cái khôn ngoan để làm người anh hùng.

Đến chỗ sắp phải leo xuống vực thẳm, Mallinson tỏ vẻ bồn chồn lo lắng, nhưng Conway đã làm anh khỏi lo với cái tài leo núi truyền thống của mình. Và khi đã qua đoạn khó khăn, hai người chụm đầu bên mấy điếu thuốc lá của Mallinson.

"Anh Conway, anh cực kỳ tốt... Có lẽ anh cũng đoán được cảm giác của em… Em không thể nói hết được niềm vui của em lúc này…

"Nêu tôi là chú thì tôi cứ lặng im."

Sau một hồi lâu nghỉ chân, và trước khi tiếp tục đi, Mallinson nói: Nhưng em rất vui - không phải vui vì em, mà còn cả vì anh nữa... - Thực hay

quá, bây giờ anh lại hiểu được rằng tất cả những chuyện ba láp ấy đều cực kỳ phi lý... Được nhìn thấy anh trở lại con người thực của anh, thật kỳ lạ..

"Có gì đâu," Conway đáp lại, vẻ gượng gạo và cũng là để an ủi riêng mình.

Về gần sáng thì họ tới chỗ phân ranh giới, không hề bị người canh gác hỏi han, cho dù có gặp, tuy trong thâm tâm Conway vẫn nghĩ con đường chỉ được canh gác vừa phải thôi. Một lát sau họ tới vùng cao nguyên bị quét sạch chỉ còn như một khúc xương bởi những hận gió gào thét và sau một lúc xuống dốc thoai thoải, họ nhìn thấy lều trại của đám phu khuân vác. Tất cả đều đã đúng như Mallinson nói trước; đám phu khuân vác sẵn sàng chờ đón họ, những con người vạm vỡ khỏe mạnh, mình mặc áo lông thú và da cừu, đang thu mình dưới những con gió gào thét, đang hăm hở để bắt đầu cuộc hành trình trở về Tatsien-Fu, một nghìn một trăm dặm về phía Đông trên biên giới Trung Quốc.

"Anh ấy về cùng với chúng ta!" Mallinson phấn khởi kêu lên khi hai người gặp Lo-Tsen. Anh quên là Lo-Tsen không biết tiếng Anh song Conway đã dịch lại.

Dường như chưa bao giờ cô bé Mãn Châu trông lại tươi tỉnh rực rỡ như lúc này. Cô mỉm cười đáp lại Conway, một nụ cười quyến rũ, nhưng cặp mắt cô dồn tất cả vào anh chàng thanh niên.

PHẦN KẾT

Tôi gặp lại Rutherford ở Delhi. Chúng tôi cùng là khách đến dự bữa tiệc ngài Phó Vương chiêu đãi, nhưng do khoảng cách và nghi lễ, chúng tôi không được gần nhau cho đến lúc mấy người hầu quấn khăn đưa mũ trả lại chúng tôi. "Anh lại chỗ khách sạn của tôi, ta cùng uống với nhau chút ít", anh mời tôi.

Hai chúng tôi cùng ngồi trên chiếc xe ngựa dọc con đường xa mấy dặm, khô cằn, giữa cuộc sống yên lặng ở Lutyens và rạp chiêu phim âm áp, nhộn nhịp ở khu phố cổ Delhi. Qua tin đăng trên báo, tôi biết anh vừa mới từ Kashgar về. Anh là một người ăn mặc lịch sự nổi tiếng, moi móc tin tức rất giỏi; bất kỳ một ngày nghỉ bất thường nào cũng mang tính cách một cuộc thám hiểm và tuy người thám hiểm giữ ý không làm một điều gì thực sự độc đáo, nhưng mọi người không ai biết điều ấy, và anh ta lợi dụng toàn bộ giá trị của một ấn tượng vội vã. Chẳng hạn với tôi, chuyến đi của Rutherford không có gì đặc biệt đáng gọi là mở ra một kỷ nguyên như báo chí vẫn đề cao; những thành phố Khotan chôn vùi dưới lòng đất là chuyện cũ lắm rồi, nếu ta nhớ đến Stein và Sven Hedin.

Tôi rất quen thân Rutherford nên nói đùa anh về chuyện đó, anh cười nói: "Ừ, sự thực sẽ viết được một câu chuyện hay hơn". Anh thừa nhận, vẻ kín đáo.

Chúng tôi đi đến khách sạn nơi anh nghỉ và uống Whisky. "Vậy anh đã ra công trình tìm kiếm Conway?" tôi gợi chuyện khi thấy có thời cơ thuận tiện.

"Nói là tìm kiếm thì hơi quá đáng," anh đáp. "Trong một đất nước lớn bằng nửa châu Âu anh không thể đi tìm một người. Tất cả những gì tôi có thể nói là tôi đã đi thăm nhiều nơi mà ở đây tôi hy vọng gặp được anh ta hay được nghe một chút tin tức về anh ta. Hẳn anh còn nhớ, tin cuối cùng về anh ta tôi nhận được là anh ta rời Bangkok đi về phía Tây Bắc. Có dấu vết anh ấy đi ngược một quãng đường, và theo tôi đoán, anh ta có thể đi về phía các vùng dân tộc bộ lạc ở miền biên giới Trung Quốc. Tôi nghĩ có lẽ anh ta

không đi về phía Miến Điện vì ở đây có thể sẽ gặp các quan chức người Anh. Dù sao thì cũng có thể nói đến khoảng miền Thượng Xiêm[33][1] thì mất hẳn dấu vết, và tất nhiên tôi không nghĩ đến chuyện theo dấu chân anh ta xa hơn nữa."

"Anh có nghĩ đi tìm thung lũng Trăng Xanh có phần dễ hơn không?"

"Ồ, dường như đây đã có thể là một để nghị chắc chắn hơn. Tôi nghĩ anh đã đọc qua tập bản thảo của tôi.

"Nhiều hơn đọc qua. Đáng lẽ tôi đã phải gửi trả lại anh, nhưng vì anh đã không để lại địa chỉ."

Rutherford gật đầu. "Chẳng hay anh đã dùng nó làm gì?"

"Tôi thấy tập bản thảo rất có giá trị - tất nhiên với giả thiết là tất cả đều hoàn toàn dựa trên những gì Conway đã kể lại cho anh nghe."

"Xin lấy danh dự cam đoan với anh về điều đó. Tôi không hề bịa thêm một chữ nào - thực vậy, thậm chí trong đó phần ngôn ngữ của tôi còn ít hơn điều anh tưởng. Tôi vốn có trí nhớ tốt, và Conway thì bao giờ cũng có cách miêu tả sự vật. Anh chớ có quên chúng tôi đã hầu như nói chuyện suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ."

"Ồ, như tôi đã nói, tập bản thảo rất có giá trị."

Anh ngả người ra phía sau, mỉm cười nói: "Nếu đây là tất cả những gì anh sắp nói thì tôi có thể thấy tôi sẽ phải nói rõ ý của tôi. Tôi nghĩ anh cho tôi là người có phần cả tin. Thực ra tôi không phải là như vậy. Người ta sẽ mắc sai lầm nếu quá cả tin, nhưng nếu tin quá ít thì cũng tẻ ngắt. Đúng là câu chuyện Conway kể đã hấp dẫn tôi - theo nhiều cách - do đó, tôi thấy hết sức quan tâm đến việc kiểm tra sự việc, ngoài việc có dịp gặp chính là anh ta."

Sau khi đã châm lửa đốt một điếu xì gà, anh nói tiếp: "Có nghĩ là một chuyến đi dài đường kỳ quặc, nhưng tôi lại thích đi như vậy, và các nhà xuất bản của tôi họ không thể từ chối thỉnh thoảng ra một cuốn du ký. Tất cả tôi đã đi chừng mấy ngàn dặm đường - Baskul, Bangkok, Trùng Khánh, Kashgar - Tôi đi thăm hết, và cả cùng nội địa giữa những nơi có điều bí mật. Nhưng anh biết đây, nó rất mênh mông, nên tất cả công việc thăm dò của tôi

chỉ ở vùng quanh rìa mà thôi và cũng chỉ ở bên lề điều bí mật. Thực vậy, nếu anh muốn biết đích xác cụ thể về cuộc phiêu lưu của Conway thì, trong chừng mực tôi đã có thể kiểm tra được, tôi chỉ có thể nói rằng anh ta rời Baskul đi ngày hai mươi tháng Năm, đến Trùng Khánh ngày mồng năm tháng Mười. Và điều cuối cùng biết về anh ta là anh lại rời Bangkok đi ngày mồng ba tháng Hai. Còn ngoài ra, tất cả chỉ là khả năng, là có thể, là phỏng đoán, là huyền thoại, là truyền thuyết tùy ý anh muốn gọi là gì cũng được."

"Vậy anh không tìm thấy gì ở Tây Tạng?"

"Anh bạn thân mến ơi, tôi có vào đất Tây Tạng bao giờ đâu. Người ở Nhà khách Chính phủ không chịu để tôi đi. Họ nói để đi như vậy khác nào chuẩn y cho một chuyến leo núi Everest và khi tôi ngỏ ý muốn đi lang thang một mình trong vùng Kuen-Luns, họ trố mắt nhìn tôi, như thể tôi gợi ý muốn viết một cuốn sách về cuộc đời của Thánh Gandhi. Thực tế là họ biết nhiều hơn tôi. Đi lang thang ở Tây Tạng không phải là công việc của một người mà là của một đoàn thám hiểm có trang bị đầy đủ và người cầm đầu ít nhất phải biết ít nhiều tiếng nói của dân địa phương. Tôi nhớ khi Conway kể cho tôi nghe, tôi cứ thắc mắc tại sao lại cứ phải mất công chờ đám phu khuân vác - sao không cứ lên đường mà ra đi? Và chẳng mấy chốc tôi đã nhận ra. Những nhân viên Chính phủ họ nói rất đúng - tất cả hộ chiếu trên đời cũng không thể giúp tôi vượt qua được Kuen-Luns. Tôi đã đi đến tận đấy để nhìn Kuen-Luns ở đằng xa vào một ngày rất quang đãng - tôi đứng cách khoảng năm chục dặm. Ngay chỉ thế thôi cũng ít có người châu Âu đã đặt chân tới."

"Vùng đó ghê gớm thế cơ?"

Nom nó giống như một cái tủ lạnh khổng lồ trắng toát ở phía chân trời, có thế thôi. Ở Yarkand và Kashgar, gặp ai tôi cũng hỏi thăm về những ngọn núi ở đây, nhưng chẳng biết được thêm là bao. Tôi nghĩ đây là rặng núi được ít nhà thám hiểm biết tới nhất trên thế giới. Tôi may mắn gặp được một du khách người Mỹ, có một lần anh ta cũng đã định vượt qua dãy núi này, nhưng không tìm ra được một cái đèo nào. Anh ta nói, có nhiều đèo đây, nhưng nó cao khủng khiếp và không thấy có ghi trên bản đồ. Tôi hỏi anh ta liệu có thể có một khu thung lũng như Conway miêu tả không, thì anh ta nói anh ta không khẳng định là không thể có, nhưng anh nghĩ rất có thể không có, dù sao thì cũng trên cơ sở địa chất học. Sau đây tôi lại hỏi, anh có bao giờ nghe nói về một ngọn núi hình chóp nón mà lại cao bằng ngọn núi cao

nhất của vùng Hi Mã Lạp Sơn không, câu trả lời của anh ta rất hấp dẫn. Anh ta nói có một truyền thuyết về ngọn núi như vậy, nhưng bản thân anh ấy nghĩ không thể có cơ sở để tin. Anh ta nói thêm, thậm chí còn có tin đồn là có những ngọn núi thực sự cao hơn ngọn Everest, song riêng anh ta, anh ta không tin. "Tôi không tin là ở Kuen-Luns có ngọn núi nào cao hơn hai mươi lăm ngàn bộ[34][1]". Nhưng anh thừa nhận rằng, những ngọn núi ở đây chưa hề được đo đạc kỹ lưỡng.

Sau đó tôi hỏi anh ta là có biết gì về các tu viện Lama ở Tây Tạng không, vì anh ta đã đến đây nhiều lần. Những gì anh ta cho biết cũng như những điều nhiều cuốn sách đã nói đến. Anh ta đoán chắc với tôi rằng, những nơi ấy không hề đẹp, các tu sĩ, sư sãi ở đó thường thường là đồi bại và bẩn thỉu. "Thế họ có sông lâu không?" Tôi hỏi. Anh ta nói có, thường họ sống lâu, trừ những trường hợp bị chết vì bệnh tật do bẩn thỉu gây ra. Sau tôi mạnh dạn đi thẳng vào vấn đề, hỏi anh có nghe được những truyền thuyết về các vị Lama sống cực lâu không. "Hàng đống!" Anh nói. "Đây là những chuyện tủ mà đến đâu cũng nghe thấy người ta kể, nhưng không thể kiểm nghiệm được. Người ta kể có một anh chàng trông xấu xí bị nhốt trong một phòng kín suốt một trăm năm, lúc mở cửa phòng ra, con người này vẫn y như trước, nhưng tất nhiên, anh không thể đòi y đưa ra giấy khai sinh." Tôi hỏi anh ta, liệu anh có nghĩ họ có pháp thuật gì, hoặc phương thuốc gì để kéo dài tuổi thọ hoặc để giữ con người trẻ lâu không, anh nói họ cho rằng họ có rất nhiều phương thuốc và pháp thuật kỳ cục về điều đó, nhưng anh ấy nghĩ, nếu nhìn tận mắt thì nó chẳng khác gì cái trò ảo thuật cái thùng của người Ấn Độ - bao giờ cũng là cái mà người khác đã trông thấy. Tuy nhiên, anh ấy nói các Lama ở đây hình như có năng lực kỳ lạ về kiềm chế cơ thể. "Tôi đã nhìn họ," anh nói. "Ngồi ở bên mép một cái hồ nước đóng băng. Họ trần như nhộng, ngồi trong thời tiết giá lạnh dưới 0°c và gió gào thét, trong lúc những gia nhân đầy tớ đập vỡ băng và quấn quanh người họ những chiếc khăn đã được nhúng xuống nước. Họ làm như vậy đến hơn mười lần và các Lama đã dùng cơ thể mình để hong khô cho những chiếc khăn. Người ta cho rằng các Lama đã vận khí để giữ cho người được ấm nóng, tuy đây chỉ là một lối giải thích không có gì là đúng cho lắm."

Rutherford uống thêm rồi nói tiếp: "Nhưng tất nhiên, như anh bạn người Mỹ của tôi đã thừa nhận, tất cả những cái này chả có liên quan gì mấy đến phép trường sinh bất tử. Nó chỉ chứng tỏ các Lama vẫn có những tục lệ

tự hành xác rất khó chịu... Đấy, sự thể với chúng tôi là vậy và chắc anh cũng sẽ đồng ý với tôi rằng mọi thứ có chỉ là chuyện cung trăng mà thôi."

Tôi nói, như vậy thực khó kết luận, và tôi lại hỏi thế người Mỹ kia có nghe nói gì về những cái tên "Karakal" và "Shangri-La" không?.

Hoàn toàn không. Tôi đã hỏi anh ta về những cái đó, anh ta nói: "Thú thực, tôi không sành về các tu viện - quả vậy, có một lần tôi đã nói với một người tôi gặp ở Tây Tạng rằng, nếu tôi có lạc đường một chút là để tránh không gặp những tu viện ấy chứ không phải để đến thăm họ". Câu nói ngẫu nhiên đó đã khiến tôi nảy ra một ý nghĩ tò mò. Tôi hỏi anh ta đã gặp người ở Tây Tạng hồi nào. Anh ta đáp: "Ồ, đã lâu lắm rồi, từ trước Đại Chiến vào năm 1911 thì phải". Tôi lại hỏi thêm anh ta một cách chi tiết hơn, và anh ta đã cho biết những gì trí nhớ còn ghi lại được. Hình như hồi đó anh ta làm cho một hãng của Mỹ chuyên về các vấn đề địa lý, anh ta đã cùng đi với nhiều đồng nghiệp, cùng phu khuân vác. v.v… Thực sự một đoàn thám hiểm có trang bị đây đủ. Ở đây khoảng gần Kuen-Luns, anh ta gặp một người Trung Quốc ngồi trên chiếc ghế kiệu do mấy người thổ dân khiêng. Người Trung Quốc này nói tiếng Anh rất thạo, và cứ ân cần khẩn thiết mời đoàn địa lý đến thăm một tu viện gần đây - thậm chí người ấy còn tự nguyện xin dẫn đường. Anh người Mỹ nói đoàn không có thì giờ và thực ra họ không quan tâm đến chuyện đi thăm tu viện, câu chuyện chỉ có thế. Nghi một lát Rutherford nói tiếp: "Tôi không nghĩ rằng như thế có nhiều ý nghĩa. Khi người ta gắng nhớ lại một sự kiện ngẫu nhiên xảy ra từ hai chục năm về trước, thì không thể tin được lắm. Song nhiều khi nó cung cấp một đề tài hấp dẫn để suy nghĩ."

"Đúng thế, nếu một đoàn thám hiểm có trang bị đầy đủ mà nhận lời đến thăm, tôi thấy tu viện chẳng có thể cố giữ họ ở lại trái với ý muốn của họ."

"Ồ tất nhiên. Nhưng có lẽ đây không phải là tu viện ở Shangri-La."

Cả hai chúng tôi ngẫm nghĩ hồi lâu và thấy dường như quá mù mờ để bàn cãi, và tôi tiếp tục hỏi Rutherford có phát hiện được gì ở Baskul không.

"Baskul chẳng đem lại được gì, mà Peshawar còn tệ hơn. Người ta chẳng cho tôi biết được gì hơn, ngoài câu chuyện chiếc máy bay bị cướp mất là có thật. Người ta cũng không thích thừa nhận việc này, vì đây là một câu

chuyện không có gì để họ lấy làm hãnh diện."

"Thế không nghe thấy nói gì về chiếc máy bay ấy về sau ra sao ư?"

"Không có cả lời đồn đại gì về nó, hoặc về bốn người đi trên máy bay. Tuy nhiên, sau này tôi thẩm tra thấy chiếc máy bay đó có thể bay cao để vượt qua những dãy núi rất cao. Tôi cũng đã cố tìm tung tích của anh chàng Barnard, nhưng quá khứ của hắn bí ẩn quá nên tôi cũng không hề ngạc nhiên một chút nào nêu thực sự hắn là Chalmers Bryant như Conway nói. Nói cho cùng, việc Bryant biến mất tăm giữa lúc đang bị săn đuổi thì quả thực lạ lùng."

"Thể anh có tìm hiểu gì thêm về tên đã thực sự ăn cướp chiếc máy bay không?"

"Tôi đã cố tìm. Nhưng cũng lại không có hy vọng. Người phi công bị tên cướp đánh gục và mạo danh lái chiếc máy bay đi, đã bị giết chết, thế là một đường dây để dò hỏi đã bị cắt đứt. Tôi còn viết cả thư cho một người bạn của tôi ở Mỹ đang làm công việc quản lý một trường đào tạo phi công, hỏi anh ta vừa qua có học viên là người Tây Tạng không; anh ta trả lời nhanh chóng nhưng không giúp được gì. Anh ta nói anh không phân biệt được người Tây Tạng với người Trung Quốc, và con số những người này ở trường có tới khoảng năm mươi người - tất cả họ được đào tạo để lái máy bay chống lại Nhật Bản. Anh xem đấy, ở đây cũng chẳng có may mắn cho lắm. Nhưng tôi đã có được một phát hiện khá kỳ quặc - một phát hiện tôi có thể đạt được dễ dàng không cần phải đi khỏi London. Tại Jena vào khoảng giữa thế kỷ vừa qua, có một giáo sư người Đức đi chu du thiên hạ và ông ta đã đến thăm Tây Tạng vào năm 1887. Ông ta không bao giờ trở về và có những chuyện đồn đại về ông ta đã bị chết đuối trong khi lội sông. Tên ông ta là Friedrich Meister."

"Trời ơi - một trong số những tên mà Conway đã nói đến!"

"Vâng, tuy đó có thể chỉ là một sự trùng hợp. Nó chẳng hề chứng minh cho toàn bộ câu chuyện, vì ông người Jena này sinh năm 1845. Chẳng có gì là đáng hấp dẫn."

"Nhưng cũng kỳ lạ đây chứ", tôi nói.

"Ồ, vâng, nó cũng khá kỳ quặc."

"Thế anh có dò la tung tích được một người nào khác không?"

"Không. Rất tiếc là tôi không có một danh sách dài hơn để tiếp tục dò tìm. Tôi không thể tìm được một bản ghi chép nào nói về một người học trò của Chopin tên là Briac; tất nhiên, điều đó không phải chứng tỏ không có một người như vậy. Conway rất dè dặt trong việc nêu tên người, anh cứ nghĩ mà xem - trong số trên năm chục Lama ở tu viện kể trên, anh ta chi kể ra một hai vị, Perrault và Henschell cũng không thể dò tìm ra được."

"Thế còn Mallinson thì sao" Tôi hỏi. "Thế anh có cố gắng tìm anh ta về sau ra sao không? Và cô gái nữa - cô gái Trung Quốc ấy?"

"Anh bạn ơi, tất nhiên là tôi đã cố gắng dò tìm. Điều trớ trêu là, có lẽ anh cũng nắm được qua bản thảo, câu chuyện Conway kể lại kết thúc ở lúc mấy người theo đoàn phu khuân vác rời khỏi thung lũng Trăng Xanh. Sau đây, anh ta hoặc không nói được hoặc không muốn nói sự thể về sau ra sao - có lẽ nếu có thời gian anh ta đã kể. Tôi cảm thấy có thể sau đó đã xảy ra một tấm thảm kịch gì chăng. Những khó khăn gian khổ trên đường đi thật là kinh hoàng, ấy là chưa kể khả năng đoàn người bị cướp bóc, hoặc thậm chí có sự phản bội ngay từ trong đám người hộ tống đưa đường. Có thể chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết được đích xác sự việc đã xảy ra sao, nhưng dường như khá chắc chắn là Mallinson đã không hề tới Trung Quốc. Anh biết đây, tôi đã đi tìm kiếm hỏi han khắp nơi. Trước hết, tôi theo vết chi tiết về sách và nhiều thứ khác đã được đặt mua với số lượng lớn và gửi qua biên giới Tây Tạng, song ở tất cả những nơi có khả năng có việc mua bán đó, như Thượng Hải, Bắc Kinh, tôi đều không tìm thấy gì hết. Điều này tất nhiên chưa đáng kể, vì chắc chắn làm việc này các vị Lama đã chú ý lo sao cho cách thức nhập hàng của họ được giữ hết sức kín. Sau đó, tôi đi Tatsien-Fu để dò la. Đây là một vùng kỳ quặc, một thứ thành phố giao lưu buôn bán ở nơi cùng trời cuối đất, cực kỳ khó khăn mới tới được, ở đây những người phu Trung Quốc thường từ Vân Nam vận chuyển chè đến cho người Tây Tạng. Anh có thể đọc thấy rõ điều này qua cuốn sách mới của tôi khi nó được xuất bản. Không mấy người châu Âu nào đã lần mò tới tận nơi xa xôi hẻo lánh này. Tôi thấy người dân ở đây rất lịch sự, nhã nhặn, nhưng không hề thấy có tin tức hay ghi chép nào về chuyện đoàn người của Conway tới đây."

"Vậy việc Conway bằng cách nào đã về được Trùng Khánh vẫn chưa thể giải thích được ư?"

"Kết luận duy nhất có thể có được là anh ta đã lang thang đi tới đó, cũng y như anh ta đã lang thang đi đến bất kỳ một nơi nào khác vậy. Dù sao thì chúng ta cũng quay lại với bao sự việc khó hiểu khi ta đến Trùng Khánh, thế cũng là một cái gì rồi. Các bà xơ ở bệnh viện truyền giáo là có thực, và cả chuyện Sieveking đã tỏ ra phấn khích khi ở trên tàu thủy nghe Conway dạo những bản đàn bảo là của Chopin."

Rutherford nghỉ một lát rồi nói thêm, vẻ ngẫm nghĩ:

"Thực là khó khi cân nhắc khả năng thực hư, và tôi phải nói là cán cân chẳng nghiêng hẳn về phía nào.Tất nhiên, nếu anh không chấp nhận câu chuyện Conway kể, thì có nghĩa là anh không tin anh ta nói thực hoặc là đầu óc anh ta không được bình thường - cứ nói thẳng ra như vậy."

Anh lại nghỉ như đợi tôi cho ý kiến. Tôi nói:

"Như anh biết đây, từ sau Chiến tranh tôi không hề gặp lại anh ta, nhưng người ta bảo Chiến tranh đã làm anh ta biến đổi nhiều."

Rutherford đáp: "Đúng thế, anh ấy có bị thay đổi. Một anh chàng bị đẩy suốt ba năm vào hoàn cảnh căng thẳng cả về vật chất lẫn tinh thần, làm sao mà không bị xé nát một chút gì đó. Người ta thường nói, tôi cho là như vậy, là anh ta thoát khỏi chiến hanh không bị một vết xước. Nhưng những vết xước là ở đây - bên trong tâm hồn."

Chúng tôi nói chuyện một lát về Chiến tranh cùng những hậu quả của nó đối với nhiều loại người, và cuối cùng Rutherford nói tiếp: "Nhưng có một điều nữa tôi cần nói thêm - và có lẽ theo một cách nào đó thì đây là một sự việc kỳ quặc nhất. Nó xảy ra trong lúc tôi đến hỏi thăm ở nhà truyền giáo. Ở đây, như anh có thể đoán ra, tất cả mọi người đã hết sức giúp đỡ tôi, song họ cũng không nhớ được nhiều, nhất là vào hồi ấy, họ đang hết sức bận vì dịch sốt. Một trong những câu tôi hỏi họ là: Conway đã đến bệnh viện đây bằng cách nào, tự anh ta một mình đến, hay là được ai đó thấy anh ốm rồi đưa anh đến. Họ không nhớ được chính xác - thời gian đã quá lâu rồi - nhưng đột nhiên, khi tôi đã sắp bó tay thôi không hỏi thêm nữa, thì có một bà xơ rất ngẫu nhiên nói ra: "Tôi nghĩ ông bác sĩ có nói là anh ấy được một

người đàn bà đưa đến đây". Bà ta chỉ biết thế thôi, còn chính ông bác sĩ hồi đó giờ không còn làm ở đây nữa, thế là không có ai để xác minh khẳng định tại chỗ điều bà xơ vừa nói. Nhưng đã biết được thế tôi không chịu bỏ cuộc. Hình như ông bác sĩ ấy đã được điều đến một bệnh viện lớn ở Thượng Hải, nên tôi liền hỏi thăm ghi địa chỉ của ông và đến gặp ông ở Thượng Hải. Chính vào lúc máy bay địch vừa bắn phá xong, cảnh tượng còn ác liệt lắm, tôi đã gặp bác sĩ vào lần đầu tiên tôi đến Trùng Khánh. Ông là người rất lịch sự tuy ông bận rộn một cách kinh khủng - đúng vậy, kinh khủng vì những trận phi cơ Đức dội bom xuống London thực không thấm vào đâu so với những trận bom mà phi cơ Nhật dội xuống đất nước của Thượng Hải. Ồ, vâng, ông ta nói ngay, ông có nhớ trường hợp của bệnh nhân người Anh đã mất trí nhớ. Tôi hỏi: "Có thực là anh ấy đã được một người đàn bà đưa đến bệnh viện truyền giáo không?" "Ồ, vâng, đích xác là do một người đàn bà, một người đàn bà Trung Quốc". "Thế ông có nhớ gì về người đàn bà đó không?" Ông ta đáp: "Tôi không còn nhớ gì hết, trừ điều chính bà ta cũng mắc dịch sốt, và hầu như chết ngay sau đó..." Vừa lúc ấy phải ngắt quãng - hàng đống người bị thương được đưa vào xếp trên cáng đặt ngoài hành lang - các phòng đều đầy ních bệnh nhân. Và tôi cũng không dám làm mất thì giờ thêm của ông, nhất là lúc ấy tiếng đại bác vẫn vang rền dội vào Woosung, nhắc cho tôi biết sắp tới ông còn bận hơn thế nữa. Khi ông trở lại với tôi, vẻ mặt vẫn tươi tỉnh mặc dầu ông đang ở giữa cảnh đầy ghê sợ. Tôi chỉ hỏi ông ấy một điều cuối cùng và tôi dám chắc anh cũng đoán ra được điều đây là điều gì. Tôi nói: "Về người đàn bà Trung Quốc, cô ta còn trẻ không?"

Rutherford gõ gõ nhẹ điếu xì gà, như thể câu chuyện anh kể đã kích thích anh mạnh mẽ như thế nào thì anh hy vọng nó cũng kích thích tôi như vậy. Tiếp tục, anh nói: "Ông bác sĩ người nhỏ bé nghiêm trang nhìn tôi một lúc rồi trả lời bằng một thứ tiếng Anh nuốt chữ khá ngộ nghĩnh mà người học thức Trung Hoa nào cũng biết. Ồ, không, bà ta già lắm - già tới mức tôi chưa hề nhìn thấy ai già như vậy."

Chúng tôi ngồi yên lặng một lúc thật lâu, rồi lại cùng nhau nói chuyện về Conway như tôi còn nhớ về anh ta, một người như trẻ con, đầy tài năng, đầy sức hấp dẫn, và về Cuộc Chiến tranh đã làm thay đổi anh cùng biết bao điều huyền bí về thời gian, tuổi tác và tâm hồn, rồi về cô bé Mãn Châu đã trở thành "Bà cụ hết sức già", và về giấc mơ kỳ quặc cuối cùng trở lại Trăng Xanh. Tôi hỏi: "Anh có nghĩ Conway sẽ mãi mãi tìm thấy lại thung lũng

Trăng Xanh không?"

Hết

Notes

[←1]

[1] DSO : Distinguished Service Order (Huân chương Phục vụ ưu tú) là một huân chương của quân đội Anh quốc do nữ hoàng Victoria đề xuất ngày 9/11/1886 . Do đó không thể là … *của Pháp* như dịch giả đã dịch mà phải là … *đã được tặng khi đang ở Pháp*. (Nguyên văn: … Didn’t do at all badly, got a DSO in France.)

[←2]

[1] Quintus Septimius Florens Tertullianus. Một nhà biện hộ cho giáo lý Cơ đốc sinh tại Carthage vào khoảng 155 đến 220.

[←3]

[1] Distinguished Service Order: Huân chương thành tích đặc biệt.

[←4]

[1] Tên một đỉnh núi ở Thụy Sĩ, cao 4.186m, nơi nghỉ và tập luyện thể thao mùa đông.

[←5]

[2] Tên một làng ở Thụy Sĩ, nơi nghỉ ở độ cao (1.650m) và tập luyện thể thao mùa đông.

[←6]

[3] Thành phố Ấn Độ trên sườn Hy Mã Lạp Sơn (độ cao 2.185m) nơi nghỉ an dưỡng.

[←7]

[4] Đỉnh núi cao nhất thế giới (8.882m) trong dãy Hy Mã Lạp Sơn.

[←8]

[1] Hải cảng quân sự và dân sự Mỹ.

[←9]

[1] Thứ áo choàng dài.

[←10]

[1] Cây Nhung Tuyết hay còn gọi là cây Thùy Trinh. Danh pháp: ***Leontopodium alpinum.*** Từ Edelweiss này có nguồn gốc từ tiếng Đức: *edel* nghĩa là quý tộc và *weiß* nghĩa là màu trắng.

[←11]

[1] A washing-mangle. Ở đây có nghĩa là một kiểu tra tấn.

[←12]

[2] Đất bằng bên bờ sông Rhin ở Tây Đức.

[←13]

[3] Nơi nghỉ mát ở Thụy Sĩ.

[←14]

[1] Ở Ấn Độ.

[←15]

[2] Ở Anh.

[←16]

[3] Một loại bánh làm bằng bột mì của Ấn Độ.

[←17]

[1] Ý muốn nói môn leo núi.

[←18]

[1] Nhà hàng hải Anh.

[←19]

[1] Clavecin (Phong cầm).

[←20]

[2] **Gavotte** (*gavot* hay *gavote*) là một điệu nhảy dân gian Pháp.

[←21]

[1] Hội những nhà doanh nghiệp và chuyên nghiệp nhằm mục đích phục vụ giúp đỡ cộng đồng của họ.

[←22]

[1] Sách này viết năm 1933.

[←23]

[1] Năm **1933**, ở Anh quốc đã có băng video rồi ? Trong khi đó Video tape thực sự chỉ được phát minh vào năm 1951 và bán ra thị trường vào năm 1956 (Wiki). Trừ khi dịch giả hiểu lầm chữ tape trong nguyên tác: “I can’t look at the **tape**, and my broker can’t get me on the telephone.”

[←24]

[1] Cơ quan phản gián (Counter -Intellence Corps).

[←25]

[2] Cơ sở đầu não của Chính Phủ Anh.

[←26]

[3] Thủ đô của Soudan (Châu Phi).

[←27]

[1] Dị giáo mà lãnh tụ là Nestorius, sinh ở Syria (Vào khoảng năm 380 đến 451). Giáo lý này phân biệt hai người ở chúa Giêsu.

[←28]

[1] Tên một làng ở Pháp, nổi tiếng bởi cuộc chiến tranh giết hại nhiều sinh mạng giữa Marlborough, ông hoàng Eugène xứ Savoie thắng thống chế Hector de Villars (1709).

[←29]

[2] Quả thuốc phiện.

[←30]

[1] Đoạn nhạc được độc tấu ở cuối một phần trong một bản concerto.

[←31]

[1] Mãi mãi.

[←32]

[1] Ở Anh cha xứ có gia đình như người bình thường.

[←33]

[1] Thái Lan bây giờ.

[←34]
[1] 7.620m.